

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Hà Nội, năm 2016

DANH SÁCH

Thành viên Hội đồng tự đánh giá Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2016

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS, TS. Trương Ngọc Nam	Giám đốc	Chủ tịch HĐ	
2	PGS, TS. Lưu Văn An	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ	
3	PGS, TS. Nguyễn Vũ Tiến	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ	
4	PGS, TS. Phạm Huy Kỳ	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch HĐ	
5	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc TTKT&ĐBCLĐT	Thư ký HĐ	
6	ThS. Vũ Thanh Vân	Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Thư ký HĐ	
7	TS. Mai Đức Ngọc	Trưởng ban QLĐT	Ủy viên	
8	TS. Trần Xuân Học	Trưởng ban TCCB	Ủy viên	
9	PGS,TS. Hoàng Anh	Trưởng ban QLKH	Ủy viên	
10	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Ủy viên	
11	TS. Trần Thanh Giang	Chánh văn phòng	Ủy viên	
11	ThS. Nguyễn Thị Hồng Mên	Trưởng phòng Tài vụ	Ủy viên	
12	Đ/c Phạm Ngọc Lân	Trưởng phòng Quản trị	Ủy viên	
13	ThS. Nguyễn Văn Minh	Trưởng phòng CTCT	Ủy viên	
14	Đ/c Vũ Quốc Cường	Chánh văn phòng Đảng ủy	Ủy viên	
15	ThS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm Thông tin khoa học	Ủy viên	
16	ThS. Đinh Xuân Phi	Giám đốc Trung tâm Thực hành và HTĐT	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 16 người)

DANH SÁCH

Thành viên Ban thư ký hội đồng tự đánh giá năm 2016

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Trưởng Ban	
2	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban QLĐT	Phó ban	
3	ThS. Đặng Thị Thoa	P. Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Ủy viên	
4	Nguyễn Minh Phương	Chuyên viên Phòng Hợp tác quốc tế	Ủy viên	
5	ThS. Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm KT&ĐBCLĐT	Ủy viên	
6	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương	Chuyên viên Trung tâm KT&ĐBCLĐT	Ủy viên	
7	ThS. Phạm Ngọc Thông	Chuyên viên Phòng Thanh tra	Ủy viên	
8	ThS. Nguyễn Xuân Hiên	Chuyên viên Ban Quản lý khoa học	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 08 người)

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	4
PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG	6
PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG	16
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học.....	16
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý.....	30
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo.....	66
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	92
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.....	118
Tiêu chuẩn 6: Người học.....	139
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và xã hội hóa kết quả nghiên cứu khoa học.....	176
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế.....	192
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị giảng dạy, nghiên cứu, học tập và cơ sở vật chất.....	204
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính.....	220
Tiêu chuẩn 11: Tính thống nhất	234
PHẦN IV: KẾT LUẬN	240
PHẦN V: PHỤ LỤC	243

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

Học viện báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II, trên cơ sở hợp nhất 03 trường: Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II, Trường Tuyên huấn Trung ương và Trường Đại học Nhân dân. Ngày 20/11/1990 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Trường vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban bí thư trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục. Sứ mạng của Học viện được xác định: *“Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, là trường đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục quốc dân. Học viện là cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, báo chí - truyền thông và một số lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn khác”*.

Với nỗ lực phấn đấu để trở thành một cơ sở đào tạo đa ngành, một trung tâm nghiên cứu và đào tạo hàng đầu về lý luận chính trị và báo chí truyền thông đạt chuẩn quốc gia; một số ngành đào tạo trọng điểm đạt chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước, Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng toàn diện trên tất cả các mặt hoạt động.

Học viện nhận thấy rằng, hoạt động tự đánh giá chất lượng là một khâu quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của trường, tự đánh giá giúp học viện tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để cập nhật báo cáo về

tình trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác để tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng cho việc thực hiện các bước tiếp theo của quá trình kiểm định chất lượng giáo dục theo yêu cầu tại Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Báo cáo tự đánh giá của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được triển khai thực hiện từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 06 năm 2016. Tham gia thực hiện Báo cáo tự đánh giá năm 2016 gồm: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các đơn vị có liên quan theo Quyết định của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền (danh sách ở phụ lục).

Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá:

- Triệu tập và điều hành phiên họp các thành phần tham gia nhằm quán triệt quan điểm, chủ trương, mục đích, yêu cầu và sự cần thiết của công tác tự đánh giá đối với sự phát triển của học viện trong giai đoạn mới;

- Thông qua phương án và kế hoạch tự đánh giá;

- Phân công nhiệm vụ cho thành viên Hội đồng và các đơn vị có liên quan;

- Triển khai và chỉ đạo thực hiện việc thu thập minh chứng; xử lý, phân tích và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá;

- Thẩm định báo cáo nhằm đánh giá mức độ đạt được, xác định điểm mạnh và tồn tại của Học viện;

- Tham mưu, đề xuất cho Giám đốc kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục sau tự đánh giá.

Nhiệm vụ Ban thư ký:

- Chuẩn bị và cung cấp các văn bản liên quan cho Hội đồng tự đánh giá;

- Tổng hợp ý kiến thảo luận trong các phiên họp của Hội đồng tự đánh giá;

- Tổng hợp kết quả báo cáo từ các đơn vị liên quan; quản lý và lưu trữ minh chứng;

- Là cầu nối giữa Hội đồng tự đánh giá và các đơn vị có liên quan;
- Biên tập, in ấn báo cáo chính thức và công bố báo cáo Tự đánh giá trong nội bộ Học viện sau khi Giám đốc phê duyệt.

Nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan:

- Thực hiện việc thu thập, cập nhật, phân loại, mã hóa các minh chứng và viết bổ sung nội dung báo cáo Tự đánh giá thuộc các tiêu chuẩn, tiêu chí được Hội đồng phân công.

Cụ thể như sau:

1. Ban tổ chức cán bộ: tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5; 1.6; 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.8; 2.9; 2.11; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5; 5.6; 5.7; 5.9 (20 tiêu chí)
2. Ban Quản lý đào tạo: tiêu chí 3.1; 3.2; 3.5; 3.6; 3.9; 4.1; 4.4; 4.5; 4.7; 4.11 (10 tiêu chí)
3. Ban Quản lý khoa học: tiêu chí 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6; 7.7; 7.8 (8 tiêu chí)
4. Phòng Công tác chính trị: tiêu chí 6.1; 6.3; 6.4; 6.7; 6.8; 6.10 (6 tiêu chí)
5. Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng đào tạo: tiêu chí 3.3; 3.4; 3.7; 3.8; 3.10; 4.2; 4.3; 4.6; 4.8; 4.9; 4.10; 4.12; 5.1; 5.8; 6.5; 6.6; 11.1; 11.2; 11.3 (19 tiêu chí)
6. Phòng Quản trị: tiêu chí 9.2; 9.3; 9.4; 9.5; 9.8 (5 tiêu chí)
7. Phòng Kế hoạch - Tài vụ: tiêu chí 10.1; 10.2; 10.3; 10.4; 10.5 (5 tiêu chí)
8. Văn phòng: tiêu chí 2.5; 2.6; 2.10; 9.6; 9.7 (5 tiêu chí)
9. Văn phòng Đảng - Đoàn thể: tiêu chí 2.7; 6.2; 6.9 (3 tiêu chí)
10. Phòng Hợp tác quốc tế: tiêu chí 8.1; 8.2; 8.3; 8.4; 8.5 (5 tiêu chí)
11. Trung tâm Thông tin Khoa học: tiêu chí 9.1 (1 tiêu chí).

Cán bộ quản lý các đơn vị phân công nhiệm vụ cụ thể, đôn đốc, giám sát kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo yêu cầu về chất lượng, quy trình, nội dung, hình thức, quy cách và tiến độ theo kế hoạch.

DANH SÁCH CÁC BAN CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Phòng, ban	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Điện thoại liên hệ
Ban Tổ chức cán bộ	TS Trần Xuân Học	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Viết báo cáo tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5; 1.6; 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.8; 2.9; 2.11; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5; 5.6; 5.7; 5.9	0913.382.512
Ban Quản lý đào tạo	PGS.TS Mai Đức Ngọc	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Viết báo cáo tiêu chí 3.1; 3.2; 3.5; 3.6; 3.9; 4.1; 4.4; 4.5; 4.7; 4.11	0914.990.469
Ban Quản lý khoa học	PGS.TS Hoàng Anh	Trưởng ban Quản lý khoa học	Viết báo cáo tiêu chí 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6; 7.7; 7.8	0984.806.704
Phòng Công tác chính trị	Nguyễn Văn Minh	Trưởng phòng Công tác chính trị	Viết báo cáo tiêu chí 6.1; 6.3; 6.4; 6.7; 6.8; 6.10	0989.304.043
Phòng Hợp tác quốc tế	Vũ Thanh Vân	Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Viết báo cáo tiêu chí 8.1; 8.2; 8.3; 8.4; 8.5	0906.001.008
Trung tâm Khảo thí và ĐBCLĐT	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm	Viết báo cáo tiêu chí 3.3; 3.4; 3.7; 3.8; 3.10; 4.2; 4.3; 4.6; 4.8; 4.9; 4.10; 4.12; 5.1; 5.8; 6.5; 6.6; 11.1; 11.2; 11.3 Viết tổng quan báo cáo.	0906.053.786
Văn phòng Học viện	Trần Thanh Giang	Chánh văn phòng Học viện	Viết báo cáo tiêu chí 2.5; 2.6; 2.10; 9.6; 9.7	0984.927.397
Trung tâm Thông tin Khoa học	Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm	Viết báo cáo tiêu chí 9.1	0915.595.897
Văn phòng Đảng đoàn thể	Vũ Quốc Cường	Chánh văn phòng Đảng đoàn thể	Viết báo cáo tiêu chí 2.7; 6.2; 6.9	0904.800.574
Phòng Quản trị	Phạm Ngọc Lân	Trưởng phòng Quản trị	Viết báo cáo tiêu chí 9.2; 9.3; 9.4; 9.5; 9.8	0913.002.659
Phòng Kế hoạch Tài vụ	Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Kế hoạch Tài vụ	Viết báo cáo tiêu chí 10.1; 10.2; 10.3; 10.4; 10.5	0984.235.499

PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG

1. Sứ mạng và mục tiêu của Học viện

Sứ mạng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xác định bằng văn bản và nêu rõ trong “Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Sứ mạng này là hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Học viện, phù hợp và gắn kết với chiến lược cán bộ của Đảng, Nhà nước và yêu cầu phát triển đất nước. Sứ mạng, mục tiêu của Học viện được xác định một cách rõ ràng, đúng với quy định tại Luật giáo dục; được hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến đóng góp và trí tuệ của tập thể viên chức và người lao động, được phổ biến rộng rãi trong toàn Học viện. Mục tiêu của Học viện phù hợp với bối cảnh và nguồn lực của học viện trong từng giai đoạn phát triển cụ thể. Sứ mạng được đăng tải trên Website Học viện và giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó có các nhà tuyển dụng. Sứ mạng và mục tiêu của Học viện được cán bộ, công chức, viên chức nhận thức đầy đủ. Định kỳ hàng năm, Học viện tiến hành rà soát để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu cho phù hợp từng thời kỳ thông qua việc thường xuyên lấy ý kiến từ cán bộ công nhân viên và các đơn vị bên ngoài. Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của trường.

2. Tổ chức và quản lý

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xây dựng theo đúng các quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, hợp lý và có tính linh hoạt cao, phù hợp với điều kiện thực tế nhằm thực hiện sứ mạng và mục tiêu phát triển của Học viện. Chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân trong tập thể lãnh đạo Học viện được quy định rõ ràng bằng văn bản. Hệ thống văn bản về công tác quản lý của Học viện được xây dựng một cách đồng bộ, đầy đủ, theo đúng quy định;

được phổ biến rộng rãi trong toàn trường và chỉnh sửa bổ sung kịp thời để đảm bảo sự phù hợp và tính hiệu quả. Học viện đã xây dựng được các chiến lược, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển sứ mạng của Học viện và đã được thực hiện trên thực tế. Học viện cũng có một cơ chế phù hợp để các chủ thể trong tổ chức thuận lợi trao đổi thông tin. Học viện luôn thực hiện tốt, đúng quy định về chế độ lưu trữ, báo cáo đối với cơ quan chủ quản là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ Giáo dục & Đào tạo. Bên cạnh hoạt động quản lý và chuyên môn, hoạt động của tổ chức Đảng và đoàn thể đã thu hút đông đảo cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia đạt được những kết quả tốt, góp phần tích cực trong việc tạo dựng uy tín và giữ gìn đoàn kết, ổn định Học viện. Nguyên tắc tập trung dân chủ được quán triệt và thực hiện tốt, vai trò lãnh đạo của thủ trưởng đơn vị được đề cao, đồng thời cán bộ, công chức, viên chức được tạo điều kiện tham gia quản lý các hoạt động của đơn vị. Định kỳ hàng năm Học viện tiến hành rà soát, bổ sung, thay thế những văn bản quy định cho sát với tình hình thực tiễn; chỉ đạo các đơn vị, các bộ phận triển khai xây dựng các chương trình hành động trong từng giai đoạn để cụ thể hóa kế hoạch chiến lược phát triển của Học viện. Cải tiến sinh hoạt của các chi bộ và tổ chức quần chúng. Tăng cường hoạt động chuyên môn của các công đoàn bộ phận.

3. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xây dựng trên cơ sở các quy định của Đảng và Nhà nước ban hành, dựa vào chương trình khung do Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Học viện, gắn với nhu cầu người học và nhu cầu nhân lực của hệ thống chính trị. Học viện có đầy đủ chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đa dạng về trình độ và phương thức đào tạo, đáp ứng các yêu cầu khác nhau của người học và thị trường lao động. Các chương trình đào tạo đã xây dựng được các mục tiêu chi tiết về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực ngoại ngữ và tin học mà

người học cần đạt được; được thiết kế theo quy định, đảm bảo tính khoa học, liên thông với các trình độ đào tạo và các chương trình đào tạo khác. Khung các chương trình đào tạo có xác định phương pháp giảng dạy tích cực là phương pháp chủ đạo, đồng thời xác định các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp để đánh giá được các kiến thức, kỹ năng đào tạo. Các chương trình đào tạo có sự nhất quán từ mục tiêu, cấu trúc, nội dung đến phương pháp và quy trình giảng dạy.

Học viện luôn quan tâm xây dựng và đổi mới chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn, định kỳ rà soát và bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, công khai những nội dung điều chỉnh, cập nhật thường xuyên nội dung đào tạo.

4. Hoạt động đào tạo

Học viện đã đa dạng hóa các hình thức đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho người học, đồng thời phát huy tính chủ động, tích cực của người học. Trong những năm gần đây, Học viện đã thúc đẩy việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, bao gồm các hình thức đánh giá trắc nghiệm khách quan, đánh giá tự luận, v.v

Học viện đã thực hiện tốt, đúng quy định chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho tất cả các hệ đào tạo. Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện chặt chẽ, chính xác theo đúng quy định. Các bộ môn, khoa đã được giao quyền chủ động thực hiện đổi mới, đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, phù hợp với từng môn học và chuyên ngành học. Học viện luôn thực hiện nghiêm túc phương pháp và quy trình thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với mỗi hình thức đào tạo. Hệ thống sổ sách lưu trữ và quản lý kết quả học tập của sinh viên rõ ràng, chính xác, sử dụng phần mềm chuyên dụng trong việc quản lý điểm, hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định. Học viện đã thực hiện các biện pháp, hình thức đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên và chất lượng đào tạo thông qua phản hồi của sinh viên, đồng nghiệp, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.

5. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Học viện có chính sách tạo điều kiện cho đội ngũ, cán bộ, công chức, viên chức hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cả trong và ngoài nước. Đội ngũ cán bộ quản lý được bổ nhiệm đúng quy trình, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của vị trí công tác được phân công. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được đảm bảo quyền dân chủ theo đúng quy định, được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ. Đội ngũ giảng viên ngày càng tăng về số lượng, trẻ hóa về tuổi đời, năng động, sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ và tin học tốt, thường xuyên được học viện tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, hỗ trợ về tài chính để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Giảng viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo chủ trương chung của Học viện. Học viện có đội ngũ giảng viên kiêm chức, giảng viên thỉnh giảng có trình độ, năng lực và thâm niên giảng dạy. Học viện thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong trường học, tạo được môi trường lành mạnh nên cán bộ giảng viên yên tâm công tác và cống hiến.

6. Người học

Đối tượng học viên, sinh viên của Học viện có đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm và thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập; nhận thức đúng và chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước và các nội quy, quy chế Học viện. Học viên, sinh viên được thông tin đầy đủ về chương trình đào tạo, các quy định trong quy chế đào tạo, thông qua website của Học viện, sổ tay sinh viên và các buổi sinh hoạt đầu khóa.

Sinh viên thuộc diện chế độ chính sách luôn luôn được đảm bảo đúng chế độ. Học viện tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong mọi hoạt động về văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao.

Sinh viên được tiếp cận đầy đủ thông tin về đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước. Qua việc thực hiện quy chế rèn luyện trong sinh viên, các phong trào thực hiện nếp sống văn minh trong môi trường giáo dục được thực hiện dưới nhiều hình thức, sinh viên có ý thức hơn trong sinh hoạt và học tập. Đa số sinh viên trong Học viện đã có ý thức rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, tự giác tham gia các phong trào do học viện và các tổ chức đoàn thể phát động. Học viện luôn quan tâm, chú trọng và thực hiện tốt công tác giáo dục và rèn luyện cho sinh viên về đạo đức, lối sống, tính tập thể và tinh thần trách nhiệm.

Học viện đã rất quan tâm và tạo mọi điều kiện phát triển các phong trào của Đoàn, Hội trong trường, có biện pháp hỗ trợ tích cực cho Đoàn thanh niên cả về vật chất lẫn tinh thần. Những phong trào này đã thực sự có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống của sinh viên trong học viện.

Học viện đã phối hợp khá hiệu quả với bộ phận tư vấn nghề nghiệp và việc làm cho sinh viên bằng việc tổ chức nhiều hoạt động hữu ích nhằm giúp sinh viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tiếp cận với thị trường lao động và việc làm, cung cấp cho sinh viên các thông tin về nhu cầu tuyển dụng từ các doanh nghiệp, tổ chức trên khắp toàn quốc.

Học viện luôn tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các sinh viên năm cuối đi thực tập để học hỏi kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng chuyên môn tại các cơ sở. Sinh viên của Học viện sau khi ra trường nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tế cũng như do nhu cầu nhân lực về các lĩnh vực lý luận chính trị và báo chí truyền thông ở nước ta rất lớn.

Học viện và sinh viên của Học viện được tạo điều kiện tham gia đánh giá giáo viên, môn học, chương trình và cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ đào tạo, được bày tỏ nguyện vọng, nhu cầu thông qua hoạt động phản ánh của sinh viên hàng tháng.

7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và xã hội hóa kết quả nghiên cứu

Học viện Báo chí và Tuyên truyền chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Học viện. Hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện rất đa dạng, từ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Trường đến các đề tài hợp tác đồng nghiên cứu, góp phần giải quyết các vấn đề mang tính thời sự, các vấn đề trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và các hoạt động khác, góp phần vào việc phát triển các nguồn lực của Học viện. Quy chế hoạt động khoa học có quy định về đối tượng tham gia nghiên cứu, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá đối với các sản phẩm khoa học. Quyền sở hữu trí tuệ được đảm bảo trong các hoạt động nghiên cứu khoa học. Các nhiệm vụ khoa học được nghiệm thu theo đúng kế hoạch, đúng tiến độ. Các sản phẩm khoa học được xã hội hóa thông qua việc in ấn và phát hành sách, giáo trình, tài liệu tham khảo.

Nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học ngày một tăng, thể hiện sự quan tâm của Học viện và sự năng động, tích cực của đội ngũ giảng viên, các nhà nghiên cứu. Số lượng đề tài các cấp được nghiệm thu đạt loại khá và xuất sắc trở luôn ở mức cao. Hàng năm, Học viện phát động phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học và số lượng sinh viên tham gia ngày càng tăng. Việc đăng tải công trình nghiên cứu luôn được quan tâm khuyến khích.

8. Hoạt động hợp tác quốc tế

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn tuân thủ đúng quy định của Đảng, pháp luật và Nhà nước về quan hệ với đối tác nước ngoài, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Học viện. Trong những năm gần đây, Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện tập trung vào hai mảng chính, đó là hợp tác đào tạo và hợp tác nghiên cứu. Học viện đã thiết lập quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học và tổ chức quốc tế, thực hiện chương trình liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài, triển khai nhiều dự án nghiên cứu quan trọng và ký nhiều

thoả thuận hợp tác với các trường đại học quốc tế, góp phần tăng cường tiềm lực, nâng cao vị thế, vai trò của Học viện.

Với những phương thức hợp tác đa dạng, hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo của Học viện đã góp phần quan trọng xây dựng đội ngũ, nâng cao chất lượng giảng viên, đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy, từ đó góp phần tích cực nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và nâng cấp cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị của học viện.

9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Hệ thống thư viện của Học viện về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu về tài liệu học tập, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, giải trí của người học. Hàng năm, Học viện có kế hoạch bổ sung nguồn tài liệu tham khảo cho Thư viện, tạo điều kiện tối đa cho cán bộ giảng viên và sinh viên được sử dụng Trung tâm Thông tin Khoa học để học tập và nghiên cứu, tra cứu thông tin. Học viện tích cực đầu tư kinh phí để trang bị các thiết bị tại các phòng thực hành, cung cấp trang thiết bị phục vụ yêu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Hiện tại, Học viện đã trang bị được một số lượng đáng kể các loại máy móc hiện đại phục vụ học tập và giảng dạy, có phòng lab, studio, v.v phục vụ thực hành các môn nghiệp vụ. Toàn bộ hệ thống máy tính của Học viện đã được nối mạng ADSL, wireless, đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo và công tác quản lý điều hành.

10. Tài chính và quản lý tài chính

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng một cách khoa học, có hệ thống, sát với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, có tích lũy để tái đầu tư phát triển cơ sở vật chất và nâng cao thu nhập cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên. Công tác quản lý tài chính tài sản chặt chẽ, rõ ràng, công khai, minh bạch, đúng quy định của Nhà nước. Học viện điều hành tập trung các nguồn vốn, điều tiết sử dụng hợp lý các nguồn thu đáp ứng yêu cầu về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các

hoạt động khác. Các nguồn thu được phản ánh một cách đầy đủ, rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước. Hoạt động tài chính của Học viện đều tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định của Bộ tài chính. Định kỳ hàng năm Quy chế chi tiêu nội bộ trường được điều chỉnh cho sát với thực tiễn cuộc sống và mặt bằng giá cả. Xây dựng hoàn chỉnh chương trình quản lý chung, đồng thời sẽ thiết kế một phần mềm hỗ trợ quản lý tài chính, tài sản dành riêng cho Ban Giám đốc và chia sẻ tài nguyên cũng như công khai công tác quản lý tài chính, tài sản cho các khoa, phòng trong toàn trường. Cùng với việc sửa đổi quy chế để phân cấp chuyên môn mạnh cho các khoa, phòng, trung tâm trong Học viện thì tài chính cũng sẽ tiến hành phân cấp kèm theo.

11. Tính thống nhất

Đoàn kết, thống nhất được coi là những giá trị cốt lõi, nền tảng của mọi hoạt động, được quán triệt trong các văn bản, nghị quyết của Học viện. Học viện đã thực hiện đoàn kết, thống nhất từ ban lãnh đạo đến cán bộ, công chức, viên chức trong Học viện, ở các mặt hoạt động v.v. Ban lãnh đạo, cán bộ, nhân viên trong Học viện đều nhận thức được tầm quan trọng của đoàn kết, thống nhất và quyết tâm thực hiện đoàn kết, thống nhất, chung sức, chung lòng nhằm đạt được mục tiêu chung của Học viện. Học viện cũng tiến hành các biện pháp nhằm tăng cường thực hiện đoàn kết, thống nhất, như các phong trào thi đua, khen thưởng, các hoạt động tập thể, công đoàn v.v.

Khỏi đoàn kết, thống nhất đã tạo sức mạnh to lớn, giúp Học viện vượt qua khó khăn, thử thách, gạt hái được nhiều thành tựu lớn lao. Học viện trở thành một cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia cũng nhờ có sự đồng sức, đồng lòng, sự thống nhất trong chỉ đạo và thực hiện của Ban lãnh đạo, cán bộ, nhân viên.

PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Tiêu chí 1.1: *Sứ mạng của Học viện được xác định rõ ràng, phù hợp chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Học viện; phù hợp và gắn kết với chiến lược cán bộ của Đảng, Nhà nước và yêu cầu phát triển của đất nước.*

1. Mô tả

Sứ mạng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được xác định trong Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2015. Trong đó, sứ mạng của Học viện được xác định: “*Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, là trường đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục quốc dân. Học viện là cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, báo chí - truyền thông và một số lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn khác*”.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mạng rõ ràng; Nội dung của sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực cũng như định hướng phát triển của Học viện. Trong chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã đề xuất phấn đấu đưa Học viện trở thành Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu khoa học về chính trị, báo chí - truyền thông có uy tín trong nước và khu vực, hội nhập với các trường đại học trên thế giới [H1.01.01.01]

Sứ mạng của Học viện hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đã được nêu trong Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/06/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đó là “*đào tạo, bồi dưỡng*

giảng viên lý luận chính trị, cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa, cán bộ báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học về lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, lĩnh vực báo chí - truyền thông [H1.01.01.02].

Học viện có đủ các nguồn lực để thực hiện sứ mạng: Học viện là một Trường đại học lớn của Việt Nam có truyền thống đào tạo, bồi dưỡng hơn 50 năm; với đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao; cơ sở vật chất của Học viện đáp ứng được yêu cầu đào tạo chất lượng cao [H1.01.01.03]. Học viện đã xây dựng Chiến lược Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, thể hiện cam kết mạnh mẽ với sứ mạng của Học viện. Chiến lược phát triển trên các lĩnh vực: đào tạo, khoa học, tổ chức-cán bộ, cơ sở vật chất và tài chính. Trong đó, chiến lược đào tạo nêu rõ mục tiêu là đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan của Đảng, Nhà nước và xã hội [H1.01.01.03].

Sứ mạng của Học viện phù hợp và gắn kết với các chiến lược của địa phương và cả nước. Với vị thế là trường đại học duy nhất trong hệ thống trường Đảng của cả nước có nhiệm vụ đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí truyền thông, Học viện đã và đang phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới toàn diện và cơ bản các mặt hoạt động nhằm khẳng định vai trò của Học viện đối với sứ mệnh cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội cũng như đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc trong thời kỳ mới. Yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực này đã được khẳng định trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa X “về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới”.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã xác định được sứ mạng rõ ràng hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cũng như nguồn lực của mình. Sứ mạng của Học viện gắn kết với nhu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và

cả nước, gắn kết với chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước .

3. Những tồn tại

Tuy nhiên, sứ mạng của Học viện mới dừng lại ở phạm vi phát triển cán bộ phục vụ sự phát triển đất nước, còn chưa bắt nhịp với xu hướng phát triển giáo dục trên thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2016 - 2017, Học viện sẽ tiếp tục duy trì và quán triệt việc thực hiện sứ mạng của mình phù hợp với nhu cầu chiến lược đào tạo cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời, Học viện sẽ xây dựng lộ trình để từng bước hội nhập quốc tế, phát triển sứ mạng của Học viện phù hợp với xu hướng phát triển giáo dục trên thế giới.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của Học viện được xác định phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố và được cam kết thực hiện.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đơn vị trực thuộc Học viện quốc gia Hồ Chí Minh, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa, cán bộ báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học về lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, lĩnh vực báo chí - truyền thông [H1.01.02.01].

Các mục tiêu Học viện xây dựng phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Học viện trong từng thời kỳ và phù hợp với *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 711 [H1.01.02.02].*

Mục tiêu của Học viện phù hợp với sứ mạng, nhiệm vụ chính trị được Học viện Chính trị quốc gia Hồ chí minh phê duyệt ”Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đương chức và quy hoạch các chức danh là trưởng, phó trưởng phòng và tương đương trở lên của các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông, xuất bản ở các bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phó trưởng ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; trưởng, phó trưởng ban Tuyên giáo cấp huyện và tương đương”; ”Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị cho các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm Bồi dưỡng chính trị của các huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh, các trường đào tạo cán bộ của bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương và các trường đại học, cao đẳng của hệ thống giáo dục quốc dân” [H1.01.02.03]. Đồng thời, các mục tiêu đề ra cũng phù hợp với mục tiêu giáo dục và giáo dục đại học trong Luật Giáo dục của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Với mục tiêu cụ thể “Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ thuật thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo. Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo” [H1.01.02.03]

Mục tiêu của Học viện được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học và sứ mạng đã tuyên bố trong “Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 25/6/2015, cụ thể như sau:

“Mục tiêu tổng quát: Xây dựng Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành một trường đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận

chính trị và cán bộ báo chí truyền thông cho các trường Đảng, trường chính trị và các trường đại học, cao đẳng; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội, các doanh nghiệp nhà nước và nhu cầu của xã hội; phấn đấu đến năm 2020 có một số ngành đào tạo được xếp hạng trong số 500 trường đại học hàng đầu thế giới”. [H1.01.01.04]

“Mục tiêu phát triển đào tạo: Đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống chính trị, các cơ quan báo chí-truyền thông, các tổ chức kinh tế-xã hội. Thường xuyên nâng cao chất lượng đào tạo là sứ mệnh của Học viện, là mục tiêu chung trong chiến lược phát triển của Học viện trong suốt giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.”; “Đào tạo đại học: Sinh viên được đào tạo toàn diện và có khả năng thích ứng với môi trường làm việc năng động, có năng lực thực tiễn trên cơ sở nền tảng kiến thức vững vàng, có khả năng làm việc độc lập, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học chuyên ngành và các kỹ năng khác. Sinh viên được đào tạo nghề và chuyên sâu theo từng loại nghiệp vụ cụ thể với kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững vàng để có thể tiếp cận ngay với công việc và có khả năng xử lý các tình huống thực tế nghề nghiệp linh hoạt, sáng tạo, khoa học”; “Đào tạo sau đại học: Người học được đào tạo chuyên sâu về lý thuyết chuyên ngành, có khả năng tiếp cận cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn; có khả năng nghiên cứu thể hiện ở khả năng tổng hợp, khái quát, phân tích, dự báo, khả năng phát hiện, giải quyết vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn một cách độc lập”[H1.01.01.05].

Mục tiêu của Học viện được công khai phổ biến rộng rãi trên website của Học viện và trong các văn bản, nghị quyết. Các mục tiêu của Học viện được triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc trên thực tế và được tổng kết hàng năm. Đồng thời, hàng năm, Học viện đều đề ra các kế hoạch để thực hiện các mục tiêu trên các lĩnh vực: đào tạo, khoa học, cơ sở vật chất, tổ chức cán bộ và tài chính [H1.01.02.06].

2. Những điểm mạnh

Học viện đã xác định được mục tiêu rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào tạo trong từng thời kỳ phù hợp với sứ mạng của Học viện; các mục tiêu này được triển khai thực hiện trên thực tế, được giám sát, đánh giá thường xuyên.

3. Những tồn tại

Việc cam kết thực hiện sứ mạng, mục tiêu vẫn chưa được thực hiện triệt để; các mặt hoạt động của Học viện vẫn còn tồn tại và hạn chế cần phải được khắc phục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2016 - 2017 sẽ thực hiện các biện pháp thúc đẩy việc thực hiện và giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu của Học viện một cách triệt để, toàn diện hơn.

5. Kết quả tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 1.3: Sứ mạng và mục tiêu của Học viện được công bố công khai, rộng rãi

1. Mô tả

Sứ mạng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được công bố trong Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2015. Trong đó, sứ mạng của Học viện được xác định “*Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh, là trường đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục quốc dân. Học viện là cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, báo chí - truyền thông và một số lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn khác*” [H1.01.03.01]. Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cũng khẳng định sứ mạng, mục

tiêu của Học viện làm cơ sở, nền tảng để xây dựng các chiến lược phát triển [H01.01.03.02]. Sứ mạng và mục tiêu của Học viện được công bố công khai, rộng rãi tới công chúng trên website của Học viện [H01.01.03.03].

Sứ mạng và mục tiêu của Học viện được phổ biến tới toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trong Học viện trong các báo cáo tổng kết hàng năm, hàng quý. Các Báo cáo tổng kết năm học đều căn cứ vào sứ mạng, nhiệm vụ của học viện Báo chí tuyên truyền, làm cơ sở để thực hiện các đánh giá tổng kết năm học và đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm học mới [H01.01.03.04]. Các kế hoạch, các hoạt động của Học viện đều căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Học viện để triển khai thực hiện: Mọi kế hoạch hoạt động của các phòng, Ban, Khoa đào tạo, hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên, thi đua, khen thưởng, v.v được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ của Học viện Báo chí Tuyên truyền [H01.01.03.05]. Như vậy, tất cả cán bộ, công chức, viên chức của Học viện và người học đều nhận được thông tin về sứ mạng, mục tiêu của Học viện.

Người học cũng được thông tin, nhận thức đầy đủ về sứ mạng, mục tiêu của Học viện. Hàng năm, Học viện tổ chức các buổi định hướng cho sinh viên mới nhập học, trong đó, sinh viên được phổ biến về sứ mạng, mục tiêu của Học viện, cũng như các thông tin liên quan [H01.01.03.06].

2. Những điểm mạnh

Sứ mạng và mục tiêu của Học viện được công bố công khai, rộng rãi trong các văn bản, tài liệu, báo cáo, website của Học viện; được phổ biến tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, học viên trong Học viện. Mọi hoạt động của Học viện, của cán bộ, công chức, viên chức và học viên đều hướng tới thực hiện sứ mạng, mục tiêu của Học viện.

3. Những tồn tại

Học viện chưa có nhiều hình thức, biện pháp quảng bá sứ mạng, mục tiêu của mình cho rộng rãi công chúng và người học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ đa dạng hoá các hình thức phổ biến sứ mạng, mục tiêu của mình tới công chúng, cán bộ, công chức, viên chức và người học.

5. Tự đánh giá chất lượng

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 1.4: *Sứ mạng và mục tiêu của Học viện được cán bộ, công chức, viên chức nhận thức đúng và đầy đủ.*

1. Mô tả

Cán bộ, công chức, viên chức của Học viện nhận thức đầy đủ sứ mạng, mục tiêu của Học viện và có nhiều đóng góp tích cực trong việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu chung.

Mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong Học viện đều có bản mô tả chức năng, nhiệm vụ của mình [H1.01.04.01], phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị nhằm thực hiện sứ mạng, mục tiêu của Học viện [H1.01.04.02]. Mọi hoạt động của đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong Học viện đều được thực hiện theo những chức năng, nhiệm vụ đã được mô tả. Báo cáo tổng kết hàng năm đều xác định rõ những thành tựu các đơn vị, tổ chức, cá nhân đã đạt được và những tồn tại hạn chế cần khắc phục trong các lĩnh vực thuộc chức năng nhiệm vụ của mình [H1.01.04.03].

Học viện có nhiều biện pháp thi đua khen thưởng khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc chức năng, nhiệm vụ của mình đồng thời có những cải tiến, đổi mới, sáng tạo, đóng góp cho việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu của Học viện. Hàng năm, 100% cá nhân và đơn vị trong Học viện đăng ký các danh hiệu thi đua [H1.01.04.04]. Thực hiện cam kết góp phần hoàn thành sứ mạng, mục tiêu của Học viện, các cá nhân, tập thể đã có những hoạt động tích cực như tham gia trình bày tại các hội nghị, hội thảo; xuất bản bài báo trên những tạp chí chuyên ngành có uy tín, thực hiện công trình khoa học các cấp; tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn,

nghiệp vụ [H1.01.04.05]. Trong phong trào thi đua giờ giảng chất lượng cao thì tất cả các khoa đào tạo đều có giảng viên đăng ký tham gia [H1.01.04.06]. Việc các cá nhân, tập thể tham gia các phong trào thi đua khen thưởng thể hiện mức độ nhận thức, cam kết, quyết tâm cao trong việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu của Học viện.

2. Những điểm mạnh

Cán bộ, công chức, viên chức của Học viện đã nhận thức được sứ mạng, mục tiêu của Học viện và tích cực góp phần hoàn thành sứ mạng, mục tiêu chung.

3. Những tồn tại

Mặc dù phần lớn cán bộ, công chức, viên chức trong Học viện đã tích cực đóng góp hoàn thành xuất sắc sứ mạng, mục tiêu của Học viện; một số cá nhân còn chưa tích cực tham gia, chỉ dừng lại ở việc hoàn thành nhiệm vụ chứ chưa có những nỗ lực đổi mới, sáng tạo nhằm cải tiến chất lượng, hiệu quả hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ tăng cường các biện pháp khuyến khích sự tham gia tích cực của tất cả các cán bộ, viên chức trong việc hoàn thành sứ mạng, mục tiêu chung.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chí 1.5: *Học viện định kỳ đánh giá một cách có hệ thống việc thực hiện sứ mạng và mục tiêu, với trọng tâm là mức độ đáp ứng các mục tiêu đào tạo. Hệ thống đánh giá đảm bảo cung cấp các thông tin liên quan, tin cậy, giúp nâng cao chất lượng của Học viện.*

1. Mô tả

Học viện thực hiện định kỳ đánh giá việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu của mình, trọng tâm là mức độ đáp ứng các mục tiêu đào tạo. Định kỳ hàng năm

và sau từng giai đoạn, Học viện tiến hành tổng kết, đánh giá việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu ở các lĩnh vực, khía cạnh khác nhau. Với sứ mạng là một cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, báo chí - truyền thông và một số lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn khác, Học viện hàng năm và định kỳ đánh giá việc thực hiện sứ mạng trong nghiên cứu khoa học, trong đào tạo, bồi dưỡng ở các hệ, các chương trình đào tạo, v.v. Các báo cáo tổng kết hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ của năm học mới đều chỉ rõ những thành tựu đã đạt được trong việc thực hiện nghiên cứu khoa học, công tác đào tạo, bồi dưỡng, công tác cán bộ, công tác sinh viên, v.v [H1.01.05.01]. Báo cáo cũng chỉ rõ những tồn tại, hạn chế để đề ra phương hướng, nhiệm vụ của năm học mới nhằm hướng tới việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu của Học viện. Năm 2013, Học viện đã tiến hành rà soát việc thực hiện mục tiêu, sứ mạng của mình, trên cơ sở đó xây dựng Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2020 và tầm nhìn 2030 [H1.01.05.02].

Năm 2015, Học viện đã tiến hành tự đánh giá chất lượng đào tạo theo bộ tiêu chí của Bộ Giáo dục đào tạo [H1.01.05.03]. Theo các tiêu chí đánh giá, Học viện đã xác định được những điểm mạnh và những tồn tại, hạn chế ở các mặt, lĩnh vực hoạt động: sự phù hợp của sứ mạng, mục tiêu của Học viện với chức năng, nhiệm vụ; việc công khai sứ mạng, mục tiêu; mức độ nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức đối với sứ mạng, mục tiêu; các chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người học, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất, thư viện, tài chính, v.v. phục vụ việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu của Học viện. Trên cơ sở đó, Học viện đã đề xuất những biện pháp, phương hướng cải tiến chất lượng [H1.01.05.04].

2. Những điểm mạnh

Học viện đã chú trọng đánh giá việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu định kỳ và hàng năm. Việc đánh giá đã được thực hiện theo Bộ tiêu chí của Bộ Giáo dục- đào tạo, đảm bảo độ tin cậy, giúp nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Những tồn tại

Việc sử dụng Bộ tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa đánh giá đầy đủ việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu của Học viện với đặc thù là một Học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành đánh giá việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu theo Bộ tiêu chí của Bộ giáo dục kết hợp với Bộ tiêu chí của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh để đánh giá một cách toàn diện.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 1.6: *Sứ mạng và mục tiêu được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.*

1. Mô tả

Sứ mạng và mục tiêu của Học viện được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của từng thời kỳ và được triển khai thực hiện, cụ thể là:

Trường Đại học Tuyên giáo (1990 -1993) có nhiệm vụ: “Đào tạo và bồi dưỡng ở trình độ đại học các giảng viên lý luận chính trị của các trường Đảng và đoàn thể; phóng viên các báo, tạp chí chủ yếu của cấp ủy Đảng, đoàn thể ở Trung ương và địa phương. Bồi dưỡng lý luận, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nghiệp vụ công tác cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực tư tưởng văn hóa các cấp”[H1.01.06.01].

Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (3/1993-8/2005) trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ: “Đào tạo và bồi dưỡng bậc đại học, cao học những cán bộ làm công tác báo chí, xuất bản, tuyên truyền; đào tạo bậc đại học các chuyên ngành lý luận Mác - Lênin”[H1.01.06.02].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (8/2005-6/2014) trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ: “Đào tạo trưởng, phó phòng

trở lên của các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương, các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và tỉnh, thành phố; phó trưởng ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy; trưởng phó ban tuyên giáo huyện ủy, quận ủy, thị ủy ở trình độ đại học, sau đại học. Đào tạo giảng viên lý luận chính trị bậc đại học cho các trường chính trị, tỉnh, thành phố, các trường đào tạo cán bộ của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, các trường đại học và cao đẳng. Đào tạo bậc đại học và sau đại học các ngành báo chí, xuất bản và tuyên truyền. Bồi dưỡng kiến thức mới, nghiệp vụ công tác chuyên môn, lý luận chính trị và đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc các đối tượng đào tạo nêu trên” [H1.01.06.03].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (7/2014 đến nay) trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ: “a) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đương chức và quy hoạch các chức danh là trưởng, phó trưởng phòng và tương đương trở lên của các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông, xuất bản ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phó trưởng ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; trưởng, phó trưởng ban Tuyên giáo cấp huyện và tương đương;

b) Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị cho các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm Bồi dưỡng chính trị của các huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh, các trường đào tạo cán bộ của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các trường đại học, cao đẳng của hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Đào tạo đại học và sau đại học các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, lý luận chính trị, báo chí - truyền thông, xuất bản và một số khoa học xã hội nhân văn khác theo sự ủy nhiệm và phân công của Giám đốc Học viện;

d) Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tuyên giáo, báo chí - truyền thông, xuất bản ...”[H1.01.06.04].

Mục tiêu trung hạn của Học viện được cụ thể hóa bằng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhiệm kỳ 2010-2015 và Nghị quyết

Đại hội Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhiệm kỳ 2015-2020 và các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của mỗi kỳ đại hội [H1.01.06.05].

Mục tiêu ngắn hạn của Học viện được cụ thể hóa bằng phương hướng công tác từng năm học. Hằng năm, trên cơ sở các văn bản tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của các đơn vị, căn cứ nhiệm vụ được giao, Học viện tiến hành tổng kết năm học nhằm rà soát các công tác đã thực hiện và xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cho năm học mới của Trường [H1.01.06.06]. Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu được Học viện tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong toàn thể CBVC. Qua đó được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và biểu quyết thông qua nghị quyết tại Hội nghị đại biểu CBVC Học viện [H1.01.06.07].

Các mục tiêu phát triển của Học viện đồng thời được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và triển khai thực hiện tại các cuộc họp giao ban thủ trưởng các đơn vị hàng tháng [H1.01.06.08]. Mỗi năm học, Học viện báo cáo với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác.

Năm 2015, Học viện tổ chức rà soát và đánh giá các mục tiêu chiến lược để xây dựng Đề án phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. [H1.01.06.09]

2. Những điểm mạnh

Học viện đã tiến hành định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho phù hợp với nhiệm vụ chính trị từng giai đoạn, thời kỳ, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các sứ mạng mục tiêu được cụ thể hóa trong các kế hoạch hoạt động của Học viện

3. Những tồn tại

Hiệu quả thực hiện các mục tiêu, sứ mạng của Học viện còn chưa được đánh giá một cách đầy đủ, hệ thống.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành đánh giá một cách hệ thống việc thực hiện các mục tiêu nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

Tiêu chí 2.1: Cơ cấu tổ chức của Học viện được thực hiện đúng theo Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/06/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền được tổ chức và hoạt động theo mô hình ba cấp: Học viện - Khoa (Ban, Phòng, Trung tâm, Văn phòng, Viện) - Bộ môn. Đây là mô hình tổ chức chung của các trường Đại học ở Việt Nam, phù hợp với quy định của Điều lệ trường Đại học, Luật Giáo dục Đại học 2012 và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Cơ cấu tổ chức của Học viện gồm: Ban Giám đốc; Các đơn vị nghiên cứu giảng dạy (18 Khoa, 1 Viện nghiên cứu, 1 Trung tâm Thông tin khoa học, 1 Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông); Các đơn vị chức năng (13 đơn vị); Hội đồng khoa học và đào tạo; Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên.

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Học viện đã được quy định trong các văn bản: Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/06/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H1.1.1.3]; Quyết định số 853/QĐ-HVCTQG ngày 25/02/2015 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H2.2.1.1]; Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các tổ bộ môn [H2.2.1.1].

Trong Quy chế làm việc của Học viện đã xác định rõ, Học viện làm việc theo chế độ Thủ trưởng; bảo đảm phát huy năng lực và sở trường của công chức, viên chức; đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động; công chức, viên chức phải xử lý và giải quyết công việc đúng phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền. Mọi vấn đề

chung của Học viện được bàn bạc công khai và lấy ý kiến rộng rãi, Giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất và đưa ra quyết định cuối cùng trên cơ sở lợi ích và nguyện vọng chính đáng của công chức, viên chức và sinh viên trong trường.

Cơ cấu tổ chức của Học viện, của các Khoa, Ban, Văn phòng và Quy chế làm việc của Học viện đã được phổ biến cho các đơn vị trong Học viện. [H2.2.1.3].

2. Những điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Học viện được thực hiện theo Điều lệ trường đại học, các quy định của pháp luật và được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của Học viện. Quy chế tổ chức và hoạt động được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, viên chức của Học viện.

3. Những tồn tại

Hội đồng trường chưa được thành lập theo Điều lệ trường đại học. Quy chế về tổ chức chưa được sửa đổi kịp thời để phù hợp với tình hình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2017 - 2018, Học viện sẽ thành lập Hội đồng trường và rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế về tổ chức và hoạt động của Học viện để phù hợp với tình hình thực tế.

5. Kết quả tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 2.2: Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các đơn vị và trách nhiệm, quyền hạn của các bộ công chức, viên chức được quy định rõ ràng.

1. Mô tả

Học viện đã có các văn bản phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị và cá nhân như: Quyết định của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học

viện Báo chí và Tuyên truyền [H02.02.02.01]; Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H02.02.02.02]; Quy chế giảng viên [H02.02.02.03]; Quy chế về giảng viên thỉnh giảng [H02.02.02.04]; Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H02.02.02.05]; Quy chế dân chủ trong hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H02.02.02.06]; Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các tổ bộ môn [H02.02.02.07].

Những văn bản nêu trên đã quy định rất rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, của Giám đốc và các Phó Giám đốc; của Thủ trưởng các đơn vị; của viên chức, giảng viên và người lao động của Học viện. Các văn bản này được soạn thảo trên cơ sở các văn bản pháp quy của Nhà nước và điều kiện thực tế của Học viện, đồng thời, dự thảo các văn bản này được gửi đến tất cả các đơn vị trong Học viện để tổ chức lấy ý kiến của, viên chức, giảng viên trước khi ban hành.

Trong quy chế làm việc của Học viện đã xác định cụ thể phạm vi giải quyết công việc của Giám đốc, những công việc cần thảo luận tập thể lãnh đạo Học viện trước khi Giám đốc quyết định, trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Phó Giám đốc, của Trưởng các đơn vị, quan hệ giữa lãnh đạo Học viện với Trưởng các đơn vị; quan hệ giữa Trưởng các đơn vị và các quan hệ công tác khác.

Các văn bản của Học viện về lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học [H02.02.02.08 [H02.02.02.09] đã quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của giảng viên, nghiên cứu viên, định mức giờ giảng, định mức hoạt động nghiên cứu khoa học của từng chức danh; cách thức quy đổi các hoạt động khoa học thành giờ chuẩn; chế độ thù lao đối với giảng viên ... Vì vậy, hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Học viện đã đi vào nề nếp, có hiệu quả thiết thực, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, đồng thời nâng cao uy tín của Học viện trước xã hội.

Việc quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn cho các đơn vị, cá nhân đã tạo điều kiện cho các đơn vị và cá nhân chủ động thực hiện các công việc được

giao, sáng tạo và phát huy hết khả năng của mình, bên cạnh đó tránh được tình trạng chùng chéo về chức năng, nhiệm vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, hiện nay còn một số đơn vị như: Văn phòng, Văn phòng Đảng - Đoàn thể, phòng Quản trị, phòng Hợp tác quốc tế chưa được xác định rõ chức năng, nhiệm vụ.

2. Những điểm mạnh

Có các văn bản quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị, từng cá nhân, là cơ sở để xem xét hiệu quả thực thi công việc.

3. Những tồn tại

Chức năng, nhiệm vụ một số đơn vị chưa được xây dựng và ban hành kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đến cuối năm học 2016 - 2017, Học viện sẽ xây dựng và hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Học viện.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 2.3: Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Học viện

1. Mô tả

Hệ thống văn bản là cơ sở để Học viện tổ chức và quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Học viện, bao gồm các văn bản tiếp nhận từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các văn bản do Học viện ban hành.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quản lý một cách có hiệu quả theo các lĩnh vực hoạt động sau:

Về công tác Tổ chức - Cán bộ: bên cạnh hệ thống văn bản hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh như: Quy định về tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý [H02.02.03.01]; Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức [H02.02.03.02]; Quy định về việc thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn, nghỉ công tác để hưởng chế độ hưu trí đối với cán bộ, công chức, viên chức [H02.02.03.03] ... Học viện đã ban hành Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức [H02.02.03.04]; Để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công chức, viên chức Học viện đã xây dựng Quy định về Thi đua, Khen thưởng [H02.02.03.05]; Để động viên công chức, viên chức, Học viện đã xây dựng Quy chế về tính thu nhập tăng thêm [H02.02.03.06]; Quy định về chế độ làm thêm giờ của viên chức, người lao động [H02.02.03.07]...

Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, Học viện đã ban hành các văn bản như: Quy chế giảng viên [H02.02.03.08]; Quy chế đào tạo đại học chính quy tập trung [H02.02.03.09]; Quy chế đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ [H02.02.03.10], [H02.02.03.11]; Quy chế rèn luyện của sinh viên [H02.02.03.12]

Đối với công tác nghiên cứu khoa học, Học viện đã ban hành Quy chế về quản lý và hoạt động khoa học [H02.02.03.13]

Trong hoạt động tài chính, Học viện đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ [H02.02.03.14], trong đó quy định việc sử dụng quỹ học phí, chi phúc lợi, các chế độ phụ cấp đối với công chức, viên chức nhằm đảm bảo sự công bằng, hợp lý giữa các ngạch viên chức của Học viện.

Ngoài ra, Học viện còn ban hành các văn bản quy định về hoạt động của tổ chức Đảng [H02.02.03.15], các văn bản quy định về hoạt động của Công đoàn [H02.02.03.16].

Để tổ chức quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Học viện, Học viện đã soạn thảo và ban hành hàng loạt văn bản về các lĩnh vực cụ thể như Tổ chức - Cán bộ; lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học; lĩnh vực tài

chính ... Các văn bản này được triển khai kịp thời đến các đơn vị và từng cá nhân bằng nhiều hình thức: sao gửi các đơn vị; tổ chức các cuộc họp để phổ biến, quán triệt, thông qua trang website của Học viện. Nhờ có các văn bản này mà hoạt động quản lý của Học viện trên các lĩnh vực đã đi vào nề nếp, phát huy được hiệu lực, hiệu quả các hoạt động của Học viện.

Tuy nhiên, là một đơn vị trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, khi cần ban hành các văn bản về công tác Tổ chức - Cán bộ, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, Học viện phải chờ đợi văn bản chỉ đạo của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, vì vậy một số văn bản ban hành còn bị chậm trễ.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các lĩnh vực hoạt động và được phổ biến đến công chức, viên chức trong Học viện bằng nhiều kênh thông tin khác nhau.

3. Những tồn tại

Có một vài văn bản lạc hậu nhưng chưa được bổ sung và ban hành kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2016 - 2017, Học viện sẽ cập nhật để sửa đổi, bổ sung một số văn bản còn lạc hậu.

5. Kết quả tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 2.4: Có chiến lược, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển, sứ mạng của Học viện và có chính sách, biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện chiến lược và kế hoạch

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đơn vị trực thuộc Học viện quốc

gia Hồ Chí Minh, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa, cán bộ báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học về lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, lĩnh vực báo chí - truyền thông [H02.02.04.01]

Các chiến lược, kế hoạch của Học viện xây dựng phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Học viện trong từng thời kỳ và phù hợp với *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ* ban hành theo Quyết định số 711 [H02.02.04.02]

Các chiến lược đề ra phù hợp với mục tiêu giáo dục và giáo dục đại học trong Luật Giáo dục của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Với mục tiêu cụ thể “Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ thuật thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo. Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo” [H02.02.04.03];

Chiến lược, kế hoạch của Học viện được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học và sứ mạng đã tuyên bố trong “Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 25/6/2015, cụ thể như sau:

“Mục tiêu tổng quát: Xây dựng Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành một trường đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí truyền thông cho các trường Đảng, trường chính trị

và các trường đại học, cao đẳng; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội, các doanh nghiệp nhà nước và nhu cầu của xã hội; phấn đấu đến năm 2020 có một số ngành đào tạo được xếp hạng trong số 500 trường đại học hàng đầu thế giới”.[H02.02.04.04] [H02.02.04.05].

“Mục tiêu phát triển đào tạo: Đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống chính trị, các cơ quan báo chí-truyền thông, các tổ chức kinh tế-xã hội. Thường xuyên nâng cao chất lượng đào tạo là sứ mệnh của Học viện, là mục tiêu chung trong chiến lược phát triển của Học viện trong suốt giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.”; “Đào tạo đại học: Sinh viên được đào tạo toàn diện và có khả năng thích ứng với môi trường làm việc năng động, có năng lực thực tiễn trên cơ sở nền tảng kiến thức vững vàng, có khả năng làm việc độc lập, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học chuyên ngành và các kỹ năng khác. Sinh viên được đào tạo nghề và chuyên sâu theo từng loại nghiệp vụ cụ thể với kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững vàng để có thể tiếp cận ngay với công việc và có khả năng xử lý các tình huống thực tế nghề nghiệp linh hoạt, sáng tạo, khoa học”; “Đào tạo sau đại học: Người học được đào tạo chuyên sâu về lý thuyết chuyên ngành, có khả năng tiếp cận cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn; có khả năng nghiên cứu thể hiện ở khả năng tổng hợp, khái quát, phân tích, dự báo, khả năng phát hiện, giải quyết vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn một cách độc lập” [H02.02.04.06][H02.02.04.07]

Kế hoạch, chiến lược phát triển của Học viện được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của từng thời kỳ và được triển khai thực hiện, cụ thể là:

Trường Đại học Tuyên giáo (1990 -1993) có nhiệm vụ: “Đào tạo và bồi dưỡng ở trình độ đại học các giảng viên lý luận chính trị của các trường Đảng và đoàn thể; phóng viên các báo, tạp chí chủ yếu của cấp uỷ Đảng, đoàn thể ở Trung ương và địa phương. Bồi dưỡng lý luận, đường lối, chính sách của

Đảng và Nhà nước, nghiệp vụ công tác cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực tư tưởng văn hóa các cấp” [H02.02.04.08]

Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (3/1993-8/2005) trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ: “Đào tạo và bồi dưỡng bậc đại học, cao học những cán bộ làm công tác báo chí, xuất bản, tuyên truyền; đào tạo bậc đại học các chuyên ngành lý luận Mác - Lênin” [H02.02.04.09].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (8/2005-6/2014) trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ: “Đào tạo trưởng, phó phòng trở lên của các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương, các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và tỉnh, thành phố; phó trưởng ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy; trưởng phó ban tuyên giáo huyện ủy, quận ủy, thị ủy ở trình độ đại học, sau đại học. Đào tạo giảng viên lý luận chính trị bậc đại học cho các trường chính trị, tỉnh, thành phố, các trường đào tạo cán bộ của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, các trường đại học và cao đẳng. Đào tạo bậc đại học và sau đại học các ngành báo chí, xuất bản và tuyên truyền. Bồi dưỡng kiến thức mới, nghiệp vụ công tác chuyên môn, lý luận chính trị và đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước cho cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc các đối tượng đào tạo nêu trên”. [H02.02.04.10].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (7/2014 đến nay) trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ: “a) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đương chức và quy hoạch các chức danh là trưởng, phó trưởng phòng và tương đương trở lên của các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông, xuất bản ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phó trưởng ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; trưởng, phó trưởng ban Tuyên giáo cấp huyện và tương đương;

b) Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị cho các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm Bồi dưỡng chính trị của các huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh, các trường đào tạo cán bộ của bộ, ban,

ngành, đoàn thể Trung ương và các trường đại học, cao đẳng của hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Đào tạo đại học và sau đại học các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, lý luận chính trị, báo chí - truyền thông, xuất bản và một số khoa học xã hội nhân văn khác theo sự ủy nhiệm và phân công của Giám đốc Học viện;

d) Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tuyên giáo, báo chí - truyền thông, xuất bản ...”[H02.02.04.11].

Kế hoạch trung hạn của Học viện được cụ thể hóa bằng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhiệm kỳ 2010-2015 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhiệm kỳ 2015-2020 và các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của mỗi kỳ đại hội.

Kế hoạch phát triển ngắn hạn của Học viện được cụ thể hóa bằng phương hướng công tác từng năm học. Hằng năm, trên cơ sở các văn bản tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của các đơn vị, căn cứ nhiệm vụ được giao, Học viện tiến hành tổng kết năm học nhằm rà soát các công tác đã thực hiện và xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cho năm học mới của Trường [H02.02.04.12]. Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu được Học viện tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong toàn thể CBVC. Qua đó được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và biểu quyết thông qua nghị quyết tại Hội nghị đại biểu CBVC Học viện [H02.02.04.13].

Các chiến lược, kế hoạch phát triển của Học viện đồng thời được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và triển khai thực hiện tại các cuộc họp giao ban thủ trưởng các đơn vị hàng tháng [H02.02.04.14].

Mỗi năm học, Học viện báo cáo với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác [H02.02.04.15].

Năm 2014, Học viện tổ chức rà soát và đánh giá các mục tiêu chiến lược để xây dựng Đề án phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý

luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt [H02.02.04.16] [H02.02.04.17].

Kế hoạch phát triển của Học viện luôn được trao đổi, bàn bạc trong các cuộc họp Đảng ủy, Ban Giám đốc, các tổ chức đoàn thể; trong giao ban thủ trưởng các đơn vị và ý kiến đóng góp rộng rãi của CBVC.

Kế hoạch của Học viện có sự thống nhất cao giữa các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể; được định kì rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo từng giai đoạn phát triển và đã được triển khai thực hiện tốt.

Tuy nhiên, công tác điều tra, lấy ý kiến đóng góp về mục tiêu đào tạo của học viện tại các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo chưa được rộng rãi.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã xác định được chiến lược, kế hoạch phát triển rõ ràng, phù hợp với mục tiêu đào tạo trong từng thời kỳ theo quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và Đề án phát triển của Học viện đã được phê duyệt.

3. Những tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến góp ý về chiến lược, kế hoạch phát triển đào tạo của Học viện đối với đại diện các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo và sinh viên đã tốt nghiệp chưa được triển khai rộng rãi.

4. Kế hoạch và cải tiến chất lượng:

- Năm học 2015 - 2016 đã tiến hành điều tra, khảo sát ý kiến của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo và sinh viên đã tốt nghiệp để có được các thông tin chính xác, khách quan, phục vụ công tác xây dựng mục tiêu và chiến lược của Học viện.

- Từ năm học 2015 - 2016 trở đi, định kỳ 2 năm/lần rà soát, bổ sung các mục tiêu của Học viện cho phù hợp với nhiệm vụ được giao và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 2.5: Công tác lập kế hoạch và đánh giá được tiến hành một cách có hệ thống, phù hợp và được thực hiện định kỳ.

1. Mô tả

Sứ mạng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được xác định trong Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2015, Học viện đã chú trọng xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn và kế hoạch hoạt động hàng năm. Để thực hiện các chiến lược đã đề ra, Học viện đã lập ra kế hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn và kế hoạch hoạt động cho từng năm học cụ thể. Định kỳ hàng tháng, quý và năm Ban Giám đốc Học viện tiến hành chỉ đạo các đơn vị, các bộ phận triển khai xây dựng các kế hoạch, chương trình hành động trong từng lĩnh vực cụ thể căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị:

Hàng năm, kế hoạch công tác chung của Học viện được Văn phòng Học viện tiến hành triển khai thông qua các Báo cáo Tổng kết năm học trước và phương hướng nhiệm vụ học kế tiếp, kế hoạch triển khai các phong trào thi đua theo từng giai đoạn của năm học [H02.02.05.01]. Các kế hoạch này được các đơn vị, công chức, viên chức của Học viện đóng góp ý kiến trước khi ban hành cụ thể như:

Về công tác Tổ chức - Cán bộ bên cạnh kế hoạch chiến lược dài hạn về quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ như: Kế hoạch cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [H02.02.05.02] thì Ban Tổ chức - Cán bộ còn xây dựng kế hoạch cán bộ cụ thể trong từng năm học. Năm học 2015 - 2016, Học viện có lập kế hoạch rà soát tổ chức, phân công lại vị trí việc làm phù hợp đúng chuyên môn từng cán bộ. Năm học 2016 - 2017, lập kế hoạch xây dựng, lộ trình thực hiện việc tinh giảm biên chế theo tinh thần Nghị quyết 39/NQ-TW của Bộ Chính trị và kế hoạch của Chính phủ... [H02.02.05.03]

Về công tác đào tạo: Đầu mỗi tháng, năm học, phòng Kế hoạch - Tổng hợp đào tạo thuộc Ban Quản lý đào tạo lập kế hoạch xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; kế hoạch tổ chức thi tuyển sinh, thi học phần, thi tốt nghiệp các hệ, các bậc đào tạo. [H02.02.05.04]

Đối với công tác nghiên cứu khoa học, Ban Quản lý khoa học, xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm trên cơ sở hướng dẫn của các cấp quản lý. [H02.02.05.05]

Trong hoạt động tài chính, kế hoạch tài chính hàng năm được phòng Phòng Kế hoạch - Tài vụ xây dựng một cách khoa học, có hệ thống, sát với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, có tích lũy để tái đầu tư phát triển cơ sở vật chất và nâng cao thu nhập cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên. [H02.02.05.06].

Về công tác xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư -xây dựng cơ bản: kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kế hoạch bổ sung, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của các đơn vị phòng, ban, trung tâm được Phòng Quản trị lập và triển khai đến từng đơn vị định kỳ mỗi năm học. [H02.02.05.07].

Bên cạnh việc thực hiện định kỳ lập kế hoạch công tác theo quy định, các đơn vị Học viện thực hiện đồng thời bổ sung, điều chỉnh và triển khai lập kế hoạch đột xuất theo chỉ thị tại các cuộc họp Ban Giám đốc [H02.02.05.08].

Học viện có các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc lập và thực hiện kế hoạch dưới các hình thức: biểu dương, khen thưởng bằng vật chất và tinh thần đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, sáu tháng và hàng năm, Trưởng các đơn vị rà soát, thống kê, đánh giá việc thực hiện chương trình kế hoạch công tác của đơn vị gửi Chánh Văn phòng để tổng hợp, báo cáo Ban Giám đốc về kết quả xử lý các công việc được giao, những công việc còn tồn đọng, hướng xử lý tiếp theo, kiến nghị việc điều chỉnh, bổ sung.

Hàng tháng, Học viện tổ chức giao ban cán bộ lãnh đạo, quản lý (gồm Ban Giám đốc; Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, chủ tịch Công đoàn, Bí thư

Đoàn Thanh niên) để nghe báo cáo tình hình thực hiện công việc trong tháng của Học viện và đề ra phương hướng công tác cho tháng sau; báo cáo tình hình công tác được gửi đến các đơn vị trong Học viện [H02.02.05.09].

Hàng năm, khi kết thúc mỗi năm học, Học viện cũng như các đơn vị và từng cá nhân đều kiểm điểm, đánh giá những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao [H02.02.05.10]. Ngoài ra, tại Hội nghị công chức, viên chức hàng năm, Ban Thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động giám sát đối với việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm của Học viện [H02.02.05.11].

Việc lập kế hoạch và đánh giá được xây dựng trên cơ sở phân thực trạng, điểm mạnh, điểm yếu của Học viện và từng đơn vị cụ thể, đồng thời, có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời qua từng giai đoạn, từng thời kì nhờ đó mà Học viện ngày càng khẳng định vị thế, vai trò, uy tín của một trường Đảng, một trường Đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, thể hiện qua việc Thủ tướng Chính phủ công nhận Học viện là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia.

2. Những điểm mạnh

Việc lập kế hoạch và đánh giá được xây dựng trên cơ sở phân tích thực trạng, phân tích bối cảnh trong nước; phân tích những cơ hội và thách thức; căn cứ trên định hướng phát triển và sứ mạng của Học viện. Từ đó xác định những biện pháp và những giải pháp phù hợp, có tính khả thi. Đồng thời, Học viện có các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã đề ra giúp kịp thời điều chỉnh, giải quyết những vấn đề vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện. Nhờ có kế hoạch phát triển rõ ràng mà Học viện ngày càng khẳng định vị thế, vai trò, uy tín của một trường Đảng, một trường Đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, thể hiện qua việc Thủ tướng Chính phủ công nhận Học viện là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia.

3. Những tồn tại

Việc lập kế hoạch còn bị chậm chễ, thời gian nghiên cứu, lập kế hoạch theo hướng dẫn còn hạn chế nên chất lượng văn bản đôi khi chưa cao. Các đơn vị trực thuộc Học viện chưa chủ động trong việc xây dựng các kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị; còn chậm gửi thông tin để Văn phòng Học viện tổng hợp xây dựng kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2016 - 2017, Học viện tiếp tục đẩy mạnh việc đề các đơn vị chủ động lập kế hoạch tổ chức, thực hiện kế hoạch theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 2.6: Có cơ chế phù hợp để các chủ thể trong tổ chức thuận lợi trong trao đổi thông tin.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có Quy chế làm việc cụ thể, trong Quy chế làm việc của Học viện xác định rõ nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc giữa các đơn vị... Nói một cách khác, Học viện có cơ chế hoạt động để các chủ thể trong Học viện thuận lợi trao đổi thông tin, giải quyết các đơn vị [H02.02.06.01].

Sự trao đổi thông tin giữa các chủ thể trong tổ chức của học viện được hiểu: thứ nhất là sự trao đổi thông tin giữa lãnh đạo học viện với các đơn vị, tổ chức, đoàn thể, giữa đơn vị này với đơn vị khác; thứ hai là sự trao đổi thông tin giữa học viện và người học.

Học viện hiện nay có 34 đơn vị trực thuộc gồm: 18 khoa đào tạo; 3 ban, 2 Văn phòng, 6 phòng, 3 trung tâm, 1 viện nghiên cứu, 1 tạp chí; ngoài ra còn có 51 bộ môn trực thuộc các khoa. Mỗi đơn vị có một chức năng, nhiệm vụ cụ

thể và hoạt động độc lập tuy nhưng giữa các đơn vị có mối quan hệ mật thiết trong việc trao đổi thông tin để giải quyết công việc chung của học viện.

Trong Quy chế làm việc của Học viện cũng nêu rõ các đơn vị khi được giao chủ trì giải quyết các công việc, các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị khác thì phải trao đổi ý kiến với các đơn vị đó. Các đơn vị được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời theo đúng yêu cầu của đơn vị chủ trì. Sự trao đổi thông tin giữa các đơn vị trong học viện không chỉ được quy định ở quy chế hoạt động chung của học viện mà còn nằm ở ngay trong quy chế hoạt động của từng đơn vị khi nêu ra cách thức hoạt động, giải quyết công việc có liên quan các đơn vị khác. [H02.02.06.02].

Học viện đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động. Mọi vấn đề chung của Học viện được bàn bạc công khai và lấy ý kiến rộng rãi thông qua nhiều hình thức khác nhau, Hội nghị cán bộ, viên chức đầu mỗi năm học; lãnh đạo Học viện báo cáo các mặt hoạt động của Học viện; công chức, viên chức của Học viện có thể chất vấn đối với lãnh đạo Học viện; Giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất và đưa ra quyết định cuối cùng trên cơ sở lợi ích và nguyện vọng chính đáng của công chức, viên chức và sinh viên trong trường.

Trên thực tế, khi triển khai công việc, việc trao đổi thông tin giữa các chủ thể trong Học viện được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau: thông báo bằng văn bản giấy, qua điện thoại, qua hệ thống thư điện tử (email), trên website, bảng thông tin điện tử của học viện, họp thảo luận, tổ chức các hội nghị phổ biến, quán triệt... Bên cạnh sự trao đổi thông tin thông qua hệ thống giấy tờ, văn bản, định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách tổ chức họp giao ban khối, giao ban cán bộ quản cán bộ lãnh đạo, quản lý (gồm Ban Giám đốc; Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên) để trực tiếp nghe báo cáo tình hình, nắm bắt thông tin tổ chức và thực hiện công việc. Đối với các tổ chức đoàn thể của Học viện, sáu tháng một lần Ban Giám đốc làm việc với chủ tịch công đoàn

Học viện đề thông báo, trao đổi những chủ trương công tác của Học viện, biện pháp giải quyết những kiến nghị của đoàn viên và lắng nghe ý kiến đóng góp của Công đoàn về hoạt động của Học viện. Đối với các tổ chức Đoàn, hội khác: Ban Thanh tra nhân dân, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội sinh viên... Hàng năm Học viện cũng tổ chức họp liên tịch để các bên có cơ hội trao đổi thông tin, cùng nhau nắm bắt tình hình giải quyết công việc chung theo đúng quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên.

Hình thức trao đổi thông tin giữa Học viện với học viên, sinh viên cũng khá đa dạng. Hàng năm Học viện tổ chức đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Ban Giám đốc Học viện, Trưởng các đơn vị với học viên, sinh viên, các cuộc họp phán ánh tình hình sinh viên để nắm bắt thông tin, tổ chức lấy ý kiến sinh viên về công tác đào tạo, giảng dạy và các hoạt động khác của học viện. Một hình thức trao đổi thông tin giữa học viện và học viên, sinh viên được lãnh đạo Học viện đặc biệt quan tâm trong những năm gần đây là các kênh thông tin trên mạng internet: website Học viện, Facebook Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Fanpage AJC Confessions, Fanpage Tư vấn sinh viên AJC...

Với một hệ thống đa dạng các hình thức trao đổi thông tin từ gián tiếp đến trực tiếp thì sự tương tác giữa các chủ thể trong Học viện hết sức thuận lợi, nhanh chóng và kịp thời. Tuy nhiên, do Học viện chưa có văn bản quy phạm có tính chất pháp lý nào quy định cụ thể về việc trao đổi thông tin giữa các đơn vị nên đôi khi việc trao đổi thông tin còn khó khăn và chậm.

2. Những điểm mạnh

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có đa dạng các hình thức trao đổi thông tin giữa lãnh đạo Học viện với các đơn vị trực thuộc, giữa các đơn vị với nhau, giữa Học viện và người học từ trao đổi thông qua đối thoại trực tiếp, qua hệ thống văn bản, giấy tờ, điện thoại, đến các kênh thông tin trên mạng như: website, facebook, fanpage... Sự phối hợp chặt chẽ này giữa các chủ thể trong học viện đã góp phần cho các hoạt động được ổn định và ngày càng phát triển.

3. Những tồn tại

Tuy đa dạng về các hình thức trao đổi thông tin giữa các chủ thể trong học viện nhưng ngoài Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có quy định chung về quan hệ giữa các đơn vị, phương thức giải quyết công việc có liên quan đến nhiều đơn vị thì Học viện chưa có quy chế, quy định cụ thể có tính chất pháp lý về cơ chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ và trao đổi thông tin giữa các đơn vị trong Học viện, về xử lý tình huống tác động bất lợi đến việc trao đổi thông tin. Các kênh trao đổi thông tin trên mạng internet của Học viện cũng chưa có các văn bản, quyết định có tính pháp lý. Năm học 2016 - 2017, Ban Giám đốc cho thiết lập hòm thư góp ý tiếp nhận phản hồi của cán bộ, sinh viên, học viên về việc thực hiện các nội dung công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2016 - 2017, Giám đốc Học viện giao cho các đơn vị chức năng có thẩm quyền soạn thảo, trình ban Giám đốc ban hành các quy chế về cơ chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ và trao đổi thông tin giữa các đơn vị trong Học viện, về xử lý tình huống tác động bất lợi đến việc trao đổi thông tin.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 2.7: Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Học viện thực hiện đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá.

1. Mô tả

Nhiệm vụ của Đảng bộ hoạt động theo quy định số 97 QĐ/TW “là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác của đơn vị; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà

nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, đảng viên và quần chúng; xây dựng đảng bộ, chi bộ và đơn vị vững mạnh”.

Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Điều lệ Công đoàn Giáo dục Việt Nam, Điều lệ Hội Cựu chiến binh, luôn giữ mối quan hệ gắn bó giữa Đảng bộ Học viện với Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh và toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và sinh viên, học viên. Dưới sự lãnh đạo sâu sát của Đảng bộ, sự chỉ đạo kịp thời của Ban Giám đốc, hoạt động của Đảng bộ các đoàn thể đã có hiệu quả thiết thực và góp phần quan trọng vào sự phát triển của Học viện.

Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền: thực hiện theo đúng Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [H02.02.07.01]. Đảng bộ Học viện là Đảng bộ cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở [H02.02.07.02] trực thuộc Đảng bộ Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có nhiệm kỳ 5 năm và các chi bộ có nhiệm kỳ 2,5 năm theo đúng quy định. Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 Đảng bộ có 31 chi bộ trực thuộc với tổng số 351 đảng viên [H02.02.07.03]. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đảng ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, đúng nguyên tắc, tập hợp được sức mạnh đoàn kết của cán bộ, giảng viên và người học. Quy chế hoạt động của Đảng ủy phù hợp với thực tế của Đảng bộ và Học viện. Đảng ủy lãnh đạo mọi hoạt động của trường, lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể quần chúng bằng chủ trương, nghị quyết [H02.02.07.04], đặc biệt là công tác cán bộ. Đảng ủy lấy quy chế làm căn cứ cho công tác lãnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường [H02.02.07.05]. Hàng năm, Đảng bộ đều thực hiện sơ kết 6 tháng, cuối năm tổng kết, đánh giá công tác xây dựng Đảng, nêu rõ những mặt đã đạt được, những nhược điểm trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn [H02.02.07.06]. Mối quan hệ giữa BCH Đảng bộ và đồng chí Giám đốc Học viện được thực hiện theo quy định 97-QĐ/TW. Đồng chí Giám đốc cũng trực tiếp là Bí thư Đảng ủy. Hàng tháng Ban thường vụ, Ban Chấp hành

Đảng ủy đều họp đề ra Nghị quyết về công tác xây dựng Đảng [H02.02.07.07]. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, các nghị quyết của Đảng, nội dung các cuộc họp đều được triển khai cụ thể, minh bạch, công khai, thảo luận, biểu quyết bằng tinh thần trách nhiệm và nghiêm túc của tập thể BCH, sau đó được triển khai đến các chi bộ, đảng viên và đoàn thể quần chúng. Đảng ủy và các cấp ủy chi bộ luôn sinh hoạt định kỳ theo quy định, họp bất thường khi cần để giải quyết những vấn đề cấp bách trong trường [H02.02.07.08]. Từ năm 2010 đến nay, Đảng bộ luôn đạt tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, tiêu biểu. Năm 2015, Đảng bộ Học viện đạt tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, tiêu biểu 5 năm liên tục. [H02.02.07.09]. Đánh giá hàng năm có trung bình 17% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 85 % đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ và 3,5 % hoàn thành nhiệm vụ [H02.02.07.10]. Đảng ủy hướng dẫn các chi bộ việc cải tiến nội dung họp chi bộ hàng tháng và chế độ báo cáo hàng tháng, quý, năm về Đảng ủy trường.

Đặc biệt, trong năm 2015, Đảng ủy đã tập trung chỉ đạo Đại hội các chi bộ nhiệm kỳ 2015-2017 và Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020. Công tác nhân sự của Đại hội đã củng cố và tăng cường được khả năng lãnh đạo, tập hợp quần chúng. Đồng thời, Đại hội cũng đã xác định được phương hướng, nhiệm vụ cụ thể, sát hợp với tình hình Học viện giai đoạn 2015-2020 [H02.02.07.11].

Công đoàn Học viện: là công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy học viện, Công đoàn trường hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công đoàn [H02.02.07.12]. Hoạt động của Công đoàn trường đã tập hợp, đoàn kết rộng rãi các đối tượng quần chúng, phù hợp với nguyện vọng của quần chúng và tình hình thực tiễn của Trường, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường. Công đoàn trường đã cụ thể hoá các chủ trương, Nghị quyết của Đảng các cấp, của Công đoàn cấp trên, theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình

nên đã góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Học viện. BCH Công đoàn trường hoạt động có nề nếp, xây dựng kế hoạch tổng quát cho cả nhiệm kỳ, họp định kỳ theo quy định [H02.02.07.13]. Cuối năm học, Công đoàn có tổ chức đánh giá, xếp loại các danh hiệu thi đua của đoàn viên và các tổ công đoàn trong trường trên cơ sở dân chủ, công khai, tôn trọng ý kiến tập thể [H02.02.07.14]. Đầu năm học, Công đoàn phối hợp với chính quyền tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức phát huy trí tuệ tập thể và tinh thần dân chủ trong việc xây dựng kế hoạch, phương hướng nhiệm vụ năm học [H02.02.07.15]. Thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương về tự học và sáng tạo”, hàng năm BCH Công đoàn trường đã phối hợp với trường thực hiện phong trào “Thi đua dạy tốt, học tốt”, vận động thầy cô tham gia hội thảo, hội giảng theo phương pháp giảng tích cực [H02.02.07.16]. Nữ công đã tổ chức phong trào “Giỏi việc trường, đảm việc nhà” trong nữ giảng viên, viên chức và nhiều hoạt động thiết thực khác [H02.02.07.17]. Đặc biệt, Công đoàn đã thực hiện tốt chức năng giám sát chính quyền về việc thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động qua Ban Thanh tra nhân dân [H02.02.07.18], chăm lo đời sống, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của cán bộ, viên chức. Hàng năm, Công đoàn Trường đã tổ chức nhiều hoạt động tập thể văn nghệ, thể thao, tham quan du lịch. phong phú bằng những kế hoạch, chương trình cụ thể: [H02.02.07.19], [H02.02.07.20], [H02.02.07.21].

Trong năm 2015, Công đoàn trường đã tập trung chỉ đạo Đại hội các Công đoàn bộ phận, bổ sung nhân sự của Ban chấp hành Công đoàn Học viện [H02.02.07.22]. Ngoài những chương trình, kế hoạch cụ thể hàng năm của BCH Công đoàn Học viện, Các Công đoàn bộ phận cũng đã xây dựng các Nghị quyết, đăng ký danh hiệu thi đua hàng năm, thực hiện đảm bảo 100% đoàn viên là đoàn viên tích cực. Hàng năm, các Công đoàn bộ phận cùng với Công đoàn Học viện tổ chức trợ cấp, giúp đỡ gia đình các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, động viên công đoàn viên kịp thời cả về vật chất lẫn tinh thần. Đồng thời, Công đoàn trường cũng đã hoạt động xuyên suốt góp cho Quỹ

đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo, Quỹ tấm lòng vàng, Ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt .[H02.02.07.23].

Trong những năm qua, Công đoàn Học viện và nhiều Công đoàn bộ phận, công đoàn viên trong trường nhận được nhiều khen thưởng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H02.02.07.24].

Đoàn TNCSHCM Học viện: Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, hoạt động của Đoàn đi vào nề nếp, luôn có những hoạt động sôi nổi, bổ ích, đem lại hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao tinh thần và ý thức trách nhiệm của từng đoàn viên thanh niên, có nhiều đổi mới trong hoạt động để thu hút sinh viên trong khi trường chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ. Đoàn TNCSHCM đã xây dựng Nghị quyết hoạt động suốt nhiệm kỳ của mình [H02.02.07.25]. Nhiều CLB, đội, nhóm của sinh viên đã được thành lập và có những hoạt động phù hợp, các phong trào tình nguyện, hoạt động công tác xã hội, tri ân, đền ơn đáp nghĩa cũng thường xuyên được tổ chức [H02.02.07.26], góp phần đáng kể trong công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức của đoàn viên, thanh niên. Đoàn Thanh niên còn tổ chức nhiều hoạt động văn nghệ thể thao góp phần nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe cho sinh viên.

Đoàn trường đã tập trung thực hiện sâu rộng Cuộc vận động “Thanh niên học tập và làm theo lời Bác” trong đoàn viên, thanh niên. Những hoạt động nói trên đã tạo được không khí thi đua sôi nổi và thu hút được sự quan tâm đặc biệt của thế hệ trẻ học viện, góp phần thiết thực vào công tác giáo dục tư tưởng và vận động thanh niên xây dựng lối sống đẹp, có ích cho xã hội, phấn đấu trong học tập rèn luyện.

Hoạt động của Đoàn Thanh niên đã gắn với hoạt động chuyên môn của Học viện trong việc phối hợp tổ chức tuần sinh hoạt đầu khóa, các buổi sinh hoạt chuyên đề liên quan đến công tác phương pháp học theo học chế tín chỉ, phát động sinh viên đăng ký và tham gia NCKH...[H02.02.07.27]. Nhiều năm liền, hoạt động của Đoàn Thanh niên Học viện đã đạt được những thành tích

được Đoàn cấp trên khen thưởng [H02.02.07.28].

Hội Cựu chiến binh Học viện: hoạt động theo Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam [H02.02.07.29]. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội Cựu chiến binh Học viện đã tập hợp, đoàn kết, tổ chức, động viên các thế hệ Cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp của Cựu chiến binh. Hàng năm, Hội cựu chiến binh Học viện tổ chức giao lưu nhân lễ kỷ niệm ngày truyền thống lực lượng vũ trang Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 [H02.02.07.30], nhằm giáo dục truyền thống cho thanh niên, sinh viên trường. Hội cựu chiến binh Học viện hàng năm đều được cấp trên công nhận đạt vững mạnh. [].

Học viện có bố trí cán bộ chuyên trách công tác Đảng tại Văn phòng Đảng ủy, cán bộ làm công tác Công đoàn tại Văn phòng Công đoàn, cán bộ chuyên trách Đoàn Thanh niên tại Văn phòng Đoàn. Những cán bộ này hàng năm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình [H02.02.07.31].

2. Những điểm mạnh

- Đảng ủy trực tiếp lãnh đạo Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Hội Cựu Chiến binh và các tổ chức xã hội khác trong Học viện bằng chủ trương, nghị quyết, đảm bảo xây dựng các tổ chức đoàn thể chính trị hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ của các tổ chức này.

- Đảng bộ thực hiện tốt vai trò hạt nhân chính trị lãnh đạo của đơn vị trong việc xây dựng chủ trương, hoạch định đường lối, chiến lược để thực hiện sứ mạng của Học viện. Đảng bộ duy trì và tăng cường sự đoàn kết, nhất trí, ổn định của Học viện, không có hiện tượng mất đoàn kết nội bộ. Các Chi bộ trực thuộc hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo đơn vị. Đảng bộ luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phát triển Đảng viên mới.

- Đảng ủy, Chi ủy các chi bộ trực thuộc đảm bảo chế độ sinh hoạt định kỳ.

- Hoạt động của các tổ chức đoàn thể phù hợp với nguyện vọng của quần

chúng và tình hình thực tiễn của Học viện. Đồng thời, thực hiện dân chủ rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các đoàn thể phát huy tốt vai trò của mình trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phản ánh nguyện vọng của quần chúng với Đảng. Các tổ chức đoàn thể trong Học viện đã cụ thể hóa các chủ trương, Nghị quyết của Đảng ủy bằng kế hoạch, chương trình công tác và biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều thành tích xuất sắc.

- Mối quan hệ giữa Đảng ủy và lãnh đạo Học viện về lễ lối làm việc được cụ thể, gắn bó chặt chẽ.

- Công tác đoàn thể đã có tác dụng tốt, góp phần duy trì sự ổn định trong Học viện, tuân thủ nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch và được đánh giá tốt.

- Công đoàn, Đoàn Thanh niên là những tổ chức hoạt động sôi nổi, góp phần thực hiện tốt quá trình dân chủ hóa Học viện, thúc đẩy phong trào thi đua giảng dạy tốt và học tập tốt trong cán bộ, giảng viên và sinh viên.

- Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong Học viện được tổ chức chặt chẽ và hoạt động có hiệu quả, nên đã góp phần xứng đáng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của học viện. Các thành viên trong Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều là những cán bộ có năng lực, có uy tín được quần chúng tín nhiệm và bầu chọn.

3. Những tồn tại

- Về Đảng bộ: Công tác kiểm tra, giám sát trong năm vẫn chưa thực hiện thường xuyên. Công tác phê và tự phê bình trong các cuộc họp chi bộ còn yếu. Việc ghi biên bản họp của các chi bộ nhiều tháng chưa đúng mẫu cấp trên quy định.

- Về Công đoàn: Hoạt động của Công đoàn Học viện chưa chú ý nhiều đến việc vận động đoàn viên thi đua hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chuyên môn. Chưa phát huy trí tuệ tập thể của Ban chấp hành. BCH Công đoàn là những cán bộ, viên chức làm kiêm nhiệm nên thời gian dành cho hoạt động

công đoàn bố trí chưa hợp lý.

- Về Đoàn Thanh niên: Mặc dù đạt được nhiều thành tích nhưng hoạt động của Đoàn và Hội vẫn còn mang tính bề nổi, chưa thật sự đi vào chiều sâu; chưa chú trọng vào việc nâng cao ý thức học tập, đổi mới phương pháp học tập của đoàn viên thanh niên để đạt hiệu quả cao nhất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Về Đảng bộ: Thực hiện triển khai công tác kiểm tra, giám sát trong năm thường xuyên theo Chương trình, kế hoạch của Đảng uỷ và Uỷ ban kiểm tra; Có những biện pháp để phát huy tinh thần phê bình và tự phê bình; Chính đốn việc ghi chép biên bản họp lệ theo đúng quy định. Lãnh đạo các chi bộ phổ biến, quán triệt đầy đủ kịp thời và thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Nắm bắt tư tưởng, tâm tư nguyện vọng và những kiến xuất, đề nghị của Đảng viên và quần chúng để có biện pháp giải quyết kịp thời và có hiệu quả.

Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện sẽ phối hợp với Ban Giám đốc trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường, phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ.

Đảng uỷ chỉ đạo Hội cựu chiến binh xây dựng chương trình và thực hiện các kế hoạch hoạt động định kỳ hàng quý, năm.

- Công đoàn Học viện tiến hành cơ cấu lại bộ máy, phân công lại các Ủy viên Ban Chấp hành, nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng và nhiệm vụ của hoạt động của công đoàn. Xây dựng kế hoạch tập huấn về nghiệp vụ Công đoàn, mở lớp bồi dưỡng cán bộ công đoàn để nâng cao vai trò, ý thức trách nhiệm của từng thành viên BCH công đoàn. Xây dựng nếp sống văn hóa trường Đảng, ngày càng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công đoàn viên.

- Đoàn Thanh niên chú trọng đến hoạt động của chi đoàn, tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ đoàn cấp khoa, chi đoàn. Tham mưu với Đảng uỷ, Ban Giám đốc thực hiện việc đánh giá điểm rèn luyện theo phương

pháp tích cực hơn, giúp sinh viên tự giác tham gia các hoạt động do Đoàn Thanh niên tổ chức, góp phần nâng cao khả năng giao tiếp, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng cho sinh viên. Xây dựng, triển khai sâu rộng Hội thảo khoa học trong sinh viên về đổi mới phương pháp học tập.

5. Kết quả đánh giá :

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 2.8: Vai trò lãnh đạo của thủ trưởng đơn vị và tập thể lãnh đạo đơn vị được đề cao

1. Mô tả

Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền quy định rõ trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc và quan hệ công tác của Ban Giám đốc Học viện và của Trưởng đơn vị trong Học viện, đề cao vai trò lãnh đạo của thủ trưởng đơn vị và tập thể lãnh đạo [H2.02.08.01].

Những văn bản nêu trên đã quy định rất rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, của Giám đốc và các Phó Giám đốc; của Thủ trưởng các đơn vị; của viên chức, giảng viên và người lao động của Học viện. Các văn bản này được soạn thảo trên cơ sở các văn bản pháp quy của Nhà nước và điều kiện thực tế của Học viện, đồng thời, dự thảo các văn bản này được gửi đến tất cả các đơn vị trong Học viện để tổ chức lấy ý kiến của, viên chức, giảng viên trước khi ban hành.

Trong Quy chế làm việc của Học viện đã xác định rõ, Học viện làm việc theo chế độ Thủ trưởng; bảo đảm phát huy năng lực và sở trường của công chức, viên chức; đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động; công chức, viên chức phải xử lý và giải quyết công việc đúng phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền. Mọi vấn đề chung của Học viện được bàn bạc công khai và lấy ý kiến rộng rãi, Giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất và đưa ra quyết định cuối cùng trên cơ sở lợi ích và

nguyện vọng chính đáng của công chức, viên chức và sinh viên trong trường. Quy chế cũng xác định cụ thể phạm vi giải quyết công việc của Giám đốc, những công việc cần thảo luận tập thể lãnh đạo Học viện trước khi Giám đốc quyết định, trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Phó Giám đốc, của Trưởng các đơn vị, quan hệ giữa lãnh đạo Học viện với Trưởng các đơn vị; quan hệ giữa Trưởng các đơn vị và các quan hệ công tác khác.

Các quyết định của thủ trưởng và tập thể lãnh đạo đơn vị được quán triệt và thực hiện trên các mặt hoạt động của đơn vị. Báo cáo tổng kết hàng năm đánh giá các thành tựu đã đạt được trong các lĩnh vực: giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, khoa học, và hợp tác quốc tế và ghi nhận vai trò lãnh đạo của thủ trưởng đơn vị trong những thành tựu đạt được [H2.02.08.02]

Quy chế dân chủ của Học viện Báo chí và tuyên truyền cũng đề cao vai trò của cán bộ, công chức, viên chức trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của lãnh đạo đơn vị [H2.02.08.03]. Học viện thực hiện dân chủ theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra." nhằm đảm bảo cho cán bộ, viên chức, cơ quan, tổ chức được quyền giám sát, kiểm tra, đóng góp ý kiến tham gia xây dựng Học viện. Quy chế cũng yêu cầu Giám đốc phải lắng nghe ý kiến, phản ánh, phê bình của cán bộ, viên chức và không được có hành vi trù dập đối với những người đã góp ý, phê bình; cán bộ, công chức, viên chức trong Học viện có quyền chất vấn lãnh đạo các cấp trong Học viện về quyết định, hoạt động của Học viện liên quan đến lợi ích hợp pháp của mình. Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức với sự tham gia của toàn thể cán bộ, viên chức trong Học viện nhằm kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đánh giá việc thực hiện kế hoạch công tác hàng năm. Hội nghị cũng bầu Ban thanh tra nhân dân có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức năng nhiệm vụ đơn vị của thủ trưởng đơn vị, tập thể lãnh đạo đơn vị và các cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị [H2.02.08.04].

2. Những điểm mạnh

Học viện thực hiện theo chế độ Thủ trưởng, đề cao vai trò lãnh đạo của đơn vị và tập thể lãnh đạo đơn vị. Mọi quyết định của lãnh đạo đơn vị và tập thể lãnh đạo đơn vị được quán triệt thực hiện, được kiểm tra, giám sát.

3. Những tồn tại

Học viện chưa có hệ thống công cụ, tiêu chí đánh giá hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo trong đơn vị nên hoạt động đánh giá chưa được thực hiện định kỳ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành xây dựng bộ công cụ nhằm thực hiện đánh giá hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của thủ trưởng đơn vị một cách thường xuyên, định kỳ

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 2.9: Có cơ chế phù hợp để cán bộ, công chức, viên chức tham gia quản lý hoạt động của đơn vị

1. Mô tả

Học viện có cơ chế phù hợp để cán bộ, công chức, viên chức tham gia quản lý hoạt động đơn vị. Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền quy định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc tích cực, chủ động tham gia vào quản lý hoạt động: “chủ động nghiên cứu, tham mưu và thực hiện lĩnh vực chuyên môn được phân công...chịu trách nhiệm về ý kiến đề xuất, tiến độ, chất lượng, và hiệu quả của từng công việc được giao” [H2.02.09.01].

Quy chế dân chủ quy định rõ những việc cán bộ, viên chức Học viện phải được biết và tham gia ý kiến [H2.02.09.02]. Các kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức phong trào thi đua, báo cáo sơ kết, tổng kết; Các biện pháp cải tiến tổ chức và lề lối làm việc, thực hành tiết kiệm, chống quan liêu, lãng phí, tham nhũng; kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,

viên chức; đề bạt cán bộ, viên chức; thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, viên chức; nội quy, quy chế Học viện.

Có nhiều hình thức lấy ý kiến tham gia của cán bộ, công chức, viên chức, bao gồm: tham gia ý kiến trực tiếp với trưởng đơn vị, các Phó Giám đốc phụ trách các lĩnh vực công tác và Giám đốc; thông qua hội nghị cán bộ, viên chức hoặc tổ chức hội thảo; hình thức gửi dự thảo văn bản đến cán bộ, viên chức để họ góp ý kiến và tham gia ý kiến; thảo luận và biểu quyết công khai tại các cuộc họp có các thành viên trong đơn vị; xin ý kiến các đoàn thể, tổ chức trong Học viện và qua hòm thư góp ý [H2.02.09.02].

Hàng năm, Học viện tổ chức hội nghị cán bộ, công nhân viên chức để thông qua báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học qua và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm học tiếp theo. Hội nghị có sự tham gia đông đảo của toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức trong Học viện. Hội nghị thông qua Báo cáo của Chủ tịch Công đoàn Học viện về tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cán bộ-công chức- viên chức. Hội nghị giao cho Ban Giám đốc, Ban thường vụ công đoàn trên cơ sở thảo luận và kiến nghị của Cán bộ, viên chức, cụ thể hóa thành nội dung và chương trình hành động, nghiêm túc và kiên trì triển khai thực hiện. Hội nghị cũng bầu ra Ban thanh tra nhân dân có trách nhiệm giám sát, theo dõi kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Hội nghị [H2.02.09.03]. Thông qua đó, cán bộ, công chức, viên chức có cơ hội được tham gia quản lý hoạt động của Học viện.

Các báo cáo tổng kết hàng năm của Học viện cũng ghi nhận việc thực hiện nghiêm túc các quy chế dân chủ, các chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động, qua đó đã động viên, khuyến khích công chức, viên chức và người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, tích cực, chủ động tham gia vào quá trình quản lý đơn vị [H2.02.09.04].

2. Những điểm mạnh

Học viện đã có cơ chế đề cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào quản lý, giám sát hoạt động của đơn vị, tích cực đóng góp vào sự phát triển của Học viện.

3. Những tồn tại

Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, công chức, viên chức về công tác quản lý, lãnh đạo thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành thu thập ý kiến phản hồi của cán bộ, công chức, viên chức về công tác quản lý, lãnh đạo thực hiện chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 2.10: Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của học viện

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, chịu sự Quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong việc triển khai nhiệm vụ, Học viện đã thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo định kỳ, thường xuyên, đột xuất cho các cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động khi có văn bản yêu cầu và văn bản hướng dẫn báo cáo. [H02.02.10.01]

Dựa vào chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, Ban Giám đốc Học viện giao cho các đơn vị, bộ phận chuyên trách trong Học viện thực hiện báo cáo thuộc các lĩnh vực công tác như: Phòng Tổng hợp - Văn phòng Học viện chịu trách nhiệm về các báo cáo hoạt động tổng thể của Học viện, Ban Quản lý đào tạo về công tác đào tạo, Ban Tổ chức Cán bộ báo cáo về công tác tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch - Tài vụ báo cáo về công tác tài chính, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo báo cáo về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Ban Quản lý khoa học báo cáo về công tác khoa học, Phòng Hợp tác quốc tế báo cáo về công tác hợp tác quốc tế, Phòng Công tác chính trị báo cáo về công tác sinh viên... một cách đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan cấp trên. Báo cáo nêu được những kết quả nổi bật, phản ánh trung thực, đầy đủ các mặt hoạt động của học viện, đề xuất được các giải pháp giải quyết các tồn tại, xây dựng kế hoạch, phương hướng cụ thể cho các hoạt động và những kiến nghị đối với cấp chủ quản về những vấn đề liên quan. [H02.02.10.02]

Phòng Tổng hợp thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và năm về các hoạt động, công tác của Học viện cho cơ quan chủ quản là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; đồng thời, thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý khác: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tổ

chức Trung ương... [H02.02.10.03]

Hàng năm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đều có các cuộc họp với cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý cấp trên về các mặt hoạt động, công tác của Học viện, biên bản của các cuộc họp này đều được lưu lại tại bộ phận lưu trữ của Học viện [H02.02.10.04]

Công tác lưu trữ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bắt đầu được thực hiện năm 2008 khi Học viện chính thức thành lập ra bộ phận lưu trữ thuộc phòng Hành chính - Văn phòng Học viện. Mọi công văn do Học viện ban hành đều được lưu trữ một bản gốc tại bộ phận Lưu trữ - Phòng Hành chính và một bản chính tại hồ sơ công tác của bộ phận, đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu chính. Hàng năm, cán bộ làm công tác lưu trữ lập kế hoạch thu nhận và xử lý hồ sơ lưu trữ báo cáo lãnh đạo Văn phòng và trình Ban Giám đốc phê duyệt nên công tác lưu trữ được đảm bảo đầy đủ, khoa học và chuẩn xác; đồng thời, bộ phận Lưu trữ chỉnh lý toàn bộ các hồ sơ, tài liệu cần lưu trữ trên cơ sở ký kết hợp đồng với Cục Lưu trữ Văn phòng Trung Ương Đảng tiến hành; theo đó, toàn bộ tài liệu được chỉnh lý đánh số cặp, hộp có mục lục và đưa vào kho lưu trữ Học viện. [H02.02.10.05]

Công tác lưu trữ đã đảm bảo tốt những yêu cầu công tác đặt ra, kịp thời đáp ứng các yêu cầu tra cứu, thẩm định lại các sự việc có tính chất pháp lý, đóng góp tích cực cho hoạt động quản lý, điều hành của Học viện. Đội ngũ cán bộ làm công tác báo cáo và công tác lưu trữ định kỳ được Học viện cử tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ do các cơ quan chủ quản và quản lý tổ chức.

Hiện nay, hoạt động lưu trữ chủ yếu phục vụ cho các hoạt động khai thác của các đơn vị trong Học viện theo yêu cầu của Ban Giám đốc. Học viện chưa có những quy chế, quy định cụ thể có tính chất pháp lý đối với công tác lưu trữ nên chưa có được sự đồng nhất trong việc thu nhận và xử lý hồ sơ lưu trữ giữa các đơn vị. Cơ sở vật chất (kho, phòng, các trang thiết bị đảm bảo cho công tác lưu trữ giấy tờ lâu dài...) còn thiếu thốn. Công tác lưu trữ của

Học viện vẫn chủ yếu theo phương pháp thủ công, chưa được ứng dụng tin học hóa

2. Điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy

Công tác lưu trữ được đảm bảo tốt, đáp ứng yêu cầu phục vụ các hoạt động tra cứu, thẩm định, tìm kiếm thông tin, số liệu xây dựng báo cáo, do đó góp phần cho Học viện luôn thực hiện nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ các chế độ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý về các hoạt động công tác của Học viện.

3. Tồn tại, giải thích nguyên nhân

Học viện Báo chí và Tuyên truyền chưa có những quy chế, quy định cụ thể có tính chất pháp lý đối với công tác lưu trữ; chưa tích cực ứng dụng tiện ích của công nghệ thông tin trong hoạt động lưu trữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2016 -2017, Giám đốc Học viện giao cho Văn phòng soạn thảo trình Ban Giám đốc các quy chế, quy định cụ thể về công tác lưu trữ để tạo ra được sự đồng nhất giữa các đơn vị về việc thu nộp hồ sơ lưu trữ; từng bước triển khai ứng dụng tin học hóa trong công tác lưu trữ.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 2.11: Có đơn vị chuyên trách về đảm bảo chất lượng đào tạo để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện

1. Mô tả

Trong xu thế hội nhập quốc tế, việc đảm bảo chất lượng giáo dục nhằm khẳng định thương hiệu của học viện là một đòi hỏi tất yếu; mặt khác, trong những năm qua, Bộ Giáo dục và đào tạo chủ trương đảm bảo chất lượng hoạt động dạy và học tại tất cả các trường đại học và cao đẳng, không phân biệt

loại hình công lập, bán công hay dân lập đã cho thấy tầm quan trọng của vấn đề này.

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thành lập ngày 01/5/2012 theo Quyết định của Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Trung tâm có hai bộ phận là Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo [H02.02.11.01]

Nhiệm vụ của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo được xác định là:

Nghiên cứu, đề xuất lãnh đạo Học viện triển khai các giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo; giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo của các đơn vị trong học viện;

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng hệ thống công cụ đánh giá chất lượng đào tạo;

Triển khai thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện. Hướng dẫn công tác tự đánh giá ở các đơn vị và tổng hợp kết quả đánh giá trong toàn trường. Tham gia đánh giá ngoài theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan viết báo cáo về đảm bảo chất lượng đào tạo hàng năm.

Là một đơn vị mới được thành lập, lại hoạt động trong lĩnh vực mới mẻ với đội ngũ cán bộ là nhân viên các phòng, ban, đơn vị trong Học viện được điều động sang nên Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo nói chung và bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo nói riêng đã được tạo điều kiện cho các cán bộ đi học các lớp ngắn hạn, dài hạn, các đợt tập huấn bồi dưỡng kiến thức đặc biệt về Đảm bảo chất lượng. Thông qua các khóa học, các đợt tập huấn, đội ngũ cán bộ trong bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo đã có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Đảm bảo chất lượng đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai công tác đảm bảo chất lượng theo năm học và công tác tự đánh giá của Học viện. [H02.02.11.02]

Hiện nay, bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo có 03 cán bộ; trong đó có 01 đồng chí được đào tạo tiến sỹ chuyên ngành đo lường đánh giá tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trong 03 năm (2012 - 2015), bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo đã xây dựng được kế hoạch đảm bảo chất lượng cho từng năm học và Đề án đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2015 - 2020. Bên cạnh đó, bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo đã phối hợp với các phòng, ban, đơn vị trong Học viện triển khai nhiều cuộc khảo sát như khảo sát phản hồi của cựu sinh viên khối lý luận, khối nghiệp vụ về chương trình đào tạo; khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng môn học và giờ giảng; khảo sát phản hồi của nhà tuyển dụng, khảo sát tình hình sử dụng nguồn nhân lực của các đơn vị trong Học viện... Các kết quả khảo sát này vừa để từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động đảm bảo chất lượng trong thời gian tới, vừa được bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo tổng hợp thành các báo cáo phân tích trình Ban Giám đốc xem xét và điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Học viện hơn nữa. [H02.02.11.03]

Tuy nhiên, do hiện tại, số lượng cán bộ của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo còn ít (03 cán bộ) nên việc triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học hay các hoạt động khác còn hạn chế về chất lượng và thời gian thực hiện.

2. Những điểm mạnh

Các cán bộ bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo được học tập, trau dồi thêm trình độ chuyên môn về công tác đảm bảo chất lượng.

Hoạt động của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo bước đầu đã thu được những kết quả được ghi nhận như đã hoàn thành khảo sát về tình hình việc làm sinh viên một số lớp khối lý luận và nghiệp vụ sau khi tốt nghiệp, khảo sát phản hồi của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp, khảo sát phản hồi của người học về chất lượng môn học và giờ giảng...

Năm học 2016-2017, bộ phận Đảm bảo chất lượng đã có thêm một phó giám đốc học đúng chuyên ngành về Giáo dục

3. Những tồn tại

Số lượng cán bộ của bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo còn ít nên việc triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học hay các hoạt động khác còn hạn chế về chất lượng và thời gian thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong từng năm học, cán bộ bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo cần tiếp tục được bồi dưỡng thêm kiến thức đảm bảo chất lượng chuyên sâu để việc triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng trong Học viện có hiệu quả hơn nữa.

Bộ phận Đảm bảo chất lượng đào tạo xây dựng kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng cho từng năm học để triển khai thực hiện; xây dựng chiến lược, kế hoạch đảm bảo chất lượng hướng tới đăng ký kiểm định ngoài chất lượng giáo dục.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học uy tín trong nước và thế giới, có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo của Học viện có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Hệ đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo. Chương trình đào tạo cũng được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác, nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế-xã hội của địa phương hoặc cả nước. Ngoài ra, chương trình đào tạo của Học viện được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác và được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng trên cơ sở các quy định của Đảng và Nhà nước ban hành, gắn với nhu cầu người học, nhu cầu nhân lực của cả hệ thống chính trị.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền được phép đào tạo 3 ngành trình độ Tiến sĩ [H03.03.01.01], 11 ngành trình độ thạc sĩ [H03.03.01.02], 13 ngành và 29 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học [H03.03.01.03] và 8 ngành đào tạo trình độ đại học thứ hai [H03.03.01.04]. Các chương trình đào tạo này đã được triển khai thực hiện theo các kế hoạch đào tạo [H03.03.01.05].

Chương trình đào tạo theo niên chế được thiết kế theo 2 nhóm ngành: nhóm ngành đào tạo giảng viên lý luận chính trị có tổng thời lượng 180 đơn vị học trình; nhóm ngành Báo chí truyền thông và các ngành nghiệp vụ có thời lượng 175 đơn vị học trình. Chương trình niên chế được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung vào các năm 2008, 2012 [H03.03.01.06]. Năm 2014, Học viện tiến hành chuyển đổi chương trình đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, thống nhất thực hiện 125 tín chỉ toàn khóa đối với nhóm ngành đào tạo giảng viên lý luận chính trị và 120 tín chỉ với các ngành còn lại (không kể khối kiến thức giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất). Các chương trình đào tạo được biên soạn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thể hiện ở phân bố cấu trúc và thời lượng của khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Đối với tất cả các ngành, khối kiến thức giáo dục đại cương chiếm khoảng 40% thời lượng toàn khóa, trong đó gồm các học phần về khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (10-15 tín chỉ), các học phần khoa học cơ bản, ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng theo đúng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được phân bố các học phần cung cấp kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, kiến tập, thực tập nghề nghiệp và khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp. Khối lượng các học phần bắt buộc chiếm tỷ trọng 80%; khối lượng các học phần tự chọn chiếm 20% tổng thời lượng qui định cho chương trình [H03.03.01.07] [H03.03.01.08].

Học viện đã xây dựng được các đề cương chi tiết học phần/môn học cho chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ [H03.03.01.09]. Mỗi đề cương chi tiết học phần/môn học cung cấp thông tin về giảng viên, thông tin chung về học phần bao gồm các học phần tiên quyết, học phần tự chọn, yêu cầu khác, v.v;

3. Mục tiêu của học phần bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, thể hiện các kiến thức, kỹ năng, thái độ mà chương trình chuyển tải tới người học;
4. Tóm tắt nội dung học phần bao;
5. Nội dung chi tiết và chuẩn đầu ra của học

phần, với mỗi nội dung học phần tương ứng với chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ ở các cấp độ cụ thể; 6. Danh sách học liệu bắt buộc và tham khảo; 7. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá; 8. Hệ thống câu hỏi ôn tập/đề tài tiểu luận [H03.03.01.10]. Số liệu bình quân đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo trên từng học phần, môn học là 06 [H03.03.01.09].

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình của các trường đại học uy tín trong nước (Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Hà Nội, Học viện Ngoại giao...) [H3.03.01.11] và trường đại học nước ngoài (chương trình ngành Báo chí của Đại học Tổng hợp Viên, Áo; chương trình của Đại học La Trobe, Úc; Đại học Truyền thông Bắc Kinh; Đại học Middle Sex, Vương quốc Anh...) [H03.03.01.12] thông qua việc cử các đoàn cán bộ, giảng viên tham dự các khóa tập huấn, các hội thảo quốc tế liên quan đến chương trình đào tạo.

Học viện đã tổ chức một số hội thảo xoay quanh việc xây dựng chương trình thực hành, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên ngành Báo chí với sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, của giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp (Hội Nhà báo), cơ quan sử dụng lao động (các cơ quan báo chí, xuất bản, các trường chính trị tỉnh, thành phố, trường đại học, cao đẳng...), người đã tốt nghiệp... như Hội thảo Xây dựng chương trình thực hành nghề nghiệp cho sinh viên Báo chí, Hội thảo về chương trình thực tập cho sinh viên khoa Phát thanh-Truyền hình, Hội thảo khoa học quốc gia Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay. [H03.03.01.13]

Việc xây dựng chương trình đào tạo được tiến hành từ cấp bộ môn với sự tham gia của tất cả giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng. Chương trình đào tạo được Hội đồng khoa học cấp khoa tổ chức thẩm định và nghiệm thu, đạt yêu cầu sẽ được trình lên Hội đồng thẩm định chương trình cấp Học viện (với sự tham gia của các giảng viên, nhà khoa học chuyên môn, cán bộ

quản lý và đại diện các cơ sở đào tạo ngoài Học viện, các cơ quan sử dụng lao động...). [H03.03.01.14]

Chương trình đào tạo được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo tính khoa học, hiện đại, hệ thống, phù hợp với điều kiện thực tiễn và phản ánh được đặc thù các ngành đào tạo của Học viện.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển các chương trình đào tạo uy tín trong nước và nước ngoài, thể hiện được đặc thù ngành đào tạo của Học viện. Các chương trình đào tạo theo tín chỉ đã xác định được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ cụ thể trong mỗi chương trình và ở từng nội dung học phần.

3. Những tồn tại

Việc tham khảo ý kiến của đại diện các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, của nhà tuyển dụng lao động và người tốt nghiệp trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo của khối ngành lý luận chính trị chưa được thực hiện trên diện rộng, chưa có tính thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2016-2017, triển khai việc lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo trong các lớp bồi dưỡng chuyên môn theo từng ngành cho giảng viên lý luận chính trị thuộc hệ thống các trường đại học, cao đẳng, các trường chính trị trên cả nước.

Tiếp tục cải tiến chương trình dựa trên kết quả phản hồi từ các bên liên quan bao gồm các chuyên gia, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên và cán bộ quản lý.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 3.2: Chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Học viện.

1. Mô tả

Các chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được phân chia thành 2 nhóm: khối lý luận chính trị và khối nghiệp vụ, tương ứng với nhiệm vụ đào tạo cán bộ tư tưởng - văn hóa, giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí truyền thông, xuất bản. Nhằm phục vụ nhu cầu nhân lực trình độ đại học và sau đại học, Học viện đào tạo ở cả 3 trình độ: cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ [H03.03.02.01].

Là trường Đảng, đồng thời là trường đại học, các chương trình đào tạo của Học viện phản ánh rõ đặc thù đó trong kết cấu chương trình đào tạo, cụ thể là khối kiến thức Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được quy định thống nhất 15 tín chỉ cho chương trình đào tạo đại học dành cho khối lý luận chính trị, 13 tín chỉ cho khối nghiệp vụ [H03.03.02.02], nhằm định hình thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học cho người học. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của tất cả các ngành được quy định thống nhất dành 08 tín chỉ cho các kiến thức Triết học Mác - Lênin nâng cao, Chính trị học nâng cao và Phương pháp luận nghiên cứu khoa học [H03.03.02.03].

Các ngành, chuyên ngành đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, đào tạo chất lượng cao trình độ đại học, liên kết đào tạo quốc tế đều là các ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực báo chí truyền thông và lý luận chính trị, đúng với chức năng, nhiệm vụ được giao của Học viện. Quy trình xây dựng chương trình, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, quy trình đăng ký mở ngành đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H03.03.02.04], [H03.03.02.16]. Hàng năm, Học viện xác định quy mô tuyển sinh các hệ, các trình độ căn cứ số lượng và trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên cơ hữu, các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính... Các năm gần đây, mặc dù được tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, giảng đường, số lượng và chất lượng giảng viên được nâng lên [H03.03.02.05]

Học viện vẫn duy trì ổn định, không tăng quy mô tuyển sinh để tập trung nâng cao chất lượng đào tạo [H03.03.02.06], [H03.03.02.07], [H03.03.02.08].

Định kỳ 4 năm/lần, tất cả các chương trình đào tạo được rà soát, bổ sung và điều chỉnh (2008, 2012) [H03.03.02.09]. Do yêu cầu chuyển đổi phương thức tổ chức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, tất cả các chương trình được điều chỉnh vào năm 2014 và tiếp tục bổ sung, hoàn thiện vào năm 2016 [H01.03.02.10], [H03.03.02.11], [H03.03.02.12]. Việc bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo căn cứ vào kết quả nghiên cứu thực tế, học tập kinh nghiệm và tham khảo chương trình đào tạo quốc tế, chương trình đào tạo trong nước của các trường có cùng ngành đào tạo, xin ý kiến chuyên gia, tổ chức hội thảo khoa học quốc gia [H03.03.02.13], [H03.03.02.14], [H03.03.02.15], các ý kiến phản hồi của sinh viên đang học và sinh viên đã tốt nghiệp. Các chương trình đào tạo được điều chỉnh theo hướng giảm thời lượng lý thuyết, chú trọng giảng dạy phương pháp, tăng thời lượng dành cho thực hành, thực tế, thực tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội nói chung, yêu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng.

2. Những điểm mạnh

Việc mở mới các ngành đào tạo, các trình độ đào tạo bám sát nhiệm vụ chính trị của Học viện, huy động được các nguồn lực khác nhau cho quá trình xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Những tồn tại

Hệ thống phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ việc thực hành nghề nghiệp của Học viện còn thiếu về số lượng, chưa đảm bảo tính hiện đại về công nghệ để đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức tổ chức đào tạo. Điều này là tất yếu do sự phát triển nhanh trong lĩnh vực công nghệ, trong khi nguồn lực tài chính của Học viện còn hạn chế, chưa đủ sức trang bị công nghệ hiện đại nhất phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường phối hợp với các đơn vị sử dụng nhân lực được đào tạo từ Học viện để gửi sinh viên thực hành, thực tế, thực tập tại các đơn vị này, tạo cho sinh viên cơ hội được đào tạo trong môi trường làm nghề, huy động sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động vào chính quá trình đào tạo.

5. Tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 3.3: Có chuẩn đầu ra tương ứng với chương trình đào tạo và được công bố.

1. Mô tả

Các chương trình đào tạo đang từng bước xây dựng chuẩn đầu ra (CDR) về mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm tương ứng theo từng loại chương trình [H03.03.03.01], [H03.03.03.02]. Các mục tiêu chung được cụ thể hóa thành các mục tiêu cụ thể ở từng nội dung học phần/môn học [H03.03.03.03].

Mục tiêu các chương trình đào tạo về mặt kiến thức gồm các nội dung về kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành. Mục tiêu về kỹ năng mô tả một số năng lực nghề nghiệp chính mà sinh viên tốt nghiệp cần phải đạt được.

Thực hiện đổi mới chương trình từ niên chế sang tín chỉ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã và đang tiến hành đổi mới các mục tiêu giảng dạy cho các môn học [H03.03.03.04]. Cụ thể, các yêu cầu về mục tiêu kỹ năng bao gồm các kỹ luận chứng khoa học: Nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá và sáng tạo; Các kỹ năng tâm lý, vận động: Bất chước, thao tác, kết nối, và tự nhiên hóa. Mục tiêu về thái độ bao gồm: Tiếp nhận, phản hồi, hình thành giá trị, tổ chức và đặc trưng hóa.

Tuy nhiên, các mục tiêu chương trình học mới chỉ dừng lại ở việc mô tả chung các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng, chưa cụ thể hoá các chuẩn đầu ra

mà người học tốt nghiệp cần đạt được, chưa sử dụng để làm căn cứ để đánh giá năng lực người học cũng như chất lượng đào tạo. Đồng thời, chưa có sự đối ứng giữa các mục tiêu của chương trình và mục tiêu môn học.

Các mục tiêu chương trình và môn học được hình thành theo sứ mệnh và mục tiêu đào tạo của Học viện và theo nhu cầu của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, việc xây dựng các mục tiêu này chưa có sự tham gia của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng để gắn kết các mục tiêu đào tạo với thị trường lao động.

Từ năm 2014, nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong xu thế hội nhập, hiện đại hóa, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã có quy định về CĐR ngoại ngữ và tin học cho sinh viên các trình độ đào tạo. Cụ thể, sinh viên tốt nghiệp Đại học phải đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc B2 khung tham chiếu Châu Âu [H03.03.03.05]; sinh viên tốt nghiệp Thạc sỹ phải đạt trình độ tương đương cấp độ B1 khung tham chiếu Châu Âu; NCS phải đạt trình độ tương đương cấp độ B2 khung tham chiếu Châu Âu [H03.03.03.06].

Theo xu thế phát triển của xã hội, nhận thức được kiến thức, kỹ năng đầu ra của một số sinh viên ở một số chuyên ngành đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu, Giám đốc Học viện đã có các quyết định mở các ngành đào tạo tích hợp qua đó hình thành cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng đa ngành, chuẩn bị cho các em làm việc trong môi trường năng động, mang tính hội nhập [H03.03.03.07].

2. Những điểm mạnh

Các chương trình đào tạo đã xác định các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và vị trí việc làm sau tốt nghiệp

3. Những tồn tại

Các chương trình đào tạo chưa cụ thể hoá các chuẩn đầu ra cần thiết mà sinh viên tốt nghiệp cần có để tham gia vào thị trường lao động.

Việc đánh giá chương trình đào tạo mới chỉ thực hiện thông qua khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối về chương trình, và thực hiện trên cơ sở chưa thường xuyên. Học viện chưa thực hiện được việc lấy ý kiến phản hồi

của các bên liên quan khác về mức độ đáp ứng của CDR các chương trình đào tạo đối với nhu cầu của hệ thống chính trị xã hội, nhu cầu việc làm, học tập nâng cao trình độ, và nghiên cứu của sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành xây dựng chuẩn đầu ra cho tất cả các chương trình đào tạo và chương trình môn học, đối ứng chuẩn đầu ra giữa chương trình đào tạo và chương trình môn học.

Học viện sẽ triển khai lấy ý kiến phản hồi của các cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng đối với CDR của các chương trình đào tạo ở các bậc. Trên cơ sở đó, Học viện sẽ tiến hành điều chỉnh, sửa đổi các CDR để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội và thị trường lao động.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	x		

Tiêu chí 3.4: *Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, phù hợp với đối tượng đào tạo; có cấu trúc hợp lý, đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu ra cho từng hệ đào tạo.*

1. Mô tả

Các chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng thống nhất, khoa học theo hệ thống các tiêu chí nội dung cụ thể [H03.03.04.01]. Tương ứng với từng ngành/ chuyên ngành đào tạo, có các mô tả về mục tiêu tổng quát, mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp. Trên cơ sở đó, chương trình đào tạo được cấu trúc gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương (40%); khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (60%) (bao gồm kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, kiến tập, thực tập nghề nghiệp và tốt nghiệp) [H03.03.04.02]. Chương trình chi tiết của từng học phần cũng thể hiện rõ mục tiêu cụ thể của từng ngành học,

mục tiêu của học phần và vị trí, vai trò của học phần trong thực hiện mục tiêu đào tạo của ngành [H03.03.04.03].

Các học phần trong chương trình được phân bổ theo từng học kỳ, từng năm học trong kế hoạch tổng thể toàn khóa, đảm bảo tính tiên quyết và vị trí của các học phần trong toàn bộ chương trình [H03.03.04.04]. Tất cả học phần đều được đánh mã số, phân loại dựa trên nhóm kiến thức và theo bộ môn, khoa quản lý. Các học phần tiên quyết, học phần học trước được tổ chức khoa học thuận tiện cho phân công giảng dạy và đăng ký học tập của sinh viên. Chương trình đào tạo một số ngành Quan hệ quốc tế, Quan hệ công chúng, Báo chí, Xuất bản... còn xây dựng thêm các học phần tin học ứng dụng và ngoại ngữ chuyên ngành để hỗ trợ thiết thực cho nội dung đào tạo chuyên ngành.

Nhằm đáp ứng linh hoạt các nhu cầu của thị trường nhân lực và phát huy cao độ năng lực người học, một số ngành chương trình đào tạo được thiết kế theo nhiều chuyên ngành (Báo chí có 7 chuyên ngành, Chính trị học có 7 chuyên ngành, Kinh tế có 2 chuyên ngành, Quan hệ quốc tế có 2 chuyên ngành, Triết học có 2 chuyên ngành) [H03.03.04.05]. Trong từng chương trình, tương ứng với mỗi khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành đều có các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, cho phép người học lựa chọn môn học theo nhu cầu, sở trường và định hướng nghề nghiệp chuyên sâu sau này. Mỗi chương trình có khoảng 90-95 tín chỉ bắt buộc và khoảng từ 50 đến 60 tín chỉ tự chọn để chọn ra 25-30 tín chỉ. Ngay từ học kỳ 2 đã có các học phần tự chọn giúp cho người học linh hoạt trong việc tăng cường những kiến thức, kỹ năng chuyên môn đáp ứng được những đòi hỏi của thực tế thị trường lao động. Các chương trình đào tạo cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy phản biện và giúp người học có đủ kiến thức để tiếp tục học ở bậc học cao hơn. Chương trình từng môn học được phân bổ hợp lý giữa giờ lý thuyết với giờ thực hành, thảo luận, thực tế..., chú trọng việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên [H03.03.04.06].

Các chương trình đào tạo đều thể hiện rõ mục tiêu đào tạo là cung cấp nhân lực trình độ đại học. Năm 2015, Học viện cũng đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chương trình và các nội dung chương trình, làm cơ sở để xem xét việc duy trì, điều chỉnh, sửa đổi chương trình [H03.03.04.07]. Kết quả cho thấy, sinh viên của Học viện có phản hồi tích cực về việc mục tiêu của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội. Thậm chí có những ngành như Phát thanh truyền hình, kết quả khảo sát cho thấy có gần 80% người học đồng ý với nhận định về mục tiêu của ngành Phát thanh truyền hình phù hợp với nhu cầu xã hội, đây là ngành có tỉ lệ người học hài lòng nhất về tiêu chí liên quan đến việc xác định mục tiêu ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội. Qua khảo sát, có gần 70% sinh viên đồng ý với nhận định về mức độ đáp ứng của mục tiêu ngành đào tạo với phù hợp với nhu cầu xã hội.

2. Những điểm mạnh

Tất cả các chương trình đào tạo đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể. Cấu trúc chương trình được thiết kế đáp ứng mục tiêu của từng ngành, chuyên ngành đào tạo, đảm bảo tính hệ thống để sinh viên có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở những bậc học cao hơn, đồng thời đáp ứng được những yêu cầu về chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp tương ứng. Học viện cũng đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về mục tiêu, cấu trúc chương trình làm cơ sở để điều chỉnh, sửa đổi.

3. Những tồn tại

Số môn học tự chọn chưa nhiều làm hạn chế một phần khả năng đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Mặc dù đã khảo sát sinh viên năm hàng năm về môn học và sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo, việc lấy ý kiến các bên liên quan như giảng viên, CB quản lý, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng còn chưa được thực hiện một cách hệ thống.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2016-2017, xây dựng thêm các môn học tự chọn theo nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan như giảng viên, CB quản lý, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về mục tiêu, cấu trúc và nội dung chương trình nhằm đạt chuẩn đầu ra đáp ứng nhu cầu của xã hội.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 3.5: Chương trình đào tạo của từng hệ đào tạo được thiết kế theo quy định và đảm bảo chất lượng đào tạo

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền được phép đào tạo 3 ngành trình độ Tiến sĩ, 11 ngành trình độ thạc sĩ, 13 ngành trình độ đại học. Trong hình thức đào tạo chính quy có đào tạo chính quy tập trung cấp bằng đại học thứ nhất, chính quy cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ 2; đào tạo hệ vừa làm vừa học cấp bằng đại học thứ nhất và bằng đại học thứ 2.

Trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H03.03.02.04], [H03.03.05.1], Học viện đã ban hành các văn bản hướng dẫn xây dựng chương trình khung, chương trình chi tiết các ngành/chuyên ngành với các yêu cầu về mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, cụ thể. Hệ thống kiến thức được tổ chức khoa học với các môn học được sắp xếp theo trình tự hợp lý từ khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành. Chương trình đào tạo thể hiện chi tiết các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp, xác định chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học tương ứng với yêu cầu nghề nghiệp của từng ngành/chuyên ngành, giúp người học có thể nhận thức được lộ trình học tập của chương trình [H03.03.02.09], [H03.03.02.10], [H03.03.02.11], H03.03.05.02]. Thực hiện Thông tư 07, năm 2016 Học viện

đã tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo cấp bằng đại học thứ nhất, đại học thứ hai các ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Chính trị học chuyên ngành Chính trị phát triển và chuyên ngành Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa để đảm bảo sự thống nhất giữa loại hình đào tạo chính quy tập trung và vừa làm vừa học [H03.03.05.03]. Các chuyên ngành khác đào tạo trình độ đại học đang tiếp tục được hoàn thiện.

Việc bố trí các học phần trong chương trình đào tạo căn cứ vào điều kiện tiên quyết của học phần, có lưu ý đến việc đưa một số học phần cơ sở ngành vào kế hoạch giảng dạy của các học kỳ đầu khóa để sinh viên bước đầu tiếp cận, định hình tâm thế nghề nghiệp ngay từ đầu khóa. Học phần kiến tập được bố trí vào năm thứ 3 sau khi sinh viên đã học một số học phần cơ sở ngành và chuyên ngành; học phần thực tập được bố trí vào học kỳ cuối khóa. Học phần tốt nghiệp được xây dựng phù hợp giúp cho người học có thời gian thực tập dài, chuẩn bị tốt các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và các kiến thức thực tiễn để đáp ứng nhanh các yêu cầu công việc của nhà tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

Đảm bảo 100% môn học có đề cương chi tiết, trong đó nêu được nội dung cốt lõi của môn học, vị trí của môn học trong ngành học, thời lượng học tập, cách thức đánh giá, lộ trình học, nguồn học liệu chính và nguồn học liệu tham khảo bổ trợ cho môn học [H03.03.05.04], [H03.03.05.05]. Các chương trình đào tạo cũng hướng tới sự hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy phản biện và giúp người học có đủ kiến thức để tiếp tục học ở bậc học cao hơn. nhằm đáp ứng linh hoạt các nhu cầu của thị trường nhân lực và phát huy cao độ năng lực người học, một số ngành chương trình đào tạo được thiết kế theo nhiều chuyên ngành (Bảo chí có 7 chuyên ngành, Chính trị học có 7 chuyên ngành, Kinh tế có 2 chuyên ngành, Quan hệ quốc tế có 2 chuyên ngành, Triết học có 2 chuyên ngành). Trong từng chương trình khung, tương ứng với mỗi khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành đều có các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, cho phép người học

lựa chọn môn học theo nhu cầu, sở trường và định hướng nghề nghiệp chuyên sâu sau này [H01.03.02.10], [H03.03.02.11], [H01.03.02.12] [H03.03.05.06]

2. Những điểm mạnh

Việc xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chương trình khung, chương trình chi tiết các hệ, các trình độ đào tạo đã bám sát các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, phản ánh đặc thù về ngành nghề đào tạo của Học viện và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo và các ngành khác nhau, có chú ý đến việc tạo điều kiện thuận lợi cho người học theo học ở bậc cao hơn cùng ngành.

3. Những tồn tại

Tính ổn định của chương trình đào tạo bị ảnh hưởng bởi việc cập nhật thường xuyên hệ thống các văn bản của cấp trên liên quan đến chương trình đào tạo và những yêu cầu mới của xã hội đối với từng ngành nghề cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thông báo đến người học chương trình đào tạo được thực hiện trong khóa học; thường xuyên cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo lên website Học viện và các kênh thông tin khác trong nội bộ Học viện.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo tính khoa học, liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền được phép đào tạo 3 ngành trình độ Tiến sĩ [H3.03.01.01], 11 ngành trình độ thạc sĩ [H3.03.01.02], 13 ngành và 29 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học [H3.03.01.03] và 13 ngành và 29

chuyên ngành đào tạo trình độ đại học thứ hai [H3.03.01.04]. Trong hình thức đào tạo chính quy có đào tạo chính quy tập trung, chính quy cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ 2; trong giáo dục thường xuyên có hệ vừa làm vừa học bằng thứ nhất và bằng thứ 2.

Để đảm bảo tính liên thông dọc giữa các trình độ đào tạo, việc thiết kế chương trình đảm bảo để:

+ Học viện đã ban hành Quy định bổ túc kiến thức giữa các ngành gần trong tuyển sinh và đào tạo trình độ sau đại học [H3.03.06.01] [H3.03.06.02], công nhận kết quả của các học phần đã học trong cùng trình độ có thời lượng (số đơn vị học trình, số tín chỉ) bằng hoặc nhiều hơn chương trình bổ túc kiến thức đang thực hiện.

+ Trong xây dựng chương trình, đã đảm bảo sự kế tiếp, nâng cao và phát triển ở những bậc học cao hơn so với bậc học trước, không lặp lại kiến thức cũ (cả về tên học phần và nội dung chi tiết trong học phần). [H3.03.06.01] [H3.03.06.02]. Trong quy định đào tạo trình độ thạc sỹ ghi rõ “Nội dung chương trình ... đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học, nếu cần thiết phải nhắc lại thì không được quá 5% thời lượng quy định cho mỗi học phần”. [H3.03.06.02]

- Liên thông ngang giữa các chương trình đào tạo được thể hiện ở:

+ Các chương trình đào tạo của Học viện được thiết kế theo 2 nhóm ngành: nhóm ngành lý luận chính trị và nhóm ngành nghiệp vụ. Khối kiến thức giáo dục đại cương (bao gồm cả các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh) của từng nhóm ngành được thiết kế thống nhất trong toàn Học viện [H3.03.01.07], [H3.03.01.08]

+ Các chương trình chuyên ngành trong cùng ngành được thiết kế giống nhau phần các môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Ví

độ 7 chuyên ngành của ngành Chính trị học được thiết kế 5 môn học bắt buộc với tổng thời lượng 15 tín chỉ [H3.03.01.07], [H3.03.01.08]

+ Chương trình đào tạo đại học chính quy, chính quy cấp bằng đại học thứ hai được thiết kế thống nhất về nội dung, cho phép sinh viên lập kế hoạch học tập phù hợp với điều kiện cá nhân. Điều này còn cho phép người học có thể học đồng thời 02 chương trình đại học của 02 ngành khác nhau để được cấp 02 văn bằng khi tốt nghiệp [H3.03.06.02].

+ Việc quản lý bộ môn và môn học được giao cho các khoa. Những môn học có trong nhiều chương trình đào tạo ở nhiều khoa sẽ giao cho Khoa chuyên ngành quản lý và tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá để tạo sự thống nhất trong nội dung. Học viện quản lý bằng mã môn học thống nhất tạo điều kiện cho những người học các ngành khác nhau lựa chọn được thời khóa biểu học phù hợp [H3.03.01.07].

+ Quy chế đào tạo quy định rõ sinh viên học cùng lúc hai chương trình; sinh viên học văn bằng 2 được bảo lưu những học phần có cùng nội dung và có số tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn số tín chỉ của học phần thuộc chương trình giáo dục của ngành [H3.03.06.02]. Chương trình đào tạo của Học viện được thiết kế trên cơ sở chương trình khung của Bộ và tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế khác do đó có sự liên thông ngang với chương trình đại học của các trường khác.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo và các ngành khác nhau, đảm bảo mục tiêu đào tạo của các trình độ đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi cho người học theo học ở bậc cao hơn cùng ngành.

3. Những tồn tại

Tính liên thông giữa các trình độ và các ngành đào tạo khác nhau chỉ mới dừng lại ở trong nước.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong hai năm tới, Học viện sẽ đăng ký kiểm định chất lượng theo Bộ tiêu chí của Bộ giáo dục, hướng tới tham gia vào mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 3.7: Khung các chương trình đào tạo có xác định phương pháp giảng dạy và học tập; hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt chuẩn đầu ra và những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ tương ứng.

1. Mô tả

Trong hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo và chương trình môn học bậc đại học có xác định các phương pháp giảng dạy và học tập, các hình thức thi, kiểm tra đánh giá nhằm đạt được chuẩn đầu ra (CDR) về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho từng hệ đào tạo, bậc đào tạo [H3.03.07.01], [H3.03.07.02]. Hướng dẫn ghi rõ “Thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, đồng thời với việc hướng dẫn phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên... đảm bảo tính cân đối giữa thời lượng giảng lý thuyết, thời lượng thảo luận, thực hành, thực nghiệm, thực tập và bổ sung thời lượng tự học, tự nghiên cứu.” Hướng dẫn cũng quy định rõ các hình thức kiểm tra đánh giá và trọng số cho từng loại hình kiểm tra. Cụ thể, mỗi học phần, đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thảo luận, làm việc nhóm, ý thức thái độ, v.v.) chiếm 10%; Kiểm tra đánh giá giữa kỳ chiếm 30%; và Thi kết thúc học phần chiếm 60%. Các hình thức kiểm tra đánh giá bao gồm: 1.Đánh giá ý thức: Bài kiểm tra ngắn, bài tập, thảo luận; 2. Đánh giá định kỳ: Tiểu luận, bài tập, bài kiểm tra; 3. Thi hết học phần: Viết, vấn đáp, tiểu luận, bài tập lớn, v.v. [H03.03.07.03] [H3.03.07.04]. Tuy nhiên, các hình thức thi, kiểm tra đánh giá này chưa đánh giá được quá trình học tập và sự tiến bộ của sinh viên vì mới dừng lại ở 01 bài kiểm tra giữa kỳ và 01 bài kiểm tra cuối kỳ. Đồng thời, Học viện chưa xây dựng được bộ tài liệu hướng

dẫn kiểm tra đánh giá, chưa quy định hệ thống các tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng.

Thực hiện hướng dẫn, các chương trình môn học chi tiết đều ghi rõ các hoạt động học tập theo định hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm với các hình thức học tập đa dạng như hoạt động cá nhân, theo đôi, nhóm, thảo luận, thực hành, bài tập nhóm, dự án, v.v. [H3.03.07.05]. Tuy nhiên

Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2015 cho thấy đa số sinh viên (trên 50%) đồng ý với nhận định về sự phù hợp của các phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả của người học phù hợp với tính chất và đặc thù của từng môn học [H3.03.03.4]. Kết quả phản hồi của sinh viên cho thấy trên 70% sinh viên nhận định các hoạt động thực tập, thực tế cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tiễn của ngành đào tạo. Đa số sinh viên (trên 60%) đồng ý với nhận định Phương pháp giảng dạy của giảng viên phù hợp giúp người học đạt được CDR. Các giảng viên cũng tham gia quản lý hoạt động học tập của sinh viên, nhằm đảm bảo sự tích cực, chủ động tham gia của người học [H3.03.07.06].

Phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá được Học viện thường xuyên quan tâm, đổi mới. Các báo cáo tổng kết năm học hàng năm và phương hướng nhiệm vụ năm học tới đều coi đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá là nhiệm vụ thường niên, trong tâm [H3.03.07.07].

2. Những điểm mạnh

Khung các chương trình đào tạo đã xác định được các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá. Học viện đã thường xuyên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. Học viện đã thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về mức độ phù hợp của phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

3. Những tồn tại

Việc đánh giá việc thực hiện các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá trên thực tế mới chỉ dừng lại ở việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên và cựu sinh viên, chưa đa dạng hình thức, phương pháp đánh giá.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2016-2017 và các năm học tiếp theo, Học viện sẽ xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn kiểm tra đánh giá và hướng dẫn phương pháp giảng dạy; xây dựng hệ thống các tiêu chí kiểm tra đánh giá cụ thể.

Học viện sẽ thực hiện đa dạng hóa các phương pháp đánh giá sự phù hợp của phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung, nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 3.8: Nội dung chương trình đào tạo thể hiện sự nhất quán từ mục tiêu, cấu trúc, nội dung đến phương pháp và quy trình giảng dạy.

1. Mô tả

Các chương trình đào tạo thể hiện sự nhất quán từ mục tiêu, cấu trúc, nội dung đến phương pháp và quy trình giảng dạy. Sự thống nhất giữa nội dung chương trình và mục tiêu, chuẩn đầu ra được quán triệt trong Quy định đào tạo trình độ đại học và thạc sỹ “Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định.” [H03.03.08.01] [H03.03.08.02]. Các mục tiêu cụ thể của chương trình được xác định căn cứ trên mục tiêu đào tạo chung của ngành, từ đó thiết kế các môn học, học phần, modul phù hợp [H03.03.08.03]. Mục tiêu của chương trình đào tạo được cụ thể hóa thành các mục tiêu với các cấp độ khác nhau ở từng môn học, học phần, modul học [H03.03.08.04]. Đồng thời, các nội dung chương trình được tổ chức, sắp xếp cho phù hợp để đạt được các mục tiêu này. Cụ thể, các học phần được tổ chức nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng từ nền tảng và cơ bản, đến mở rộng và nâng cao, từ kiến thức đại cương đến kiến thức ngành và chuyên ngành, thể hiện ở các học phần tiên quyết, các học phần bắt buộc và tự chọn

[H03.03.08.05]. Các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập cũng nhằm hướng tới việc phát triển kiến thức, kỹ năng cho người học: lý thuyết, thực hành, thảo luận, seminar, điền dã, thí nghiệm, v.v. [H03.03.08.06].

Học viện cũng đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về sự thống nhất giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp để đạt được CDR. Kết quả cho thấy các chương trình đào tạo có sự nhất quán tương đối giữa các thành tố trong chương trình. Kết quả khảo sát sinh viên năm 2015 cho thấy, tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự cân bằng giữa thời lượng dành cho lý thuyết và thực hành đạt mức trên trung bình [H03.03.08.07]. Tuy nhiên, kết quả này còn trái chiều với kết quả khảo sát cựu sinh viên năm 2016. Kết quả khảo sát cựu sinh viên năm 2016 cho thấy, mặc dù chương trình đào tạo đã cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức tương đối đầy đủ, chương trình còn nặng về lý thuyết, khối lượng các môn đại cương nhiều nhưng hiệu quả không cao, các môn chuyên ngành vẫn chưa đủ thời lượng cho việc phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp và tư duy luận chứng của người học [H03.03.08.08].

Trong 05 năm gần đây, Học viện chưa thường xuyên tiến hành lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và các bên liên quan (gồm giảng viên, cán bộ quản lý) về sự nhất quán trong nội dung chương trình góp phần thực hiện hiệu quả chuẩn đầu ra.

2. Những điểm mạnh

Các nội dung chương trình từ mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá được thiết kế nhất quán, logic. Khâu đánh giá chương trình cũng đã được thực hiện dựa trên ý kiến phản hồi của sinh viên và cựu sinh viên.

3. Những tồn tại

Việc đánh giá chương trình, sự nhất quán giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp và kiểm tra đánh giá để thực hiện có hiệu quả CDR chưa được thực hiện thường xuyên, đầy đủ đối với các bên liên quan, đặc biệt là cựu sinh

viên và giảng viên, do đó kết quả đánh giá chưa được sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh, đổi mới chương trình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành đánh giá mức độ đạt CDR của chương trình đào tạo một cách thường xuyên, đầy đủ hơn với các bên liên quan, bao gồm sinh viên, sinh viên tốt nghiệp, giảng viên và các chuyên gia, làm cơ sở để điều chỉnh, sửa đổi chương trình.

Học viện sẽ tiến hành cải tiến chương trình dựa trên các kết quả đánh giá, giúp các chương trình hướng tới phát triển các năng lực đầu ra cần thiết cho sinh viên.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 3.9: *Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo phản hồi của các cá nhân và tổ chức có liên quan theo quy định.*

1. Mô tả

Các chương trình đào tạo được định kỳ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở thông tin phản hồi từ các bên liên quan, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu linh hoạt của xã hội.

Hàng năm, Học viện tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về môn học và giờ giảng [H03.03.09.01], của sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo [H03.03.09.02]. Đối với môn học, sinh viên cung cấp phản hồi về chương trình môn học, nội dung môn học, phương pháp và phong cách giảng dạy, và kiểm tra đánh giá kết quả học tập [H3.03.09.03]. Đối với chương trình đào tạo, các nội dung lấy ý kiến bao gồm Nội dung chương trình, cấu trúc chương trình, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập, phương pháp dạy học [H03.03.09.04].

Ngoài việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chương trình và môn học, Học viện cũng thường xuyên thực hiện các hội thảo, hội nghị, tọa đàm, thông tin khoa học nhằm lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan khác, gồm các giảng viên và cán bộ quản lý [(Hội thảo quốc gia Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay, tháng 12/2014; Nâng cao chất lượng đào tạo Sau đại học ở Học viện Báo chí và tuyên truyền Hội thảo Thực hành nghề cho sinh viên Báo chí hiện nay...) [H03.03.09.05], tiếp thu ý kiến của các chuyên gia [H03.03.09.06], các đơn vị sử dụng lao động, các sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo .

Thông tin phản hồi từ các bên liên quan được xem xét làm cơ sở để điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Để giảm tải chương trình, năm 2012, Học viện đã thống nhất giảm tải thời lượng toàn khóa của các ngành khối lý luận chính trị từ 210 đơn vị học trình còn 180 đơn vị học trình, các ngành thuộc khối nghiệp vụ còn 175 đơn vị học trình, bước đầu dành thời lượng cho thảo luận, nghiên cứu, thực hành. Chương trình cũng được điều chỉnh theo hướng tăng cường thực hành, thực tế, thực tập, thảo luận... nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học [H03.03.09.07]. Học viện đã trang bị thêm các thiết bị, phương tiện hỗ trợ giảng dạy như projector, màn chiếu, ampli; lắp rèm che nắng các khu giảng đường..., xây dựng trường quay, phòng thu, phòng lab... phục vụ thực hành ngành Báo chí, phòng diễn giảng phục vụ thực hành giảng dạy... Chương trình đào tạo được chuyển đổi từ niên chế sang tín chỉ vào năm 2014 nhằm tăng tính linh hoạt, mềm dẻo của chương trình, đáp ứng nhu cầu của người học và của nhà tuyển dụng lao động [H03.03.09.08]. Chương trình được thiết kế theo hướng “thúc đẩy tính liên thông, liên kết giữa các ngành, chuyên ngành đào tạo”, theo phương thức “một ngành có nhiều định hướng đào tạo kiểu đơn ngành, kiểu ngành ghép (ngành chính-ngành phụ), kiểu song ngành”. Chương trình đào tạo tín chỉ có xây dựng thêm các học phần tự chọn, cho phép sinh viên linh hoạt lựa chọn các học phần, môn học theo nhu cầu

[H03.03.09.09]. Khung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ cũng được điều chỉnh năm 2015 [H03.03.09.10] để bổ sung, sửa đổi nội dung, các học phần học bổ sung, chuyên đổi và các chuyên đề, v.v.

Phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được điều chỉnh để đảm bảo đánh giá thường xuyên, khách quan và chính xác người học trên cơ sở tăng cường các hình thức thi trắc nghiệm khách quan và chấm thi bằng máy quét, thống nhất dạng thức ra đề thi môn Ngoại ngữ theo từng trình độ [H03.03.09.11]. Các chương trình đào tạo đã được đánh giá định kỳ qua các nguồn thông tin từ các đối tượng khác nhau và đã có một số điều chỉnh kịp thời căn cứ kết quả đánh giá.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo, làm cơ sở để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo và các hoạt động hỗ trợ đào tạo.

3. Những tồn tại

Việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo chưa được thực hiện toàn diện, thường xuyên dựa trên các sơ kết, tổng kết định kỳ.

Hoạt động thực tế, thực hành, thực tập nghề nghiệp chậm được điều chỉnh, cải tiến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục định kỳ tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo, làm cơ sở để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo và các hoạt động hỗ trợ đào tạo.

Xây dựng tài liệu hướng dẫn các hoạt động thực tế, thực tập thống nhất cho các chương trình đào tạo, các công cụ, chỉ số, cơ chế đánh giá. Hàng năm triển khai thực hiện các hoạt động thực tế, thực hành, thực tập nghề nghiệp bám sát yêu cầu của chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 3.10: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Các chương trình đào tạo của Học viện đã được đánh giá và cải tiến đồng loạt vào các năm 2012 và 2014. Việc đánh giá chương trình được dựa trên các căn cứ sau:

- Khảo sát ý kiến của sinh viên bằng phiếu thăm dò được thực hiện theo từng học kỳ, từng lớp theo chỉ định của Ban Giám đốc Học viện [H03.03.10.01]; Khảo sát đồng loạt ý kiến sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo [H03.03.10.02]. Kết quả khảo sát được phân tích và tổng hợp nhằm đánh giá những thành tựu và những tồn tại, hạn chế trong nội dung, phương pháp và kiểm tra đánh giá của các chương trình đào tạo và đưa ra đề xuất cải tiến chương trình [H03.03.10.03].

Ngoài ra, Học viện hàng năm cũng tổ chức các hội thảo khoa học lấy ý kiến của giảng viên và chuyên gia về chương trình đào tạo, nội dung, cấu trúc chương trình và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá Các hội thảo như Giảng dạy giáo dục học ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền đáp ứng yêu cầu tình hình mới; Giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Hoàn thiện nội dung và chương trình môn học “Xây dựng Đảng đại cương”; “Kết cấu chương trình môn học: Hệ thống chính trị và quá trình chính sách [H03.03.10.04].

Trên cơ sở kết quả đánh giá các chương trình đào tạo, Học viện đã tích cực đề ra và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng. Cụ thể, Báo cáo tổng kết năm học 2011-2012 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2012-2013 ghi rõ “Tăng cường hơn nữa công tác quản lý đào tạo nhằm đảm bảo mục tiêu đào tạo của từng ngành, chuyên ngành được xây dựng hợp lý, được thực hiện trọn vẹn với chất lượng, hiệu quả cao nhất” [H03.03.10.05]. Năm học 2012-2013, Học viện đã thực hiện đổi mới căn bản, quan trọng trong các chương trình đào tạo theo hướng bám sát yêu cầu thực tiễn nguồn nhân lực của xã hội;

đã chương trình hóa mục tiêu đào tạo, coi trọng chương trình thực hành kỹ năng nghề nghiệp, khắc phục sự bất hợp lý giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo đại học[H03.03.10.06].

Xác định đổi mới phương pháp giảng dạy là một nhiệm vụ trọng tâm nâng cao chất lượng đào tạo, Học viện thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực cho các giảng viên [H03.03.10.07]. Đồng thời, phong trào thi đua giờ giảng chất lượng cao được triển khai rộng khắp ở các đơn vị, thu hút nhiều giảng viên tham gia, tạo động lực cho cán bộ giảng dạy, nhất là cán bộ trẻ nhanh chóng tiếp cận phương pháp giảng dạy mới, hiện đại [H03.03.10.08].

Năm học 2014-2015, để đáp ứng nhu cầu linh hoạt của thị trường lao động, các chương trình đào tạo được xây dựng lại, có sự đổi mới về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá nhằm tăng hiệu quả đạt chuẩn đầu ra [H3.03.10.09]. Cụ thể, mục tiêu các chương trình ghi rõ các nội dung kiến thức, kỹ năng và thái độ mà chương trình muốn truyền tải cho sinh viên. Nội dung chương trình cũng được đổi mới theo hướng bổ sung những môn học mới nhằm tăng cường trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp; tăng cường các học phần tự chọn phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên,v.v. Cùng với đó, phương pháp giảng dạy tích cực tiếp tục được duy trì và nâng cao.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã có các biện pháp đánh giá chương trình đào tạo từ nhiều kênh, nhiều nguồn khác nhau như lấy ý kiến phản hồi của sinh viên thông qua khảo sát và ý kiến đóng góp của giảng viên thông qua các hội thảo, hội nghị. Kết quả đánh giá là cơ sở để học viện tiến hành các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Những tồn tại

Tuy Học viện đã tiến hành đánh giá chương trình đào tạo, việc thực hiện đánh giá mới chỉ được thực hiện thông qua kênh lấy ý kiến phản hồi của

người học bằng khảo sát định lượng, chưa sử dụng các biện pháp định tính nhằm xác định cụ thể các mặt đã đạt được và các mặt còn tồn tại hạn chế để đưa ra các biện pháp cải tiến cụ thể. Việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và cán bộ quản lý về chương trình vẫn chưa được thực hiện một cách đầy đủ, hệ thống. Ngoài ra, đánh giá mới chỉ tập trung vào phản hồi về quá trình đào tạo chứ chưa chú trọng đến tính hiệu quả của các quá trình đào tạo đối với việc đạt được CDR cho sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành đánh giá chương trình đào tạo một cách hệ thống, toàn diện thông qua nhiều kênh khác nhau: khảo sát định tính và định lượng đối với sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và các chuyên gia về các chương trình đào tạo của Học viện, làm cơ sở để cải tiến chương trình.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

Tiêu chí 4.1: Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định

1. Mô tả

Từ một trường của Đảng với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo ở Trung ương và địa phương từ trình độ sơ cấp trở lên về lý luận và nghiệp vụ, đến nay Học viện trở thành một trường đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phóng viên, biên tập viên, cán bộ tuyên truyền, đội ngũ những người làm công tác tư tưởng-văn hóa của đất nước. Nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, Học viện đã tổ chức nhiều hình thức đào tạo khác nhau với nhiều trình độ khác nhau (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) theo các phương thức đào tạo chính quy; không chính quy, vừa làm vừa học; tập trung; không tập trung [H04.04.01.01].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo của các trường chính trị, các trường đại học, cao đẳng, Học viện đã xây dựng chương trình và triển khai bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên giáo, nghiệp vụ công tác đảng, nghiệp vụ báo chí, xuất bản và truyền thông cho các cơ quan báo chí, xuất bản, các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn cả nước [H4.04.01.02].

Ngoài ra, Học viện còn liên kết đào tạo Tiếng Việt cho lưu học sinh các nước Trung Quốc, Lào, Hàn Quốc, Nhật Bản. [H4.04.01.03]

Hệ đào tạo chính quy được đào tạo theo hệ thống tín chỉ "*Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*" ban hành theo Quyết định số 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.01.04], được bổ sung theo Thông tư số 57 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H4.04.01.05].

Hoạt động đào tạo hệ vừa làm vừa học Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức VLVH của Bộ GD&ĐT. Học viện tổ chức liên kết đào tạo đại học hệ VLVH với hầu hết các trường chính trị của các tỉnh, thành phố, các trường đại học, học viện trên địa bàn cả nước. Bắt đầu liên kết đào tạo đại học từ năm 1990 với các ngành, chuyên ngành văn bằng 1, đến năm 2005, Học viện tổ chức liên kết đào tạo nhiều chuyên ngành đại học văn bằng 2 trên phạm vi cả nước [H4.04.01.06], tính đến nay, trung bình hàng năm đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học Học viện chiêu sinh khoảng 2000 chỉ tiêu/1 năm, lưu lượng tổ chức quản lý đào tạo là 6000 sinh viên/ 75 lớp/ 30 tỉnh, thành phố. Hiện nay, hệ đào tạo vừa làm vừa học thực hiện theo chương trình của hệ chính quy về số học phần, số học trình trong từng học phần, bao gồm 2 loại chương trình: Chương trình đào tạo cử nhân: 4,5 năm (văn bằng 1); chương trình đào tạo cử nhân: 2,5 năm (văn bằng 2). Phương thức học đa dạng: Quý học tập trung 1 tháng. Tháng học tập trung 10 ngày, học các ngày thứ 7 và chủ nhật. Chương trình học được cụ thể hoá bằng kế hoạch học toàn khoá và thông báo cho sinh viên biết ngay từ ngày khai giảng lớp học. Về cơ bản Học viện đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo của các tỉnh, thành phố trên cả nước. Tuy nhiên, việc tổ chức được các chương trình tiên tiến còn hạn chế dẫn đến chất lượng đào tạo các ngành, chuyên ngành còn hạn chế.

Học viện cũng đã triển khai đánh giá các hệ đào tạo, cụ thể là đại học chính quy tập trung [H4.04.01.07]. Kết quả đánh giá cho thấy các chương trình đào tạo chính quy tập trung có chất lượng tốt, hiệu quả trong việc hình thành các CDR cho sinh viên. Các chương trình đào tạo chính quy với việc áp dụng các phương pháp, hình thức giảng dạy đa dạng cũng đã phát huy sự tích cực, chủ động của người học.

2. Những điểm mạnh

- Học viện đã sớm thực hiện đa dạng hóa các hình thức, phương thức, loại hình đào tạo, tạo điều kiện linh hoạt cho các đối tượng khác nhau tham gia học tập và nâng cao trình độ.

- Học viện đã triển khai đánh giá hệ đào tạo đại học chính quy tập trung, làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

3. Những tồn tại:

- Việc tổ chức được các chương trình chất lượng cao còn hạn chế; Chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín trên thế giới còn ít.

- Việc đánh giá các hình thức đào tạo chưa được triển khai rộng rãi với các bậc sau đại học, các hệ vừa làm vừa học, văn bằng hai, v.v.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2016 - 2017, Học viện sẽ xây dựng một số chương trình chất lượng cao và một số chương trình cấp bằng quốc tế thông qua liên kết với các trường Đại học uy tín trên thế giới.

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ triển khai đánh giá đồng bộ tất cả các hình thức đào tạo ở các bậc đào tạo và các hệ đào tạo.

5. Kết quả tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 4.2: *Phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp phương châm "Người học làm trung tâm"*

1. Mô tả

Thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy trong những năm gần đây đã trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Học viện. Trong các Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ của năm học mới, việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển đổi từ phương pháp

truyền thống truyền thụ kiến thức sang phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm được quán triệt mạnh mẽ [H04.04.02.01]. Phương pháp lấy người học làm trung tâm quan tâm đến việc phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể của sinh viên. Hiện nay, Học viện đã thực hiện đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy: giảng dạy lý thuyết, phương pháp giải quyết tình huống, thuyết trình, thảo luận nhóm... [H04.04.02.02] Các khung chương trình đào tạo và các kế hoạch đề cương chi tiết đều ghi rõ số giờ giảng lý thuyết và số giờ giảng thực hành, và các hình thức, phương pháp giảng dạy tích cực ...[H04.04.02.03].

Học viện đã chú trọng đến việc bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên bằng việc tạo điều kiện cho các giảng viên được tham gia các lớp bồi dưỡng về kỹ năng và phương pháp giảng dạy tích cực trong và ngoài Học viện ...[H04.04.02.04].

Năm học 2014 - 2015, Học viện đã phát động phong trào thi đua giờ giảng chất lượng tốt tới toàn thể giảng viên trong Học viện. Mục đích, yêu cầu phong trào hướng đến là nhằm tạo sự chuyển biến về chất lượng nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy của giảng viên Học viện; các giờ giảng tốt, phương pháp giảng hay sẽ được quay video để các giảng viên khác tham khảo ...[H04.04.02.05]. Các giảng viên luôn tìm tòi, đổi mới phương pháp dạy và học, giúp người học phát huy tốt năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc tập thể một cách khoa học và có hiệu quả. Trường đã tiến hành xây dựng đề cương các môn học theo học chế tín chỉ bao gồm lý thuyết, câu hỏi hiểu bài, bài tập làm việc theo nhóm và thảo luận.

Bước sang năm học 2014 - 2015, Học viện đã từng bước chuyển đổi phương pháp đào tạo đại học từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ. Đây là một cuộc đổi mới toàn diện trong trường đại học thể hiện triết lý giáo dục lấy người học làm trung tâm, lấy đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập làm gốc nên đó là một giải pháp tổng thể để nâng cao chất lượng đào tạo. Học

viện đã tiến hành đánh giá các hoạt động của giảng viên thông qua phiếu khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng phương pháp giảng dạy trong các môn học và giờ giảng. Kết quả cho thấy việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực được các em sinh viên đánh giá tốt và dẫn tới đạt được các mục tiêu đầu ra [H04.04.02.06].

Với phương châm đặt người học vào trung tâm của quá trình đào tạo, Học viện không ngừng đào tạo, bồi dưỡng thêm về các phương pháp giảng dạy tích cực cho đội ngũ giảng viên. Học viện đã có kế hoạch đánh giá trực quan hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua việc khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng giờ giảng. Đây là động lực không nhỏ thúc đẩy người giảng viên phải không ngừng hoàn thiện và làm phong phú thêm cho phương pháp giảng dạy của mình. Bên cạnh đó, do thực tế đội ngũ giảng viên của Học viện có tuổi đời cao nên việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực còn gặp nhiều khó khăn.

2. Những điểm mạnh

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy sự tích cực chủ động của người học được coi là nhiệm vụ trọng tâm của Học viện và đã có các biện pháp, chính sách thúc đẩy, giám sát, đánh giá chất lượng giảng dạy, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Học viện đã phát động phong trào đổi mới phương pháp giảng dạy, mở các lớp bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy được Học viện quản lý, theo dõi thông các khung chương trình và các đề cương chi tiết môn học. Ngoài ra, Học viện cũng tiến hành đánh giá chất lượng giờ giảng thông qua việc khảo sát sinh viên. Việc thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy đã dẫn đến sự hài lòng của sinh viên và hiệu quả đầu ra.

3. Những tồn tại

Mặc dù đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy tích cực, Học viện chưa thiết kế được các tài liệu lưu hành nội bộ hướng dẫn về các phương pháp giảng dạy tích cực. Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của

giảng viên mới được thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, chưa có sự đánh giá từ bản thân giảng viên và đồng nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành xây dựng các tài liệu quy phạm hướng dẫn về các chiến lược giảng dạy của Học viện trong đó phương pháp lấy người học làm trung tâm sẽ là chiến lược giảng dạy chủ đạo. Học viện cũng sẽ tiếp tục quán triệt việc thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy ở tất cả các lớp, các học phần và các chương trình đào tạo. Đồng thời, Học viện cũng sẽ tiến hành đánh giá giảng viên thông qua hình thức tự đánh giá và thông qua phản hồi của đồng nghiệp, lấy ý kiến khảo sát của cựu sinh viên về sự tương quan giữa phương pháp giảng dạy và CDR.

5. Kết quả tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 4.3: *Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề*

1. Mô tả

- Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được được đa dạng hóa nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả đào tạo. Học viện đã sử dụng cả hình thức đánh giá quá trình và đánh giá kết quả học tập của người học. Cụ thể, mỗi học phần dành 40% cho điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận bài; điểm thi/kiểm tra kết thúc học phần chiếm 60% tổng điểm. Sinh viên trong quá trình học phải có điểm thực hành, sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp phải viết báo cáo tốt nghiệp và đều tính như

điểm một môn học [H04.04.03.01]. Việc duy trì hình thức đánh giá thường xuyên thúc đẩy sự tích cực tham gia học tập của sinh viên, đánh giá sự tiến bộ của sinh viên và cung cấp thông tin phản hồi giúp giảng viên điều chỉnh phương pháp, nội dung giảng dạy.

Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá đa dạng, bao gồm thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, làm bài tập lớn, thi tự luận [H04.04.03.02], [H04.04.03.03]. Các môn đại cương chủ yếu là thi tự luận, môn chuyên ngành hình thức thi được đa dạng hóa. Cụ thể là: thi trắc nghiệm chiếm khoảng 2%, thi vấn đáp chiếm khoảng 15%, làm bài tập lớn khoảng 15%, thi tự luận 68%. Các nội dung thi, kiểm tra đánh giá kiến thức chuyên môn và thực tế, kỹ năng luận chứng (phân tích, tổng hợp, sáng tạo) và kỹ năng vận dụng thực tiễn của sinh viên. Đồng thời, các hình thức thi, kiểm tra như tiểu luận, bài tập lớn, đề tài đã phát triển, đánh giá được các năng tự học, tự nghiên cứu và vận dụng thực tiễn của sinh viên [H04.04.03.04].

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học.

Học viện, đã đa dạng hóa hình thức chấm thi để bảo đảm tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Tức là dùng máy quét ảnh kết hợp với phần mềm chấm điểm. Áp dụng công nghệ này tiết kiệm rất lớn về thời gian, kinh phí và độ chính xác cao. Hạn chế được hiện tượng xin phách, đánh dấu bài, nhảm điểm và nhảm phách... [H4.04.03.05]. Công tác làm đề thi khách quan, bảo mật bằng việc bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi trong ngân hàng đề thi và chỉ làm đề trước 1 tiếng thi [H4.04.03.06]. Việc chuyển giao đánh phách, lên điểm, trả điểm cho sinh viên cho bộ phận khảo thí cũng hạn chế được việc xin phách, xin điểm bảo đảm tính công bằng, chính xác trong quá trình kiểm tra đánh giá.

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Học viện đã có ngân hàng đề thi cho từng

hình thức đào tạo. Tuy nhiên ngân hàng câu hỏi giữa hai hệ vừa làm, vừa học và chính quy là riêng và chưa tương đương [H4.04.03.07].

Học viện cũng đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đang theo học và sinh viên tốt nghiệp về các hình thức thi, kiểm tra đánh giá [H4.04.03.08]. Nhìn chung, sinh viên nhận định các hình thức thi kiểm tra đánh giá là phù hợp, đa dạng và khách quan.

2. Những điểm mạnh

Học viện đang đa dạng hóa hình thức thi để bảo đảm tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Sử dụng hình thức chấm trắc nghiệm trên máy, dùng máy quét ảnh kết hợp với phần mềm. Các hình thức, nội dung thi đánh giá nhìn chung đã hướng tới việc phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng thực tiễn của người học. Học viện cũng đã tiến hành lấy ý kiến của người học về các hình thức và nội dung thi, kiểm tra đánh giá.

3. Những tồn tại

Ngân hàng câu hỏi của hai hệ vừa làm, vừa học và chính quy là chưa tương đương, chưa có ngân hàng câu hỏi chung.

Ngoài việc lấy ý kiến phản hồi của người học về các hình thức thi, kiểm tra đánh giá, Học viện chưa có các biện pháp khác để đảm bảo việc thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề, các kỹ năng sáng tạo, và kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2016-2017, Học viện cũng sẽ tích cực đẩy mạnh đổi mới các nội dung câu hỏi thi, kiểm tra nhằm đánh giá đầy đủ các kiến thức, kỹ năng tư duy, sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên. Học viện sẽ xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn kiểm tra, đánh giá với các tiêu chí đánh giá cụ thể. Học viện cũng sẽ tiến hành các biện pháp nhằm đảm bảo các nội dung thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng tư duy và các kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	X		

Tiêu chí 4.4: *Kết quả học tập của người học được thông báo, công nhận, được lưu trữ đầy đủ, chính xác, an toàn.*

1. Mô tả

Kết quả học tập của Sinh viên được Học viện công bố công khai, kịp thời và đúng quy định [H04.04.04.01]. Học viện có văn bản quy định Giảng viên tính từ khi tổ chức thi kết học phần, sau bảy ngày phải nộp kết quả chấm bài cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo. Bảng điểm học phần được photo làm nhiều bản, 01 bản nộp cho khoa chủ quản có Sinh viên tham gia học, 01 bản cho khoa chủ quản học phần, 01 bản giáo vụ khoa lưu giữ, 01 bản lưu ở Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo và bản gốc nộp cho Ban Quản lý Đào tạo. Điểm thi của Sinh viên do các khoa công bố bằng giấy ở bảng tin, chuyển cho lớp và trên website của Học viện. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo sau khi nhập điểm vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo niên chế và tín chỉ, Sinh viên đăng nhập bằng tài khoản cá nhân có thể xem được điểm của mình.

Ngoài ra, Sinh viên có nhu cầu về bảng điểm có thể viết giấy yêu cầu theo mẫu hoặc làm bảng điểm theo mẫu được đăng trên website của Học viện tại địa chỉ <http://ajc.edu.vn> và có sự kiểm tra xác nhận của giáo vụ khoa gửi về Phòng Quản lý dạy học - Ban Quản lý Đào tạo. Phòng Quản lý dạy học sẽ hẹn Sinh viên ngày lấy bảng điểm và được giao đúng hẹn. Kết quả học tập của Sinh viên được lưu trữ đúng quy định tại Ban Quản lý Đào tạo và các khoa bằng cả bản giấy và bản mềm trong máy tính và trên mạng. Hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập của Sinh viên theo từng khóa, lớp rõ ràng, chính xác, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết [H04.04.04.02]. Trước khi xét học vụ cuối mỗi học kỳ, Ban Quản lý Đào tạo và các khoa đối chiếu kết quả

điểm từng Sinh viên để tránh sai sót, giúp việc xếp loại học tập, xét học tiếp, ngừng học, thôi học, cấp học bổng cho Sinh viên được chính xác. Kết quả xét học vụ được công bố công khai trên website của Học viện. Điểm học vụ được kí xác nhận, đóng dấu và lưu sắp xếp theo khóa học, đảm bảo an toàn, không thất lạc hồ sơ về điểm của Sinh viên.

Về cấp phát bằng tốt nghiệp cho Sinh viên, Học viện đã thực hiện theo đúng quy trình làm bằng tốt nghiệp được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H04.04.04.03]. Sinh viên được xét trước khi in bằng Sinh viên phải có tờ khai có dán ảnh để cán bộ phụ trách in bằng kiểm tra. Kết thúc khóa học Sinh viên được nhận bằng tốt nghiệp và bằng điểm toàn khóa. Học viện thường tổ chức phát bằng vào tháng 6 hằng năm, tạo điều kiện cho Sinh viên xin việc làm sớm sau khi ra trường. Sinh viên phải ký xác nhận tại sổ cấp bằng có dán ảnh và các thông tin liên quan. Học viện không cho người khác nhận thay bằng tốt nghiệp; trường hợp đặc biệt phải có giấy ủy quyền có xác nhận của địa phương, đồng thời người được ủy quyền phải photo chứng minh nhân dân của người ủy quyền, xuất trình các giấy tờ gốc để đối chiếu mới được nhận bằng. Chính vì vậy việc thất lạc bằng hầu như không xảy ra.

Định kỳ hằng năm, Học viện báo cáo kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo hồ sơ kiểm tra, thanh tra văn bằng chứng chỉ theo biểu mẫu quy định. Những sai sót trong khâu in ấn đều có biên bản hủy bỏ. [H04.04.04.04]

Hệ thống sổ sách quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ được lưu trữ theo từng khóa tốt nghiệp bằng cả hình thức sổ sách và phần mềm đầy đủ, rõ ràng, chính xác, đảm bảo an toàn dữ liệu. Các quyết định tốt nghiệp và cấp phát bằng được công bố công khai trên website của Học viện. Nhìn chung, Học viện đã có hệ thống hồ sơ quản lý kết quả học tập của người học song song với hệ thống máy tính đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, truy cập và tổng hợp báo cáo, đồng thời đảm bảo an toàn cho dữ liệu. Kết quả học tập của Sinh viên hệ chính quy được lưu trữ an toàn, đầy đủ và truy xuất kết quả

nhanh chóng. Văn bằng được cấp nhanh chóng, đúng quy định, sổ cấp văn bằng ghi chép rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

2. Những điểm mạnh

Kết quả thi của sinh viên được cập nhật thường xuyên và công bố công khai trên Website của Học viện đảm bảo kịp thời, chính xác và công khai tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

3. Những tồn tại

Việc lưu trữ quyết định tốt nghiệp, hồ sơ, sổ điểm của người học từ năm 1996 trở về trước còn chưa đầy đủ và chính xác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2016 - 2017, Học viện ban hành quy chế và triển khai thực hiện việc thống kê rà soát hồ sơ lưu trữ .

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 4.5: Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định

1. Mô tả

Về cấp phát bằng tốt nghiệp cho Sinh viên, Học viện đã thực hiện kịp thời, dứt điểm từng khóa tốt nghiệp. Quy trình làm bằng tốt nghiệp được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trước khi in bằng Sinh viên phải có tờ khai có dán ảnh để cán bộ phụ trách in bằng kiểm tra. Kết thúc khóa học Sinh viên được nhận bằng tốt nghiệp và bằng điểm toàn khóa. Học viện thường tổ chức phát bằng vào tháng 6 hằng năm, tạo điều kiện cho Sinh viên xin việc làm sớm sau khi ra trường. Sinh viên phải ký xác nhận tại sổ cấp bằng có dán ảnh và các thông tin liên quan. Học viện không cho người khác nhận thay bằng tốt nghiệp; trường hợp đặc biệt phải có giấy ủy quyền có xác nhận của địa phương, đồng thời người được ủy quyền phải photo chứng minh nhân dân của người ủy quyền, xuất trình các giấy tờ gốc để đối chiếu mới

được nhận bằng. Chính vì vậy việc thất lạc bằng hầu như không xảy ra. [H04.04.05.01], [H04.04.05.02]

Định kỳ hằng năm, Học viện báo cáo kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo hồ sơ kiểm tra, thanh tra văn bằng chứng chỉ theo biểu mẫu quy định. Những sai sót trong khâu in ấn đều có biên bản hủy bỏ [H04.04.05.03].

Hệ thống sổ sách quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ được lưu trữ theo từng khóa tốt nghiệp bằng cả hình thức sổ sách và phần mềm đầy đủ, rõ ràng, chính xác, đảm bảo an toàn dữ liệu. Các quyết định tốt nghiệp và cấp phát bằng được công bố công khai trên website của Học viện. Nhìn chung, Học viện đã có hệ thống hồ sơ quản lý kết quả học tập của người học song song với hệ thống máy tính đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, truy cập và tổng hợp báo cáo, đồng thời đảm bảo an toàn cho dữ liệu. Kết quả học tập của Sinh viên hệ chính quy được lưu trữ an toàn, đầy đủ và truy xuất kết quả nhanh chóng. Văn bằng được cấp nhanh chóng, đúng quy định, sổ cấp văn bằng ghi chép rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

2. Những điểm mạnh

- *Điểm mạnh:* Kết quả thi của sinh viên được cập nhật thường xuyên và công bố công khai trên Website của Học viện đảm bảo kịp thời, chính xác và công khai tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

- *Những yếu tố cần phát huy:* cập nhật thường xuyên, kịp thời và công bố công khai trên Website của Học viện

3. Những tồn tại

- *Tồn tại:* Việc lưu trữ quyết định tốt nghiệp, hồ sơ, sổ điểm của người học từ năm 1996 trở về trước còn chưa đầy đủ và chính xác.

- *Nguyên nhân:* Từ năm 1996 trở về trước công tác lưu trữ còn nhiều bất cập, cơ sở vật chất dùng cho lưu trữ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Năm học 2016 - 2017, Học viện ban hành quy chế và triển khai thực hiện việc thống kê rà soát hồ sơ lưu trữ .

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 4.6: Có kế hoạch và hình thức đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên

1. Mô tả

Học viện đã thực hiện các biện pháp đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên từ năm 2011 [H4.04.06.01], tuy nhiên, việc thực hiện đánh giá chưa được diễn ra thường xuyên, đa dạng và chưa được sử dụng triệt để làm căn cứ để điều chỉnh, nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên. Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên được thực hiện thông qua hình thức chủ yếu là khảo sát ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giờ giảng và môn học [H4.04.06.01], [H4.04.06.02]

Hoạt động giảng dạy của giảng viên được đánh giá ở 03 khía cạnh: Nội dung giảng dạy, phương pháp và phong cách giảng dạy, và kỹ năng tổ chức lớp học. Mỗi khía cạnh có các tiêu chí, chỉ báo cụ thể. Trong Nội dung giảng dạy, đánh giá tập trung vào: 1. tính tương thích giữa tri thức cung cấp và mục tiêu đầu ra; 2. bài giảng truyền tải được nội dung trọng tâm; 3. trọng số giữa các khối kiến thức cơ bản và mở rộng nâng cao, lý luận và thực hành, kiến thức lý thuyết và kiến thức thực tế; và 4. Phát triển kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng tư duy độc lập, sáng tạo. Phương pháp và phong cách giảng dạy được đánh giá thông qua 6 chỉ báo: 1. Giới thiệu mục tiêu bài giảng; 2. Khả năng gây hứng khởi cho sinh viên; 3. Kết hợp các hình thức, phương pháp giảng dạy khác nhau; 4. Phong cách sư phạm chuẩn mực; 5. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ giảng dạy; 6. Sử dụng tài liệu dạy học. Năng lực tổ chức lớp học được đánh giá thông qua: 1. Việc sử dụng thời gian trên lớp hợp lý; 2. Tổ chức lớp học có sự

tham gia tích cực của học viên và môi trường học tập mang tính tương tác cao;
3. Quản lý lớp; 4. Đảm bảo giờ giấc lên lớp [H4.04.06.03]

Ngoài ra, chất lượng giảng dạy của giảng viên cũng được đánh giá thông qua việc thực hiện thi đua giờ giảng chất lượng cao [H4.04.06.04]. Hàng năm, Học viện cử đoàn đánh giá thi đua đến dự giờ, quan sát giờ giảng của giảng viên và xếp hạng giờ giảng. Đồng thời, Học viện cũng cử cán bộ giáo viên tham gia thi đua giờ giảng chất lượng cao ở Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Kết quả đánh giá giờ giảng và môn học tuy cung cấp thông tin nhưng chưa thực sự được dùng làm căn cứ để đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng giảng dạy cho giảng viên.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã tiến hành đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên thông qua hình thức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giờ giảng và môn học, của cựu sinh viên về phương pháp giảng dạy. Đồng thời cũng đánh giá có sự tham gia của các giảng viên và cán bộ quản lý.

3. Những tồn tại

Hoạt động đánh giá chưa được tiến hành thường xuyên và định kỳ; các hình thức đánh giá chưa được đa dạng hóa. Việc đánh giá chất lượng giảng dạy bởi giảng viên và cán bộ quản lý chỉ mới được thực hiện đối với những giảng viên đăng ký giờ giảng chất lượng cao, chứ chưa được thực hiện đại trà. Kết quả đánh giá chưa thực sự được dùng làm căn cứ đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học.

4. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	X		

Tiêu chí 4.7: Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của học viện được lưu trữ khoa học, rõ ràng và đúng quy định

1. Mô tả

Học viện có CSDL về hoạt động đào tạo ở tất cả các hình thức đào tạo, bậc đào tạo và được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và của Học viện.

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền gồm:

- Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ ban hành căn cứ quy chế đào tạo theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007;

- Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh số 4864 /QĐ-HVCTQG ngày 03 tháng 11 năm 2016 và thông tư 15-2014/TT-BGDĐT ngày 15/4/2014 về đào tạo trình độ thạc sĩ,

- Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành căn cứ theo thông tư 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009.

- Là Học viện trực thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy chế và quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xây dựng căn cứ tuân thủ các quy chế, quy định hiện hành của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hồ sơ trong quá trình đào tạo bao gồm hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ nhập học, các văn bản thể hiện kết quả học tập và rèn luyện của nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên... các loại hồ sơ, văn bản đều theo đúng quy định trong các quy chế, quy định đã ban hành.

- Các báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động đào tạo hàng năm của Học viện.

Tất cả các văn bản này được lưu giữ tại bộ phận lưu trữ của Học viện theo quy định.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã xây dựng hệ thống văn bản về quản lý hoạt động đào tạo khá đầy đủ và theo đúng những quy định.

Hệ thống hồ sơ, các văn bản đào tạo đã được lưu trữ và quản lý đầy đủ.

3. Những tồn tại

Về cơ sở vật chất, hiện tại Học viện chưa có kho lưu trữ riêng lưu trữ về cơ sở dữ liệu hoạt động đào tạo nên nhiều hồ sơ phải chuyển xuống kho lưu trữ của Học viện, lưu trên các khoa đào tạo, lưu tại ban Quản lý Đào tạo.

Chưa đa dạng hóa được hình thức lưu trữ cơ sở dữ liệu liên quan đến hoạt động đào tạo, cụ thể là chưa số hóa được việc lưu trữ này.

Chưa có kế hoạch biên bản kiểm tra giám sát việc lưu trữ cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phối hợp với văn phòng và phòng lưu trữ để bố trí hợp lý việc lưu trữ hồ sơ, văn bản một đầu mối.

Bổ sung kế hoạch kiểm tra giám sát công tác lưu trữ cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 4.8: *Có kế hoạch tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo qua phản hồi của cơ quan, tổ chức cử người đi học đối với người học sau khi ra trường.*

1. Mô tả

Từ năm học 2011 - 2012, Học viện đã tiến hành đánh giá chất lượng đào tạo thông qua phản hồi của người học sau tốt nghiệp [H04.04.08.01] Trước hết, bộ phận Đảm bảo chất lượng dự thảo bản kế hoạch sau đó trình Ban Giám đốc phê duyệt. Kế hoạch đánh giá chất lượng đạo đối với người

học sau khi ra trường được Học viện xây dựng bao gồm các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo họ đã tham gia và về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Các kế hoạch này Ban Giám đốc Học viện giao cho Bộ phận Đảm bảo chất lượng chủ trì triển khai.

Bên cạnh đó Học viện cũng đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp, cụ thể là các năng lực và thái độ làm việc [H04.04.08.02]. Đối tượng khảo sát là các cán bộ quản lý ở các cơ quan, công ty về năng lực, phẩm chất đạo đức, kỹ năng. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số Sinh viên tốt nghiệp của Học viện được đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu công việc ở các tòa báo, các cơ quan, các công ty [H04.04.08.03]. Những thông tin thu hồi được từ hoạt động đánh giá này sẽ là cơ sở để Học viện xem xét, điều chỉnh các hoạt động đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Thông qua các đợt khảo sát, hội thảo Học viện đã thực hiện một số điều chỉnh trong hoạt động đào tạo như điều chỉnh rút ngắn thời gian cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên tốt nghiệp sau khi bảo vệ tốt nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp thuận lợi trong việc nộp hồ sơ xin việc làm.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường.

3. Những tồn tại

Kế hoạch hoạt động đánh giá chất lượng Sinh viên tốt nghiệp chưa được tiến hành thường xuyên, hệ thống. Các kết quả phản hồi về người học sau tốt nghiệp chưa được sử dụng triệt để làm căn cứ đổi mới chương trình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2016 - 2017, xây dựng các kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo hàng năm với mọi đối tượng người học, nhà tuyển dụng và cựu Sinh viên vào kế hoạch từng năm học. Xây dựng diễn đàn cho Sinh viên ra trường

thảo luận, tự đánh giá công việc của mình; địa chỉ để tiếp nhận ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp.

Các kết quả đánh giá chất lượng sinh viên sau tốt nghiệp sẽ được sử dụng triệt để làm các căn cứ để xây dựng các kế hoạch cải tiến chương trình đào tạo.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	X		

Tiêu chí 4.9: *Xây dựng môi trường giảng dạy và học tập để người học tham gia tích cực, chủ động vào quá trình đào tạo một cách có ý thức; cung cấp các chương trình đào tạo với nhiều môn học lựa chọn; lộ trình học tập, hình thức kiểm tra đánh giá, phương thức và thời gian học tập phù hợp.*

1. Mô tả

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm [H04.04.02.01] là một cam kết mạnh mẽ, quyết liệt của Học viện trong việc xây dựng môi trường giảng dạy và học tập để người học tham gia tích cực, chủ động vào quá trình đào tạo. Hiện nay, Học viện đã thực hiện đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy: giảng dạy lý thuyết, phương pháp giải quyết tình huống, thuyết trình, thảo luận nhóm... Các khung chương trình đào tạo đều ghi rõ số giờ giảng lý thuyết và số giờ giảng thực hành [H04.04.02.03], và các kế hoạch đề cương chi tiết đều trình bày rõ các hình thức, hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, khuyến khích, đòi hỏi sự tham gia tích cực của người học [H04.04.02.03].

Nhằm thực hiện việc chuyển đổi từ các hoạt động học tập mang tính chất thụ động, tiếp thụ kiến thức sang các hoạt động học tập có sự tham gia của người học, phát triển năng lực, Học viện đã chú trọng xây dựng các mục tiêu học tập là các kiến thức và các kỹ năng tư duy luận chứng và sáng tạo [H04.04.09.01]. Các mục tiêu học tập này đòi hỏi sự tham gia tích cực của

người học. Ngoài ra, các hình thức kiểm tra đánh giá cũng được đa dạng hóa, thúc đẩy sự tham gia thường xuyên, tích cực của người học vào quá trình học, sự tự tìm tòi nghiên cứu [H04.04.09.02]. Kiểm tra đánh giá không chỉ có kiểm tra kết thúc môn học để đánh giá kết quả học tập mà còn có các hình thức kiểm tra thường xuyên đánh giá ý thức (Bài kiểm tra ngắn, bài tập, thảo luận trên lớp, v.v.); đánh giá định kỳ (Tiểu luận, bài tập, bài kiểm tra). Các hình thức kiểm tra đánh giá quá trình này là động lực giúp người học tích cực học tập. Các hình thức đánh giá dưới dạng bài tiểu luận, bài tập lớn và các dự án đòi hỏi người học thường xuyên nâng cao kỹ năng nghiên cứu [H04.04.09.03].

Bước sang năm học 2014 - 2015, Học viện đã từng bước chuyển đổi phương pháp đào tạo đại học từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ. Đây là một cuộc đổi mới toàn diện trong trường đại học thể hiện triết lý giáo dục lấy người học làm trung tâm, lấy đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập làm gốc nên đó là một giải pháp tổng thể để nâng cao chất lượng đào tạo. Các chương trình đào tạo theo tín chỉ đều dành ít nhất 20% tổng khối lượng chương trình cho các học phần tự chọn, tạo điều kiện cho người học được lựa chọn, tham gia vào quá trình đào tạo [H04.04.02.03].

Học viện cũng có các cơ chế lấy ý kiến phản hồi của người học về chương trình và các hoạt động hỗ trợ đào tạo, tạo điều kiện cho người học tham gia vào đánh giá chất lượng đào tạo [H04.04.06.01], [H04.04.06.02]. Thông qua đó, người học được tham gia đánh giá về nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá. Kết quả phản hồi cho thấy sinh viên nhìn chung nhận định rằng các nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá tương đối phù hợp.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã chú trọng xây dựng môi trường giảng dạy và học tập để người học tham gia tích cực, chủ động vào quá trình đào tạo một cách có ý thức; cung cấp chương trình đào tạo có nhiều lựa chọn môn học cho học viên

thông qua các học phần tự chọn; các nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và các hình thức thi, kiểm tra đánh giá đã khuyến khích, đòi hỏi người học phải tăng cường tính tích cực, chủ động trong học tập. Học viện cũng có cơ chế lấy ý kiến phản hồi của người học, tạo điều kiện để người học được tham gia đánh giá chương trình đào tạo.

3. Những tồn tại

Mặc dù Học viện đã có nhiều nỗ lực cải thiện môi trường học tập, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá nhằm tăng cường sự tham gia tích cực của người học, các kỹ năng tư duy và nghiên cứu, những nỗ lực này chưa được thực hiện triệt để.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2016-2017, Học viện tiếp tục rà soát, chỉnh sửa các chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết nhằm đảm bảo các hoạt động học tập, các mục tiêu học tập, và các nội dung, hình thức kiểm tra đánh giá tăng cường sự tham gia tích cực của người học, phát triển các kỹ năng tư duy biện chứng và các kỹ năng thực hành, nghiên cứu, hình thành năng lực tự học.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 4.10: *Có nhiều phương thức để thu thập thông tin phản hồi và có cơ chế phối hợp giữa Học viện và các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Học viện.*

1. Mô tả

Học viện có nhiều phương thức đánh giá chất lượng đào tạo thông qua phản hồi từ các bên liên quan [H04.04.10.01]. Đánh giá chất lượng đào tạo được thực hiện thông qua các hình thức: 1. Tự đánh giá của giảng viên; 2. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học; 3. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

4. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học; 5. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp; 6. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động.

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện đảm bảo tính bảo mật và khách quan. Học viện giao cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (TTKT&ĐBCL) chủ trì triển khai thực hiện các hoạt động lấy ý kiến phản hồi. Trung tâm KT & ĐBCL sẽ lập kế hoạch lấy ý kiến, trình Ban Giám đốc xét duyệt, thông báo Kế hoạch lấy ý kiến đến các đơn vị có liên quan trong Học viện, lập danh sách và thông tin các đối tượng lấy phiếu, phát và thu phiếu lấy ý kiến. Các phiếu này được bảo mật, niêm phong, danh tính người cung cấp thông tin không được tiết lộ. Trung tâm KT & ĐBCL có trách nhiệm phân loại, làm sạch phiếu, nhập và xử lý số liệu, viết các chuyên đề và báo cáo tổng hợp để trình Ban Giám đốc phê duyệt trước khi gửi kết quả cuối cùng tới các bên liên quan [H04.04.10.02].

Học viện đã xây dựng các công cụ đánh giá chất lượng đào tạo là các phiếu khảo sát các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, chương trình, nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá trong chương trình và tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp [H04.04.10.03]. Các phiếu đánh giá này được thiết kế khoa học, hệ thống, quy định rõ các chỉ số, chỉ báo và các mức đánh giá phù hợp với từng nội dung đánh giá.

Từ năm 2011-2012 đến nay, Học viện đã có các kế hoạch và tiến hành đánh giá chất lượng đào tạo thông qua phản hồi từ các bên liên quan. Cụ thể là năm 2011-2012, Học viện đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng môn học, về hoạt động hỗ trợ đào tạo, ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về chương trình đào tạo và ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp [H04.04.10.03]. Năm 2013 đã tiến hành khảo sát phản hồi của sinh viên sắp tốt nghiệp về chất lượng chuyên ngành đào tạo [H04.04.10.04]. Năm học 2014 -2015 tiếp tục thực hiện khảo sát ý kiến sinh viên về chất lượng môn học và giờ giảng [H04.04.10.05]. Các thông tin và phản hồi từ các bên liên quan đều được phân tích, tổng hợp và viết thành các báo cáo đánh giá những mặt

đạt được và chưa đạt được, đưa ra đề xuất khuyến nghị để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo [H04.04.10.04] [H04.04.10.05] [H04.04.10.06].

Thông tin phản hồi từ các hoạt động khảo sát sẽ được Học viện sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo: Xây dựng chính sách hỗ trợ giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học trong công tác giảng dạy, phục vụ và học tập; xây dựng kế hoạch từng bước cải tiến công tác tổ chức đào tạo, hướng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo; Xây dựng văn hóa chất lượng trong học viện [H04.04.10.07].

2. Những điểm mạnh

Học viện đã có các phương pháp, hình thức đa dạng để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng chương trình đào tạo. Học viện đã xây dựng và ban hành các quy chế, quy trình công cụ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; đã triển khai các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, sinh viên, cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo. Kết quả khảo sát được phân tích, tổng hợp và viết thành báo cáo với mục đích làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Những tồn tại

Việc triển khai các hoạt động lấy ý kiến phản hồi chưa được thực hiện đồng bộ, thường xuyên. Các hình thức giáo viên tự đánh giá và đánh giá đồng nghiệp chưa được triển khai. Kết quả đánh giá chưa được xem xét làm căn cứ để cải tiến chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ triển khai đồng bộ, thường xuyên các biện pháp đánh giá chất lượng đào tạo, bao gồm cả đánh giá đồng nghiệp và tự đánh giá. Kết quả đánh giá sẽ được sử dụng làm căn cứ cho các hoạt động đổi mới, cải tiến chất lượng đào tạo.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 4.11: Việc mở mới hoặc dừng một chương trình đào tạo phải phù hợp với sứ mạng và năng lực của Học viện

1. Mô tả

Học viện hiện đang tổ chức đào tạo 28 chương trình ở bậc đại học, 19 chương trình bậc thạc sĩ, 3 chương trình bậc tiến sĩ. Trong những năm qua, các ngành/chuyên ngành được mở mới đều thuộc lĩnh vực báo chí truyền thông hoặc lý luận chính trị, là những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ đào tạo được giao của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và thuộc Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ đại học, cao đẳng [Thông tư 15 ngày 08/5/2014]. Việc mở mới hoặc dừng một chương trình đào tạo được xác định căn cứ vào nhu cầu xã hội đối với nhân lực được đào tạo thuộc ngành nghề đó, được điều tra khảo sát, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trước mắt và lâu dài, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội. Các ngành/chuyên ngành được đề xuất mở mới hoặc dừng đào tạo đều đảm bảo tính hệ thống và liên thông giữa chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ trong kế hoạch tổng thể phát triển ngành/chuyên ngành, phù hợp với sứ mệnh, chức năng, nhiệm vụ, gắn liền với việc thực hiện chiến lược phát triển của Học viện [H01.03.02.01], trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của Học viện.

Song song với việc luận chứng khoa học về cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc mở mới hoặc dừng đào tạo ngành/chuyên ngành cụ thể, Học viện có sự chuẩn bị về cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo (phòng học, phòng thực hành, thư viện, nguồn nhân lực, tài chính...) [H01.03.02.05], tuân thủ đúng các điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo trình độ đại học [H01.03.02.16], [H01.03.02.04].

2. Những điểm mạnh

Các ngành đào tạo được mở mới là những ngành thuộc lĩnh vực báo chí truyền thông và lý luận chính trị, phù hợp với sứ mệnh của Học viện.

Việc quyết định mở mới hoặc dừng một chương trình đào tạo đều hướng tới việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện, đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội.

3. Những tồn tại

Việc triển khai xây dựng các đề án mở ngành đào tạo mới tiến hành chậm, chủ yếu do thiếu nguồn lực và khó khăn trong việc đánh giá, dự báo nhu cầu xã hội

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường sự phối hợp với các đơn vị tiềm năng trong sử dụng nhân lực thuộc các lĩnh vực đào tạo của Học viện để huy động sự tham gia họ vào quá trình xây dựng đề án mở ngành và tổ chức đào tạo ngành mới.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chí 4.12: Hoạt động đào tạo của Học viện phải được đánh giá toàn diện tạo hiệu ứng tích cực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

1. Mô tả

Học viện đã thực hiện tự đánh giá chất lượng theo hệ thống tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.04.12.01]. Học viện Báo chí và Tuyên truyền nằm trong hệ thống các trường Đại học đào tạo sinh viên theo các ngành và chuyên ngành được Bộ giáo dục và Đào tạo cấp phép. Hệ thống tiêu chuẩn của Bộ giáo dục Đào tạo gồm 10 tiêu chuẩn: 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học; 2. Tổ chức và quản lý; 3. Chương trình đào tạo; 4. Hoạt động đào tạo; 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên; 6. Người học; 7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; Hoạt động hợp tác quốc tế; 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác; 10. Tài chính và quản lý tài chính. Mỗi tiêu chuẩn được đánh giá thông qua hệ thống các tiêu chí.

Học viện đã biên soạn bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện tự đánh giá theo hệ thống tiêu chuẩn của Bộ giáo dục [H4.04.12.02]. Bộ tài liệu bao gồm quy định về chu trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học; hướng dẫn tự đánh giá; hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng; và kế hoạch các hoạt động triển khai tự đánh giá trong 16 tuần. Năm học 2015, Học viện đã tiến hành tự đánh giá theo hệ thống tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo [H4.04.12.03]. Việc tiến hành tự đánh giá thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của Học viện trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo, tiến tới đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo. Để tiến hành tự đánh giá, Học viện đã giao cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch tự đánh giá để trình Ban Giám đốc duyệt. Trên căn cứ đó, Học viện thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ viết các tiêu chí cho các tiểu ban [H4.04.12.04], tiến hành tập huấn, thu thập minh chứng và viết báo cáo tiêu chí. Trung tâm TT & ĐBCL chủ trì, biên tập các báo cáo tự đánh giá tiêu chí để xây dựng báo cáo tổng kết [H4.04.12.05].

Ngoài biện pháp tự đánh giá, Học viện cũng đã tiến hành đánh giá chất lượng đào tạo thông qua phản hồi từ các bên liên quan, bao gồm sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên tự đánh giá và đánh giá đồng nghiệp nhằm tạo nhiều kênh, hình thức đánh giá để đảm bảo kết quả đánh giá trung thực, khách quan, và toàn diện [H4.04.10.04] [H4.04.10.05] [H4.04.10.06]. Các nội dung đánh giá tập trung vào chương trình đào tạo, các mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, các hoạt động hỗ trợ đào tạo, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo, mức độ đáp ứng việc làm của sinh viên v.v.

2. Những điểm mạnh

Học viện thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo trên các mặt, lĩnh vực hoạt động sử dụng hệ thống tiêu chí đánh giá của Bộ giáo dục đào tạo. Ngoài biện pháp tự đánh giá, Học viện cũng đã tiến hành các hình thức đánh giá khách quan như khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Những tồn tại

Việc sử dụng bộ tiêu chí đánh giá của Bộ giáo dục đào tạo chưa đánh giá hết được toàn diện hoạt động đào tạo của Học viện do đặc thù của Học viện là nằm trong hệ thống của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ áp dụng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ chí minh bên cạnh bộ tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo của Bộ Giáo dục Đào tạo.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tiêu chí 5.1: *Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.*

1. Mô tả

Tính đến năm 2016, Học viện có tổng cộng 783 cán bộ, công chức, viên chức, bao gồm cả cán bộ cơ hữu, cán bộ hợp đồng ngắn hạn và giảng viên thỉnh giảng. Các cán bộ, công chức, viên chức có trình độ, năng lực chuyên môn cao, nghiệp vụ vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt.

Trong số cán bộ giảng viên của Học viện có 7 giáo sư, 164 Phó giáo sư, 208 tiến sĩ, 194 thạc sĩ và 42 cử nhân [H05.05.01.01]. Đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao đã đáp ứng yêu cầu đào tạo các bậc, ngành và chuyên ngành đào tạo của Học viện, tạo nền tảng giúp Học viện mở các ngành, bậc đào tạo mới. Ví dụ, năm 2015, Học viện đã ban hành các chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng cho các ngành, chuyên ngành như Quản lý báo chí-truyền thông, Phát thanh-truyền hình, Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa, v.v. [H05.05.01.02] [H05.05.01.03].

Trong Báo cáo đánh giá về đội ngũ cán bộ ghi nhận “Nhìn chung, đội ngũ cán bộ của Học viện có bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào công tác chuyên môn. Số cán bộ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy được đào tạo cơ bản, có hệ thống, năng lực chuyên môn ngày càng được nâng cao; số lượng cán bộ có học hàm, học vị ngày càng tăng, xu hướng trẻ hóa ngày càng rõ rệt” [H05.05.01.04].

Với trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, đội ngũ cán bộ của Học viện đã nhận được các danh hiệu thi đua, khen thưởng của Học viện, của Bộ và của Nhà nước. Ví dụ năm học 2012-2013, có 1 cán bộ của Học viện nhận được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 4 đơn vị

nhận được cờ thi đua cấp Bộ, 13 đơn vị nhận được danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc; 18 cán bộ nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H05.05.01.05]. Năm 2015-2016, số lượng Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở tăng gấp đôi, có 36 cán bộ đạt danh hiệu. 100% các cán bộ, công chức, viên chức của Học viện đều hoàn thành nhiệm vụ được giao [H05.05.01.06]. Hàng năm, Học viện phát động Hội thi Giảng viên dạy giỏi cấp cơ sở, các cán bộ giảng viên đều tham gia tích cực, trong đó đều có cán bộ đạt được các giải cao [H05.05.01.07]. Các cán bộ, giảng viên của Học viện cũng tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, có nhiều đề tài cấp nhà nước, Bộ và Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; các công trình khoa học mang tính ứng dụng và thực tiễn cao. Ví dụ, năm 2013-2014 Học viện đã có 10 đề tài thuộc đề án 1677 của Thủ tướng Chính phủ [H05.05.01.07]; năm học 2015-2016, số lượng đề tài khoa học của cán bộ, giảng viên tăng lên cả về chất lượng và số lượng, trong đó có các đề tài khoa học cấp nhà nước, cấp Bộ, và các đề tài Quỹ Nafosted [H05.05.01.08].

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên tự hoàn thiện về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn. Hàng năm, một số lượng lớn cán bộ, viên chức của Học viện đăng ký tham dự các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước: các khóa tập huấn bồi dưỡng do Học viện tổ chức, các hội thảo trong nước và quốc tế, các khóa bồi dưỡng trong và ngoài nước [H05.05.01.09].

Báo cáo cũng nhận định những tồn tại, hạn chế trong đội ngũ cán bộ, công chức viên chức. Cụ thể là “cán bộ khoa học đầu đàn, có học hàm, học vị cao, thông thạo ngoại ngữ, giàu kinh nghiệm thực tế còn thiếu. Số cán bộ trẻ mặc dù được đào tạo có hệ thống nhưng thiếu kinh nghiệm thực tiễn” [H05.05.01.10].

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ, viên chức của Học viện có trình độ cao, năng lực chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng, đã thể hiện tốt năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ cán bộ thường xuyên nâng cao chất lượng công tác. Trong đó, có một bộ phận cán bộ có những đóng góp đáng kể vào đổi mới công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

3. Những tồn tại

Một bộ phận cán bộ có tuổi cao còn có sức ì lớn, chưa tích cực trong việc thường xuyên nâng cao chất lượng công tác, trình độ và năng lực. Trình độ ngoại ngữ của một số cán bộ còn hạn chế. Những cán bộ trẻ còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016, Học viện sẽ xây dựng thêm các cơ chế, chính sách khuyến khích toàn bộ đội ngũ cán bộ tham gia tích cực nâng cao trình độ, hoàn thiện về chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 5.2: Có chính sách tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cả trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Học viện đã có quy chế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. [H05.05.02.01]. Trong đó quy định rõ nhiệm vụ và quyền lợi của cán bộ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao độ trình chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Trong những năm qua, Học viện đã có những chính sách và biện pháp để tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và giảng viên được tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong và ngoài nước:

Đối với cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các chương trình đào tạo dài hạn trong nước: Học viện thực hiện chế độ giảm giờ giảng theo định mức công việc, cho hưởng nguyên lương và phụ cấp, miễn học phí, kinh phí đào tạo nếu theo học tại trường; hỗ trợ học phí nếu học ở các cơ sở đào tạo khác; hỗ trợ một lần sau khi kết thúc khóa học nếu hoàn thành khóa đào tạo đúng hạn.

Đối với cán bộ quản lý, giảng viên vừa hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ có cơ hội chuyển tiếp sinh cũng được Học viện tạo điều kiện để

tham gia khóa học. Đối với những cán bộ, giảng viên trẻ đang trong thời gian tập sự có nhu cầu đi học và được thủ trưởng đơn vị đồng ý, Học viện cũng xem xét, tạo điều kiện đi học. [H05.05.02.02]

Đối với cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các chương trình đào tạo dài hạn ở nước ngoài, Học viện thông báo các chương trình học bổng du học đến từng đơn vị; gửi thư (công văn) giới thiệu đối với các giảng viên có nhu cầu tìm kiếm các học bổng du học; hỗ trợ làm các thủ tục tiếp cận và tham gia tìm kiếm các nguồn học bổng, như học bổng từ ngân sách nhà nước: Đề án 322 (nay là đề án 911) của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án 165 của Ban Tổ chức Trung ương; Chương trình ký kết giữa hai Đảng cộng sản Việt Nam và Trung Quốc; học bổng Úc v.v... ; tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giảng viên đi bồi dưỡng ngoại ngữ trước khi đi du học; đối với cán bộ đi học ở nước ngoài, được hưởng 40% lương theo ngạch bậc; được nâng lương thường xuyên theo quy định nếu có kết quả học tập đạt yêu cầu trở lên; được tính thời gian công tác liên tục. [H05.05.02.02]

Hàng năm, ngoài việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ như phương pháp giảng dạy tích cực; kiến thức và kỹ năng lãnh đạo quản lý; kỹ năng thiết kế bài giảng điện tử; Về quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ v.v, Học viện còn tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ sở giáo dục ở trong và ngoài nước. Kết quả, mỗi năm có hàng trăm lượt cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn trên. [H05.05.02.03] [H05.05.02.04]

Ngoài ra, cán bộ, giảng viên còn được Học viện tạo điều kiện thuận lợi để tham gia giao lưu tại các diễn đàn khoa học thông qua các hội thảo do Học viện tổ chức, cũng như hội thảo khoa học khác ở trong và ngoài nước. Học viện cũng tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên được tham gia vào các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài thông qua các chương trình liên kết hợp tác về nghiên cứu, giảng dạy; trao đổi, đào tạo sinh viên, nghiên cứu sinh và giảng viên của Học viện, hoặc chương trình khác [H05.05.02.05].

Đối với các chương trình liên kết hợp tác về nghiên cứu, giảng dạy; trao đổi, đào tạo sinh viên, nghiên cứu sinh và giảng viên của Học viện: Học viện cấp toàn bộ kinh phí cho chuyến đi, hoặc hỗ trợ kinh phí đi lại, làm thủ tục hộ chiếu, visa.

Đối với các chương trình liên quan đến hoạt động chuyên môn do cá nhân cán bộ, giảng viên tự tìm kiếm, Học viện tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ các thủ tục tham gia (hoặc tùy từng trường hợp cụ thể Học viện hỗ trợ phương tiện đi lại, tiền tiêu vặt v.v....). Hàng năm có nhiều cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các chương trình trên. [H05.05.02.06] [H05.05.02.07].

Bên cạnh việc cử cán bộ quản lý và giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước, Học viện còn khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học. [H05.05.02.02]

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong những năm qua Học viện đã có nhiều chính sách và biện pháp để cán bộ quản lý, giảng viên được tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước và ngoài. Tuy nhiên, Học viện chưa có nhiều biện pháp tích cực để khai thác triệt để các nguồn học bổng của Nhà nước để nhiều cán bộ quản lý, giảng viên tham gia.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã có các kế hoạch cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cả trong và ngoài nước. Học viện đã có nhiều biện pháp để hỗ trợ cho cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở ngoài nước.

3. Những tồn tại

Các chính sách động viên, khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cả trong và ngoài nước còn hạn chế nên chưa khuyến khích được cán bộ khai thác được các nguồn học bổng của Nhà nước. Các chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức chưa được xây dựng trên một chiến lược lâu dài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2016 và những năm tiếp theo, Học viện sẽ xây dựng bổ sung các chính sách động viên, khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cả trong và ngoài nước. triển khai kế hoạch bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giảng viên để có năng lực khai thác triệt để các nguồn học bổng.

Xây dựng chiến lược đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 5.3: Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện của Học viện.

1. Mô tả:

Học viện đã có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên của từng năm.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu nhân lực của các đơn vị, Học viện đã xây dựng và tổ chức tuyển dụng giảng viên, nhân viên. Học viện thực hiện tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển và thi tuyển.

Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng quy định của nhà nước và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. [H05.05.03.01]

Từ năm 2013 đến nay, Học viện đã tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển được 11 cán bộ, giảng viên Trong đó có 02 PGS. TS; 06 TS; Thạc sĩ 03 [H05.05.03.02]

Ngoài số cán bộ, giảng viên tuyển dụng vào biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, Học viện còn thực hiện chế độ tạm tuyển (dưới hình thức hợp đồng lao động có thời hạn và không xác định thời hạn) hưởng lương từ kinh phí hàng năm của Học viện.

Đối tượng được tạm tuyển là sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi của các cơ sở giáo dục trong cả nước (ưu tiên các ứng viên được đào tạo ở nước ngoài hoặc đào tạo ở trong nước bằng chương trình đào tạo tiên tiến, liên kết quốc tế), có trình độ ngoại ngữ. Học viện sơ tuyển hồ sơ, sau đó tổ chức kiểm tra tay nghề đối với các ứng viên về làm việc tại các phòng, ban chức năng; thi giảng bằng tiếng Việt và tiếng Anh đối với các ứng viên vào vị trí giảng viên.

Từ năm 2013 đến nay, Học viện đã tuyển dụng bằng hình thức tạm tuyển được 47 cán bộ, giảng viên. Trong đó, có 10 thạc sĩ, 30 cử nhân, 04 cao đẳng và 01 trung cấp [H05.05.03.03]

Hàng năm, Học viện đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nhân viên, đề nghị của lãnh đạo các đơn vị và được Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt. [H05.05.03.04]

Trong 5 năm qua, số giảng viên, nhân viên được cử đi đào tạo tiến sĩ: 56; thạc sĩ: 26; số giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng: Năm 2012 có 124 lượt cán bộ, giảng viên tham gia; Năm 2013 có 233 lượt cán bộ, giảng viên tham gia; Năm 2014 có 301 lượt cán bộ, giảng viên tham gia; Năm 2015 có 384 lượt cán bộ, giảng viên tham gia. [H05.05.03.04]

Với số lượng cán bộ, giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm như trên đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Học viện. Tuy nhiên, trong thời gian qua Học viện chưa có kế hoạch dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên nên còn bị động trong công tác phát triển đội ngũ.

Để bổ sung những cán bộ đủ tiêu chuẩn và điều kiện vào quy hoạch, tạo nguồn nhân sự để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý một cách chủ động, Học viện đã triển khai công tác quy hoạch cán bộ quản lý các cấp. Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Học viện được xây dựng trên cơ sở quy hoạch cấp ủy Đảng; lấy quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch ở cấp trên, bảo đảm sự liên thông, gắn kết giữa quy hoạch của các bộ phận trong một đơn vị và giữa

các đơn vị trong Học viện. Ngoài tiêu chuẩn về chuyên môn cho từng cấp lãnh đạo của Học viện được quy định trong quy chế bổ nhiệm cán bộ, Học viện đặc biệt quan tâm đến những tiêu chuẩn khác đối với cán bộ quản lý, đó là: những người trong diện quy hoạch phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực tổ chức, vận động cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Học viện; Gương mẫu về đạo đức, lối sống. Có tinh thần đoàn kết, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có tác phong làm việc dân chủ, khoa học; có kiến thức và kỹ năng lãnh đạo, quản lý; có triển vọng phát triển tốt; Có sức khỏe tốt; có độ tuổi phù hợp (nam không quá 55 tuổi đối với nam, không quá 50 tuổi đối với nữ). Quy hoạch phải đảm bảo tối thiểu có 02 đến 03 người vào 01 chức danh; không quy hoạch 01 người cho 01 chức danh; không quy hoạch 01 người vào quá 03 chức danh. . [H05.05.03.05]

Quy trình quy hoạch được tiến hành thực hiện công khai dân chủ, đúng quy định đối từng chức danh lãnh đạo các cấp của Học viện. [H05.05.03.06]

Học viện đã tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ và điều kiện của Học viện. [H05.05.03.07]

Kết quả Học viện đã quy hoạch: chức danh Giám đốc quy hoạch được 03 đ/c; chức danh Phó giám đốc quy hoạch được 06 đ/c; chức danh cấp trưởng các đơn vị trực thuộc giám đốc quy hoạch được 73 đ/c; chức danh cấp phó các đơn vị trực thuộc giám đốc quy hoạch được 102 đ/c [H05.05.03.08]

Các tiêu chí và quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý được quy định rõ trong quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ của Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, và được phổ biến đến từng đơn vị. Quá trình triển khai Quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện công khai, dân chủ, rõ ràng, minh bạch và đúng quy định. [H05.05.03.09]

2. Những điểm mạnh

Học viện đã có các kế hoạch ngắn và trung hạn để xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; các kế hoạch được tổ chức, thực hiện trên thực tế.

3. Những tồn tại

Học viện chưa có các kế hoạch dài hạn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2016, Học viện xây dựng và triển khai kế hoạch dài hạn bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 5.4: *Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được đảm bảo các quyền dân chủ theo quy định*

1. Mô tả

Để đảm bảo các quyền dân chủ của cán bộ, giảng viên Học viện đã có các hoạt động sau:

Học viện đã ban hành quy chế tạm thời về thực hiện dân chủ trong các hoạt động của Học viện [H05.05.04.01]. Trong đó quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm của lãnh đạo Học viện, của từng cán bộ, giảng viên; cơ chế kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế dân chủ.

Các lĩnh vực hoạt động của Học viện đều được công khai để cán bộ, giảng viên biết, triển khai và giám sát như hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; Hoạt động nghiên cứu khoa học; các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách đối với cán bộ, giảng viên của Học viện; Kinh phí hoạt động và quyết toán kinh phí hàng năm của Học viện; Kết luận của các cuộc họp giao ban Ban giám đốc hàng tuần v.v...[H05.05.04.02].

Trước khi ban hành chính thức các văn bản quan trọng liên quan đến hoạt động quản lý của Học viện, Học viện đều thông báo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trong Học viện như: Chức năng, nhiệm vụ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Quy chế làm việc của Học

viện; Quy chế giảng viên; Quy định về chế độ làm thêm giờ của viên chức, người lao động; Quy chế thi đua, khen thưởng v.v... [H05.05.04.03]

Hàng tháng, Học viện tổ chức các cuộc họp: Phổ biến nghị quyết Đảng ủy, giao ban cán bộ quản lý, họp Chủ tịch công đoàn các đơn vị. Qua các cuộc họp này, Bí thư chi bộ, cán bộ quản lý được thông báo kết quả hoạt động của Học viện và thảo luận, bàn bạc chương trình hoạt động trong tháng tới. Đồng thời, được phản ánh mọi ý kiến đóng góp từ các đơn vị lên lãnh đạo Học viện. Lãnh đạo Học viện đã lắng nghe và kịp thời giải đáp, giải quyết những thắc mắc, kiến nghị, vừa đảm bảo hiệu quả hoạt động của học viện, vừa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cán bộ, giảng viên và nhân viên trong Học viện.... [H05.05.04.04]

Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức. Tại Hội nghị này, toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên được nghe báo cáo tổng kết năm học; báo cáo công tác tài chính; báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý từ các đơn vị cho báo cáo tổng kết của Học viện; báo cáo kết quả hoạt động của ban Thanh tra nhân dân; được thảo luận, bàn biện pháp thực hiện kế hoạch công tác năm tới của Học viện và được biểu quyết thông qua nghị quyết Hội nghị. Đồng thời qua Hội nghị, toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên được bày tỏ nguyện vọng cá nhân, góp ý về các hoạt động của Học viện. Lãnh đạo Học viện tiếp thu ý kiến đóng góp và giải đáp những thắc mắc, đề nghị của cán bộ, giảng viên, nhân viên trước toàn thể Hội nghị. ...[H05.05.04.05]

Hàng năm, Lãnh đạo Học viện tổ chức đối thoại với sinh viên để nghe và trao đổi giải quyết những vấn đề liên quan đến giảng dạy, học tập, rèn luyện, các chế độ, chính sách và những vấn đề khác liên quan đến người học v.v... [H05.05.04.06]

Với nhiều hình thức và cách thức tổ chức thực hiện quy chế dân chủ như trên, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã xây dựng được môi trường làm việc thực sự dân chủ, đảm bảo tất cả cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên đều được biết, được bàn và được kiểm tra các hoạt động của Học viện. Mọi kiến nghị, thắc mắc của cán bộ, giảng viên đã được lãnh đạo Học viện

giải đáp, giải quyết, điều chỉnh kịp thời, thỏa đáng... Vì vậy, cho đến nay Ban Thanh tra nhân dân Học viện chưa nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ, giảng viên và nhân viên trong học viện. ...[H05.05.04.07].

Tuy nhiên, vẫn còn một số ít cán bộ, giảng viên chưa phát huy quyền dân chủ của mình: chưa mạnh dạn đối thoại trực tiếp với các cấp lãnh đạo Học viện. Nguyên nhân là do chưa nhận thức đầy đủ về quyền dân chủ của mỗi cá nhân trong học viện, do tâm lý e dè, ngại va chạm v.v...

2. Những điểm mạnh

Học viện đã thực hiện quyền dân chủ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên thông qua các hoạt động và bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Những tồn tại

Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện mới tạm thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cuối năm học 2016- 2017, rà soát ban hành chính thức Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 5.5: *Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.*

1. Mô tả

Đến hết năm học 2015-2016, Học viện có 86 cán bộ quản lý các cấp. Trong đó, có 16 Phó giáo sư (chiếm 18,6%), 41 Tiến sĩ (chiếm 47,7%), 25 thạc sĩ (chiếm 29,1%), 5 cử nhân (chiếm 5,8%); 77, 91% cán bộ quản lý có trình độ lý luận chính trị cao cấp và cử nhân chính trị.

Trưởng các khoa, ban, viện nghiên cứu trong Học viện đều có trình độ tiến sĩ (trong đó có 6 đồng chí có học hàm phó giáo sư) [H05.05.05.01]

100% lãnh đạo Học viện có học hàm phó giáo sư, học vị tiến sĩ; có trình độ cao cấp lý luận chính trị và quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp; có phẩm chất chính trị; đã kinh qua nhiều chức vụ quản lý nên có nhiều kinh nghiệm trong quản lý học viện. Lãnh đạo Học viện đã thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc lãnh đạo học viện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được tập thể cán bộ tin nhiệm. Nhiều năm, lãnh đạo Học viện đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ; được khen thưởng trong hoạt động nghiên cứu khoa học, công đoàn v.v... Học viện nhiều năm được công nhận là tập thể lao động xuất sắc, cờ thi đua của Chính phủ, đơn vị điển hình tiên tiến... [H05.05.05.02]

Cán bộ quản lý các cấp của Học viện 100% là đảng viên, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện, có ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết, luôn tôn trọng đồng chí, đồng nghiệp; luôn gương mẫu trong công việc, không có đồng chí nào vi phạm quy chế dân chủ, vi phạm những điều đảng viên không được làm.

Các kết quả năm học đều cho thấy 100% cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ - đạt danh hiệu lao động tiên tiến; nhiều cán bộ quản lý đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ [H05.05.05.03]. Các cán bộ lãnh đạo đã có những sáng kiến, được Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở duyệt; có thành tích, sáng kiến, đề tài nghiên cứu có tác dụng ảnh hưởng đối với toàn Học viện, được Hội đồng Khoa học, Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp Bộ công nhận

Ngoài ra, hằng năm, Đảng ủy và Công đoàn Học viện cũng đánh giá xếp loại đảng viên và đoàn viên công đoàn. Kết quả, 100% cán bộ quản lý được đánh giá là đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ. [H05.05.05.04]

Năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý Học viện được thể hiện trong kết quả điều hành công việc ở đơn vị được phụ trách và sự ủng hộ, hợp tác của cán bộ, viên chức trong đơn vị. Trong đó có nhiều tập thể lao động xuất sắc được tặng thưởng Huân chương lao động, Cờ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Chính phủ... Cho đến nay chưa có đơn thư phản ánh,

tố cáo, khiếu nại có liên quan đến năng lực quản lý, điều hành, chỉ đạo chuyên môn và phẩm chất đạo đức của cán bộ lãnh đạo, quản lý. [H05.05.05]

Có thể khẳng định đội ngũ cán bộ quản lý của Học viện có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, thể hiện tốt năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, một số cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm, chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý, chưa được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nên trong điều hành công việc của đơn vị còn gặp những khó khăn nhất định.

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý đã thể hiện tốt năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Một số cán bộ quản lý đã có những sáng kiến, phát minh mang lại hiệu quả thiết thực trong quản lý.

3. Những tồn tại

Một số cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm kinh nghiệm quản lý còn hạn chế, chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Học viện tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục cho các cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 5.6: *Đội ngũ viên chức là giảng viên có lập trường tư tưởng vững vàng, đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định; giảng dạy đúng chuyên môn và trình độ; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là một đơn vị sự nghiệp thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong

quy hoạch làm giảng viên lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ phóng viên báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ làm công tác tư tưởng văn hóa ở trình độ đại học và sau đại học, là cơ sở nghiên cứu khoa học phục vụ cho việc hoạch định chính sách của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng, báo chí và truyền thông. Năm 2015, Học viện Báo chí và Tuyên truyền được Thủ tướng Chính phủ quyết định là trường đại học trọng điểm quốc gia về lĩnh vực đào tạo giảng viên lý luận chính trị và báo chí truyền thông. Để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao, đội ngũ giảng viên của Học viện không chỉ đủ về số lượng mà còn phải đảm bảo được chất lượng.

Hiện nay, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Học viện có 249 người (trong đó: 221 giảng viên trong biên chế và 28 giảng viên hợp đồng dài hạn) trực tiếp tham gia giảng dạy. Tất cả giảng viên đều có phẩm chất đạo đức (theo quy định về phẩm chất nhà giáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo), có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu để đảm nhận chương trình đào tạo của Học viện. Giảng viên tham gia giảng dạy 100% đạt yêu cầu của chức danh nghề nghiệp giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp. Trong đó có 01GS, 35 PGS, 71 TS, 125 Thạc sĩ [H05.05.06.01]. Tổng số giảng viên thỉnh giảng hiện nay là: 370. Trong đó có 01 chuyên gia nước ngoài, 10 giáo sư, 134 phó giáo sư, 137 tiến sĩ, 69 thạc sĩ, 20 cử nhân. [H05.05.06.02]

Giảng viên của Học viện có trình độ chuyên môn và các chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp còn có chứng chỉ về phương pháp giảng dạy tích cực, bồi dưỡng kiến thức về kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và lý luận chính trị theo quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. [H05.05.06.03].

Hiện tại, Học viện đang đào tạo 30 chuyên ngành bậc đại học, 17 chuyên ngành thạc sĩ, 03 ngành nghiên cứu sinh. Như vậy, với số lượng giảng viên Học viện giảng dạy ở các chuyên ngành thì Học viện có số lượng giảng viên hợp lý để đảm nhận chương trình đào tạo.

Tổng số giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, giảng viên quốc tế quy đổi của Học viện theo tỷ lệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định là:

430,1 giảng viên. Năm học 2015-2016, tổng số sinh viên đại học hệ tập trung:, hệ vừa làm vừa học: ; số học viên đang học cao học: hệ tập trung, hệ không tập trung: ; số học viên đang học nghiên cứu sinh:

Như vậy, tỷ lệ giảng viên trên học viên theo xu hướng tăng dần

Trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, năng lực giảng dạy của giảng viên Học viện được đánh giá qua bình xét thi đua, dự giờ và thông qua ý kiến phản hồi của sinh viên. [H05.05.06.04]

Giảng viên của Học viện thường xuyên được Học viện tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H05.05.06.05].

Ngoài ra, Học viện còn tạo điều kiện để giảng viên đi thực tế tại các cơ quan Trung ương Đảng, các bộ, ban ngành để tích lũy kinh nghiệm nâng cao chất lượng giảng dạy. [H05.05.06.06]

Ngoài việc giảng dạy, tất cả giảng viên còn tham gia nghiên cứu khoa học. Cụ thể giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học với số tiết quy đổi: giảng viên 400 giờ/ năm; giảng viên chính 500 giờ/ năm; giảng viên cao cấp 600 giờ/ năm. Số tiết quy đổi được tính từ các hoạt động tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành; xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình. [H05.05.06.07]

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, đội ngũ giảng viên kiêm chức, thỉnh giảng có vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng, nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện; giảm tỷ lệ sinh viên / giảng viên.

Học viện đã có quy định về giảng viên kiêm chức, thỉnh giảng. Trong đó, giảng viên kiêm chức là những cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhà khoa học, giảng viên công tác tại các đơn vị, có trình độ, phương pháp, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp, có đủ tiêu chuẩn đảm nhiệm việc giảng dạy và có nguyện vọng giảng dạy, được các đơn vị giảng dạy đánh giá chuyên môn và đề nghị Giám đốc Học viện xem xét ra quyết định công nhận. Còn giảng viên thỉnh giảng là những cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng, Nhà nước, Mặt

trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân; các nhà khoa học đầu ngành, có uy tín trong công tác giảng dạy, nghiên cứu lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học chính trị, khoa học lãnh đạo, khoa học quản lý, đã và đang công tác ở các cơ quan, tổ chức trong cả nước, các cán bộ nghiên cứu, giảng dạy của Học viện đã nghỉ hưu, các nhà khoa học có uy tín của cơ sở đào tạo nước ngoài được các đơn vị giảng dạy đề xuất danh sách Giám đốc Học viện xem xét, ra quyết định công nhận. Hiện nay, số giảng viên kiêm chức, thỉnh giảng tại Học viện là: 370. Trong đó có 01 chuyên gia nước ngoài, 10 giáo sư, 134 phó giáo sư, 137 tiến sĩ, 69 thạc sĩ, 20 cử nhân. Tất cả đều nhiệt tình, có trách nhiệm, có kiến thức và kinh nghiệm thực tế. Trong quá trình giảng dạy, với kinh nghiệm công tác của mình đội ngũ giảng viên kiêm chức, thỉnh giảng đã truyền tải đến sinh viên, học viên nội dung kiến thức môn học được lồng ghép với kinh nghiệm thực tiễn, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo tại Học viện [H05.05.06.08].

Học viện giao cho các khoa làm đầu mối để tạo điều kiện, theo dõi, quản lý đội ngũ giảng viên kiêm chức, thỉnh giảng giảng dạy tại Học viện. Giảng viên kiêm chức, thỉnh giảng phải tham gia giảng dạy đảm bảo số giờ giảng theo đúng Hợp đồng đã ký; được Học viện chi trả các chế độ theo quy định của Nhà nước và của Học viện: GS,TS: 100.000đ/ giờ; PGS,TS: 80.000đ/ giờ; giảng viên cao cấp: 100.000đ/ giờ, TS: 75.000đ/ giờ; giảng viên chính: 75.000đ/ giờ; Thạc sĩ: 50.000đ/ giờ [H05.05.06.09].

Giảng viên kiêm chức, thỉnh giảng tại Học viện được sinh hoạt chuyên môn, nghiên cứu khoa học; được tạo điều kiện trong việc xét công nhận đạt chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư đó cũng là động lực mạnh mẽ để đội ngũ giảng viên kiêm chức, thỉnh giảng phát huy được thế mạnh của mình cống hiến cho sự nghiệp đào tạo của Học viện [H05.05.06.10].

Trong những năm qua, Học viện đã có nhiều chính sách và biện pháp để tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên kiêm chức, thỉnh giảng giảng dạy tại

Học viện. Tuy nhiên, chính sách đãi ngộ còn chưa phù hợp với thực tế. Do đó, chưa thu hút, phát huy vai trò của đội ngũ chuyên gia này.

2. Những điểm mạnh

- Đội ngũ giảng viên có số lượng hợp lý để đảm nhận các chương trình đào tạo; Tỷ lệ giảng viên trên học viên theo xu hướng tăng dần.

- Giảng viên của Học viện thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức.

3. Những tồn tại

- Tỷ lệ học viên, sinh viên trên giảng viên còn cao.

- Số giảng viên trẻ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, tuy nhiên chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế trong giảng dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Thời gian tới Học viện tiếp tục triển khai kế hoạch tăng cường bồi dưỡng kiến thức thực tế cho giảng viên.

5. Kết quả tự đánh giá

Đánh dấu X vào một trong các ô dưới đây:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 5.7: *Đội ngũ viên chức có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả

Hiện tại, Học viện có 17 kỹ thuật viên và nhân viên kỹ thuật. Trong đó có 01 thạc sĩ, 08 cử nhân, cao đẳng 05, trình độ khác 02 được đào tạo cơ bản đúng chuyên môn, đảm bảo đúng đủ số lượng và được bố trí làm việc ở Trung tâm thực hành và Hỗ trợ đào tạo, bộ phận công nghệ thông tin, quản trị mạng - Văn phòng và phòng Quản trị; chuyên trách quản lý, theo dõi hệ thống các thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ kỹ

thuật cho người sử dụng [H05.05.07.01]. Hiện nay, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên trẻ, năng động, nhiệt tình trong công việc; có khả năng sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thành thạo các máy móc, các trang thiết bị hỗ trợ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

Số lượng cán bộ, nhân viên làm việc ở các Ban, Phòng, Văn phòng, Trung tâm và văn phòng các khoa là: 137 trong đó, trình độ thạc sĩ: 65, cử nhân: 44, cao đẳng và trình độ khác: 28 [H05.05.07.02]. Trong giai đoạn hiện nay, đội ngũ này tạm thời đáp ứng các nhiệm vụ được giao: Phục vụ, hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H05.05.07.03].

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên luôn được Học viện quan tâm. Hàng năm, ngoài việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên; Học viện còn tạo điều kiện về thời gian và cấp kinh phí để đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được tham gia vào các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ như quản trị mạng; quản lý tài chính; thanh tra; đào tạo, khảo thí ...do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước tổ chức [H05.05.07.04]. Tuy nhiên, số lượng kỹ thuật viên và nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng theo chuyên đề chuyên sâu theo yêu cầu của vị trí công việc chưa nhiều.

Bên cạnh đó, Học viện còn khuyến khích, tạo điều kiện và cấp kinh phí để đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đi học sau đại học để nâng cao trình độ. Từ năm 2012 đến nay có 24 nhân viên kỹ thuật và nhân viên đi học cao học [H05.05.07.05].

Hàng năm, Học viện cũng tiến hành bình xét thi đua theo các mức: Hoàn thành nhiệm vụ, Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80 % hài lòng về ý thức và tinh thần trách nhiệm và thái độ làm việc của các nhân viên trong các phòng, ban, trung tâm [H5.05.07.06].

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên, viên chức của Học viện có năng lực chuyên môn,

năng động và nhiệt tình trong công việc. Đội ngũ viên chức được tạo điều kiện để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức: được cử đi học các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, học nâng cao trình độ.

3. Những tồn tại

Số lượng kỹ thuật viên và nhân viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên môn sâu chưa được nhiều.

Việc lấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, sinh viên và cán bộ đồng nghiệp về ý thức trách nhiệm và thái độ làm việc của cán bộ phòng, Ban, Văn phòng Học viện còn chưa được thực hiện triệt để.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2016 và những năm tiếp theo Học viện triển khai bồi dưỡng cho đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên của Học viện theo chức danh chuyên môn của từng vị trí công việc.

Học viện sẽ thường xuyên, định kỳ đánh giá đội ngũ viên chức nhằm nâng cao chất lượng công tác phục vụ đào tạo.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 5.8: Có công cụ, quy trình, phương thức đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

1. Mô tả

Học viện thường xuyên quan tâm tới việc đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Học viện đã xây dựng được các công cụ, phương thức, quy trình đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đối với giảng viên, Học viện đã có bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giảng viên [H05.05.08.01]. Bộ tiêu chí đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phẩm chất của giảng viên. Hàng năm, Học viện triển khai đánh giá chất lượng giảng viên thông qua việc

lấy ý kiến khảo sát của người học [H05.05.08.02]. Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giảng viên đã được điều chỉnh năm 2015 để phù hợp với việc đổi mới phương pháp giảng dạy của Học viện [H05.05.08.03]. Bộ tiêu chí mới đã bổ sung những tiêu chí như tổ chức lớp học hướng dẫn sinh viên tham gia tích cực, đảm bảo tính tương tác giữa giảng viên và sinh viên; kết hợp hợp lý và hiệu quả các phương pháp giảng dạy (thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, nghiên cứu điển hình....). Ngoài phương pháp khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng viên, Học viện cũng áp dụng biện pháp đánh giá đồng nghiệp. Học viện đã xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá đồng nghiệp [H05.05.08.04]. Bộ tiêu chí này đánh giá đồng nghiệp ở các lĩnh vực giảng dạy, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học và tác phong, phẩm chất cán bộ giảng viên. Tuy nhiên, việc đánh giá đồng nghiệp mới chỉ dừng lại ở việc quan sát dự giờ giảng và đánh giá hoạt động giảng dạy [H05.05.08.05].

Học viện cũng đã xây dựng bộ công cụ cho giảng viên tự đánh giá [H05.05.08.06].

Đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức cũng được thực hiện thông qua việc bình xét các danh hiệu thi đua. Danh hiệu thi đua cấp cơ sở bao gồm: Hoàn thành nhiệm vụ, lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở, tập thể lao động tiên tiến. Danh hiệu thi đua cấp Bộ: Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua cấp Bộ, Chiến sỹ thi đua cấp Bộ [H05.05.08.07]. Việc bình xét các danh hiệu thi đua dựa trên thành tích của các cá nhân và tập thể. Với mỗi danh hiệu Học viện đã xây dựng được các tiêu chuẩn đánh giá cụ thể [H05.05.08.08]. Hàng năm, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện tổ chức đánh giá, xếp loại lao động đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo các mức.

Đặc biệt, Học viện hàng năm tiến hành thu thập ý kiến của giảng viên, cán bộ, công chức viên chức về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân và đơn vị để xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để cải tiến chất lượng đội ngũ [H05.05.08.08].

2. Những điểm mạnh

Học viện đã quan tâm tới việc đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Học viện đã xây dựng được các công cụ, biện pháp đánh giá; và hàng năm đã thực hiện đánh giá. Đã có nhiều hình thức, biện pháp đánh giá giảng viên. Việc đánh giá nhu cầu của cán bộ, công chức, viên chức cũng đã được thực hiện nhằm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Các công cụ, tiêu chí đánh giá cũng đã được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Những tồn tại

Việc đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức ngoài đối tượng giảng viên mới chỉ dừng lại ở việc bình xét thi đua, xếp loại lao động đối với những cá nhân, đơn vị đăng ký tham gia thi đua. Hình thức đánh giá này tuy khuyến khích được sự tham gia tích cực của các cá nhân, đơn vị trong việc đổi mới tác phong làm việc theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, dân chủ, kỷ cương và nề nếp, nhưng chưa đánh giá hết được toàn bộ đối tượng cán bộ, công chức viên chức. Kết quả đánh giá cán bộ, giảng viên, công chức, viên chức chưa được sử dụng triệt để trong việc cải tiến chất lượng đội ngũ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành xây dựng các công cụ, đa dạng hóa các biện pháp đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Học viện cũng sẽ quán triệt việc sử dụng các kết quả đánh giá làm cơ sở để xây dựng các kế hoạch bồi dưỡng chất lượng của cán bộ, công chức, viên chức và cải tiến chất lượng công tác.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chuẩn 6: Người học

Tiêu chí 6.1: *Người học có đạo đức, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm và thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập.*

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền rất chú trọng đến giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, trách nhiệm và thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập của học viên, sinh viên. Theo qui chế của Bộ Giáo dục và đào tạo Điều 4 chương II đánh giá về ý thức, thái độ trong học tập, tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, tham gia các kỳ thi, tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập. Điều 5, chương II Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện đại học hệ chính quy: Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong cơ sở giáo dục đại học [H06.06.01.01]; Theo Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQGHCN của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền ghi rõ: “Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, cán bộ làm công tác tư tưởng-văn hóa, cán bộ báo chí, biên tập xuất bản, cán bộ một số ngành khoa học nhân văn” [H06.06.01.02] đòi hỏi học viện phải làm tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm cho người học. Trong mục tiêu, chiến lược phát triển của Học viện [H06.06.01.03] đều nêu rõ vấn đề giáo dục đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm cho người học. Quy chế Công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy. Chương IV: Nội dung công tác sinh viên ghi rõ: Giáo dục đạo đức, lối sống cho người học, giáo dục những giá trị truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, những chuẩn mực đạo đức chung của xã hội và đạo đức nghề nghiệp; biết phê phán những hành vi không phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Định hướng giáo dục lối sống lành mạnh, văn minh tiến bộ phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Giáo dục ý thức trách nhiệm của cá nhân sinh viên với tập thể và cộng đồng; giáo dục pháp luật, kỹ năng sống [H06.06.01.04] Trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm học viện đều

đánh giá về giáo dục đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm cho người học; Trong chức năng, nhiệm vụ của phòng Công tác chính trị nêu rõ sinh viên tích cực rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh trong quá trình học tập [H06.06.01.05]. Đây là các cơ sở để sinh viên rèn luyện và đánh giá giáo dục đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm cho người học;

Người học nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm và thái độ nghiêm túc của mình, có đạo đức tốt mới phát huy được tài năng, cố gắng học hỏi, rèn luyện vượt qua khó khăn để học tập tốt, phát huy truyền thống của học viện, cống hiến cho quê hương, đất nước, đoàn kết giúp đỡ bạn bè. Người học có lối sống lành mạnh mới thực hiện tốt các quy định của Học viện, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghĩa vụ công dân, góp phần toa nên sự ổn định xã hội và phát huy được những truyền thống, phong tục tập quán quê hương đất nước. Có tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập mới thực hiện tốt nhiệm vụ của người học.

Người học thường xuyên trau dồi, rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh cụ thể là: tích cực học tập và tham gia vào các hoạt động để rèn luyện, phát huy các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc như yêu nước, đoàn kết, sáng tạo, vượt khó: tham gia vào phong trào thanh niên tình nguyện, giúp đỡ đồng bào dân tộc khó khăn, giúp đỡ khắc phục hậu quả thiên tai, giúp đỡ bạn để học tập tốt, vượt qua khó khăn; thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức xã hội như: kính trọng thầy cô giáo, yêu thương đoàn kết với bạn bè, thực hiện nghiêm túc quy chế, quy định của học viện, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trung bảo cáo về công tác giáo dục đạo đức, lối sống của sinh viên, học viên. Thực hiện lối sống công nghiệp, sống khoa học, cẩn thận, tích cực nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ; tiếp thu những hành động cao đẹp biết xả thân vì cộng đồng, đất nước; tích cực học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Rèn luyện đạo đức, lối sống toàn diện. Biểu hiện rõ nhất là người học thực hiện quy chế tốt hơn, đi học đầy đủ, số

sinh viên vi phạm qui chế giảm đi [H06.06.01.06]; Danh sách sinh viên vi phạm qui chế năm 2015-2016; Nhiều sinh viên không có vi phạm quy chế, kiên trì, sáng tạo, vượt khó, vượt nghèo để học tập tốt, để rèn luyện tốt được Học viện khen thưởng; Số sinh viên bảo vệ khóa luận, luận văn tốt nghiệp tỷ lệ cao hơn, kết quả học tập cao hơn năm trước, tỷ lệ người học đạt loại giỏi tỷ lệ cao hơn năm trước [H06.06.01.07]. Nhiều sinh viên tích cực tham gia các phong trào Đoàn Thanh niên được khen thưởng. Sinh viên giúp đỡ nhau học tập, sinh hoạt; năng động, sáng tạo hơn. Sinh viên tích cực tham gia phong trào học tập và rèn luyện theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Học viện tổ chức sinh viên tham gia tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS năm 2015[H06.06.01.08]; Sinh viên không bị lôi kéo kích động tham gia tụ tập đông người, không phát tán tài liệu trái phép, phản động, truyền bá tôn giáo trái phép. Thực hiện Đảm bảo an ninh trường học và quản lý sinh viên [H06.06.01.09]. Người học có đạo đức tốt đã phát huy được các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam thực hiện theo các chuẩn mực đạo đức xã hội và quy định của Học viện, người học có lối sống văn minh, lành mạnh; rèn luyện lối sống toàn diện, lối sống công nghiệp; tích cực học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Người học thực hành đạo đức, lối sống theo nguyên tắc học đi đôi với hành, trong tất cả các hoạt động học tập, rèn luyện, trong giao tiếp xã hội đều chú ý thực hiện hành vi theo các chuẩn mực xã hội, giúp đỡ nhau để thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức, quy định về lối sống văn hóa, tiếp thu lối sống đẹp, hành vi đạo đức tốt, thực sự học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh[H06.06.01.10]

Người học đã hình thành nhân cách đẹp của học viên trường Đảng đó là lập trường tư tưởng, vững vàng kiên định tin tưởng vào chủ nghĩa Mác Lê Nin, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực hiện nghiêm chỉnh các chuẩn mực đạo đức cách mạng, tiên phong, tự giác và tích cực học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Người học tự giác học tập,

rèn luyện lối sống văn hóa trường Đảng, đấu tranh với những biểu hiện vi phạm lối sống văn minh.

2. Những điểm mạnh

- *Điểm mạnh:* Người học có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm cao thái độ rất nghiêm túc trong quá trình học tập; luôn trau dồi về đạo đức, lối sống để học tập tốt, rèn luyện tốt đáp ứng yêu cầu đối với học viên, sinh viên trường Đảng, cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia; luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc trong thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật và quy chế của Học viện

.-*Những yếu tố cần phát huy:* rèn luyện đạo đức và lối sống thường xuyên, thực hiện lời nói đi đôi với việc làm, phát huy tính kiên trì, vượt khó, năng động sáng tạo, thực hiện lối sống công nghiệp. Đẩy mạnh phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

3. Những tồn tại

- *Tồn tại:* Còn một số rất ít người học chưa thực sự chú trọng việc rèn luyện đạo đức, lối sống, tính nghiêm túc và thái độ trách nhiệm trong học tập [H06.06.01.11], còn có người học bị tác động tiêu cực của cơ chế thị trường đến đạo đức, lối sống và tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc trong học tập.

- *Nguyên nhân:* do nhận thức của một số sinh viên còn yếu, chưa thấy rõ được yêu cầu của mục tiêu đào tạo và tầm quan trọng của đạo đức, lối sống và ý thức trách nhiệm, tính nghiêm túc trong học tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ngay vào đầu năm học, Học viện tổ chức tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của người học và tăng cường kiểm tra, giám sát việc rèn luyện đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và tính nghiêm túc trong học tập của sinh viên, học viên.

Tổ chức các phong trào thi đua học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, hướng dẫn, tập hợp và cổ vũ tất cả người học tích cực tham gia rèn luyện đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh và tinh thần trách nhiệm và tính nghiêm túc trong học tập.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chí 6.2: *Người học được nhận thức đúng và chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nội quy, quy chế của Học viện.*

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền rất quan tâm đến việc tuyên truyền, giáo dục cho sinh viên, học viên tinh thần trách nhiệm, hiểu biết và tôn trọng pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước, nội quy, quy chế của Học viện. Sử dụng nhiều phương thức tuyên truyền giáo dục như: tuyên truyền miệng, hội thảo, báo cáo chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh; giáo dục bằng hệ thống pa nô, áp phích, khẩu hiệu, thông qua phong trào văn hóa, văn nghệ sinh viên, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về đạo đức lối sống. Hình thức giáo dục phong phú với hệ thống khẩu hiệu, pa nô, tranh cổ động trong khuôn viên Học viện. Nội dung giáo dục có tính toàn diện và tập trung vào các nội dung giáo dục đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đạo đức cách mạng, học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, văn hóa học đường, tinh thần trách nhiệm, tự giác, sáng tạo, vượt khó, thực hiện quy chế của Học viện cho sinh viên, học viên.

Hàng năm, vào đầu năm học, Học viện tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho sinh viên, học viên toàn Học viện [H06.06.02.01], Học viện đã phối hợp với Các đơn vị có liên quan và Công an địa phương để giới thiệu và quán triệt đến người học các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định về công tác phát triển đảng viên, các văn bản theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản liên quan phòng chống các tệ nạn xã hội, nói chuyện với người học về tình hình thời sự nổi bật trong nước và trên thế giới,... [H06.06.02.02], [H06.06.02.03]. Đồng thời,

thông qua hoạt động này Học viện đã phổ biến nội quy, quy định, công khai tiêu chí đánh giá người học, công khai mọi quyền lợi và nghĩa vụ của người học. Kết thúc đợt sinh hoạt chính trị, Học viện tổ chức đánh giá nhận thức của sinh viên, học viên thông qua các bài viết thu hoạch và bản cam kết về việc tuân thủ pháp luật và các quy định của Học viện [H06.06.02.04]. Đợt sinh hoạt chính trị đầu năm là bắt buộc đối với tất cả sinh viên, học viên, Học viện quản lý chặt chẽ đợt học tập này. Việc phổ biến pháp luật theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT được Học viện nghiêm túc thực hiện. Môn Pháp luật đại cương được đưa vào chương trình học tập [H06.06.02.05]. Phòng công tác chính trị, Đoàn thanh niên đã tổ chức các phong trào tìm hiểu pháp luật với nhiều hình thức phong phú thu hút hàng ngàn sinh viên tham gia.

Việc tuyên truyền giáo dục luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Học viện cho người học được thực hiện qua việc lồng ghép vào các bài học chính trị, pháp luật, chủ nghĩa xã hội và phổ biến rộng rãi thông qua website của Học viện. Nội dung của công tác tuyên truyền, giáo dục được chuẩn bị rõ ràng, có kế hoạch cụ thể [H06.06.02.06]. Sau mỗi hoạt động, các nội dung này đánh giá kịp thời điều chỉnh nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách, chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước cho tất cả người học. Sinh viên, học viên có thể tham khảo các tài liệu cần thiết ở Thư viện, Văn phòng Đoàn hoặc Văn phòng Đảng ủy. Các báo cáo, tài liệu hỗ trợ của Học viện đã giúp cho việc kịp thời đánh giá và điều chỉnh nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong công tác giáo dục [H06.06.02.07].

Hầu hết sinh viên, học viên của Học viện đều có nhận thức chính trị tốt, đặc biệt là những chủ trương, chính sách của ngành giáo dục, có lối sống lành mạnh, nghiêm chỉnh và gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tỷ lệ sinh viên, học viên tham gia các buổi học tìm hiểu về pháp luật, tìm hiểu đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, học tập và quán triệt các Nghị quyết của Đảng, nghe báo cáo thời

sự do Học viện tổ chức đạt 98%. Số lượng sinh viên, học viên vi phạm quy định về luật pháp, vi phạm quy chế học tập thi cử, bị kỷ luật về đạo đức, lối sống hoặc bị khiển trách/kỷ luật về tinh thần trách nhiệm học tập, rèn luyện là không đáng kể [H06.06.02.08]. Học viện có nhiều hình thức tuyên dương, khen thưởng các sinh viên, đoàn viên gương mẫu [H06.06.02.09]. Có chế độ khuyến khích đối với các cán bộ đoàn, cán bộ lớp về tinh thần trách nhiệm trong học tập, rèn luyện [H06.06.02.10]. Các sinh viên tham gia công tác Đoàn có thành tích xuất sắc được xem xét giới thiệu kết nạp Đảng [H06.06.02.11].

Các nội quy, quy định được Học viện thường xuyên tuyên truyền thông tin rộng rãi, công khai đến người học thông qua tài liệu “Những điều cần biết” và được phát hành hàng năm vào đầu năm học và qua các kênh thông tin: website, hệ thống sinh hoạt Giáo viên chủ nhiệm, hệ thống sinh hoạt Chi đoàn; qua hệ thống loa phát thanh và qua các buổi học tập, sinh hoạt chính trị định kỳ. Chương trình tiếp xúc sinh viên, học viên hằng năm của lãnh đạo Học viện [H06.06.02.12], chương trình gặp gỡ sinh viên, học viên đầu năm học, các đợt giao ban Đoàn thanh niên, sinh hoạt lớp luôn được triển khai hiệu quả. Qua đó, Học viện có thể nắm bắt được tâm tư, dư luận người học, kịp thời uốn nắn, hướng dẫn để người học hiểu đầy đủ, hiểu đúng về chủ trương chính sách, các quy định của Học viện. Việc xử lý các cá nhân vi phạm quy định pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế được Học viện thực hiện nghiêm túc [H06.06.02.13].

2. Những điểm mạnh

- Học viện chú trọng triển khai tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế thường xuyên, rộng khắp và có các biện pháp hiệu quả để người học chấp hành, kịp thời xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm; nội dung giáo dục cụ thể, sâu sắc, hình thức tuyên truyền phong phú đa dạng.

- Các đơn vị trong Học viện thống nhất cao và có trách nhiệm trong việc tổ chức hiệu quả hoạt động tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho người học, phát huy tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ

trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Tạo được sự chuyên biến về mặt nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể về ý nghĩa của sự cần thiết của việc đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục.

- Sinh viên, học viên nắm được và chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Học viện. Sinh viên, học viên có đạo đức và lối sống lành mạnh, tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

- Giáo viên giảng dạy bộ môn pháp luật không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp với điều kiện mới. Thường xuyên kiểm tra, ngăn chặn các hành vi nghi vấn vi phạm pháp luật, phát hiện, đề xuất xử lý kỷ luật các sinh viên, học viên vi phạm pháp luật.

3. Những tồn tại

- Giáo dục các quy chế chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục với sinh viên; các khoa chưa chú trọng việc giáo dục quy chế cho sinh viên.

- Hoạt động tuyên truyền giáo dục chưa thật sự phong phú về hình thức, chưa phù hợp với sinh viên nên hiệu quả đạt được chưa cao, Hoạt chủ yếu trong “Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa” vào đầu năm học và sinh hoạt giáo viên chủ nhiệm.

- Nội dung tuyên truyền chưa chú trọng đến các chuyên đề liên quan nhiều đến đời sống sinh viên như luật giao thông, luật hôn nhân gia đình, luật dân sự,...

- Giáo dục đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước có lúc còn chung chung, chưa cụ thể, chưa thường xuyên với những nhóm sinh viên nhất định. Giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho sinh viên chưa sâu sắc, có lúc chưa phối hợp nhịp nhàng trong giáo dục cho nên còn có sinh viên có hành động đánh nhau, lấy tài sản của bạn, ăn mặc không phù hợp với văn hóa học đường, sinh viên vi phạm quy chế thi, quy chế rèn luyện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Phòng Công tác chính trị phối hợp với các khoa, phòng chức năng tăng cường giáo dục pháp luật và quy chế cho sinh viên. đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục quy chế, đạo đức, lối sống lành mạnh cho sinh viên phù hợp với đào tạo theo tín chỉ.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật hàng năm và dành kinh phí cho hoạt động này;

- Thay đổi hình thức tuyên truyền để thu hút sinh viên tham gia, tránh nhàm chán, khô khan. Tuyên truyền sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách luật pháp của Nhà nước và các nội quy, quy định của Học viện trên các phương tiện thông tin nội bộ;

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế và kiên quyết xử lý nghiêm các học sinh sinh viên vi phạm pháp luật;

- Yêu cầu đảng viên, CBVC phải thực sự là tấm gương cho sinh viên noi theo về ý thức chấp hành pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật;

- Trong kế hoạch năm học hàng năm xây dựng cụ thể việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các sự kiện và nhân vật lịch sử nhằm giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các nội quy, quy định của Học viện. Phân công các đơn vị có liên quan như Phòng Công tác chính trị, Văn phòng Đảng ủy, Đoàn Thanh niên phối hợp thực hiện có hiệu quả.

- Có kế hoạch tăng cường giám sát việc thực hiện nội quy của người học và có báo cáo định kỳ hằng tháng cho Ban Giám đốc.

5. Kết quả đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 6.3: Người học được thông tin đầy đủ về các quy định trong quy chế đào tạo và các văn bản khác có liên quan của Học viện

1. Mô tả

Học viện luôn luôn chú trọng đến công tác hướng dẫn về các quy định trong quy chế đào tạo cho người học một cách đầy đủ thông qua các kênh sau đây:

Thông qua Chương trình “Tuần Sinh hoạt công dân HSSV” đầu năm [H06.06.03.01], đầu khóa, người học được Lãnh đạo Ban Quản lý Đào tạo và Phòng Công tác chính trị, Đoàn Thanh niên Học viện phổ biến chi tiết các nội dung các văn bản về Quy chế 43, quy định đào tạo đại học chính quy, Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và những hiểu biết về chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các ngành học, mục tiêu đào tạo, nhiệm vụ năm học [H06.06.03.04], Quy chế 42 về công tác HSSV [H06.06.03.03]. Năm học 2014 - 2015, Học viện đã phổ biến và quán triệt thêm nội dung của Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học [H06.06.03.05] và Quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học cho sinh viên từ khóa tuyển sinh 2012 trở đi [H06.06.03.06]. Các nội dung trên được thể hiện rõ trong chương trình học tập “Tuần Sinh hoạt công dân HSSV” đầu năm, đầu khóa được Giám đốc Học viện phê duyệt và ban hành thực hiện thống nhất cho tất cả các khóa học.

Sau khi được phổ biến chung, người học tiếp tục được tư vấn cụ thể ở các khoa về chương trình, kế hoạch đào tạo, quy định về phương pháp học và phương pháp đánh giá đối với từng môn học. Các nội dung này cũng được Học viện tiếp tục đăng tải trên Website của các phòng, khoa, ban và Học viện.

Định kỳ mỗi học kỳ một lần, Học viện tổ chức gặp gỡ và đối thoại giữa Lãnh đạo Học viện, lãnh đạo các phòng, khoa, ban với đại diện sinh viên của tất cả các lớp trong trường. Tại các buổi gặp gỡ đối thoại này, Ban Giám đốc và lãnh đạo các phòng, khoa, ban trực tiếp trả lời, giải đáp và tư vấn trực tiếp những vướng mắc, kiến nghị của SV liên quan đến chương trình đào tạo, công tác kiểm tra đánh giá. Cùng với các phòng chức năng, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên thường xuyên duy trì tổ chức các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm học tập, chia sẻ tài liệu và phương pháp học tập để cung cấp thêm cho người học những thông tin, hiểu biết cần thiết trong suốt khóa học.

Với phương thức vừa phổ biến, vừa hướng dẫn, vừa tổ chức tư vấn cho người học hiểu biết và nắm bắt các nội dung liên quan về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá theo nhiều kênh, nhiều cấp, vừa trực tiếp, vừa gián tiếp như trên; người học đã nắm được và hiểu biết những thông tin cơ bản để chủ động xây dựng được kế hoạch, chương trình học tập và rèn luyện của mình.

Học viện đã triển khai đồng bộ các văn bản liên quan đến người học các quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện. Tuy nhiên, các văn bản chưa được cập nhật đầy đủ trên website của Học viện.

2. Những điểm mạnh

- **Điểm mạnh:** Người học được phổ biến, hướng dẫn đầy đủ các văn bản các quy định trong Quy chế đào tạo, Quy chế rèn luyện sinh viên cũng như các chủ trương mới của Học viện, của Bộ Giáo dục và Đào tạo qua nhiều kênh khác nhau.

- **Những yếu tố cần phát huy:** Luôn luôn cập nhật các văn bản, thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh kịp thời điều chỉnh và hướng dẫn cho sinh viên thực hiện các Quy chế đào tạo, Quy chế rèn luyện.

3. Những tồn tại

- **Tồn tại:** Học viện chưa cập nhật các văn bản liên quan đến công tác đào tạo một cách hệ thống trên Website Học viện và sinh viên cũng chưa có thói quen cập nhật thông tin về hoạt động đào tạo trên hộp thư điện tử của mỗi sinh viên.

- **Nguyên nhân:** Sinh viên còn bị động tìm hiểu các quy chế mới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2016 - 2017, Học viện công bố đầy đủ quy chế rèn luyện sinh viên đã cập nhật và sửa đổi lên website Học viện để người học thuận lợi trong việc tra cứu, tìm hiểu trong quá trình học tập.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 6.4: Người học được bảo đảm đầy đủ chế độ chính sách theo quy định; được tạo điều kiện hoàn thiện về thể chất và tinh thần trong quá trình học tập tại Học viện

1. Mô tả

Học viện có Quy chế đào tạo, Quy chế Học viên [H06.06.04.01], Quy chế tài trợ sinh viên [H06.06.04.02]. Học viện có biện pháp để bảo đảm các chế độ, chính sách theo quy định bằng việc ra Quyết định thành lập Ban quản lý Quỹ hỗ trợ sinh viên [H06.06.04.03]

Học viện thực hiện đảm bảo chế độ chính sách xã cho sinh viên: trợ cấp chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số, ở vùng khó khăn theo quy định của Nhà nước [H06.60.04.04]; Năm học 2014-2015, miễn giảm học phí cho 1605 sinh viên, trợ cấp xã hội, cấp học bổng kỳ II năm học 2014-2015 cho 293 sinh viên với số tiền là 102.795.000 đồng [H06.06.04.05]; trợ cấp cho học viên học tại trường theo hướng dẫn số 38 của Ban Tổ chức Trung ương cho học viên cao học khóa 18 là 692.300.000 đồng, NCS khóa 17 là 148.250.000 đồng và sinh viên k34B là 353.050.000 đồng [H06.06.04.06]

Quyết định năm học 2016-2017 miễn giảm học phí đối với sinh viên hệ đại học chính quy tập trung (có danh sách kèm theo) [H06.06.04.07]. Những sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học được Học viện khen thưởng kịp thời như nhóm 10 sinh viên đạt được giải nhì đề tài khoa học sinh viên cấp bộ năm 2015 [H06.06.04.08].

Sinh viên học tập giỏi, rèn luyện tốt được nhận học bổng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có 621 em nhận học bổng năm học 2014-2015 [H06.06.04.09], mức học bổng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện nay, 10% số sinh viên được nhận học bổng theo mức đóng học phí của từng chuyên ngành đào tạo. Khen thưởng, kỷ luật sinh viên xét duyệt thường xuyên theo Quy chế khen thưởng kỷ luật sinh viên [H06.06.04.10] đã kích thích sinh viên cố gắng học tập và rèn luyện.

Sinh viên được khám sức khỏe định kỳ theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ y tế [6.2-8][H6.6.4.11]. Học viện đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho sinh viên đầu khóa học để xác định tình trạng sức khỏe, bệnh tật

của sinh viên. Học viện chăm lo phòng chống dịch bệnh cho sinh viên: có kế hoạch và phổ biến kịp thời và thường xuyên cách phòng chống khi có các dịch bệnh như bệnh sởi, đau mắt đỏ, cúm...

Tất cả sinh viên được tạo điều kiện học tập, nghiên cứu ở thư viện, sử dụng các phòng phương pháp, mượn sách, tài liệu học tập theo quy định về quyền của sinh viên trong Quy chế rèn luyện sinh viên [H06.06.04.12]

Sinh viên được tham gia các hoạt động như tập luyện văn nghệ để biểu diễn nhân khai giảng năm học mới, tổng kết khóa học, ngày thành lập đoàn TNCS Hồ Chí Minh, ngày Nhà giáo Việt nam 20-10 ...

Hàng năm, sinh viên tham gia phong trào thể dục thể thao của Học viện tổ chức mỗi năm một lần vào dịp cuối năm, với các hoạt động phong phú như kéo co, bóng đá nam, bóng đá nữ, bóng bàn [H06.6.4.13], cầu lông để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, đã tạo ra sân chơi lành mạnh, phát hiện được những sinh viên có thành tích cao. Các lớp đều thành lập đội bóng đá nam, nữ; các khoa thành lập câu lạc bộ sinh viên để rèn luyện nghiệp vụ như: “ Câu lạc bộ Tuyên giáo trẻ” của Khoa Tuyên truyền, “Những nhà lãnh đạo, quản lý tương lai” của Khoa XDD, “Câu lạc bộ triết học” của khoa Triết học. Các câu lạc bộ hoạt động đã thu hút sinh viên nhiệt tình tham gia và có tác dụng tốt để rèn luyện nghiệp vụ và các kỹ năng tổ chức, giao tiếp, làm việc nhóm... Các khoa tổ chức đội tình nguyện để thu hút sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện.

Học viện khai thác được các nguồn lực để tăng cường và mở rộng về mức độ và đối tượng người học được hỗ trợ theo chế độ chính sách theo quy định

Học viện chú trọng công tác phòng chống cháy nổ, đã thành lập Ban chỉ đạo và Đội phòng chống cháy nổ, cứu nạn thiên tai; tổ chức tập huấn thường xuyên. Học viện tạo môi trường cảnh quan xanh- sạch - đẹp, đã đảm bảo an toàn và thuận lợi cho sinh viên trong khuôn viên của Học viện [H06.06.04.14]

Học viện có hệ thống văn bản quy định bố trí, phân chia việc sử dụng, quản lý các phòng học và sân bãi, các công trình thể thao văn hóa trong Học viện.

Học viện có đường chạy 100 m đang xây mới, có sân khấu di động [H06.06.04.15], sân bóng, sân tennis bên ký túc xá, sân thể thao sau nhà A1

(sân cầu lông)... Hội trường lớn dành làm nơi tổ chức các hội diễn văn nghệ, mít tinh, hội nghị lớn của toàn Học viện.

2. Những điểm mạnh

Điểm mạnh của Học viện là đã thực hiện đảm bảo chế độ, chính sách xã hội cho sinh viên và học viên; tạo điều kiện thuận lợi cho người học được tham gia các hoạt động; tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao và đảm bảo an toàn trong khuôn viên học viện.

Học viện tổ chức nhiều hoạt động phong phú đa dạng như: hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao phù hợp với sinh viên đã tạo ra sân chơi lành mạnh phục vụ học tập và rèn luyện tốt.

Học viện đã thực hiện đúng chế độ chính sách xã hội, đảm bảo minh bạch và lợi ích của người học. Những trường hợp có vướng mắc được giải thích, hướng dẫn để sinh viên hoàn thiện thủ tục để được hưởng chế độ, chính sách.

3. Những tồn tại

Bên cạnh đó, việc thực hiện chế độ, chính sách xã hội cho sinh viên còn chưa kịp thời với một số trường hợp cụ thể;

Phong trào văn nghệ tổ chức nhiều hoạt động liên tục có ảnh hưởng đến thời gian học tập của sinh viên, phong trào thể dục thể thao tổ chức không thường xuyên cho nên không khuyến khích được sinh viên có năng khiếu, có thành tích cao phát triển tài năng, tích cực tham gia phong trào

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2016-2017 đổi mới tổ chức các hoạt động văn nghệ sinh viên, hướng dẫn và quản lý chặt chẽ các phong trào văn nghệ để đảm bảo phục vụ học tập, rèn luyện của sinh viên.

Năm học 2016-2017, Học viện đảm bảo thông tin kịp thời về chế độ, chính sách và thủ tục hưởng chế độ cho sinh viên.

Học viện tiếp tục khai thác các nguồn lực để tăng cường và mở rộng mức độ và đối tượng người học được hỗ trợ theo chế độ chính sách theo quy định.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 6.5: Trong quá trình học tập, rèn luyện, người học được tạo điều kiện để tham gia đánh giá chất lượng đào tạo

1. Mô tả

Từ năm 2012 đến nay, vào đầu mỗi năm học bộ phận Đảm bảo chất lượng Học viện đều xây dựng kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng đào tạo Học viện trong đó nêu rõ các nội dung công việc, thời gian dự kiến hoàn thành, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện và các sản phẩm cần có. Nội dung hoạt động người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học được thể hiện rõ trong bản kế hoạch này [H06.6.5.1]. Như vậy, Học viện đã triển khai hoạt động này được 03 năm với 100% giảng viên mỗi năm được sinh viên đánh giá việc giảng dạy ít nhất một lần. Kết quả đánh giá được thể hiện rõ trong bản báo cáo phân tích kết được chi tiết đến từng giảng viên tương ứng với từng môn học và đối với từng khoa giảng dạy [H06.6.5.2].

Quy trình xây dựng, thiết kế phiếu ngay từ năm đầu tiên đã được Học viện thực hiện nghiêm túc, khoa học. Trước tiên, bộ phận Đảm bảo chất lượng tham khảo các yêu cầu về tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy của một số trường đại học đã thực hiện để đề xuất các tiêu chí đánh giá phù hợp với cái chung và những đặc thù của Học viện. Tiếp theo đó, hội đồng khoa học của Học viện họp, góp ý kiến và chỉnh sửa trước khi phiếu được phát tới từng lớp sinh viên [H06.6.5.3]. Sau mỗi một năm, phiếu đánh giá lại được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp hơn. Việc sửa chữa, điều chỉnh này được dựa trên việc phân tích các kết quả đánh giá mà mỗi năm thu được [H06.6.5.4].

Quy trình lấy phiếu được xây dựng khoa học, hợp lý. Trước mỗi đợt lấy phiếu Học viện gửi thông báo và kế hoạch đến các đơn vị, khoa, phòng, ban, trung tâm trong toàn Học viện. Việc phát phiếu được thực hiện bởi một tổ công tác lấy phiếu do Giám đốc ra quyết định [H06.6.5.5]. Dựa vào kế hoạch giảng dạy năm học của Học viện, tổ lấy phiếu sẽ đến từng lớp sinh viên để phổ biến cách thức điền phiếu, phát phiếu và thu phiếu [H.6.6.5.6]. Phiếu thu

về được làm sạch, mã hóa và nhập vào máy tính bằng phần mềm excel. Việc phân tích, xử lý kết quả được thực hiện nghiêm túc, chính xác bằng phần mềm thống kê SPSS. Kết quả đánh giá được Giám đốc Học viện thông báo đến từng giảng viên, khoa vào thời điểm phù hợp.

Năm học 2014-2015, Học viện đã triển khai hoạt động sinh viên đánh giá chất lượng đào tạo của trường trước khi tốt nghiệp [H06.6.5.7]. Quy trình xây dựng phiếu, thông báo, tổ chức lấy phiếu cũng được thực hiện tương tự như lấy phiếu đánh giá kết thúc môn học. Tuy nhiên đối tượng lấy phiếu cho hoạt động đánh giá này là sinh viên năm cuối cùng của Học viện.

Hoạt động sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên được thực hiện qua nhiều năm nên đã rút ra được kinh nghiệm để lần sau làm tốt hơn lần trước.

Hoạt động sinh viên đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện trước khi tốt nghiệp năm đầu thực hiện nên chưa có kết quả đánh giá.

Ngoài ra người học còn được lấy ý kiến phản hồi mà đối tượng là cán bộ ở các Phòng, Ban, Trung tâm, Viện (không thuộc đơn vị giảng dạy) nhằm mục đích góp phần rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ giúp Ban giám đốc xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ nâng cao chất lượng đào tạo trong toàn Học viện. [H06.6.5.8].

Bên cạnh đó, Ban Giám đốc, Phòng Công tác Chính trị, Ban quản lý đào tạo, Trung tâm Khảo thí và ĐBCLĐT và đại diện các khoa mỗi tháng một lần đều gặp gỡ người học để nghe những phản ánh nguyện vọng và ý kiến đề xuất về chất lượng đào tạo. [H06.6.5.9].

Tất cả các công việc đánh giá đều được tổng hợp trong báo cáo hàng năm để rút kinh nghiệm cho công tác đánh giá và làm cơ sở để nâng cao chất lượng đào tạo

2. Những điểm mạnh

Sau mỗi đợt sinh viên đánh giá chất lượng giảng dạy môn học, Học viện đều có phân tích, đánh giá những bộ phiếu hỏi nên thông tin thu được luôn có độ chính xác và tin cậy cao.

Năm học 2016-2017, Học viện đã tiến hành lấy phiếu phản hồi online, giảm bớt chi phí tài chính và thời gian cho việc phát phiếu trực tiếp mà kết quả thu được có độ chính xác cao.

3. Những tồn tại

Việc đánh giá các bộ phận phục vụ, hậu cần của công tác đào tạo chưa diễn ra thường xuyên và chưa được chú trọng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chú trọng hơn nữa vào công tác đánh giá các bộ phận phục vụ, hậu cần của công tác đào tạo.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 6.6: *Người học có khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn đã được học vào quá trình làm việc, được các tổ chức của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ghi nhận*

1. Mô tả

Người học có ý thức và biết vận dụng kiến thức chuyên môn đã học vào quá trình làm việc gắn liền với công tác đào tạo của Học viện. Hoạt động quản lý đào tạo của Học viện được đổi mới mạnh mẽ; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hiện đại. Học viện đã thực hiện chuyển đổi mô hình đào tạo từ niên chế sang tín chỉ đối với đào tạo đại học chính quy tập trung và đang từng bước áp dụng thực hiện đồng bộ đối với các bậc, hệ đào tạo khác; các quy chế, quy định về công tác đào tạo được bổ sung, cập nhật và hoàn thiện. Học viện đã chú trọng công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, nâng cao chất lượng đầu vào, kiểm soát chặt chẽ chất lượng đào tạo và các môn học, đặc biệt là chuẩn hóa ngoại ngữ và tin học từ khóa 32 [H06.06.06.01].

Năm học 2012-2013, Học viện đã có khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp khối lý luận bao gồm các ngành: Chính trị công tác tư

tướng, Lịch sử Đảng, Xây dựng Đảng, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Chính trị học [6.8.1][H06.06.06.02]. Để khảo sát khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm của sinh viên tốt nghiệp, bộ phận Đảm bảo chất lượng xây dựng 01 phiếu hỏi về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp với nhiều tiêu chí khác nhau như: thời gian tìm được việc sau tốt nghiệp, mức độ phù hợp giữa chuyên ngành đào tạo và công việc, mức lương, con đường tìm việc làm sau tốt nghiệp....[6.8-2][H06.06.06.03]. Căn cứ vào dữ liệu về cựu sinh viên do các khoa cung cấp 70% phiếu hỏi được chuyển trực tiếp đến cựu sinh viên, 30% số phiếu hỏi được gửi qua thư điện tử. Tất cả số phiếu hỏi thu về được nhập vào máy tính và xử lý bằng phần mềm thống kê Excel và SPSS. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên tốt nghiệp các ngành này có khả năng tự tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường chiếm hơn 70%, tuy nhiên chưa đến 50% những người tìm việc làm này làm đúng ngành được đào tạo [MC 6.8-3][H06.06.06.04].

Như vậy, chỉ có một số ngành đào tạo thuộc khối lý luận Học viện đã khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên còn riêng các ngành khối nghiệp vụ như: Báo chí, Phát thanh - truyền hình, Quan hệ công chúng, quảng cáo, Xuất bản, Xã hội học ... Học viện chưa thực hiện được việc này.

Bên cạnh đó Học viện cũng đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp. Đối tượng khảo sát là các cán bộ quản lý ở các cơ quan, công ty về năng lực, phẩm chất đạo đức, kỹ năng. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số Sinh viên tốt nghiệp của Học viện được đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu công việc ở các tòa báo, các cơ quan, các công ty. Những thông tin thu hồi được từ hoạt động đánh giá này sẽ là cơ sở để Học viện xem xét, điều chỉnh các hoạt động đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Ngoài các đợt khảo sát, Học viện đã tổ chức được Hội thảo lấy ý kiến Giảng viên và các chuyên gia để điều chỉnh chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo [H06.06.06.04]. Học viện đã xây dựng nhiều mối quan hệ với các tòa báo, các cơ quan các đơn vị

sử dụng lao động, thông qua các mối quan hệ này có được nguồn thông tin về chất lượng đào tạo của Học viện [H06.06.60.05]. Thông qua các đợt khảo sát, hội thảo Học viện đã thực hiện một số điều chỉnh trong hoạt động đào tạo như điều chỉnh rút ngắn thời gian cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên tốt nghiệp sau khi bảo vệ tốt nghiệp để tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp thuận lợi trong việc nộp hồ sơ xin việc làm.

Năm học 2016-2017, Học viện đang lấy phiếu phản hồi về việc làm của sinh viên ra trường với quy mô lớn từ đó làm cơ sở để đổi mới hoạt động đào tạo. [H06.06.06.06]

2. Những điểm mạnh

Học viện đã triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường.

3. Những tồn tại

Kế hoạch hoạt động đánh giá chất lượng Sinh viên tốt nghiệp chưa có tính hệ thống và lâu dài và lấy ở tất cả các chuyên ngành đào tạo.

Bên cạnh đó, việc thu thập lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động cũng chưa thường xuyên và hệ thống.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2016 - 2017, xây dựng các kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo hàng năm với mọi đối tượng người học, nhà tuyển dụng và cựu Sinh viên vào kế hoạch từng năm học.

Xây dựng diễn đàn cho Sinh viên ra trường thảo luận, tự đánh giá công việc của mình.

Năm 2016-2017, Học viện sẽ xây dựng khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	x		

Tiêu chí 6.7: *Người học được hỗ trợ, tạo điều kiện để bổ sung và hoàn thiện các kỹ năng về lãnh đạo, quản lý nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả

Xuất phát từ chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa, cán bộ báo chí, biên tập xuất bản [H06.06.07.01]. Mục tiêu đào tạo của Học viện đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận chính trị - truyền thông và các khoa học xã hội nhân văn khác, đội ngũ cán bộ. Cho nên đòi hỏi người học luôn luôn cập nhật tri thức, đặc biệt là tri thức mới. Nâng cao tri thức lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng để đáp ứng được yêu cầu của công việc khi ra trường. Theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo người học được hỗ trợ, tư vấn học tập, hướng nghiệp và việc làm cho sinh viên [H06.06.07.02]; Quy chế công tác sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2015 - 2016 quy định phải hỗ trợ về học tập, rèn luyện, tiếp thu thông tin, pháp luật và sinh hoạt, nghiên cứu khoa học, các kỹ năng về lãnh đạo, quản lý khoa học [H06.06.07.03]. Qui chế rèn luyện của Học viện [H06.06.07.04]; Chức năng, nhiệm vụ của phòng Công tác chính trị quy định rõ Phòng thực hiện tư vấn, hỗ trợ, hướng nghiệp và việc làm sinh viên [H06.06.07.05]. Thực hiện các quy định về hỗ trợ, hướng nghiệp, việc làm với sinh viên, người học được cập nhật, bổ sung kiến thức toàn diện theo mục tiêu đào tạo và yêu cầu hội nhập hiện nay. Người học tiếp nhận các kiến thức về lý luận chính trị, hiểu sâu sắc và vận dụng Nghị quyết của Đảng vào học tập và rèn luyện; nắm được và thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy chế của Học viện, các kiến thức lý luận chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp và khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại; các kỹ năng về lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học. [H06.06.07.06]. Hỗ trợ về các kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học cho người học gồm các kiến thức lý luận, các kỹ năng, các thao tác, các thông tin về lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học. Sinh viên các lớp đều được học môn Khoa học quản lý, phương pháp nghiên cứu khoa học, một số lớp

QLVHTT được học môn Nghiên cứu lý luận chính trị, hiểu quy trình triển khai đề tài khoa học, các lớp lý luận chính trị học môn phương pháp giảng dạy

Người học được tạo điều kiện thực hành kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học. Hướng dẫn người học nâng cao các kỹ năng tổ chức các Câu lạc bộ, sự kiện để rèn luyện kỹ năng như CLB Lãnh đạo, quản lý tương lai của sinh viên khoa Xây dựng Đảng, CLB tuyên giáo, CLB Triết học...

Sinh viên tham gia nghiên cứu về phương pháp học tập ở Đại học, học ngoại ngữ để tiếp cận nhanh tri thức, phương pháp học ở đại học và phương pháp học chuyên ngành “*Tuần sinh hoạt đầu khóa*” [H06.06.07.07] Sinh viên được thông tin kịp thời về chính sách, pháp luật, về quy chế, quá trình thực hiện quy chế [H06.06.07.08].

Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, các Khoa tổ chức hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, mỗi năm các Khoa có từ 1 - 3 sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học [H06.06.07.09]

Các Khoa, Ban Quản lý khoa học hướng dẫn sinh viên qui trình, qui định viết luận văn, luận án [H06.06.07.10].

Người học được khoa chủ quản, Đoàn thanh niên Học viện hướng dẫn các kỹ năng về tổ chức các sự kiện, tổ chức hoạt động chính trị - xã hội, xin việc, viết đơn, phỏng vấn, giao tiếp.

Người học được nghe buổi thông tin khoa học, hội thảo cấp khoa, Học viện và quốc gia, đã góp phần thiết thực hỗ trợ, tạo điều kiện sinh viên nâng cao các kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học.

Các kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học của người học được hoàn thiện trong quá trình học tập cụ thể như sau: Sinh viên nắm được quy trình, các kỹ năng triển khai các đề tài khoa học, các bài tập lớn, tổ chức nghiên cứu thực tiễn. Nhiều sinh viên tham gia đề tài khoa học sinh viên cấp trường, cấp bộ [H06.06.07.11], người học triển khai thành công các bài tập, các khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án; kết quả đi kiến tập, thực tập của học viên, sinh viên được các khoa đánh giá cao. Sinh viên đủ điều kiện được bảo vệ và công nhận tốt nghiệp [H06.06.07.12].

Người học nâng cao kỹ năng tổ chức, quản lý các chương trình hoạt động của các CLB, các phong trào, các hoạt động và phong trào của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hoạt động tình nguyện và từ thiện đạt hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Các kỹ năng lãnh đạo, quản lý và nghiên cứu khoa học của người học đã góp phần trực tiếp nâng cao kết quả chất lượng công tác khi tốt nghiệp ra trường.

Kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập đã góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng công tác của người học sau khi tốt nghiệp. Nó giúp cho người học ở trường nắm sâu các kiến thức lý luận, vận dụng kiến thức lý luận vào nghiên cứu thực tiễn để càng nắm chắc được kiến thức, đồng thời thấy rõ được những đòi hỏi của thực tiễn để học tập, rèn luyện các kỹ năng đáp ứng được yêu cầu khi ra trường. Ra trường mới có khả năng tham gia vào nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn nghề nghiệp như đánh giá thực trạng ưu điểm, hạn chế, các vấn đề đang đặt ra của thực tiễn nghề nghiệp; dự đoán sự phát triển và đòi hỏi mới của lĩnh vực công tác với đội ngũ cán bộ. Nó giúp cho người học nghiên cứu thực tiễn hiểu được bản chất qui luật vận động, biến đổi của thực tiễn để đề ra phương án hành động; khái quát từ thực tiễn thành bài học, lý luận phục vụ cho công tác của mình, bài học cho quá trình giải quyết thực tiễn. Chính nhờ các kỹ năng nghiên cứu khoa học mà biết cách vận dụng lý luận vào để giải quyết thực tiễn. Có các kỹ năng lãnh đạo, quản lý giúp cho việc tổ chức, lãnh đạo giải quyết vấn đề thực tiễn đạt hiệu quả.

So với những năm trước, hoạt động hỗ trợ, tạo điều kiện để người học hoàn thiện các kỹ năng lãnh đạo, quản lý và nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh hơn, các nội dung và hoạt động cụ thể thiết thực hơn. Học viện tăng cường chỉ đạo các khoa, đơn vị chức năng, Đoàn Thanh niên đổi mới tổ chức, nội dung để công tác hỗ trợ tạo điều kiện để bổ sung và hoàn thiện các kỹ năng về lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học thiết thực, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của người học.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã chú trọng hỗ trợ, tạo điều kiện để bổ sung và hoàn thiện các kỹ năng về lãnh đạo, quản lý nghiên cứu khoa học; có nhiều nội dung phong phú, thiết thực đáp ứng nhu cầu sinh viên. Hình thức hỗ trợ, tạo điều kiện bổ sung và hoàn thiện các kỹ năng về lãnh đạo, quản lý nghiên cứu khoa học rất đa dạng, hấp dẫn người học phù hợp với từng ngành học, khóa học.

Tổ chức, hỗ trợ, tạo điều kiện tập trung và rèn luyện nâng cao các kỹ năng thực hành, thường xuyên giúp cho người học có nhiều cơ hội tiếp cận thông tin, trao đổi, học tập nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học.

Những yếu tố cần phát huy:

- Học viên quan tâm chỉ đạo kịp thời, thường xuyên việc hỗ trợ, tạo điều kiện bổ sung và hoàn thiện các kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học cho người học, thông qua Nghị quyết Đảng ủy, Hội nghị giao ban nhằm thúc đẩy các khoa, giáo viên tích cực thực hiện hoạt động này.

- Đổi mới nội dung, hình thức hỗ trợ cho thiết thực, hiệu quả, phù hợp với sinh viên các lớp, các khóa, các ngành học khác nhau trong Học viện.

3. Những tồn tại

- *Tồn tại:* Hỗ trợ, tạo điều kiện để bổ sung hoàn thiện các kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học chưa đồng đều các lớp, các Khoa, với tất cả sinh viên.

Một số giảng viên chưa thật chú trọng đến những hoạt động hỗ trợ, tạo điều kiện để bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng lãnh đạo quản lý trong quá trình giảng dạy; Chưa phối hợp, sử dụng được nhiều lực lượng, chuyên gia, giáo viên thỉnh giảng giúp đỡ hỗ trợ các kỹ năng cho người học.

Một số ít sinh viên, học viên chưa chú trọng rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm và thái độ nghiêm túc trong học tập. Thể hiện các lớp đều còn sinh viên vi phạm quy chế thi, quy chế rèn luyện; còn chia rẽ, gây mất đoàn kết trong lớp; sống ích kỷ, không quan tâm và giúp đỡ người khác, người gặp khó khăn hoạn nạn.

-Nguyên nhân tồn tại: Một số người học chưa coi trọng việc bổ sung, hoàn thiện các kỹ năng lãnh đạo, quản lý và nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập còn tranh thủ thời gian làm các việc khác phục vụ sinh hoạt và đời sống.

Một số khoa, chuyên ngành chưa thực sự chú trọng tạo điều kiện hỗ trợ hoàn thiện các kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học cho người học.

Các đơn vị chức năng, Phòng Công tác chính trị, khoa chưa quan tâm sử dụng các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm về để giúp đỡ các kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học cho người học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đầu năm học 2016 - 2017 Học viện phổ biến các văn bản về quy chế rèn luyện của Bộ giáo dục và đào tạo, Phòng Công tác chính trị, khoa chủ quản hướng dẫn Ban cán sự các lớp giáo dục, giúp đỡ sinh viên vi phạm về đạo đức, lối sống, ý thức trách nhiệm, ý thức học tập không tốt.

Kết hợp việc giáo dục với việc xử lý nghiêm những sinh viên vi phạm quy chế đạo đức lối sống và ý thức trách nhiệm kém.

Từng học kỳ Học viện thường xuyên tổ chức phong trào thi đua học tập tốt, rèn luyện tốt với các nội dung cụ thể, thiết thực để giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống và ý thức sinh viên.

Học viện xây dựng kế hoạch hỗ trợ, bồi dưỡng các kỹ năng lãnh đạo, quản lý sinh viên.

Các Khoa bổ sung chương trình học tập, tăng cường các môn học bồi dưỡng kỹ năng, lãnh đạo, quản lý nghiên cứu khoa học của người học; nâng cao chất lượng các Câu lạc bộ rèn luyện nghiệp vụ về kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức sự kiện, các kỹ năng khác của người học.

Các Khoa, liên chi đoàn có kế hoạch đổi mới tổ chức các câu lạc bộ sinh viên hướng vào bồi dưỡng, thông tin các kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học.

5. Kết quả đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chí 6.8: *Việc rèn luyện phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được quan tâm.*

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền được giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ lý luận chính trị và truyền thông cho đất nước [H06.06.08.01]; theo Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG, Quyết định 304/QĐ-HVCTQG ngày 6/3/2006 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, đòi hỏi mục tiêu đào tạo là đào tạo ra đội ngũ cán bộ bậc đại học có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh”. Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đơn vị trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong qui hoạch làm giảng viên lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ phóng viên báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hóa” [H06.06.08.02]. Vì vậy, Học viện rất chú trọng việc rèn luyện phẩm chất chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học. Nghị quyết của Đảng ủy Học viện chỉ rõ nâng cao ý thức chính trị, củng cố niềm tin của sinh viên và sự nghiệp cách mạng do đảng lãnh đạo. Động viên sinh viên tích cực, sáng tạo, học tập tốt, rèn luyện tốt [H06.06.08.03].

Học viện quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của phòng Công tác chính trị: Tham mưu cho Đảng ủy, Ban giám đốc thực hiện quản lý về công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, văn hóa-thể thao trong cán bộ, viên chức, học viên và sinh viên. Quản lý công tác rèn luyện của sinh viên, học viên về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống [H06.06.08.04].

Học viện triển khai kịp thời công tác giáo dục Nghị quyết của Đảng, và chính sách pháp luật Nhà nước [H06.06.08.05]; người học thực hiện phong trào Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh [H06.06.08.06];, đảm bảo an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội [H06.06.08.07]. Phổ biến tình hình thời sự trong và ngoài nước cho học viên, sinh viên; giáo dục qui chế của Học viện và đạo đức, lối sống nhằm nâng cao ý thức chính trị, nhận

thức về đạo đức, lối sống và hình thành tính tích cực rèn luyện đạo đức, lối sống của sinh viên. Định hướng tư tưởng cho sinh viên trước diễn biến chính trị - xã hội phức tạp hiện nay.

Xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức cho sinh viên trong “*Tuần sinh hoạt công dân-HSSV*” đầu khóa học năm 2016 [H06.06.08.08]. Học viện tổ chức giảng dạy môn đạo đức cho các lớp sinh viên để sinh viên nắm được quan điểm tư tưởng, nội dung rèn luyện đạo đức, giáo dục các chuẩn mực đạo đức xã hội, giáo dục lối sống, hướng dẫn sinh viên rèn luyện lối sống lành mạnh để xứng đáng là sinh viên trường Đảng, trường đại học.

Học viện chú trọng tổ chức các hoạt động, phong trào sinh viên để rèn luyện đạo đức, lối sống cho sinh viên. Thực hiện đề án của Thủ tướng Chính phủ số 150... về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên từ 2015-2020, chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên [H06.06.08.09]

Rèn luyện chính trị, tư tưởng cho sinh viên cụ thể là tổ chức cho sinh viên tham gia các phong trào chính trị-xã hội, cuộc vận động chính trị như: Tuổi trẻ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Tuổi trẻ viết về anh bộ đội Cụ Hồ, viết về chiến sĩ Công an nhân dân [H06.06.08.10]. Sinh viên tham gia phong trào thi đua yêu nước.

Học viện giáo dục, định hướng sinh viên kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Không có sinh viên bị lôi kéo, kích động tham gia tụ tập đông người, tham gia các tổ chức phản động, có phát biểu quan điểm trái với đường lối của Đảng, Nhà nước trên mạng xã hội. Sinh viên nêu cao ý thức chính trị, cảnh giác, đấu tranh phê phán quan điểm sai trái; có thái độ đứng đắn trước diễn biến chính trị, các sự kiện của đất nước; tích cực tham gia hoạt động chào mừng Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, tham gia bầu cử Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đảm bảo 100% sinh viên tham gia bầu cử. Người học có thái độ đứng đắn trước diễn biến phức tạp ở Biển Đông.

Nhà trường xây dựng các chiến lược, chương trình rèn luyện đạo đức, lối sống cho người học, xây dựng quy định văn hóa học đường [H06.06.08.11], xây dựng quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cụ thể, phù hợp với điều kiện của Học viện.

Việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học so với những năm trước có nhiều tiến bộ hơn, kết quả cao hơn; đó là sinh viên tích cực tham gia rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống; đổi mới nội dung, thay đổi phương pháp rèn luyện sinh viên; Gắn rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức với tổ chức phong trào học tập tốt, phong trào thi đua với đấu tranh chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; với đẩy mạnh phong trào học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh. Phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của người học được nâng lên.

2. Những điểm mạnh

Đảng ủy, Ban giám đốc quan tâm chỉ đạo tổ chức giáo dục tư tưởng, chính trị, rèn luyện đạo đức, lối sống cho người học; đã tổ chức giáo dục tư tưởng, chính trị kịp thời, hiệu quả, rèn luyện đạo đức, lối sống cho người học thường xuyên, với nhiều hoạt động đa dạng và tạo điều kiện cho tất cả mọi người tham gia quá trình rèn luyện. Người học nhận thức đầy đủ ý nghĩa của quá trình rèn luyện nên đã tích cực, chủ động học tập và rèn luyện cho nên Phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của người học được nâng cao.

- Những yếu tố cần phát huy

Năm học 2016-2017 tổ chức và tạo điều kiện để người học tự giác, tích cực rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống;

Đổi mới nội dung và hình thức rèn luyện; kết hợp giáo dục rèn luyện với đánh giá kết quả rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học. Tổ chức các phong trào thi đua trong học viện để người học tham gia, thông qua đó để rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Đẩy mạnh phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

3. Những tồn tại

Có một số ít sinh viên chưa chú trọng rèn luyện về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống biểu hiện còn vi phạm Quy chế học tập, thi, quy chế rèn luyện, văn hóa học đường, không cố gắng, vượt qua khó khăn để học tập, rèn luyện tốt.

Một số giáo viên chưa chú trọng công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học.

- *Nguyên nhân:* do nhận thức hạn chế, sai lệch của người học về vai trò của việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống đã ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình rèn luyện chính trị, đạo đức, lối sống.

Công tác quản lý, đánh giá rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống chưa chặt chẽ, chưa góp phần thúc đẩy người học rèn luyện. Giáo viên và các đơn vị chức năng chưa giành nhiều công sức vào việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học.

Do tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường, quá trình hội nhập quốc tế đến quá trình đào tạo, đặc biệt là sự tác động đến quá trình rèn luyện đạo đức lối sống người học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2016-2017 Học viên đẩy mạnh công tác giáo dục nâng cao nhận thức về rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống với tổ chức nhiều hoạt động, các phong trào thi đua cho người học để họ rèn luyện lập trường, tư tưởng và đạo đức, lối sống.

Đổi mới nội dung, hình thức tổ chức rèn luyện lối sống cho người học phù hợp với điều kiện của Học viên trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

Kết hợp tốt giữa khoa, phòng Công tác chính trị, Đoàn TNCS Học viện, các giáo viên và các đơn vị chức năng trong quá trình rèn luyện người học.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 6.9: Công tác Đảng, đoàn thể đối với người học được thực hiện theo quy định.

1. Mô tả:

Tổ chức Đảng, đoàn thể có quy chế hoạt động rõ ràng, triển khai thực hiện đúng quy chế thu hút được đông đảo đoàn viên, sinh viên tham gia.

Học viện có các tổ chức Đoàn Thanh niên. Các khoa đều có Liên chi đoàn khoa, dưới các Liên chi đoàn khoa là các chi đoàn sinh viên. [H6.06.09.01].

Đảng bộ Đảng bộ Học viện phân công một đồng chí Đảng uỷ viên trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của Đoàn Thanh niên; hàng tháng đều làm việc phối hợp với các phòng ban, khoa để chỉ đạo và hướng dẫn các mặt công tác của công tác Đoàn và phong trào Thanh niên [H6.06.09.02].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền vừa là một trường Đảng thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đồng thời là một trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, chính vì thế, công tác phát triển Đảng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phát triển Đảng. Trong nhiều năm qua, với vai trò là hạt nhân lãnh đạo mọi hoạt động của học viện, Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, công tác phát triển đảng trong sinh viên và học viên; Đảng bộ đã lãnh đạo các đơn vị và đoàn thể phát động nhiều phong trào hành động cách mạng thiết thực, nhiều hoạt động phong phú về hình thức, đa dạng về nội dung, có ý nghĩa giáo dục, cổ vũ động viên thanh niên, sinh viên tích cực học tập, rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, tu dưỡng bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, qua đó phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn và giới thiệu những sinh viên ưu tú có đủ điều kiện học lớp "Bồi dưỡng nhận thức về Đảng". Nhiều sinh viên, học viên đã được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng khi còn học tập tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền và đã phát huy rất tốt vai trò của người đảng viên trong công tác.

Công tác phát triển Đảng được Đảng bộ Học viện rất quan tâm, trong các kỳ Đại hội công tác này đều được đưa vào Nghị quyết đại hội, nhờ vậy, ngày

càng có nhiều sinh viên, học viên được kết nạp vào Đảng [H6.06.09.03]. Đảng ủy cũng đã xây dựng Quy định về công tác phát triển Đảng, trong đó nêu rõ những tiêu chuẩn, tiêu chí về học tập, rèn luyện đối với sinh viên, học viên để phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam [H6.06.09.04].

Đảng bộ Trường rất quan tâm đến việc nâng cao chất lượng Đảng viên và làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng nên Đảng bộ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng Đảng viên [H6.06.09.05].

Công tác đoàn thể được tổ chức rộng rãi đa dạng cả về hình thức và nội dung, là môi trường tốt để đoàn viên thanh niên phấn đấu đứng trong hàng ngũ của Đoàn, Đảng. Hàng tháng, Đoàn Thanh niên đều tổ chức bình xét, lựa chọn và giới thiệu sang Đảng những đoàn viên ưu tú để xem xét phát triển Đảng [H6.06.09.06].

Các hoạt động của các tổ chức Đảng, Đoàn thể luôn thu hút được sự tham gia của người học [H6.06.09.07]. Trong năm học vừa qua, Đảng ủy, Đoàn Thanh niên đã tổ chức cho 450 sinh viên, học viên tham gia lớp học cảm tình Đảng, tổ chức kết nạp đảng 230 sinh viên.

Hàng năm, Đoàn Thanh niên tổ chức nhiều hoạt động với sự tham gia tích cực của sinh viên, học viên, thông qua đó góp phần giáo dục đạo đức, lối sống trong sinh viên, học viên như: Phong trào SV tình nguyện phát triển kinh tế thủy sản miền núi, Chiến dịch mùa hè xanh, hoạt động tiếp sức mùa thi, Hoạt động tình nguyện bảo vệ môi trường, các hoạt động từ thiện, nhân đạo... [H6.06.09.08].

Học viện có tổ chức chuyên trách về công tác Đảng và công tác Đoàn thanh niên. Có quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ và Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và tổ chức không ngừng đổi mới, luôn phối hợp chặt chẽ để tạo ra những sân chơi lành mạnh, bổ ích cho sinh viên.

Đảng ủy, Đoàn thanh niên ngay từ đầu năm học đều có kế hoạch hành động cụ thể. Hàng năm đều có báo cáo tổng kết, báo cáo thành tích đạt được trong năm [H6.06.09.09].

Thông qua các kỳ đại hội, các diễn đàn sinh viên nên Đảng ủy và Đoàn Thanh niên cũng nắm bắt tâm tư, nhu cầu và nguyện vọng của sinh viên. Hàng năm, Đảng ủy lãnh đạo Đoàn thanh niên phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức định kỳ buổi đối thoại trực tiếp giữa Ban Giám đốc Học viện với sinh viên trong Học viện để lắng nghe trao đổi và trả lời trực tiếp những thắc mắc của sinh viên.

Học viện thường xuyên tổ chức sinh hoạt chính trị, tổ chức lớp cảm tình Đảng cho người học và hàng năm đều có người học kết nạp Đảng.

Kinh phí hoạt động cho Đảng bộ và Đoàn Thanh niên được Học viện quan tâm phân bổ đúng quy định và hợp lý [H6.06.09.10]. Đội ngũ cán bộ Đoàn có chế độ phụ cấp nhằm động viên, khuyến khích họ tham gia công tác và tích cực cống hiến [H6.06.09.11].

2. Những điểm mạnh

- Công tác Đoàn TN, Hội SV Trường được chú ý tổ chức với nhiều hoạt động bổ ích và có tác dụng giáo dục tốt.

- Đảng bộ Học viện rất quan tâm đến công tác giáo dục và phát triển Đảng trong SV.

- Đảng bộ Trường luôn phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của chính quyền, các tổ chức đoàn thể và hoạt động theo những quy định của Hiến pháp và pháp luật. Đảng bộ là hạt nhân chính trị, là lực lượng nòng cốt

- Các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường đã phát huy được sức mạnh tập thể, xây dựng thành công khối đại đoàn kết, giữ vững tính ổn định chính trị trong Học viện.

- Đoàn thanh niên, Hội sinh viên với nhiệm vụ gắn kết sinh viên trong Trường, tổ chức những sân chơi lành mạnh, bổ ích cho sinh viên, tạo điều kiện cho các bạn có nơi thể hiện nhiệt huyết sức trẻ, thu hút sinh viên vào các hoạt động bổ ích, tránh xa tệ nạn xã hội; Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã

tạo được niềm tin nơi các bạn sinh viên qua các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao; các hoạt động tình nguyện như chiến dịch Tiếp sức mùa thi, Mùa hè xanh, Quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai, Hiến máu nhân đạo...

3. Những tồn tại

- Một số hoạt động chưa được mang tính liên tục và có chiều sâu.
- Người học chưa được tham gia đầy đủ vào các hoạt động của Đoàn trường
- Một bộ phận nhỏ sinh viên vẫn chưa quan tâm nhiều đến hoạt động của Đảng và Đoàn, Hội trong Học viện.
- Hoạt động của Đoàn Thanh niên thực sự cuốn hút được giới trẻ, hoạt động còn mang tính bề rộng mà chưa có chiều sâu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định phát triển Đảng nhằm nâng cao chất lượng đảng viên và phù hợp với những nội dung học chế tín chỉ.
- Tiếp tục triển khai Nghị quyết về công tác Thanh niên của Đảng bộ làm cơ sở để công tác Đoàn, Hội đi vào nề nếp, hiệu quả; có các giải pháp và tiêu chí cụ thể nhằm khuyến khích sinh viên, học viên phấn đấu vào Đảng
- Đảng ủy Học viện lãnh đạo Đoàn thanh niên phối hợp cùng với xây dựng, bổ sung thêm các hoạt động để có thêm cơ sở trong việc giới thiệu kết nạp Đảng cho người học.
- Thời gian tới tiếp tục tăng cường, thúc đẩy phong trào Đoàn, Hội sinh viên ngày càng vững mạnh, thu hút đông đảo các bạn sinh viên tham gia.
- Các hoạt động đoàn sẽ chú trọng vào phát triển chiều sâu và nâng cao kỹ năng hoạt động xã hội, kỹ năng mềm cho sinh viên.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chí 6.10: Các biện pháp hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học được chú trọng

1. Mô tả

Học viện đã triển khai các biện pháp cụ thể, phù hợp có tác động tích cực hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học. Phổ biến thường xuyên, kịp thời quy chế và thực hiện quy nghiêm túc Quy chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên, Quy chế học sinh, sinh viên nội trú của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập [H6.6.10.1].

Học viện thực hiện đảm bảo chế độ chính sách xã cho sinh viên: trợ cấp chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số, ở vùng khó khăn theo quy định của Nhà nước [H6.6.10.2]; Năm học 2014-2015 miễn giảm học phí cho 1605 sinh viên [H6.6.10.3], trợ cấp xã hội, cấp học bổng kỳ II năm học 2014-2015 cho 293 sinh viên với số tiền là 102.795.000 đồng [H6.6.10.4]; trợ cấp cho học viên học tại trường theo hướng dẫn số 38 của Ban Tổ chức Trung ương] cho học viên cao học khóa 18 là 692.300.000 đồng, NCS khóa 17 là 148.250.000 đồng và sinh viên k34B là 353.050.000 đồng [H6.6.10.5].

Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I 2014-2015 cho 946 sinh viên hệ chính quy tập trung.

Sinh viên học tập giỏi, rèn luyện tốt được nhận học bổng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có 621 em nhận học bổng năm học 2014-2015 [H6.6.10.7], mức học bổng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, những sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học được Học viện khen thưởng kịp thời như nhóm 10 sinh viên đạt được giải nhì đề tài khoa học sinh viên cấp bộ năm 2015. Quyết định năm học 2016-2017 miễn giảm học phí đối với sinh viên hệ đại học chính quy tập trung (có danh sách kèm theo) [H6.6.10.8]. Hiện nay, 10% số sinh viên được nhận học bổng theo mức đóng học phí của từng chuyên ngành đào tạo. Khen thưởng, kỷ luật sinh viên xét duyệt thường xuyên theo Quy chế khen thưởng kỷ luật sinh viên đã kích thích sinh viên cố gắng học tập và rèn luyện.

Sinh viên được khám sức khỏe định kỳ theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ y tế [H6.6.10.10], triển khai khám sức khỏe cho 100% sinh viên theo quy định y tế học đường [H.6.6.10.11]. Học viện đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho sinh viên đầu khóa học để xác định tình trạng sức khỏe, bệnh tật của sinh viên. Học viện chăm lo phòng chống dịch bệnh cho sinh viên: có kế hoạch và phổ biến kịp thời và thường xuyên cách phòng chống khi có các dịch bệnh như bệnh sởi, đau mắt đỏ, cúm...

Tất cả sinh viên được tạo điều kiện học tập, nghiên cứu ở thư viện, sử dụng các phòng phương pháp, mượn sách, tài liệu học tập theo quy định về quyền của sinh viên trong Quy chế rèn luyện sinh viên [H6.6.10.11]

Học viện có đầy đủ sân bãi, sân thể thao cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Kế hoạch xây dựng, sân bãi cho hoạt động thể dục thể thao của Học viện theo từng giai đoạn cụ thể sẽ lập quy mô đào tạo trình Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt làm căn cứ lập kế hoạch xây mới cho phù hợp với quy mô đào tạo.

Học viện có hệ thống văn bản quy định bố trí, phân chia việc sử dụng, quản lý các phòng học và sân bãi, các công trình thể thao văn hóa trong Học viện [H6.6.10.12].

Học viện có đường chạy 100 m đang xây mới, có sân khấu di động [H6.6.10.13], sân bóng, sân tennis bên ký túc xá, sân thể thao sau nhà A1 (sân cầu lông)..., Hội trường lớn dành làm nơi tổ chức các hội diễn văn nghệ, mít tinh, hội nghị lớn của toàn Học viện.

Sinh viên được tham gia các hoạt động như tập luyện văn nghệ để biểu diễn nhân khai giảng năm học mới, tổng kết khóa học, ngày thành lập đoàn TNCS Hồ Chí Minh, ngày Nhà giáo Việt nam 20-10 ...

Học viện có cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho sinh viên là con em dân tộc thiểu số, các tỉnh miền Nam thuộc diện được ở Ký túc xá theo qui định của Giám đốc Học viện [H6.6.10.14]

Phòng công tác chính trị, Đoàn thanh niên và các khoa đã tích cực triển khai hội thảo phương pháp học ở bậc Đại học, phương pháp học chuyên ngành đã trực tiếp giúp sinh viên học tập tốt. Các khoa đã hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho sinh viên thực hành nghiệp vụ và nghiên cứu thực tiễn. Khoa Báo tạo điều kiện cho sinh viên tham gia vào triển lãm ảnh, báo sáng trẻ, chương trình VOV giao thông..

Học viện quản lý chặt chẽ khu Ký túc xá sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho 1.500 sinh viên học tập và sinh hoạt, chỉnh trang khuôn viên Ký túc xá, các phòng ở đảm bảo thuận tiện cho sinh viên; sử dụng có hiệu quả sân tập luyện thể dục thể thao, đường chạy, sân khấu ngoài trời tạo điều kiện cho người học.

Học viện khen thưởng kịp thời sinh viên học tập tốt đã thúc đẩy sinh viên học tập, rèn luyện tốt. Thông tin kịp thời về các điều kiện phục vụ ăn ở của sinh viên.

Học viện triển khai phòng chống thiên tai, phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2015 đảm bảo an toàn cho người học [H6.6.10.15].

Để hỗ trợ tốt nhất cho người học, Học viện đã khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống giảng đường được trang bị máy tính và máy chiếu đa năng, phục vụ cho sinh viên học tập, nghiên cứu: 160 lượt lớp/ngày, lớp học buổi tối, sinh viên ôn tập, thực hành nghiệp vụ. Sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng hiệu quả hệ thống Thư viện hiện đại, gồm nhiều phòng chức năng, với các chủng loại sách phong phú, đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của giảng viên, sinh viên. Sinh viên được tạo điều kiện tiếp cận được hệ thống báo chí, sách trên thư viện. Hiện nay, Thư viện có 15.257 đầu sách, với số lượng là 78.578 bản (bao gồm cả sách tiếng việt và sách ngoại văn) với 200 loại báo ngày, tuần báo, tạp chí chuyên ngành để phục vụ theo nhu cầu của người học. Hàng năm, thư viện đã bổ sung thêm nhiều sách, giáo trình và tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó, để giúp người học thuận lợi hơn trong việc tra cứu và cập nhật tài liệu, Thư viện đã cung cấp đầy đủ các bảng hướng dẫn công khai tại

các phòng phục vụ, trên hệ thống máy tính tra cứu, trên trang Thư viện số. Học viện còn liên kết với các thư viện trong hệ thống Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, thư viện các trường đại học trong nước để khai thác và sử dụng tài liệu và thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu và học tập của người học.[H6.6.10.16]

Học viện trang bị thêm máy chiếu ở các phòng học, sử dụng kịp thời các máy móc hư hỏng để phục vụ tốt cho sinh viên học tập. Phát huy hiệu quả sử dụng phòng máy tính phục vụ học tập tin học và ngoại ngữ, 2 phòng diễn giảng phục vụ sinh viên thực hành nghiệp vụ, 1 Studio truyền hình liên tục được nâng cấp về thiết bị chuyên dụng để theo kịp yêu cầu thực tiễn, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Phối hợp với sở Xây dựng Hà Nội để đăng ký nhà ở cho sinh viên [H6.6.10.17]

Đánh giá điểm mạnh là Học viện đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ để giúp đỡ sinh viên học tập và rèn luyện tốt, chú trọng triển khai các biện pháp hỗ trợ về học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của học viện.

Hiện nay số sinh viên ở ký túc xá với số lượng rất ít. Có 1683 em chiếm 18,6%, điều kiện ở rất chật trội. Một số lớp học còn thiếu máy chiếu ảnh hưởng đến học tập. Chưa tổ chức được nhà ăn cho sinh viên.

2. Những điểm mạnh

Điểm mạnh của Học viện là đã thực hiện đảm bảo chế độ, chính sách xã hội cho sinh viên và học viên; tạo điều kiện thuận lợi cho người học được tham gia các hoạt động; tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao và đảm bảo an toàn trong khuôn viên học viện.

Học viện tổ chức nhiều hoạt động phong phú đa dạng như: hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao phù hợp với sinh viên đã tạo ra sân chơi lành mạnh phục vụ học tập và rèn luyện tốt.

Học viện đã thực hiện đúng chế độ chính sách xã hội, đảm bảo minh bạch và lợi ích của người học. Những trường hợp có vướng mắc được giải thích, hướng dẫn để sinh viên hoàn thiện thủ tục để được hưởng chế độ, chính sách.

Học viện đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, thiết thực tạo điều kiện cho sinh viên học tập và sinh hoạt; đã qui định cụ thể tiêu chuẩn sinh viên ở Ký túc xá và quản lý chặt chẽ Ký túc xá sinh viên.

Học viện phối hợp với Sở xây dựng Hà Nội tạo điều kiện cho sinh viên thuê nhà khu chung cư sinh viên Mỹ Đình II và Kim Liên, tạo điều kiện cho 278 sinh viên được tham gia đăng ký ở khu chung cư cho sinh viên.

Thư viện có đầy đủ các sách, giáo trình tài liệu tham khảo cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người học

3. Những tồn tại

Nhiều sinh viên hiện nay còn nhiều khó khăn về chỗ ở, điều kiện chi tiêu trong cuộc sống hạn hẹp; ở thuê nhà tạm bợ, giá rẻ, điều kiện học tập và sinh hoạt khó khăn.

Chưa tổ chức được nhà ăn cho sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2016-2017 đổi mới tổ chức các hoạt động văn nghệ sinh viên, hướng dẫn và quản lý chặt chẽ các phong trào văn nghệ để đảm bảo phục vụ học tập, rèn luyện của sinh viên.

Năm học 2016-2017, Học viện đảm bảo thông tin kịp thời về chế độ, chính sách và thủ tục hưởng chế độ cho sinh viên.

Học viện tiếp tục khai thác các nguồn lực để tăng cường và mở rộng mức độ và đối tượng người học được hỗ trợ theo chế độ chính sách theo quy định.

Đảm bảo thông tin kịp thời về chế độ, chính sách; điều kiện học tập và sinh hoạt của sinh viên.

Năm học 2016-2017, Học viện xây dựng ký túc xá nhà 11 tầng để tạo điều kiện thu hút 1200 sinh viên ở ký túc xá; tăng cường quản lý ký túc xá để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập.

Năm học 2016, Học viện tổ chức nhà ăn cho sinh viên.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và xã hội hóa kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Học viện.

1. Mô tả

Hiện nay, hoạt động khoa học của Học viện tập trung nghiên cứu theo đúng sứ mạng của Học viện là đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ văn hóa, tư tưởng, báo chí, truyền thông cho Đảng và Nhà nước. Hoạt động khoa học hướng vào nghiên cứu những vấn đề về lý luận chính trị, báo chí và truyền thông, định hướng ưu tiên là biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, sách chuyên khảo, tham khảo phục vụ hoạt động đào tạo của Học viện.[H07.07.01.01]; [H07.07.01.02]; [H07.07.01.03].

Để thực hiện mục tiêu trên, Học viện đã xây dựng “**Chiến lược hoạt động khoa học 10 năm của Học viện Báo chí và Tuyên truyền 2006 - 2015**”. Mục đích của Chiến lược hoạt động khoa học là nhằm thực hiện những nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng của Học viện trên hai lĩnh vực trọng yếu: Đào tạo và nghiên cứu khoa học theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính Trị [H07.07.01.04]

Hàng năm Học viện đều xây dựng Kế hoạch hoạt động khoa học ngắn hạn, trung hạn và dài hạn [H07.07.01.05]. Học viện chủ động định hướng hoạt động NCKH, kế hoạch chiến lược KH&CN giai đoạn 2016 - 2020 cũng đã được xây dựng nằm trong chiến lược chung của học viện đã được thông qua và đang chờ Bộ Khoa học - Công nghệ phê duyệt [H07.07.01.06]. Trong Kế hoạch dài hạn 2016 -2020, Học viện đã xây dựng những định hướng nghiên cứu lớn về mối quan hệ giữa truyền thông và chính trị; truyền thông về vấn đề biển đảo; tác động của truyền thông, của mạng xã hội đến giới trẻ; truyền thông và vấn đề chính sách công... là những hướng nghiên cứu được Hội đồng Khoa học - Đào tạo học viện phê duyệt. Trong các Kế hoạch năm, ví dụ Kế hoạch hoạt động khoa học năm 2015, Học viện tập trung ưu tiên cho

việc xây dựng giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động đào tạo của Học viện chuyển từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ. Năm 2015, triển khai 138 đề tài cấp cơ sở thực hiện mục tiêu nghiên cứu này ở tổng thể các môn học của học viện [H07.07.01.07].

Chủ động về mặt cơ chế quản lý, từ năm 1994, Học viện đã xây dựng “Quy chế quản lý hoạt động khoa học”; Học viện còn ban hành những văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động KH - CN của Ban Quản lý khoa học. Quy chế quản lý khoa học của Học viện hiện đang thực hiện là Quy chế được bổ sung, hoàn thiện và có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 11 năm 2011. trong đó qui định các điều khoản cụ thể cho toàn bộ các yếu tố hợp thành hoạt động khoa học trong một trường đại học [H07.07.01.08].

Chủ động về mặt kinh phí, ngoài khoản được cấp từ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN từ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh khoảng 1.500.000.000 đ và các kinh phí đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ (cụ thể theo tình hình từng năm), Học viện còn dành riêng một khoản kinh phí cho NCKH, từ năm 2011 đến 2014 là 10% tổng kinh phí thu được từ học phí của sinh viên chính qui khoảng từ 2.500.000.000 đồng đến 3.500.000.000 đồng Toàn bộ kinh phí này ưu tiên cho các đề tài viết giáo trình môn học [H07.07.01.09].

Triển khai các chính sách và kế hoạch KH&CN, Ban Quản lý khoa học đã chủ động tổ chức tập huấn cho CBVC trong toàn trường, đồng thời phát hành rộng rãi các quy định hiện hành có liên quan. Ví dụ: Hoạt động thường niên là đầu tháng 2 hoặc tháng 3, Ban QLKH tổ chức Hội nghị thư ký các đơn vị để tổng kết Hoạt động khoa học năm trước và triển khai các hoạt động khoa học năm sau [7.1.6]; Phổ biến rộng rãi các văn bản về hoạt động khoa học - công nghệ: Luật Khoa học - Công nghệ có hiệu lực 1/2014; các Thông báo của Bộ Khoa học - Công nghệ; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Học viện Báo chí và Tuyên truyền... Hàng năm Học viện đều ban hành Kế hoạch hoạt động khoa học đến các đơn vị trực thuộc.

Quy trình triển khai thực hiện hoạt động KH&CN tiến hành như sau [H07.07.01.10]; Đầu năm học, trường gửi văn bản thông báo và hướng dẫn về hoạt động KH&CN đến các đơn vị trong toàn trường để CBVC và các đơn vị tiến hành đăng ký nhiệm vụ NCKH các cấp [H07.07.01.11]; Trên cơ sở các đăng ký của cá nhân và đơn vị, Học viện thành lập Hội đồng tư vấn để xét chọn đề tài. Đơn vị, cá nhân được xét chọn tiến hành viết và nộp thuyết minh đề tài. Sau khi các đề tài đã được các cấp có thẩm quyền chuẩn y; Học viện tiến hành ký hợp đồng với các chủ nhiệm đề tài; Hết thời hạn đã đăng ký, chủ nhiệm đề tài nộp các sản phẩm và Học viện tiến hành các thủ tục nghiệm thu. Quy trình nghiệm thu được tiến hành theo đúng Quy chế Quản lý khoa học của Học viện H07.07.01.12].

Mỗi năm, Học viện đều tổ chức Hội nghị Tổng kết hoạt động khoa học của năm trước và phương hướng hoạt động khoa học cho năm sau của Hội đồng Khoa học - Đào tạo nhằm đánh giá các hoạt động KH&CN trong năm, đề xuất các phương hướng khắc phục và phát triển. Các nội dung này được đưa vào nghị quyết hội nghị [H07.07.01.13].

Nhờ đó, hoạt động KH & CN trong 05 năm qua (2011 - 2015) đã đạt được kết quả cao thể hiện qua:

Số lượng, chất lượng các đề tài ngày càng được nâng cao. CBVC học viện ngày càng thu hút thêm nhiều đề tài NCKH các cấp. Đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ nghiệm thu đúng hạn đạt tỷ lệ 100%, trên 95% đề tài các cấp được nghiệm thu có kết quả khá và xuất sắc [H07.07.01.14].

Nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín cho CBVC học viện. Nhiều giảng viên học viện đã trở thành những chuyên gia uy tín trong nhiều lĩnh vực quản lý kinh tế và kinh doanh. Nhiều người đã đạt được học hàm, học vị cao thông qua việc nghiên cứu và phổ biến các kết quả NCKH [H07.07.01.15],

Cụ thể, có 289 giáo trình/ tổng số 632 đề tài được triển khai nghiên cứu trong 5 năm (2011 - 2015). Rất nhiều hoạt động Hội thảo và thông tin khoa học có giá trị cao về khoa học, thu hút được nhiều học giả trong nước và quốc

tế tham dự, góp phần quan trọng khẳng định thương hiệu của Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong khu vực và trên trường quốc tế. Ví dụ: Hội thảo KHQT: “Báo chí trong quá trình toàn cầu hóa”; “Báo chí điều tra”; “Báo chí về đề tài chiến tranh”; “Đổi mới hoạt động đào tạo giảng viên lý luận chính trị hiện nay”; “Truyền thông với biến đổi khí hậu”; “Bệnh tự kỷ”; “Truyền thông và cây trồng biến đổi gen”... Những hoạt động khoa này đã thu hút được rất nhiều nhà khoa học trong và ngoài Học viện, CBVC và sinh viên tham gia.

2. Những điểm mạnh

Học viện xây dựng tốt “Chiến lược hoạt động khoa học 10 năm 2005 - 2015”; xây dựng tốt các kế hoạch hoạt động khoa học dài hạn 2010 - 2015 và hiện nay là 2016 - 2010, Kế hoạch khoa học hàng năm phù hợp với mục tiêu phát triển từng thời kỳ.

Học viện đã xây dựng hệ thống các văn bản cho hoạt động quản lý khoa học, quy định cụ thể và chi tiết theo hướng dẫn của các cấp quản lý, luôn chủ động và có kế hoạch xây dựng, triển khai và phát triển các hoạt động KH&CN một cách hiệu quả.

Học viện triển khai tốt, có hiệu quả kế hoạch khoa học đã xây dựng. Hoạt động quản lý các hoạt động KH&CN tốt, hiệu quả.

3. Những tồn tại

Chưa xây dựng kế hoạch thời gian dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với thời gian dành cho hoạt động giảng dạy

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong kế hoạch năm 2016, học viện sẽ tập trung vào những hoạt động sau:

Xây dựng định hướng lớn trong hoạt động khoa học đáp ứng yêu cầu phát triển của Học viện

Học kỳ I hàng năm Học viện tổ chức tập huấn, trao đổi cho CBVC về các văn bản pháp qui, kế hoạch nhiệm vụ KH&CN của học viện qua từng giai đoạn, từng năm.

Phân cấp hoạt động KH&CN cho các khoa, các ban nhằm nâng cao trách nhiệm; yêu cầu các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN của đơn vị.

Thay thế nguồn kinh phí dành cho hoạt động khoa học từ nguồn kinh phí học phí sang các nguồn kinh phí thu từ hoạt động nghiên cứu và chuyển giao các thành tựu khoa học.

Hướng đến xây dựng mô hình đại học nghiên cứu

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 7.2: Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả

Từ năm 2011 đến 2015, Học viện đã nghiên cứu và nghiệm thu thành công tổng cộng 794 đề tài gồm đề tài thuộc quỹ Nafosted, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, đề tài cấp cơ sở. Trong đó, đề tài Quỹ Nafosted là 03; đề tài cấp Nhà nước là 7 ; đề tài cấp Bộ là 20; 10 đề án xây dựng chương trình 1677 và 614 đề tài cấp cơ sở [H07.07.02.01].

So với 5 năm trước đây, hiện nay Học viện thực hiện số lượng đề tài lớn, trung bình 1 năm là 126 đề tài. Đặc biệt, năm 2014, Học viện thực hiện đồng thời 5 đề tài cấp Nhà nước và 7 đề tài cấp Bộ với nhiều dự án thực hiện với Đại sứ quán Đan Mạch và đại sứ quan Đức tại Việt Nam. Năm 2014 là năm hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên đạt được nhiều thành tựu to lớn: 02 đề tài sinh viên đạt giải Nhì cuộc thi **“Tài năng trẻ sinh viên”** do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. 02 dự án của sinh viên khoa Báo chí và khoa Quan hệ Quốc tế thắng thầu trong cuộc thi Sáng kiến phòng chống tham nhũng do Ngân hàng Thế giới và Thanh tra Chính phủ đồng tổ chức. Từ năm 2013-2015, Học viện có 03 đề tài thuộc Quỹ Nafosted. [H07.07.02.02].

Chất lượng các công trình khoa học của Học viện được nâng lên rõ rệt: Trong 5 năm Học viện nghiệm thu 791 Đề tài/ tổng số 794 Hợp đồng nghiên

cứ. Trong đó 70 % Đề tài đạt xuất sắc; 28% Đề tài đạt Khá, 2 % Đề tài đạt trung bình. Không có một đề tài nào đạt loại yếu và không đạt chất lượng đề nghiệm thu. [H07.07.02.03]. Công tác nghiệm thu đề tài diễn ra đúng qui chế, đạt hiệu quả cao. Từ khâu thành lập Hội đồng, xây dựng cơ cấu Hội đồng đến xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng, bổ sung, hoàn thiện đề tài sau nghiệm thu đề nộp sản phẩm cuối cùng về cơ quan quản lý khoa học xã hội hóa. Thể hiện từ việc thay đổi cơ cấu thành viên Hội đồng nghiệm thu ; Thang điểm đánh giá kết quả nghiên cứu; Yêu cầu viết Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu...[H07.07.02.04].

Hoạt động khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh trong hoạt động nghiệm thu đề tài: Với những công trình khoa học nghiệm thu trước tháng 9 hàng năm, Học viện thường ra Quyết định thưởng 10% kinh phí đề tài cho Chủ nhiệm đề tài; phạt 10% với những đề tài chậm tiến độ dưới 1 tháng và cho thanh lý hợp đồng nghiên cứu với những đề tài quá tiến độ sau 25 tháng 12 hàng năm [H07.07.02.05]. Học viện định kỳ có kế hoạch kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch hoạt động khoa học của các đơn vị [H07.07.02.06].

Trong thực tiễn, thông thường, con số thống kê các công trình khoa học của cơ quan quản lý khoa học thường ít hơn số các công trình khoa học và tần số người tham gia nghiên cứu trong thực tiễn. Đây là một tồn tại thuộc tiêu chí này.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã triển khai nghiên cứu một số lượng đề tài lớn các cấp, chất lượng đề tài ngày một nâng cao hơn.

Hoạt động nghiệm thu, đánh giá chất lượng các công trình khoa học được thực hiện theo đúng Qui chế quản lý khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và theo đúng Luật Khoa học Công nghệ.

Học viện có biện pháp chế tài để đảm bảo số lượng đề tài đã đăng ký được nghiệm thu đúng hạn; hoạt động khen thưởng và kỷ luật trong nghiên cứu khoa học thực hiện tốt.

3. Những tồn tại

Học viện chưa thống kê đầy đủ số đề tài do giáo viên hợp tác với các đơn vị bên ngoài về chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức thống kê số lượng đề tài nghiên cứu đầy đủ.

Nâng cao hơn nữa chất lượng nghiên cứu và nghiệm thu đề tài trong những năm học tới đây.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 7.3: Các sản phẩm nghiên cứu khoa học được xã hội hóa

1. Mô tả

- Hoạt động xã hội hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học là hoạt động được Giám đốc Học viện đặc biệt quan tâm. Học viện tổ chức thực hiện xã hội hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học có hiệu quả cao. Trong 5 năm qua, Học viện Báo chí và Tuyên truyền in được gần 140 đầu sách là giáo trình và sách chuyên khảo, tham khảo (2012-2016). Riêng Kế hoạch khoa học năm 2016 có 16/75 đề tài khoa học cấp cơ sở là giáo trình in sách [H07.07.07.03.01].

- Các giáo trình in sách, sách chuyên khảo, tham khảo đều được xây dựng trong kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm. Học viện tổ chức các Hội đồng thẩm định chất lượng đề tài in sách trong Kế hoạch và các công trình khoa học do cá nhân nhà khoa học của Học viện nghiên cứu và đề nghị HĐKH - ĐT Học viện thẩm định. Các công trình khoa học đảm bảo chất lượng in sách, kết quả thẩm định đề tài đạt loại xuất sắc, Học viện làm công văn đề nghị xuất bản giáo trình gửi nhà xuất bản [H7.07.03.02].

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học được xã hội hóa ngày càng tăng, được ứng dụng ngày càng nhiều. Học viện có chủ trương khuyến khích cá nhân các nhà khoa học xuất bản sách phục vụ hoạt động đào tạo của Học viện

được hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội đồng thẩm định chất lượng, sẽ làm công văn đề nghị xuất bản gửi nhà xuất bản nếu kết quả thẩm định đề tài đạt loại xuất sắc. [H07.07.03.02]; [H07.07.03.03].

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học được xã hội hóa góp phần quan trọng thúc đẩy hoạt động khoa học nói riêng, hoạt động đào tạo và các hoạt động khác của Học viện nói chung. Trong kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm, Học viện luôn dành phần lớn kinh phí cho các đề tài là giáo trình phục vụ trực tiếp hoạt động đào tạo của Học viện, cụ thể năm 2016 có 46/75 đề tài khoa học cấp cơ sở là giáo trình nội bộ. Các đề tài này sau khi nghiệm thu, thanh lý nếu đạt kết quả tốt sẽ được nâng cấp làm giáo trình in sách trong kế hoạch hoạt động khoa học của năm tiếp theo [H07.07.03.01].

2. Những điểm mạnh

Xuất bản được số lượng lớn các công trình khoa học, đặc biệt là giáo trình.

3. Những tồn tại

Số đầu sách được xuất bản hàng năm chưa thực hiện đủ Kế hoạch xuất bản hàng năm của Học viện theo Kế hoạch vì 2 lý do chính: *Thứ nhất*, bản thảo đủ chất lượng để in sách nhưng kinh phí in chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; *Thứ hai*, một số đề tài đăng ký xây dựng giáo trình in sách nhưng chất lượng bản thảo chưa đảm bảo, Hội đồng thẩm định chất lượng không đồng ý cho xuất bản.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

a) Xây dựng quỹ hỗ trợ xuất bản.

b) Nâng cao chất lượng công trình nghiên cứu khoa học, đặc biệt các công trình nghiên cứu là giáo trình in sách.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 7.4: Hoạt động nghiên cứu khoa học gắn kết với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và các hoạt động khác, có giá trị ứng dụng thực tiễn, góp vào việc phát triển các nguồn lực của Học viện.

1. Mô tả

- Hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và các hoạt động khác của Học viện. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học có giá trị ứng dụng rất cao trong thực tiễn đào tạo và nghiên cứu của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Năm 2016 có 75 đề tài thì có 63 đề tài là giáo trình trực tiếp ứng dụng vào hoạt động đào tạo; 30 đề tài sinh viên trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên Học viện [H07.07.04.01].

- Hoạt động nghiên cứu khoa của Học viện góp phần quan trọng vào việc hoạch định đường lối xây dựng và phát triển đất nước. Năm 2016, Học viện hoàn thành 01 đề tài cấp Nhà nước về: “*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới*”. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn trực tiếp cho Đảng và Nhà nước trong việc nâng cao sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhiều đề tài khoa học mang lại hiệu quả thiết thực [H07.07.04.02]; [H07.07.04.03].

- Hoạt động nghiên cứu khoa học góp phần phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực khoa học. Hàng năm có khoảng hơn 500 lượt người là cán bộ, giảng viên, sinh viên của Học viện tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học.

2. Những điểm mạnh

Hoạt động khoa học có mối quan hệ biện chứng với hoạt động đào tạo, là cơ sở tiền đề cho hoạt động đào tạo của Học viện phát triển

Hoạt động khoa học góp phần quan trọng trong hoạt động xây dựng và bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học của Học viện.

3. Những tồn tại

Chưa phát huy hết tiềm lực khoa học của Học viện trong hoạt động khoa học. Nguyên nhân là do hoạt động khoa học chưa thực sự trở thành nhu

cầu tự thân của tất cả các giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện; Chưa có sự cân đối phù hợp về mặt thời gian giữa hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học của các nhà khoa học, các giảng viên trong Học viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch trọng tâm để nghiên cứu, biên soạn giáo trình và tài liệu chuyên khảo, tham khảo cho các môn học, các ngành học của Học viện.

5. Kết quả Tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 7.5: *Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này*

1. Mô tả

Học viện có chính sách khuyến khích để tăng nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ: Tạo điều kiện để các đơn vị khoa, phòng, trung tâm của Học viện ký hợp đồng trong các hoạt động khoa học với các đơn vị ngoài Học viện và sử dụng nguồn kinh phí tự khai thác theo đúng hợp đồng công việc và nguyên tắc tài chính hiện hành [H07.07.05.01]. Học viện đã thu hút được tài trợ từ các tổ chức trong nước và quốc tế cho các hoạt động Hội thảo và thông tin khoa học, đặc biệt là hoạt động Hội thảo khoa học quốc tế. Năm 2014, Học viện phối hợp với Đại học Tổng hợp Viên, cộng hòa Áo và Hội Nhà báo Việt Nam, Báo Quan đội Nhân dân tổ chức hội thảo khoa học quốc tế: “Báo chí về đề tài chiến tranh - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” hoặc phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hội thảo khoa học quốc gia: “Đổi mới hoạt động đào tạo giảng viên lý luận chính trị hiện nay”. Năm 2015 Học viện phối hợp với Viện Triết học - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam và Hội đồng Nghiên cứu giá trị và triết học của Đại học Catholic Hoa Kỳ tổ chức Hội

thảo khoa học quốc tế: “Giáo dục giá trị trong bối cảnh hội nhập”. Học viện liên kết hợp tác trong hoạt động khoa học và hoạt động đào tạo với rất nhiều cơ quan báo chí, viện nghiên cứu trong và ngoài nước như: Báo Quân đội nhân dân; Đài Truyền hình Hà Nội; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật; Đại học Tổng hợp Viên, cộng hòa Áo, Báo Wienztung, cộng hòa Áo, các trường đại học của Vương quốc Anh, Thụy Điển, Trung Quốc, Hoa kỳ...[H07.07.05.02]. Đây là cơ hội để huy động nguồn lực tài chính bên ngoài Học viện cho hoạt động khoa học - công nghệ của Học viện.

Học viện có văn bản qui định cụ thể những vấn đề liên quan đến nguồn thu cho nghiên cứu khoa học và các nguồn thu từ hoạt động khoa học. Nguồn kinh phí theo ngân sách Nhà nước dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học được phân bổ từ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và trích khoảng 10% tổng kinh phí nộp học phí của sinh viên chính quy tại Học viện [H07.07.05.03]. Ví dụ: Năm 2014 kinh phí sự nghiệp dành cho hoạt động khoa học năm 2014 là 3.850.000.000 đồng [H07.07.05.04].

Học viện có qui định cụ thể việc thu tiền quản lý phí trong hoạt động khoa học là 3% tổng kinh phí đề tài với các đề tài Nhà nước, các chương trình nghiên cứu và 5% tổng kinh phí đề tài với các đề tài cấp Bộ và cấp cơ sở [H07.07.05.05].

Mặc dù có nhiều hoạt động phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước trong hoạt động khoa học nhưng Học viện chưa có thống kê và so sánh tổng thu sự nghiệp về hoạt động khoa học công nghệ hàng năm giữa các khoa và trung tâm trong Học viện; chưa có thống kê hàng năm về tỷ lệ thu và chi của các đề tài, đề án khoa học và các hợp đồng chuyển giao/dịch vụ khoa học.

2. Những điểm mạnh

Qui định cụ thể về nguồn thu từ hoạt động hoạt động khoa học công nghệ và chuyển giao công nghệ

Đã huy động được các nguồn tài trợ của các tổ chức trong nước và quốc tế.

3. Những tồn tại

Việc tổ chức triển khai thực hiện chủ trương khuyến khích việc chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học còn hạn chế; nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ít hơn tổng kinh phí của Học viện dành cho hoạt động khoa học - công nghệ.

Việc kiểm tra, đánh giá việc khuyến khích chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2016, mở rộng hoạt động liên kết, hợp tác về nghiên cứu khoa học với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế, đặc biệt là cộng hòa Áo, Vương quốc Anh nhằm mở rộng nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá việc khuyến khích chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	x		

Tiêu chí 7.6: Có các quy định về đối tượng tham gia nghiên cứu; có tiêu chuẩn và quy trình đánh giá đối với các sản phẩm khoa học.

1. Mô tả

- Học viện có văn bản quy định về đối tượng tham gia nghiên cứu là cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên từ năm thứ 2 có học lực Khá trở lên; có tiêu chuẩn và quy trình đánh giá đối với các sản phẩm khoa học được quy định cụ thể trong điều 16 của Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H07.07.06.01]. Cụ thể hóa:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các văn bản quy định về đối tượng tham gia nghiên cứu; tiêu chuẩn và quy trình đánh giá đối với các sản phẩm khoa học. Các tiêu chuẩn này được quy định tại điều 12 đến điều 16 trong quy chế quản lý hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H07.07.06.02].

- Bổ sung, hoàn thiện văn bản quy định về tiêu chuẩn và quy trình đánh giá đối với các sản phẩm khoa học theo quy chế quản lý hoạt động khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành [H07.07.06.03].

2. Những điểm mạnh

Hoạt động khoa học của Học viện phát triển mạnh, sử dụng hiệu quả tiềm lực khoa học của Học viện, nhất là nguồn nhân lực khoa học.

Học viện đã xây dựng qui chế quản lý hoạt động khoa học.

3. Những tồn tại

Chưa sử dụng hết tiềm lực khoa học của Học viện

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2017 xây dựng kế hoạch bổ sung, hoàn thiện qui chế quản lý hoạt động khoa học.

Xây dựng các hướng nghiên cứu khoa học dài hạn và trung hạn nhằm phát huy tốt nhất tiềm lực khoa học của Học viện

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chí 7.7: *Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghiên cứu khoa học theo quy định.*

1. Mô tả:

Trong điều 23 của Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có hiệu lực thi hành từ tháng 9 năm 2011 quy định rõ việc xã hội hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học phải theo Luật Xuất bản, Luật Khoa học và Công nghệ và Luật Sở hữu trí tuệ [H07.07.07.01]. Quy chế cũng quy định rõ Ban Quản lý khoa học chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch HĐKH-ĐT Học viện quản lý thống nhất các hoạt động khai thác, phổ biến, trao đổi thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học. Thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với cá nhân, tổ chức và đơn vị tham gia các hoạt động khoa học của Học viện theo quy định hiện hành.

Việc xuất bản, tái bản, nhân bản và sử dụng các tư liệu khoa học của Học viện phải được phép của Giám đốc Học viện, theo đúng các quy định xuất bản các sản phẩm khoa học trong Quy chế Quản lý công tác xuất bản của Học viện CTQG Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành từ năm 2013 [H07.07.07.02] và Luật Xuất bản.

Học viện hướng dẫn cán bộ giảng viên tích cực đăng ký sáng kiến kỹ thuật và sở hữu trí tuệ. Mỗi công trình khoa học của cán bộ giảng viên Học viện khi công bố đều được Hội đồng Khoa học - Đào tạo học viện thẩm định chất lượng, làm công văn đề nghị xuất bản công trình với nhà xuất bản [H07.07.07.03].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thực hiện lưu trữ và bản quyền kết quả đề tài, nhiệm vụ khoa học theo đúng Quy chế Quản lý hoạt động khoa học ở Học viện CTQG Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành từ năm 2016 [H07.07.07.04]

Trong 5 năm gần đây (2012 - 2016), Học viện không có một cán bộ, giảng viên, sinh viên nào vi phạm tiêu chuẩn đạo đức trong nghiên cứu khoa học và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ [H07.07.07.05].

2. Những điểm mạnh

Học viện thực hiện tốt những qui định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ; có nhiều biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

3. Những tồn tại

Học viện chưa tiến hành định kỳ đánh giá việc đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm nghiên cứu khoa học này.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành định kỳ đánh giá việc đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm nghiên cứu khoa học này

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chí 7.8: Có quy định với nghiên cứu và triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

- Học viện xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng năm; Xây dựng các văn bản quy định đối với hoạt động nghiên cứu và triển khai các nhiệm vụ khoa học như: hợp đồng nghiên cứu khoa học; Kế hoạch kiểm tra tiến độ các đề tài khoa học. [H7.07.08.01].

- Học viện có các biện pháp phù hợp để tổ chức và thực hiện các văn bản quy định đối với hoạt động nghiên cứu và triển khai các nhiệm vụ khoa học [H7.07.08.02]. Cụ thể:

- Quy định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với từng ngành đào tạo như: 1 ngành đào tạo đăng ký 4 đề tài khoa học / 1 năm. 2 chuyên ngành đăng ký 7 đề tài / 1 năm và không quá 10 đề tài/ 1 năm / 1 đơn vị khoa có đào tạo 3 chuyên ngành trở lên.

- Kiểm tra, đánh giá các quy định và việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học [H7.07.08.03]; [H7.07.08.04].

- Theo định kỳ hoạt động quản lý hàng năm, Học viện sẽ tổ chức hội nghị thư ký khoa học các đơn vị để triển khai hoạt động khoa học của năm đến từng đơn vị; Định kỳ 6 tháng các đơn vị báo cáo tiến độ thực hiện 1 lần và Giám đốc Học viện quyết định thành lập đoàn kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch khoa học vào tháng 9 hàng năm.

- Bổ sung, hoàn thiện các quy định và các biện pháp tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học [H7.07.08.05]. Cụ thể: Năm 2016, Học viện bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ với các nguyên tắc chi cho hoạt động khoa học theo thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 và quyết định số 5256/QĐ-HVCTQG ngày 01/12/2015 về việc quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Những điểm mạnh

Học viện thực hiện tốt kế hoạch khoa học của năm 2016 và các năm trước.

3. Những tồn tại

Một số ít các công trình nghiên cứu khoa học chưa thực hiện đúng như tiến độ. Điều này do các nhà khoa học đồng thời là giảng viên bị chi phối nhiều bởi hoạt động giảng dạy trong học viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2017, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lý khoa học cùng với kế hoạch bổ sung, hoàn thiện quy chế quản lý hoạt động khoa học.

5. Tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

2. Những điểm mạnh:

Học viện thực hiện tốt những qui định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ; có nhiều biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

3. Những tồn tại:

Học viện chưa tiến hành định kỳ đánh giá việc đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm nghiên cứu khoa học này.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành định kỳ đánh giá việc đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm nghiên cứu khoa học này

5. Tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

Tiêu chí 8.1: Các hoạt động hợp tác quốc tế phải phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Học viện.

1. Mô tả

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai theo Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H08.08.01.01]. Học viện tuân thủ các yêu cầu, thủ tục và quy trình trong Quy chế đối với các hoạt động: đoàn ra; đoàn vào; hội thảo và tọa đàm quốc tế; các dự án nghiên cứu quốc tế; các dự án liên kết đào tạo và bồi dưỡng và công tác quản lý lưu học sinh Lào.

Phòng Hợp tác quốc tế đóng vai trò điều phối và quản lý hoạt động [H08.08.01.02]. Khi các đơn vị tổ chức các hoạt động có yếu tố quốc tế, Phòng Hợp tác quốc tế hướng dẫn về quy trình, phân công cán bộ hỗ trợ và yêu cầu báo cáo hoạt động. Các đơn vị đóng vai trò người tham gia và người tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo 3 bước: xin phép tổ chức; tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả.

Việc báo cáo hoạt động hợp tác quốc tế đối với Ban Giám đốc Học viện được thực hiện hàng tháng [H08.08.01.03]. Báo cáo nêu rõ những việc đã và đang triển khai theo kế hoạch, ưu điểm và hạn chế trong thực hiện. Báo cáo đối với Ban Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được thực hiện theo hoạt động và báo cáo hàng năm về tất cả các hoạt động: đoàn ra, đoàn vào, hội thảo quốc tế, dự án quốc tế... [H08.08.01.04].

Trong những năm gần đây, Học viện không có vụ việc gì vi phạm quy định về công tác hợp tác quốc tế. Các kết quả cụ thể đạt được cho thấy, công tác hợp tác quốc tế của Học viện ngày càng được đẩy mạnh và có hiệu quả nhằm phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển của Học viện. Từ năm 2016, Học viện triển khai chương trình hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, tiêu biểu là: Chương trình Cử nhân quốc tế với Đại học Middlesex (Vương quốc Anh) giai đoạn 2016 - 2021, Đề tài nghiên cứu quốc tế Năng lực truyền thông vì sự phát

triển xã hội với Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo) giai đoạn 2016 - 2017, Đề án Nâng cao năng lực đào tạo Báo chí - Truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền với Trung tâm hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) giai đoạn 2016 - 2018, Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc), và Viện Thông tin Văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào (CHDCND Lào) [H08.08.01.05]. Trong đó, việc tiến hành Chương trình Cử nhân quốc tế giúp Học viện đổi mới chương trình, phương thức quản lý và tổ chức dạy - học, phương thức kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục. Thông qua quá trình này, Học viện có thể đào tạo đội ngũ giảng viên chất lượng cao, tăng cường cơ sở vật chất và từng bước xây dựng Học viện trở thành cơ sở đào tạo báo chí - truyền thông có uy tín ở Việt Nam, khu vực và trên thế giới [H08.08.01.06].

Hàng năm, Học viện có kế hoạch đào tạo cán bộ giảng viên trong nước và số cán bộ, giảng viên được cử đi nghiên cứu, hội thảo và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học ngày càng tăng. Năm 2016, Học viện có 14 đoàn cán bộ, giảng viên đi học tập, nghiên cứu tại các nước như CHLB Đức, Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia [H08.08.01.07] và 08 giảng viên đang học tiến sĩ ở nước ngoài [H08.08.01.08]. Đáng chú ý, số cán bộ, giảng viên đi nghiên cứu nước ngoài bằng nguồn kinh phí tài trợ có xu hướng tăng, số đề án/ đề tài nghiên cứu do các tổ chức quốc tế đầu tư vào Học viện tăng đáng kể. Trong đó, Học viện có 07 đoàn công tác đi nước ngoài bằng kinh phí tài trợ [H08.08.01.09] và 2 đề án quốc tế được triển khai [H08.08.01.10]

Hoạt động hợp tác quốc tế ngày càng được đa dạng hóa góp phần tăng cường tiềm lực, nâng cao vị thế và vai trò của Học viện. Tuy nhiên, quy chế về Hợp tác quốc tế của Học viện vẫn đang trong giai đoạn thông qua và hoàn chỉnh.

2. Những điểm mạnh

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai theo đúng quy định của Nhà nước, Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, và phù hợp với sự mạng và mục tiêu của Học viện.

3. Những tồn tại

Học viện chưa ban hành Quy chế Quản lý hoạt động đối ngoại để cụ thể hóa các quy định của Nhà nước trong điều kiện đặc thù của mình. Điều này là do Phòng Hợp tác quốc tế đang trong giai đoạn chuyển đổi từ đơn vị quản lý hành chính thành đơn vị quản lý hành chính kiêm quản lý đào tạo cho Chương trình Cử nhân quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2016, Phòng Hợp tác quốc tế sẽ hoàn thiện dự thảo Quy chế Quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện, trình hội đồng khoa học Học viện thông qua và trình Ban Giám đốc phê duyệt, ban hành.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chí 8.2: Các quy định về hoạt động hợp tác quốc tế

1. Mô tả

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai theo Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H08.08.02.01]. Tháng 06/2014, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; trong đó xác định nhiệm vụ của hợp tác quốc tế trong đào tạo, giảng dạy và bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo và khoa học của các nước, các tổ chức quốc tế trên thế giới [H08.08.02.02]. Định hướng phát triển này được xác định dựa theo sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn của Học viện [H08.08.02.03].

Hàng năm, Học viện triển khai hoạt động hợp tác quốc tế theo Quyết định phê duyệt kế hoạch và kinh phí đoàn ra, đoàn vào của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H08.08.02.04], theo biên bản ghi nhớ hợp tác của Học viện với các đối tác quốc tế [H08.08.02.05] và căn cứ hoạt

động hợp tác quốc tế triển khai thực tế và nhu cầu phát sinh trong quá trình công tác, Học viện có công văn đề xuất cụ thể trình Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xem xét đối với những hoạt động không có trong Quyết định phê duyệt [H08.08.02.06].

Trong năm 2016, nhằm triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, Học viện cử 08 cán bộ đi học nghiên cứu sinh tại các nước có nền giáo dục phát triển như Úc, Hà lan và Đài Loan; trong đó; có 01 cán bộ đang bảo lưu kết quả học tập do trong giai đoạn thai sản [H08.08.02.07] và 17 đoàn cán bộ, giảng viên đi học tập, nghiên cứu tại các nước như CHLB Đức, Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia [H08.08.02.08].

Nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước trong lĩnh vực lý luận chính trị, báo chí, truyền thông và một số lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn khác, từ năm 2016, Học viện triển khai nhiều chương trình hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, tiêu biểu là: Chương trình Cử nhân quốc tế với Đại học Middlesex (Vương quốc Anh), Đề tài nghiên cứu quốc tế Năng lực truyền thông vì sự phát triển xã hội và Đề án Đưa giảng viên và nghiên cứu sinh đi thực tập tại nước ngoài với Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo), Đề án Nâng cao năng lực đào tạo Báo chí - Truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền với Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc), và Viện Thông tin Văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào (CHDCND Lào) [H08.08.02.09]. Đồng thời, Học viện tiếp nhận 16 đoàn chuyên gia đến làm việc và giảng dạy tại Học viện về các lĩnh vực báo chí, truyền thông, chính sách công cho cán bộ, giảng viên và sinh viên học viện [H08.08.02.10].

Để nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện, Phòng Hợp tác quốc tế thực hiện họp giao ban Phòng hàng tuần nhằm báo cáo công tác và triển khai công việc thời gian tới. Kết quả họp giao ban Phòng và kết quả triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế được báo cáo Ban Giám đốc thường xuyên, kịp thời và được Ban Giám đốc đưa ra trong nội dung thảo luận tại các buổi họp giao ban hàng tuần [H08.08.02.11].

Việc báo cáo bằng văn bản hoạt động hợp tác quốc tế đối với Ban Giám đốc Học viện được thực hiện hàng tháng. Báo cáo nêu rõ những việc đã và đang triển khai theo kế hoạch, ưu điểm và hạn chế trong thực hiện. Báo cáo bằng văn bản đối với Ban Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được thực hiện hàng năm về tất cả các hoạt động: đoàn ra, đoàn vào, hội thảo quốc tế, dự án quốc tế... [H08.08.02.12].

Tổng quan, hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được mở rộng với nhiều trường đại học, viên nghiên cứu và cơ quan báo chí - truyền thông trên thế giới và đảm bảo triển khai theo Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sự phân hạn trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trong Học viện còn hạn chế.

2. Những điểm mạnh

Tổ chức bộ máy làm hợp tác quốc tế được phân bổ rõ ràng và cụ thể nhằm theo sát từng hoạt động và đảm bảo chất lượng hoạt động khi triển khai. Cơ chế để hoạt động hợp tác quốc tế được điều chỉnh và bổ sung được áp dụng khi Học viện không ngừng mở rộng mối quan hệ với các đối tác quốc tế.

3. Những tồn tại

Cơ chế phối hợp hoạt động hợp tác quốc tế giữa các đơn vị trong Học viện còn hạn chế. Nguyên nhân của tồn tại là Quy chế hoạt động đối ngoại của Học viện chưa được thông qua và ban hành. Đội ngũ làm hợp tác quốc tế của Học viện còn ít về số lượng và chưa tốt về chất lượng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực làm việc để Học viện ban hành Quy chế hoạt động đối ngoại trong quý I, năm 2017. Hỗ trợ phổ biến thông tin để các đơn vị liên quan phối hợp công tác.

Chuẩn hoá trình độ ngoại ngữ và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ Phòng Hợp tác quốc tế để đáp ứng được yêu cầu của công việc.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chí 8.3: Cơ chế hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định

1. Mô tả

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai theo Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H08.08.03.01]. Tháng 06/2014, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; trong đó xác định nhiệm vụ của hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khóa học với các cơ sở đào tạo và khoa học của các nước, các tổ chức quốc tế trên thế giới [H08.08.03.02]. Tháng 08/2014, Phòng Hợp tác quốc tế nhận quyết định bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý; trong đó đề cập việc tách phòng Hợp tác quốc tế, thuộc Ban Quản lý khoa học trở thành đơn vị trực thuộc Ban Giám đốc [H08.08.03.03].

Phòng Hợp tác quốc tế là đơn vị tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc quản lý thống nhất các hoạt động hợp tác quốc tế theo đúng quy định của Nhà nước và Quy chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Tổ chức bộ máy hợp tác quốc tế được xác định theo vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành, gồm 01 Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng; và vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ gồm 07 chuyên viên phụ trách các công tác tài chính - kế toán, lễ tân - truyền thông, dự án/ đề án quốc tế, và văn thư/ hành chính [H08.08.03.04]. Hàng năm, cán bộ Phòng Hợp tác quốc tế được cử tham gia các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ hợp tác quốc tế tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh như Lớp bồi dưỡng ngoại ngữ chuyên ngành, ngoại ngữ dịch thuật [H08.08.03.05].

Việc báo cáo hoạt động hợp tác quốc tế đối với Ban Giám đốc Học viện được thực hiện hàng tháng. Báo cáo nêu rõ những việc đã và đang triển khai theo kế hoạch, ưu điểm và hạn chế trong thực hiện. Báo cáo đối với Ban Giám đốc

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được thực hiện hàng năm về tất cả các hoạt động: đoàn ra, đoàn vào, hội thảo quốc tế, dự án quốc tế... [H08.08.03.06]. Nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động hợp tác quốc tế, Phòng Hợp tác quốc tế dự thảo và trình Ban Giám đốc Học viện phê duyệt Quy chế Quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H08.08.03.07].

Hàng năm, Học viện triển khai hoạt động hợp tác quốc tế theo Quyết định phê duyệt kế hoạch và kinh phí đoàn ra, đoàn vào của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H08.08.03.08]. Căn cứ hoạt động hợp tác quốc tế triển khai thực tế và nhu cầu phát sinh trong quá trình công tác, Học viện có công văn đề xuất cụ thể trình Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xem xét đối với những hoạt động không có trong Quyết định phê duyệt [H08.08.03.09].

Tổng quan, cơ chế hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được thực hiện theo Quy chế hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, cơ chế phối hợp hoạt động hợp tác quốc tế giữa các đơn vị trong Học viện còn hạn chế.

2. Những điểm mạnh

Tổ chức bộ máy hợp tác quốc tế được phân bổ rõ ràng và cụ thể nhằm theo sát từng hoạt động và đảm bảo chất lượng hoạt động khi triển khai. Việc định kỳ kiểm tra, báo cáo và có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện nghiêm túc và kịp thời. Cơ chế để hoạt động hợp tác quốc tế được điều chỉnh và bổ sung được áp dụng kịp thời khi Học viện không ngừng mở rộng mối quan hệ với các đối tác quốc tế.

3. Những tồn tại

Cơ chế phối hợp hoạt động hợp tác quốc tế giữa các đơn vị trong Học viện còn hạn chế. Nguyên nhân của tồn tại là Quy chế hoạt động đối ngoại của Học viện chưa được thông qua và ban hành. Đội ngũ làm hợp tác quốc tế của Học viện còn ít về số lượng và chưa tốt về chất lượng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực làm việc để Học viện ban hành Quy chế hoạt động đối ngoại trong năm 2016. Hỗ trợ phổ biến thông tin để các đơn vị liên quan phối hợp công tác.

Chuẩn hoá trình độ ngoại ngữ và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ Phòng Hợp tác quốc tế để đáp ứng được yêu cầu của công việc.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chí 8.4: *Hoạt động hợp tác quốc tế phải hiệu quả*

1. Mô tả

Trong những năm gần đây, công tác hợp tác quốc tế đã thực sự trở thành khâu đột phá, nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên. Các chương trình hợp tác quốc tế góp phần quan trọng thúc đẩy việc giao lưu hợp tác giữa Học viện và các đối tác, phát huy thế mạnh, khắc phục những hạn chế của Học viện, tận dụng được các nguồn lực trong và ngoài Học viện, qua đó đã nâng cao vị thế, vai trò của Học viện.

Các chương trình, đề án Học viện ký kết với các đối tác quốc tế góp phần giúp cán bộ, giảng viên nâng cao năng lực giảng dạy và kinh nghiệm thực tiễn thông qua giao lưu, học hỏi. Các giảng viên, cán bộ được cử đi học tập, nghiên cứu và hội thảo ở nước ngoài như Áo, Hàn Quốc, Thái Lan [H08.08.05.06]; tham gia các dự án quốc tế như Năng lực truyền thông vì sự phát triển của xã hội [H08.08.05.07]; tham gia các khóa bồi dưỡng do chuyên gia quốc tế giảng dạy tại Học viện như phương pháp giảng dạy tích cực. Số cán bộ, giảng viên đi nghiên cứu nước ngoài bằng nguồn kinh phí tài trợ có xu hướng tăng, số đề án/ đề tài nghiên cứu do các tổ chức quốc tế đầu tư vào Học viện tăng đáng kể. Trong đó, Học viện có 07 đoàn công tác đi nước ngoài bằng kinh phí tài trợ [H08.08.01.09] và 2 đề án quốc tế được triển khai [H08.08.01.10].

Thông qua hoạt động hợp tác quốc tế, Học viện đã được các chuyên gia cũng như đối tác quốc tế hỗ trợ tài liệu học tập. Các chuyên gia quốc tế cũng tham gia giảng dạy và tổ chức các khóa bồi dưỡng giảng viên Học viện về phương pháp giảng dạy tích cực.

Chiến lược phát triển Học viện Báo chí tuyên truyền đến năm 2020 đã ghi nhận “Chương trình trao đổi giáo viên và mời giảng viên nước ngoài đến giảng dạy tại Học viện đã và đang trở thành hoạt động thường xuyên, giúp cho chương trình đào tạo của Học viện đa dạng, phong phú cả về nội dung và hình thức; giảng viên và sinh viên có nhiều cơ hội để tiếp cận với những kiến thức mới, những kinh nghiệm thiết thực từ các chuyên gia quốc tế”

Các đề tài, đề án chương trình hợp tác quốc tế cũng giúp Học viện tiếp thu các phương pháp, công nghệ giáo dục từ các nền giáo dục tiên tiến như Anh, Áo, Hàn Quốc. Việc triển khai chương trình hợp tác với nhiều đối tác quốc tế đã nâng cao vị thế, vai trò của Học viện, từng bước xây dựng Học viện trở thành cơ sở đào tạo báo chí-truyền thông uy tín ở Việt nam, khu vực và trên thế giới [H08.08.01.06]. Cụ thể là, năm 2016, Học viện đã triển khai: Chương trình Cử nhân quốc tế với Đại học Middlesex (Vương quốc Anh) giai đoạn 2016 - 2021, Đề tài nghiên cứu quốc tế Năng lực truyền thông vì sự phát triển xã hội với Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo) giai đoạn 2016 - 2017, Đề án Nâng cao năng lực đào tạo Báo chí - Truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền với Trung tâm hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) giai đoạn 2016 - 2018, Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc), và Viện Thông tin Văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào (CHDCND Lào) [H08.08.01.05] .

2. Những điểm mạnh

Hoạt động hợp tác quốc tế trong những năm gần đây có những bước phát triển đột phá, phát huy được thế mạnh, tận dụng được các nguồn lực trong và ngoài Học viện nhằm nâng cao vị thế, vai trò của Học viện. Thông qua các hình thức hợp tác quốc tế, chất lượng đào tạo của Học viện được nâng cao, năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên được tăng cường.

3. Những tồn tại

Mặc dù hoạt động quốc tế đã đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần quan trọng trong sự phát triển của Học viện, việc đánh giá các hoạt động hợp tác quốc tế một cách hệ thống vẫn chưa được tiến hành; đặc biệt cần phát triển các công cụ, thước đo để đánh giá hoạt động hợp tác quốc tế trên thực tế

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ tiến hành xây dựng hệ thống đánh giá các hoạt động hợp tác quốc tế một cách cụ thể.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 8.5: Đảm bảo công khai, dân chủ trong hoạt động hợp tác quốc tế

1. Mô tả

Hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai theo hình thức phối hợp giữa các đơn vị trong Học viện, căn cứ theo kế hoạch, chương trình hoặc thông báo hoạt động do Ban Giám đốc Học viện phê duyệt. Việc xây dựng kế hoạch hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện dựa trên sự trao đổi của các bên liên quan nhằm đạt sự thống nhất và đồng thuận cao nhất. Cụ thể, đối với việc tiếp nhận và phân bổ hoạt động của chuyên gia Hàn Quốc (KOICA) tại Học viện, Phòng Hợp tác quốc tế có công văn gửi các khoa trực thuộc Học viện để đăng ký thời gian và nội dung làm việc với chuyên gia. Từ đó, Phòng tổng hợp các thông tin đăng ký và phối hợp với các khoa liên quan để triển khai hoạt động [H08.08.05.01].

Kế hoạch, chương trình về hoạt động hợp tác quốc tế được trình Ban Giám đốc để báo cáo và phổ biến công khai tới các đơn vị liên quan qua văn bản gửi đến từng đơn vị, qua bảng điện tử tại sảnh nhà Hành chính trung tâm và qua chuyên mục Hợp tác quốc tế tại website Học viện [H08.08.05.02]. Trong đó, văn bản gửi đến các đơn vị liên quan đề cập thông tin chi tiết của

hoạt động và phân công công việc cụ thể đối với các đơn vị nhằm đảm bảo việc triển khai hoạt động.

Việc triển khai kế hoạch, chương trình hợp tác quốc tế thường có sự tham gia của cán bộ Phòng Hợp tác quốc tế và các đơn vị liên quan theo cơ chế phối hợp. Theo đó, các cán bộ Học viện có thể dễ dàng tiếp cận để kiểm tra và giám sát hoạt động. Đồng thời, đối với việc triển khai đoàn vào, Phòng hợp tác quốc tế có trách nhiệm thông báo Cục An ninh chính trị nội bộ (A83), Bộ Công an về chương trình làm việc và thời gian công tác của chuyên gia quốc tế tại Học viện [H08.08.05.03]. Kết thúc một hoạt động hợp tác quốc tế, Học viện có báo cáo gửi Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Vụ Hợp tác quốc tế về kết quả công tác [H08.08.05.04]. Việc báo cáo tổng quan hoạt động hợp tác quốc tế đối với Ban Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được thực hiện hàng năm về tất cả các hoạt động: đoàn ra, đoàn vào, hội thảo quốc tế, dự án quốc tế...[H08.08.05.05]

Thông qua hoạt động hợp tác quốc tế, Học viện đã được các chuyên gia cũng như đối tác quốc tế hỗ trợ về tài liệu học tập (đĩa DVD phim tài liệu, sách chuyên ngành, báo ...) và cán bộ Học viện được thụ hưởng công bằng những thành quả của hoạt động nhằm nâng cao lực bản, cụ thể: đi học tập, nghiên cứu và hội thảo ở nước ngoài như Áo, Hàn Quốc, Thái Lan [H08.08.05.06]; tham gia các đề án/ dự án quốc tế như Năng lực truyền thông vì sự phát triển của xã hội [H08.08.05.07]; tham gia các khóa bồi dưỡng do chuyên gia quốc tế giảng dạy tại Học viện như Phương pháp giảng dạy và nghiên cứu truyền thông [H08.08.05.08]; tiếp cận nguồn tài liệu quốc tế phong phú.

Tổng quan, hoạt động hợp tác quốc tế được triển khai dân chủ và công khai trong toàn Học viện. Tuy nhiên, cơ chế phối hợp hoạt động hợp tác quốc tế giữa các đơn vị trong Học viện còn hạn chế.

2. Những điểm mạnh

Các hoạt động hợp tác quốc tế được triển khai đa dạng, dân chủ và công khai dựa trên nhu cầu đào tạo của các đơn vị chuyên môn và định hướng

phát triển hợp tác quốc tế của Học viện. Các chương trình hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học bắt đầu được triển khai theo tiêu chuẩn và yêu cầu của đối tác quốc tế, với các nguồn lực được huy động và sử dụng hiệu quả.

3. Những tồn tại

Cơ chế phối hợp hoạt động hợp tác quốc tế giữa các đơn vị trong Học viện còn hạn chế. Nguyên nhân của tồn tại là Quy chế hoạt động đối ngoại của Học viện chưa được thông qua và ban hành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tích cực làm việc để Học viện ban hành Quy chế hoạt động đối ngoại trong năm 2016. Hỗ trợ phổ biến thông tin để các đơn vị liên quan phối hợp công tác.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị giảng dạy, nghiên cứu, học tập và cơ sở vật chất

Tiêu chí 9.1: Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Trung tâm Thông tin khoa học) được đặt tại tòa nhà 3 tầng trong khuôn viên Học viện với diện tích trên 3000 m². Trung tâm có 02 phòng cơ bản là: phòng Khai thác và phổ biến thông tin và phòng Tư liệu - Thư viện gồm có hệ thống Phòng đọc Mở, Phòng Ngoại văn, Phòng mượn Mở, phòng bổ sung - nghiệp vụ, phòng giới thiệu sách và kho sách giáo trình, sách kinh điển. Thư viện của Học viện đã đóng góp tích cực và có hiệu quả vào công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Học viện [H09.09.01.01].

Hiện nay, Thư viện có 15.257 đầu sách, với số lượng là 78.578 bản (bao gồm sách tiếng Việt và sách tiếng nước ngoài) và 200 loại báo ngày, báo tuần, tạp chí chuyên ngành để phục vụ theo nhu cầu của bạn đọc. Với số lượng bản sách và đầu sách của Thư viện, số đầu sách theo ngành học của Học viện đã đáp ứng được yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên [H09.09.01.02].

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của Thư viện, hàng năm Học viện đã chú trọng đầu tư cả về cơ sở vật chất và trang thiết bị như: hệ thống giá, tủ, bàn ghế, máy chủ, máy trạm, máy in, máy photo,...; bổ sung nhiều sách, giáo trình và tài liệu tham khảo cho Thư viện. Từ năm 2011 đến năm 2015, Thư viện đã bổ sung được 2097 đầu sách với 12.048 bản sách: tính trung bình mỗi năm học Thư viện bổ sung khoảng 419 đầu sách với 2.409 bản sách và 200 loại báo, tạp chí chuyên ngành... [H09.09.01.03] Ngoài việc bổ sung tài liệu

từ kinh phí của Học viện, Thư viện còn tiếp nhận một số lượng lớn sách, báo, tạp chí biểu từ các nguồn tài trợ như: Quỹ Châu Á, Hội đồng Anh, Nxb Văn học, Nxb Hội nhà văn, Nxb Chính trị quốc gia, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương, báo Đầu tư và báo địa phương trong cả nước... Thư viện còn nhận lưu chiểu luận án, luận văn, khóa luận và đề tài khoa học của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên trong Học viện đã bảo vệ và nghiệm thu, trong đó: 28 luận án tiến sĩ, 1.668 luận văn thạc sĩ, 2.594 khóa luận tốt nghiệp, 1.299 đề tài khoa học [H09.09.01.04].

Đội ngũ cán bộ thư viện đã được đào tạo nghiệp vụ theo chuẩn mới; hàng năm được đi tham dự các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Thư viện Quốc gia Việt Nam, Liên hiệp Thư viện Đại học khu vực phía Bắc, Viện Thông tin khoa học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học Văn hóa Hà Nội... tổ chức. Hàng năm, cán bộ thư viện còn tham gia nghiên cứu khoa học về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực thông tin, thư viện và ứng dụng các nghiên cứu đó vào thực tế hoạt động của Thư viện.

Thư viện của Học viện có đầy đủ các văn bản thông báo công khai quy định thời gian phục vụ và nội quy, quy chế sử dụng Thư viện. Hàng ngày, Thư viện phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần; riêng phòng đọc Báo - Tạp chí và phòng đọc Mở phục vụ bạn đọc đến 21h từ thứ 2 đến thứ 6 và cả ngày thứ 7 [H09.09.01.05].

Để giúp bạn đọc thuận tiện trong việc tra cứu và cập nhật tài liệu, Thư viện đã cung cấp đầy đủ các bảng hướng dẫn công khai tại các phòng phục vụ, trên hệ thống máy tính tra cứu, trên trang Thư viện số. Trong các buổi sinh hoạt đầu khóa đối với sinh viên năm thứ nhất, Thư viện có báo cáo hướng dẫn sinh viên sử dụng thư viện và cung cấp bản in nội quy, quy chế Thư viện [H09.09.01.06].

Thống kê số lượng độc giả đến thư viện hàng năm: khoảng 60.000 lượt bạn đọc/ 01 năm H[09.09.01.07], số lượt bạn đọc truy cập trang Thư viện số: trung bình 54.000 lượt truy cập/01 năm [09.09.01.08].

Tháng 6 năm 2014, Thư viện đã khảo sát ý kiến bạn đọc về mức độ đáp ứng của Thư viện (Tài liệu tham khảo, giáo trình...): đối với đối tượng là sinh viên có ý kiến 40.2% hoàn toàn đáp ứng, 56.2% đáp ứng một phần; đối tượng là cán bộ, giảng viên: 30% hoàn toàn đáp ứng, 60% đáp ứng một phần. Tháng 8 năm 2016, Thư viện tiếp tục thăm dò ý kiến bạn đọc về mức độ đáp ứng của thư viện đối với bạn đọc. Đối tượng là sinh viên cho rằng: 50.1% hoàn toàn đáp ứng, 49,9% đáp ứng một phần, đối tượng là cán bộ, giảng viên đánh giá: 45,3% hoàn toàn đáp ứng, 54,7% đáp ứng một phần. Đa số các bạn đọc đều hài lòng về sự phục vụ của cán bộ Thư viện [H09.09.01.09].

Hệ thống máy vi tính trong Thư viện được nối mạng nội bộ và internet; các máy tính được cài đặt phần mềm Quản lý thư viện ISIS version 3.0 do UNESCO cung cấp. Phần mềm đã quản lý toàn bộ tài liệu có trong Thư viện với 04 cơ sở dữ liệu: Sách tiếng Việt (14.039 biểu ghi), Sách tiếng Anh (926 biểu ghi), Luận án, luận văn, khóa luận và đề tài khoa học (3.857 biểu ghi) và Báo, tạp chí đóng lưu (145 biểu ghi) [H09.09.01.10]. Tài liệu được phân loại theo tiêu chuẩn DDC23 và mô tả theo tiêu chuẩn ISBD, AACR2 nhập vào cơ sở dữ liệu, sau đó được dán nhãn và được xếp giá theo phân loại thập phân DDC (kho mở), theo số đăng kí cá biệt (kho đóng) [H09.09.01.11]. Quản lí bạn đọc được thực hiện thông qua sổ mượn (đối với phòng mượn) và thẻ sinh viên (đối với phòng đọc) [H09.09.01.12].

Hệ thống cơ sở dữ liệu về sách, báo, luận án, luận văn... có thể tra cứu trực tiếp trên máy tính tại các phòng phục vụ. Năm 2013, Thư viện đã lập trang Thư viện số Dspace: <http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace> với 2.667 tài liệu điện tử [H09.09.01.13]. Từ năm 2007 Thư viện đã chuyển đổi sang phương thức phục vụ mở tại phòng đọc báo, tạp chí và năm 2013 tại phòng đọc tổng hợp, nên đã tạo ra nhiều phản ứng tích cực từ bạn đọc nhất là việc đọc trực tuyến các tài liệu điện tử trên Thư viện số [H09.09.01.14].

Thư viện Học viện BC&TT đã liên kết với các thư viện trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, thư viện một số trường đại học

trong nước để khai thác, trao đổi tài liệu và thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Học viện; thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm hoạt động và đổi mới phương thức phục vụ bạn đọc đạt hiệu quả cao [H09.09.01.15].

2. Những điểm mạnh

- Thư viện có đầy đủ các sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt, tiếng nước ngoài đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Học viện;

- Thư viện đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ thư viện quốc tế DDC23, ISBD, AACR2, sử dụng phần mềm thư viện ISIS trong công tác biên mục, bổ sung, tra cứu tài liệu...;

- Thư viện số được đầu tư và cập nhật thường xuyên, hỗ trợ tích cực trong việc học từ xa của người học.

3. Những tồn tại

- Diện tích phòng đọc nhỏ, chưa đáp ứng nhu cầu chỗ ngồi trong Thư viện;

- Phần mềm Quản lý thư viện còn hạn chế trong quản lý bạn đọc, quản lý lưu thông tài liệu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2016 - 2017, Thư viện ứng dụng phần mềm quản lý thư viện hiện đại, xây dựng phòng Mượn tự chọn, nâng cấp máy tính và các trang thiết bị để đáp ứng tối đa nhu cầu đọc và khai thác tài liệu của bạn đọc.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 9.2: Trang thiết bị đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập

1. Mô tả

Hiện nay Học viện có 92 phòng học 04 phòng Lap học ngoại ngữ. 01 studio, 01 phòng thực hành khoa báo, 06 phòng máy tính phục vụ học tin học,

01 phòng thực hành xuất bản. Hàng năm Học viện đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện học tập phục vụ các hoạt động đào tạo.

- Học viện có đầy đủ đủ trang thiết bị phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập cụ thể:

+ 100% các lớp học được trang bị hệ thống máy chiếu, loa amply, micro

+ Học viện có khu giảng đường quốc tế được trang bị hệ thống mạng trực tuyến phục vụ liên kết đào tạo quốc tế.

+ Học viện có khu giảng đường khoa Báo với hệ thống trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, thực hành báo chí.

Các dự án mua sắm trang thiết bị đáp ứng được nhu cầu sử dụng của các ngành đào tạo qua các năm và đảm bảo chất lượng tốt. Học viện có kế hoạch, lịch sử dụng các phòng học hợp lý,[H9.09.02.01]có văn bản quy định hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị [H9.09.02.02]. Ngoài ra hàng năm Học viện có thống kê tài sản đánh giá mức độ khấu hao từ đó có kế hoạch sửa chữa bổ xung kịp thời.,[H9.09.02.03]

2. Những điểm mạnh

Có đủ trang thiết bị đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập.

3. Những tồn tại

Một số phòng học xây dựng đã lâu, xuống cấp ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Học viện có kế hoạch bố trí sửa chữa lại trong thời gian tới để đảm bảo tốt hơn chất lượng phòng học nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy và học tập .

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 9.3: Giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu nghiên cứu giảng dạy

1. Mô tả

Được sự chấp thuận của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Học viện Báo chí và Tuyên truyền lập hồ sơ trình Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở Xây dựng Hà Nội, Sở Tài nguyên Môi trường đã lập xong bản vẽ quy hoạch tổng thể Học viện. Trên bản vẽ quy hoạch tổng thể bao gồm: các công trình hiện có, các công trình đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai xây dựng. Do vậy, hàng năm Học viện đều tổng kết đánh giá tiến độ xây dựng các công trình nằm trong quy hoạch tổng thể của Học viện.

- Học viện Báo chí và Tuyên truyền đáp ứng đủ giảng đường, phòng đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập. Với tổng diện tích sử dụng làm lớp học là 25.023m². Căn cứ vào kế hoạch đào tạo Ban Đào tạo kết hợp Trung tâm Thực hành và Hỗ trợ Đào tạo quy định phân chia giảng đường cho các lớp học trong cả năm học. Minh chứng [H9.0 9.03.01],[H9.09.03.02]

- Học viện có đầy đủ sân bãi, sân thể thao phục vụ cho các hoạt động giáo dục thể chất bao gồm 01 sân bóng đá với đường bis, 01 đường chạy 100m đáp ứng đầy đủ cho sinh viên học môn giáo dục thể chất. Minh chứng [H9.09.03.03]

- Thu thập ý kiến nhu cầu của sinh viên Học viện về phòng học, khu giảng đường, ký túc xá và khu vui chơi giao phòng Công tác Chính trị thu thập hàng tháng sàng lọc, phân loại. Tổng hợp ý kiến tại cuộc họp giao ban cuối tháng triển khai sửa chữa kịp thời trong tháng sau.

- Ý kiến đề xuất của sinh viên sẽ được sàng lọc, phân mảng và đưa về các phòng, khoa chuyên quản để giải quyết.

2. Những điểm mạnh

Đã đưa vào sử dụng được các phòng học theo kế hoạch để đảm bảo đủ diện tích học cho sinh viên.

3. Những tồn tại

- Học viện là đơn vị hành chính hưởng kinh phí từ ngân sách Nhà nước hạn hẹp, phân tán. Do đó nhiều hạng mục cần phải đầu tư nhưng chưa có kinh

phí để thực hiện. Các thiết bị phục vụ học tập chưa hiện đại, nhanh lạc hậu không đáp ứng kịp xu thế phát triển của xã hội về đào tạo chất lượng cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Căn cứ vào cơ sở vật chất của Học viện phụ thuộc vào kế hoạch của Chính phủ, các bộ ngành, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cho kế hoạch trung hạn. Do đó Học viện luôn chủ động lập kế hoạch hàng năm.

- Quyết định 2608/ HVCTQG phê duyệt chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền từ 2012 đến 2025 trong đó có xây dựng KTX 12 tầng, trung tâm thực hành B7 10,000m².

- Ban Giám đốc chỉ đạo mục tiêu tăng thời gian thực hành, thực tập. Vì vậy, tăng đầu tư cải tạo sửa chữa giảng đường, phòng học phục vụ học tập, thực hành, thực tập của học viên.

*** Vấn đề cần cải tiến**

Hiện nay, 100% các lớp học của Học viện đang là lớp học truyền thống, do đó trong thời gian tới Học viện sẽ tập trung vào xây dựng phòng học đa năng, phòng học tích cực, hiện đại.

*** Biện pháp cần thực hiện.**

Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư. Tăng cường hợp tác quốc tế tiếp cận kỹ thuật hiện đại.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 9.4: Ký túc xá đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và học tập cho người học

1. Mô tả

Là một đơn vị trực thuộc Ban Giám đốc, giữ gìn an ninh trật tự và an toàn cho sinh viên, học viên ở nội trú là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Phòng Quản lý Ký túc xá luôn coi đây là nhiệm vụ hàng đầu, luôn tham mưu, tư vấn cho Đảng ủy, Ban Giám đốc chủ động, kịp thời lập các kế hoạch

sắp xếp và sắp xếp lại chỗ ở một cách hợp lý, đối với toàn bộ số lượng sinh viên đã, đang và sẽ ở trong Ký túc xá.

Đồng thời, Phòng thực hiện tốt vai trò tham mưu cho Giám đốc, trình kế hoạch tu sửa kịp thời những phòng ở của sinh viên khi có những trục trặc về điện, nước, vệ sinh, an toàn...

Thống kê chính xác, nhanh chóng và đón tiếp số sinh viên thuộc diện được ở Ký túc xá vào một cách ổn định. Ngoài ra còn tận dụng những phòng chưa có người sử dụng để bố trí cho những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Có các Quy định hướng dẫn sinh viên làm các thủ tục về ăn ở, học tập và sinh hoạt trong Khu nội trú theo đúng lịch trình, không gây phiền hà ách tắc.

Giáo dục mọi mặt cho sinh viên nội trú

- Thực hiện tốt công tác phổ biến và quán triệt Nội quy ký túc xá cho sinh viên. Từ đó hình thành nếp sống văn minh của người học trong ký túc xá

- Tuyên truyền, vận động sinh viên, học viên nội trú thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan Ký túc xá xanh - sạch - đẹp, phòng chống dịch bệnh...

- Tích cực phát huy, tôn trọng tình đoàn kết Việt - Lào của sinh viên trong khu nội trú. - Đặc biệt trong năm học vừa qua, được sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng ủy - Ban Giám đốc Học viện, khu nhà lưu học sinh Lào ở được trang bị hệ thống tivi và truyền hình cáp đến tất cả các tầng nhằm phục vụ công tác học tập, nghiên cứu, thể thao, văn hóa,... cho sinh viên Lào. Lãnh đạo Phòng phối hợp với Công đoàn luôn cố gắng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ: thăm hỏi những lúc ốm đau, hiếu-hỉ,...

- Ký túc xá hiện nay có 02 loại nhà cơ bản như sau:

- Loại thứ nhất: Nhà Cấp 4: gồm các khu nhà E1, E7 và E8

- Loại thứ hai: Nhà 5 tầng, bao gồm các khu nhà E2, E3, E4 và E6

Ký túc xá của Học viện có sơ đồ các phòng ở, có mô tả và thống kê trang thiết bị trong các phòng ký túc xá [H9.9.4.1].

Ký túc xá có Nội quy ký túc xá [H9.9.4.2], có Quy định về việc ra vào ký túc xá [H9.9.4.3], có Quy định về việc quản lý lưu học sinh nước ngoài ở ký túc xá [H9.9.4.4].

Căn cứ vào Báo cáo tổng kết năm học của đơn vị, Phòng Ký túc xá luôn có báo cáo số liệu về mức độ đáp ứng nhu cầu ký túc xá [H9.9.4.5]

2. Những điểm mạnh

Có nội quy, quy chế ký túc xá đáp ứng nhu cầu người học. Tổ chức nội quy, quy chế ký túc xá theo hướng văn minh, hiện đại

3. Những tồn tại

Đảm bảo giữ vững an ninh trật tự và an toàn cho sinh viên, học viên ở nội trú là một việc khó khăn vì địa bàn khu vực Ký túc xá phức tạp, số lượng sinh viên có nguyện vọng được vào ở nội trú năm sau đông hơn năm trước, điều đó đòi hỏi công tác quản lý an ninh trật tự tại Ký túc xá phải được đặt lên hàng đầu. Số lượng cán bộ ký túc xá còn mỏng chưa theo kịp với tình hình hiện tại.

Cơ sở vật chất cũng như số lượng phòng chưa đủ đáp ứng nhu cầu của người học. Theo báo cáo tổng kết hàng năm của đơn vị thì mức độ đáp ứng nhu cầu hàng năm trung bình khoảng 15% số lượng sinh viên Học viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Học viện cần đầu tư thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại để đáp ứng nhu cầu ăn ở của người học.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 9.5: Cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu văn hóa, thể thao

1. Mô tả

Học viện có đầy đủ sân bãi, sân thể thao cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Kế hoạch xây dựng, sân bãi cho hoạt động thể dục thể thao của Học viện theo từng giai đoạn cụ thể sẽ lập quy mô đào tạo trình Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt làm căn cứ lập kế hoạch xây mới cho phù hợp với quy mô đào tạo. [H9.9.5.1]

Học viện có hệ thống văn bản quy định bố trí, phân chia việc sử dụng, quản lý các phòng học và sân bãi, các công trình thể thao văn hóa trong Học viện [H9.9.5.2]

Học viện có đường chạy 100 m đang xây mới, có sân khấu di động [H9.9.5.3], sân bóng, sân tennis bên ký túc xá, sân thể thao sau nhà A1 (sân cầu lông)..., Hội trường lớn dành làm nơi tổ chức các hội diễn văn nghệ, mít tinh, hội nghị lớn của toàn Học viện.

Sinh viên được tham gia các hoạt động như tập luyện văn nghệ biểu diễn nhân ngày khai giảng năm học mới, tổng kết khóa học, ngày thành lập đoàn TNCS HCM, ngày nhà giáo Việt Nam 20.11...

Vào dịp cuối năm sinh viên tham gia phong trào thể dục thể thao của Học viện tổ chức mỗi năm một lần, với nhiều hoạt động phong phú như kéo co, bóng đá nam, bóng đá nữ, bóng bàn [6.2.10] [H9.9.5.4]... để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam

2. Những điểm mạnh

Có hệ thống bản hướng dẫn quản lý chặt chẽ, quy định rõ đơn vị quản lý chịu trách nhiệm, có thông báo cụ thể đến từng đối tượng khi có nhu cầu sử dụng

Học viện chú trọng đến xây dựng cơ sở vật chất phục vụ văn hóa, thể thao cho cả người học và cán bộ giảng viên

3. Những tồn tại

Vì thiếu kinh phí nên cơ sở vật chất đầu tư chưa đồng bộ gây ra tình trạng lãng phí trong sử dụng. Hệ thống phân chia quản lý còn chùng chéo ở nhiều bộ phận.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Học viện cần đầu tư hơn nữa về cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu văn hóa, thể thao cho người học và cán bộ giảng viên hơn nữa.

Phân chia rõ ràng trách nhiệm quản lý của từng đơn vị để không chùng chéo

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chí 9.6: *Môi trường tự nhiên (cây xanh, không khí...) đáp ứng nhu cầu dạy và học*

1. Mô tả

Hiện nay, Học viện thực sự đã có một môi trường tự nhiên, cảnh quan xanh - sạch - đẹp với đúng nghĩa. Học viện có hàng trăm cây bóng mát cổ thụ rải đều xen kẽ vào các khu nhà, giảng đường và ký túc xá như cây xà cừ, nhãn, sấu, bằng lăng, phượng, hoa sữa, cau vua... [H09.09.06.01]

Học viện còn có hệ thống cây hoa, cây ăn quả lưu niệm tạo nên một không gian rất thoáng mát, đẹp mắt. Có thể kể đến các cây như: cây hoàng yến, vú sữa, lộc vừng, hoa ban, bưởi, xoài, thị, khế, bồ quân, dâu da, đào tiên... [H09.09.06.02]

Học viện hiện nay có 4 khuôn viên đẹp với diện tích hàng nghìn mét vuông. Các khuôn viên này cũng được trồng các loại cây cảnh, cây hoa, thảm cỏ xanh tạo thành không gian vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho sinh viên và cán bộ giảng viên học viện. [H09.09.06.03].

Trước sảnh nhà hành chính A1 và khuôn viên dãy nhà B có nhiều cây cảnh dáng thế đẹp thể hiện vẻ đẹp không gian sinh tồn mà không kém phần văn minh. [H09.09.06.04].

Học viện có 2 bể cá, một bể Non bộ, một bể cảnh vôi phun. Cùng với đó là chăm sóc, quét dọn vệ sinh được một công ty chuyên nghiệp phụ trách tạo nên một môi trường, cảnh quan khuôn viên xanh, sạch, đẹp.

Trong các tòa nhà cũng có hệ thống hàng trăm chậu cây cảnh vừa để trang trí và tạo cân bằng sinh thái tại nơi làm việc.

Học viện luôn đảm bảo diện tích cây xanh và không gian trong khuôn viên của là hợp lý. Diện tích cây xanh trong khuôn viên ước tính chiếm khoảng 40% diện tích tổng thể.

Hàng năm, Học viện có kế hoạch trồng bổ sung cây xanh trong Học viện. Trong quá trình cải tạo xây dựng đến đâu sẽ bổ sung trồng thêm cây xanh đến đó. Hiện nay, Học viện đang thực hiện 2 hợp đồng với cơ sở chuyên trách về cây xanh, cây cảnh để chăm sóc bảo dưỡng hàng tháng.

Tuy chưa có khảo sát về mức độ hài lòng của học viên và cán bộ, giảng viên nhưng có nhiều học viên các tỉnh miền bắc và miền nam ra học đều khen ngợi cảnh quan môi trường Học viện. Đê cảnh quan thêm xanh, sạch, đẹp nhiều đơn vị, cá nhân trong Học viện đã tự nguyện bỏ tiền trực tiếp mua thêm cây xanh trồng kỷ niệm. [H09.09.06.05]

2. Những điểm mạnh

Học viện không chỉ chú trọng đến cảnh quan môi trường tự nhiên mà ngay cả cán bộ, giảng viên, sinh viên cũng đã xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa con người và tự nhiên. Cán bộ, giảng viên và sinh luôn có ý thức cải tạo và xây dựng môi trường làm việc bằng việc mua thêm cây xanh trồng kỷ niệm trong khuôn viên Học viện.

3. Những tồn tại

Do nhu cầu tự học của sinh viên ngày càng cao, Học viện đã bố trí một số phòng học phục vụ nhu cầu này. Tuy nhiên, hiện nay mới chỉ đáp ứng được nhu cầu tự học của sinh viên vào các buổi tối trong tuần, còn ban ngày Học viện chưa sắp xếp được địa điểm để sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu.

Nhu cầu sinh viên nội trú lớn nhưng ký túc xá chưa đáp ứng hết được cho sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian tới, Học viện cố gắng duy trì hiện trạng môi trường tự nhiên như hiện nay và thay thế một số cây già cỗi bằng những cây mới để tránh tình trạng gãy đổ khi có bão.

5. Kết quả tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 9.7: Bảo đảm an ninh, trật tự

1. Mô tả

Học viện Báo chí tuyên truyền có lực lượng Chuyên trách về an ninh, trật tự bảo đảm an toàn, an ninh cho toàn bộ cán bộ giảng viên, học viên và sinh viên. Học viện có văn bản quy định chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của bộ phận chuyên trách an ninh trật tự [H9.09.07.01]

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự rất được học viện chú trọng theo đó Tổ bảo vệ được thành lập với số lượng 21 người trực thuộc Phòng Hành chính Văn phòng, 5 biên chế cơ hữu, 13 hợp đồng và 3 bảo vệ khu vực ký túc xá Học viện.

Học viện đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan chức năng như công an An ninh văn hóa PA83, Công an khu vực, chính quyền địa phương để giải quyết triệt để các vấn đề phát sinh, các tình huống xảy ra đối với sinh viên. Văn phòng Học viện, lực lượng giữ gìn trật tự, đảm bảo an ninh, an toàn không để người quảng cáo bán hàng, quảng bá sản phẩm vào gây ảnh hưởng.

Học viện cũng có quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ của Tổ bảo vệ như Tổ chức tuần tra canh gác được chia làm 3 ca (có lịch phân công cụ thể) để bảo đảm 24/24 tại Học viện và ký túc xá; thường trực trong công tác phòng cháy chữa cháy và phòng chống bão lụt... Ngoài ra, Tổ bảo vệ còn có chức năng tham mưu cho phòng hành chính, các chủ trương biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trong toàn Học viện...

Trong quá trình công tác tổ bảo vệ có đầy đủ trang thiết bị và công cụ hỗ trợ như (quần áo giày đồng phục, thẻ, phù hiệu, đèn pin, bộ đàm...). Những năm gần đây, Học viện đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho Tổ bảo vệ, giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ của Học viện. [H9.09.07.02]

Để bảo đảm an toàn cho cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên và người lao động..., trong tòa nhà hành chính, giảng đường, thư viện... đều lắp đặt hệ thống thiết bị tự động báo cháy nổ (bình chữa cháy, hệ thống máy bơm đường dẫn, vòi dẫn...) được kiểm tra thay thế định kỳ. Các tòa nhà cũng có

các biển báo hướng dẫn và sơ đồ thiết bị phòng chống cháy nổ trong Học viện.[H9.09.07.03]

Hàng năm Học viện thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy và thành lập Đội phòng cháy chữa cháy tại chỗ, các thành viên gồm các cán bộ thuộc các đơn vị trong Học viện. Các thành viên đội Phòng cháy chữa cháy được tham gia tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy do Học viện phối hợp với lực lượng phòng cháy chữa cháy quận Cầu Giấy và thành phố Hà Nội tổ chức [H9.09.07.04]

Học viện xây dựng hệ thống tường rào bao quanh, tạo ranh giới giữa trụ sở học viện và khu dân cư, góp phần bảo vệ tài sản Học viện, giúp cho việc bảo đảm an ninh, an toàn giờ học. Hàng năm, Học viện thành lập Ban chỉ huy phòng chống lụt bão học viện, phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ huy phòng chống lụt bão của phường Dịch Vọng hậu, quận Cầu Giấy trong triển khai hoạt động; định kỳ cắt tỉa cây xanh trước mùa mưa bão; luôn chỉ đạo kịp thời công tác bảo vệ tài sản về người và vật chất khi có mưa to, gió bão... [H9.09.07.05]

Công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn và an ninh trong Học viện do phòng Hành chính, Văn phòng Học viện chịu trách nhiệm quản lý và điều hành, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện. Học viện quy định việc bảo vệ tài sản tại các đơn vị trong Học viện, tài sản được phân bổ về các đơn vị nào thì đơn vị đó có trách nhiệm theo dõi, quản lý và sử dụng, đồng thời thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá hiện trạng sử dụng hàng năm theo quy định. [H9.09.07.06]

Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Học viện được bảo đảm. Hàng năm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đều được công an quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đánh giá tốt và khen thưởng về công tác bảo vệ, đảm bảo an ninh trật tự trường học[H9.09.07.07]. Tổ Bảo vệ thường xuyên theo sát trên mọi địa bàn trong Học viện, trình lãnh đạo duyệt công tác bảo vệ và thông báo đến các đơn vị cũng như cán bộ, giảng viên và sinh viên để phối hợp với các đơn vị chức năng bảo đảm trật tự an ninh trường

học, có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong các tình huống bảo vệ đặc biệt là trong các kỳ thi. Học viện có quan hệ phối hợp chặt chẽ với công an phường Dịch Vọng Hậu, công an quận Cầu Giấy nên các vụ việc mất an toàn trật tự xảy ra trong khuôn viên Học viện đều được giải quyết kịp thời. Sự phối hợp tốt, trong công tác bảo vệ đã đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên của Học viện, đặc biệt là trong các kỳ thi, các cuộc đón tiếp khách quốc tế, lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

2. Những điểm mạnh

Có lực lượng chuyên trách về an ninh, trật tự. Lực lượng chuyên trách về an ninh, trật tự về số lượng, có năng lực đáp ứng nhu cầu công việc. Có trang thiết bị và công cụ hỗ trợ giúp lực lượng chuyên trách về an ninh, trật tự hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Những tồn tại

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tăng cường đội ngũ bảo vệ chuyên nghiệp hơn.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			x

Tiêu chí 9.8: Sử dụng, khai thác điều kiện cơ sở, vật chất, trang thiết bị hiệu quả, phù hợp mục tiêu phát triển của Học viện

1. Mô tả:

- Học viện Báo chí và Tuyên truyền đáp ứng đủ diện tích lớp học cho học viên. Với tổng diện tích sử dụng làm lớp học là 25.023m². Căn cứ vào kế hoạch đào tạo Ban Đào tạo kết hợp Trung tâm Thực hành và Hỗ trợ Đào tạo quy định phân chia giảng đường cho các lớp học trong cả năm học. Cơ sở vật chất của Học viện những năm gần đây được trang bị tương đối đầy đủ. Gồm có: 100% các phòng học đều được trang bị máy chiếu. 04 phòng Lap học ngoại ngữ. 01 studio, 01 phòng thực hành khoa báo, 06 phòng máy tính phục

vụ học tin học, 01 phòng thực hành xuất bản. Trong năm qua đã đưa vào hoạt động hai nhà lớp học mới với 34 phòng học.[H9.09.08.01] [H9.09.08.02]

- Học viên có 203 phòng, đáp ứng chỗ ở cho 980 sinh viên. Ban Giám đốc quy định tiêu chuẩn học viên được nội trú giao phòng Quản lý Ký túc xá triển khai. Ưu tiên sinh viên vùng sâu, vùng xa, đối tượng đặc biệt khó khăn con em gia đình có công với cách mạng.

- Học viện có đầy đủ sân bãi, sân thể thao cho các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Kế hoạch xây dựng phòng học, Ký túc xá và sân bãi cho các hoạt động thể dục thể thao của Học viện theo từng giai đoạn cụ thể sẽ lập quy mô đào tạo trình Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt làm căn cứ lập kế hoạch xây mới cho phù hợp với quy mô đào tạo đó.

- Trang thiết bị bao gồm sân khấu di động, loa đài, aamply đầy đủ phục vụ nhu cầu văn hóa văn nghệ của sinh viên.[H9.09.08.03], [H9.09.08.04]

Học viện có kế hoạch cụ thể, phân công cho các đơn vị quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có của Học viện. Hàng quý đều có kế hoạch sửa chữa bảo trì theo đúng quy trình. Nếu có phát sinh hỏng hóc đều được sửa chữa kịp thời. Trung tâm Thực hành và hỗ trợ đào tạo là cơ quan chuyên môn quản lý hệ thống giảng đường, lớp học, Văn phòng Học viện là đơn vị quản lý trung về cơ sở vật chất, phòng Quản trị là đơn vị sửa chữa nếu có sự cố, hỏng hóc.

2. Những điểm mạnh

Đã đưa vào sử dụng được các phòng học theo kế hoạch để đảm bảo đủ diện tích học cho sinh viên

Có kế hoạch khai thác, bảo trì cơ sở vật chất đảm bảo sử dụng hiệu quả trang thiết bị phù hợp với mục tiêu phát triển của Học viện.

3. Những tồn tại

- Học viện là đơn vị hành chính hưởng kinh phí từ ngân sách Nhà nước hạn hẹp, phân tán. Do đó, cần nhiều sinh viên có nhu cầu nội trú nhưng ký túc xá chưa đáp ứng hết được cho sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Quyết định 2608/ HVCTQG phê duyệt chấp thuận quy hoạch tổng

mặt bằng cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền từ 2012 đến 2025 trong đó có xây dựng KTX 12 tầng phục vụ nhu cầu nội trú cho học viên, trung tâm thực hành B7 10,000m².

Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư. Tăng cường hợp tác quốc tế tiếp cận kỹ thuật hiện đại.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

Tiêu chí 10.1: Công tác tài chính và quản lý tài chính của Học viện thực hiện theo quy định và đảm bảo chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo đúng quy định

1. Mô tả

Học viện có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo đúng quy định. Đảm bảo sự phân bổ kinh phí, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường.

Học viện luôn coi trọng việc lập kế hoạch tài chính trên cơ sở chiến lược phát triển của Học viện theo từng giai đoạn. Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm thể hiện qua việc lập dự toán thu, chi theo đúng thời gian, nội dung, biểu mẫu, thuyết minh đầy đủ rõ ràng cơ sở tính toán số liệu của mỗi chỉ tiêu và chi tiết các khoản thu, chi theo mục lục Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh từ các nguồn kinh phí khác nhau [H10.10.01.01].

Học viện công bố công khai việc phân bổ kinh phí cho từng hoạt động cụ thể xuất phát từ yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học thực tế của các lĩnh vực hoạt động. Công tác quản lý tài chính đã được tin học hóa bằng phần

mềm được quản lý từ khâu lập kế hoạch đến báo cáo quyết toán, in sổ sách lưu trữ và qua báo cáo 3 công khai hàng năm [H10.10.01.02].

Hàng năm toàn bộ số liệu tổng hợp về tình hình thu chi tài chính của Học viện đều được công bố công khai trước hội nghị cán bộ viên chức toàn trường [H10.10.01.03]. Quy chế chi tiêu nội bộ cũng được thảo luận đến từng cán bộ, giảng viên góp ý thống nhất để điều chỉnh, sửa đổi hàng năm [H10.10.01.04].

Toàn bộ hoạt động tài chính của Học viện được quy về một đầu mối do phòng Kế hoạch - Tài vụ thực hiện. Phòng Kế hoạch - Tài vụ tổ chức hệ thống kế toán, báo cáo quyết toán theo đúng chế độ quy định. Trong nhiều năm học viện không vi phạm các quy định về tài chính, thực hiện đúng Luật Kế toán, Luật Ngân sách Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ thể hiện qua các thông báo phê duyệt quyết toán hàng năm của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Trong những năm qua, công tác lập kế hoạch tài chính tại Học viện đã đáp ứng tính chuẩn hóa, công khai, minh bạch và theo quy định. Đã ban hành các quy định và quy trình lập kế hoạch tài chính, được thể hiện qua các thông báo triển khai lập kế hoạch tài chính đến từng đơn vị và biên bản các hội nghị thảo luận xây dựng kế hoạch tài chính [H10.10.01.05] và được Giám đốc duyệt. Trong công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính Học viện luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, của Học viện: Quyết định số 19 về chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp [H10.10.01.06], Nghị định số 43 nay là Nghị định số 16 của Chính phủ về quy định tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện [H10.10.01.07].

Kế hoạch thu, chi tài chính Học viện luôn bám sát kế hoạch hoạt động của trường, phù hợp và ưu tiên cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các chiến lược quy hoạch phát triển cụ thể đồng thời có tích lũy để tái đầu

tư phát triển. Bên cạnh đó, kế hoạch cũng được công khai, minh bạch [H10.10.01.08].

2. Những điểm mạnh

Công tác quản lý tài chính tài sản chặt chẽ, rõ ràng, công khai, minh bạch và đúng quy định của Nhà nước.

3. Những tồn tại

Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm chưa phân tích chi tiết hiệu quả của việc sử dụng kinh phí và tính cân đối giữa các lĩnh vực hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2015, Học viện ban hành các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính để đảm bảo khai thác tốt các nguồn thu, góp phần đảm bảo chi thường xuyên và tăng thu nhập cho cán bộ viên chức.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 10.2: Học viện có Kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có các nguồn tài chính hợp pháp như sau:

1, Nguồn thu từ ngân sách Nhà nước cấp: bao gồm kinh phí đào tạo hệ đại học, sau đại học, kinh phí đào tạo lại, nghiên cứu khoa học, đào tạo lưu học sinh Lào, kinh phí cấp bù học phí chuyên ngành Lý luận.

2, Các nguồn thu sự nghiệp ngoài ngân sách Nhà nước cấp: bao gồm nguồn thu học phí đào tạo chính quy (đại học, sau đại học); học phí đào tạo hệ

không chính quy (VLVH, bằng hai); hợp đồng đào tạo với các địa phương để đào tạo hệ vừa làm vừa học (đại học, bằng hai).

3, Các nguồn thu hợp pháp khác như hoạt động dịch vụ, phục vụ đào tạo (dịch vụ giữ xe đạp, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng các lớp B1,B2, chuyển đổi sau đại học, ôn thi đầu vào sau đại học, bồi dưỡng kiến thức chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ,.. ...) [H10.10.02.01].

Học viện có các giải pháp thực hiện tự chủ về tài chính Hàng năm, căn cứ vào tình hình thu chi tài chính và các hoạt động thực tế của đơn vị cũng như dự báo được các nhiệm vụ lớn của năm sau, lập kế hoạch dự toán tài chính rõ ràng và sát thực tế. Việc phân bổ kinh phí cho các hoạt động trọng tâm của học viện về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác được thực hiện một cách hợp lý và đúng theo quy định về quản lý tài chính tài sản của Nhà nước. Công tác phân bổ kinh phí đã dựa trên các hoạt động và chiến lược phát triển của học viện trên cơ sở vừa đáp ứng được yêu cầu công việc, vừa có tích lũy để đầu tư phát triển và tăng thu nhập cho người lao động [H10.10.02.02]. Năm 2009, sau khi chuyển sang cơ chế tự chủ một phần về tài chính đơn vị đã kịp thời ban hành Quy chế tiêu nội bộ, để thực hiện quy định tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính. Hàng năm, căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của đơn vị và những thay đổi trong quản lý của tài chính của Nhà nước, Trường đều có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp trên nguyên tắc tiết kiệm, tăng thu, giảm chi nhằm đảm bảo các hoạt động của đơn vị đồng thời từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cán bộ viên chức [H10.10.02.03].

Học viện cũng dành một phần kinh phí đáng kể để tái đầu tư phát triển. Giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2016, Trường đã tích lũy để mua sắm các trang thiết bị phục vụ học tập, giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo như máy chiếu projector, phòng thực hành máy tính, Studio, máy quay, phòng Lab, phòng học ngoại ngữ, sửa chữa nhà ở KTX E6, cải tạo hệ thống đường điện, cải tạo hệ thống vườn hoa cây cảnh, nâng cấp mở rộng hạ tầng

CNTT, trang bị hệ thống phần mềm kế toán và phần mềm quản lý đào tạo....,đồng thời cũng đã cân đối nguồn vốn tự có để đầu tư nhà ở Ký túc xá sinh viên 12 tầng [H10.10.02.04].

Học viện có những kế hoạch thực hiện tự chủ về tài chính

Tất cả các nguồn thu của đơn vị đều được tập hợp đầy đủ, ghi chép vào sổ sách rõ ràng theo một hệ thống tài khoản đúng quy định của Nhà nước được thể hiện thông qua các báo cáo quyết toán tài chính hàng quý, năm và được lưu trữ kỹ càng ở bộ phận Kế hoạch -Tài vụ [H10.10.02.05].

Thực hiện chiến lược khai thác các nguồn thu để tăng kinh phí hoạt động cho đơn vị, Học viện đã xây dựng phương án thể hiện trong kế hoạch chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2013 - 2020 như sau: “Thực hiện đa dạng hoá các nguồn tài chính theo hướng xã hội hoá giáo dục, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính đảm bảo cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao đời sống cho cán bộ và đầu tư phát triển học viện. Tăng cường khai thác các nguồn thu mới như đào tạo chứng chỉ; dự án đề tài trọng điểm cấp Nhà nước; dự án hợp tác nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, liên kết đào tạo với nước ngoài . . . để bổ sung nguồn thu của đơn vị” [H10.10.02.06].

Các nguồn thu hợp pháp của Học viện ngày càng tăng đáp ứng các hoạt động của Học viện và phục vụ tái đầu tư phát triển cụ thể mỗi năm tăng bình quân 10-15% năm trước so với năm sau.

Stt	Nội dung	Năm 2010	Năm 2011	Tỷ lệ tăng giảm (% so với năm trước)	Năm 2012	Tỷ lệ tăng giảm (% so với năm trước)	Năm 2013	Tỷ lệ tăng giảm (% so với năm trước)	Năm 2014	Tỷ lệ tăng giảm (% so với năm trước)	Năm 2015	Tỷ lệ tăng giảm (% so với năm trước)
A	Tổng thu (I+II)	104.299	125.495	20	143.794	15	170.572	19	189.934	11	180.561	4.93

1	Ngân sách cấp	61.694	75.542	22	81.636	8	91.717	12	100.992	10	101.700	0.7
2	Thu sự nghiệp	42.605	49.953	17	62.158	24	78.855	27	88.942	13	78.861	11.3

Tỷ lệ nguồn kinh phí đầu tư so với tổng kinh phí (%)

STT	Nguồn kinh phí đầu tư (%)	Năm học					
		2010	2011	2012	2013	2014	2015
1	Ngân sách nhà nước cấp	74.08	70.85	61.29	64.70	63.88	56.32
2	Kinh phí thu sự nghiệp (học phí, lệ phí)	25.92	29.15	38.71	35.30	36.12	43.68

2. Những điểm mạnh

Học viện Báo chí và Tuyên truyền điều hành tập trung các nguồn vốn, điều tiết sử dụng hợp lý các nguồn thu để đáp ứng yêu cầu về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác.

Các nguồn thu được phản ánh một cách đầy đủ, rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước.

Học viện đã có chiến lược và các giải pháp cụ thể để khai thác và tăng nguồn thu về đào tạo hợp đồng tại chức các địa phương và hợp tác nghiên cứu khoa học, đào tạo liên kết với nước ngoài, tham gia các đề án trọng điểm...

3. Những tồn tại

Nguồn thu từ kinh phí nghiên cứu khoa học còn hạn hẹp, các khoản thu dịch vụ chưa được khai thác triệt để.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tới đây, Học viện đưa ra các giải pháp tăng các nguồn thu như thu từ nguồn nghiên cứu khoa học và các khoản thu dịch vụ để đảm bảo nguồn lực tài chính thực hiện tự chủ về tài chính.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 10.3: Đảm bảo sự phân bổ kinh phí, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường.

1. Mô tả

Cùng với việc xây dựng kế hoạch ngân sách tài chính hàng năm sát với thực tế, Học viện cũng đã có các giải pháp phù hợp để quản lý, điều hành tập trung các nguồn thu. Tất cả các nguồn lực tài chính đều được phân bổ sử dụng hợp lý, rõ ràng, minh bạch và phát huy hiệu quả tốt. Hàng năm, sau hội nghị phân bổ ngân sách của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cho các đơn vị thành viên trực thuộc, Học viện đã căn cứ vào tình thực tế của đơn vị để phân bổ kinh phí đúng quy định, phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm về đào tạo và nghiên cứu khoa học của các đơn vị trong Học viện. Việc phân bổ kinh phí luôn bám sát với quy hoạch tổng thể ngắn hạn và dài hạn của trường, cũng như đáp ứng được trọng tâm chiến lược ưu tiên phát triển hàng năm của đơn vị [H10.10.03.01]. Kinh phí đầu tư cho các hoạt động trong năm được cân đối theo nhiệm vụ chính trị được giao và chỉ tiêu ngân sách nhà nước phân bổ [H10.10.03.02]. Việc bố trí ngân sách Học viện luôn ưu tiên cho nhiệm vụ đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Ngoài ra, hoạt động nghiên cứu khoa học cũng được bổ sung một phần kinh phí đáng kể ngoài kinh phí Nhà nước cấp [H10.10.03.03].

Tỷ lệ phân bổ kinh phí cho từng hạng mục trong tổng kinh phí của Học viện từ năm 2010-2015

TT	Tỷ lệ đầu tư (%)	Năm 2010-2015					
		2010	2011	2012	2013	2014	2015
1	Đào tạo đại học - cao đẳng	87.53	84.84	83.03	83.95	83.19	80.57

2	Đào tạo sau đại học	4.88	8.94	9.61	11.03	11.45	15.07
3	Nguyên cứu khoa học	1.94	2.02	1.86	1.22	0.65	0.75
4	Đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ	0.22	0.23	0.20	0.15	0.13	0.13
5	Đào tạo Học viên Lào - Campuchia	5.43	3.97	5.30	3.65	4.58	3.48
	Tổng cộng:	100	100	100	100	100	100

**Tỷ lệ phân bổ kinh phí chi tiết so với tổng kinh phí của từng hạng mục
(%)**

TT	Tỷ lệ đầu tư (%)	Năm 2010-2015					
		2010	2011	2012	2013	2014	2015
1	Ngân sách đào tạo đại học - cao đẳng	100	100	100	100	100	100
	- Chi cho con người: lương, học bổng, các khoản đóng góp	41.96	39.43	53.44	36.74	45.93	53.91
	- Chi cho nghiệp vụ chuyên môn, giảng dạy	25.75	21.48	27.33	29.21	34.65	28.62
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	31.14	38.05	13.82	28.12	17.98	7.62
	- Các khoản chi khác	1.15	1.04	5.41	5.93	1.44	9.85
2	Ngân sách đào tạo sau đại học	100	100	100	100	100	100
	- Chi cho lương, phụ cấp cán bộ, trợ cấp 38	0	54.55	68.55	9.62	27.17	30.83
	- Chi cho nghiệp vụ chuyên môn, giảng dạy	100	45.45	31.45	90.38	72.83	69.17
3	Ngân sách nghiên cứu khoa học công nghệ	100	100	100	100	100	100
	- Chi cho đề tài cấp Trường	83.44	53.23	55.56	49.41	52.14	61.12
	- Chi cho đề tài cấp Bộ	16.56	16.73	13.33	9.88	15.79	11.26
	- Chi cho đề tài cấp Nhà nước		30.04	31.11	40.71	32.07	27.62
4	Ngân sách đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ	100	100	100	100	100	100
5	Nguồn kinh phí thu sự nghiệp	100	100	100	100	100	100
	- Chi hỗ trợ cho đào tạo	69.38	76.19	71.72	73.08	57.30	69.44
	- Chi hỗ trợ cho quản lý	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
	- Chi mua sắm trang thiết bị	28.62	5.45	14.74	3.41	22.64	4.20
	- Các khoản chi khác	0	16.36	11.54	21.51	18.06	24.36
6	Ngân sách đào tạo các loại hình khác: Đào tạo Học viên Lào, Cam Puchia	100	100	100	100	100	100

Tỷ lệ chi tiêu thực tế so với tổng kinh phí của từng hạng mục (%)

TT	Tỷ lệ đầu tư (%)	Năm 2010-2015					
		2010	2011	2012	2013	2014	2015
1	Ngân sách đào tạo đại học - cao đẳng	99.78	90.90	89.57	98.72	94.98	98.47
2	Ngân sách đào tạo sau đại học	100	100	86.61	100	100	91.48
3	Ngân sách nghiên cứu khoa học công nghệ	100	100	100	100	100	100
4	Ngân sách đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ	93.34	100	99.60	97.98	100	100
5	Nguồn kinh phí thu sự nghiệp	85.71	98.32	100	100	86.40	75.4
6	Ngân sách đào tạo các loại hình khác: Đào tạo Học viên Lào, Cam Puchia	80.14	93.29	83.05	76.54	76.02	73.92

Cơ sở vật chất của Học viện cũng được nâng cao nhờ nguồn kinh phí tiết kiệm và tích lũy để tái đầu tư phát triển. Trong năm 2016, Học viện đã ưu tiên đầu tư để xây dựng một ký túc xá sinh viên 12 tầng (hơn 118 tỷ đồng) bằng nguồn ngân sách và vốn tự cân đối [H10.10.03.04]. Hàng năm, đơn vị cũng bố trí hàng chục tỷ đồng để nâng cấp, trang bị mới hệ thống máy móc (Projector, máy vi tính, hệ thống âm thanh, phòng thực tập máy tính, phòng thực hành . . .) dùng cho học tập, giảng dạy và đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.03.05]. Ngoài ra, Học viện cũng luôn ưu tiên bố trí kinh phí để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng dạy (thông qua chế độ đãi ngộ khuyến khích đi học sau đại học, chế độ bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ giảng dạy tập sự ở lại Học viện, cán bộ chuyên môn . . .) [H10.10.03.06], đồng thời cũng thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất của cán bộ [H10.10.03.07]. Học viện cũng dành một khoản kinh phí không nhỏ trong ngân sách chi thường xuyên để tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao hàng năm cho cán bộ nhờ

vậy mà phong trào văn hoá thể thao trong đơn vị luôn đạt được thứ hạng cao trong các trường và đời sống tinh thần của người lao động được nâng cao, đa số cán bộ viên chức yên tâm công tác [H10.10.03.08].

Từ năm 2009 đến nay, qua các lần duyệt quyết toán quý, năm của đơn vị cấp trên Học viện Báo chí và Tuyên truyền không có sai phạm nào về nguyên tắc quản lý tài chính tài sản và luôn được đánh giá tốt [H10.10.03.09], Quy chế chi tiêu tài chính nội bộ luôn lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ viên chức để ban hành và sửa đổi qua các năm và được công khai rõ ràng các định mức chi tiêu [H10.10.03.10]. Việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp lý và có hiệu quả đã góp phần nâng cao nguồn lực của Học viện. Số lượng và chất lượng đội ngũ được tăng lên nhanh chóng, tỷ lệ giảng viên có trình độ Giáo sư 01, PGS 30, TS 98, Thạc sỹ 208, cử nhân 68 [H10.10.03.11], cơ sở vật chất được nâng cấp tốt phục vụ đầy đủ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học đã xây dựng thêm 02 giảng đường, 03 phòng máy vi tính thực hành, 04 phòng thực hành chuyên ngành Báo chí, xuất bản, 03 phòng Lab học ngoại ngữ, 01 phòng học trực tuyến, 02 dự án mới phục vụ công tác giảng dạy: nâng cấp mở rộng hạ tầng CNTT, dự án nâng cấp phòng thực hành phát thanh truyền hình và các thiết bị khác nhằm phục vụ công tác dạy và học), thu nhập cán bộ được nâng cao, đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện. Các nội dung trên thể hiện tính hợp lý, công khai, minh bạch, có hiệu quả trong việc phân bổ và sử dụng kinh phí của Học viện.

2. Những điểm mạnh

Tất cả các nguồn kinh phí đều được phân bổ và sử dụng hợp lý, rõ ràng, minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả. Việc phân bổ kinh phí luôn bám sát với nhiệm vụ trọng tâm về công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, gắn với quy hoạch tổng thể về phát triển học viện trong ngắn hạn và dài hạn.

3. Những tồn tại

Học viện có nhiều hoạt động cần đầu tư, trong khi đó nguồn thu hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2016, Học viện triển khai các biện pháp bổ sung nguồn thu hợp pháp để đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chí 10.4: *Phương án dự phòng giải quyết các vấn đề phát sinh:*

1. Mô tả

Học viện Báo chí và Tuyên truyền sau khi cân đối thu, chi hàng năm được trích lập các quỹ như: Quỹ Phát triển sự nghiệp, quỹ ổn định thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ thu nhập tăng thêm, quỹ phúc lợi [H10.10.04.01].

Bảng tổng hợp các Quỹ từ năm 2014-2016

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	6,338	17,290	8,700
2	Thu nhập tăng thêm	8,997	11,173	18,667
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,000	7,200	7,500
4	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	2,000	7,811	10,000
	Tổng cộng	24,335	43,474	44,867

2. Những điểm mạnh

Công tác tài chính đảm bảo các khoản chi, đồng thời tiết kiệm chi tiêu để trích lập các Quỹ nhằm phục vụ công tác đào tạo của Học viện.

3. Những tồn tại

Việc huy động các nguồn thu còn hạn chế cho nên trích lập các quỹ còn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2016, Học viện ban hành các chính sách để thu hút thêm nguồn thu nhằm đảm bảo chi cho công tác đào tạo và chi thu nhập cho cán bộ viên chức.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

Tiêu chuẩn 10.5: Cơ chế phù hợp để kiểm tra đánh giá về tình hình tài chính.

Kết quả được sử dụng để cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính.

1. Mô tả

Sử dụng nguồn tài chính ở các đơn vị sự nghiệp có liên quan trực tiếp đến hiệu quả nền kinh tế xã hội do đó phải có sự quản lý, giám sát, kiểm tra nhằm hạn chế, ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng trong khai thác và sử dụng nguồn lực tài chính đồng thời nâng cao hiệu quả việc sử dụng các nguồn tài chính.

Để đảm bảo các quy định về các mục thu, chi ngân sách, Học viện Báo chí và Tuyên truyền thường xuyên tiến hành việc kiểm tra, đánh giá quy trình quản lý tài chính [H10.10.05.01]. Kiểm tra việc lập dự toán ngân sách, kiểm tra căn cứ vào các văn bản hướng dẫn lập dự toán của Bộ Tài chính và của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đơn vị dự toán cấp I [H10.10.05.02]. Kiểm tra chuyển nguồn kinh phí sang năm sau [H10.10.05.03]. Kiểm tra số kinh phí tiết kiệm được, việc hạch toán kế toán và mục lục ngân sách, quyết toán ngân sách có đúng thời hạn không, biểu mẫu không, có công khai không [H10.10.05.04].

2. Những điểm mạnh

Công tác tài chính luôn chấp hành dự toán, đưa ra các biện pháp cần thiết đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ thu chi, sử dụng kinh phí theo đúng mục đích, chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả đảm bảo các khoản chi, đồng thời tiết kiệm chi tiêu để trích lập các Quỹ nhằm phục vụ công tác đào tạo của Học viện.

3. Những tồn tại

Chưa chủ động trong việc Việc kiểm tra, đánh giá

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2016, Học viện chủ động lên Kế hoạch kiểm tra, đánh giá thường xuyên việc chấp hành và sử dụng dự toán ngân sách

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		x	

Tiêu chuẩn 11: Tính thống nhất

Tiêu chí 11.1: *Đảm bảo đoàn kết, thống nhất từ ban lãnh đạo đến cán bộ, công chức, viên chức trong Học viện.*

1. Mô tả

Đoàn kết, thống nhất được coi là một trong những giá trị cốt lõi, làm nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của Học viện Báo chí tuyên truyền. Học viện đã thường xuyên quán triệt và triển khai sự đoàn kết thống nhất, từ Ban Giám đốc, các lãnh đạo Khoa, Phòng, Ban và các đơn vị chức năng đến cán bộ công chức, viên chức.

Sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền ghi rõ trong suốt 50 năm hình thành và phát triển, đoàn kết, thống nhất được coi là một trong các giá trị cốt lõi “Tập thể cán bộ đoàn kết, thống nhất, cùng chung sức thực hiện mục tiêu xây dựng Học viện vững mạnh. Mọi thành viên đều có ý thức trách nhiệm, lòng tự hào, tinh thần học hỏi và sáng tạo, phát huy truyền thống tốt đẹp của Học viện. ...đội ngũ giảng viên có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp...” [H11.11.01.01].

Khối đoàn kết, thống nhất trong Học viện đã tạo ra sức mạnh lớn lao, giúp Học viện không ngừng đổi mới, phát triển và gặt hái được nhiều thành tựu to lớn. Cụ thể, trong năm học 2015, Học viện đã đẩy mạnh đổi mới toàn diện các mặt hoạt động, dẫn tới uy tín của học viện đối với xã hội được nâng cao; Học viện được Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung vào danh sách các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Những kết quả đó có được nhờ sự quan tâm, hỗ trợ của Học viện CTQG Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban lãnh đạo Học viện Báo chí và Tuyên truyền, lãnh đạo các đơn vị, “nhất là sự ổn định về tư tưởng, tổ chức, đời sống cán bộ, viên chức và người lao động; tinh thần đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới và trách nhiệm được phát huy trong toàn thể cán bộ công chức, viên chức, người lao động...” [H11.11.01.02].

Thành quả của sự đoàn kết, thống nhất trong các đơn vị của Học viện cũng được thể hiện ở việc các đơn vị trong Học viện hàng năm đều nhận được các danh hiệu thi đua cấp Bộ, cấp Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Ví dụ, năm 2012-2013, 4 đơn vị nhận được cờ thi đua cấp Bộ, 13 đơn vị nhận được danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc [H11.11.01.03].

Tinh thần đoàn kết, thống nhất trong Học viện thường xuyên được củng cố, phát huy. Hội nghị cán bộ Công nhân viên chức hàng năm đã thể hiện được những giá trị tinh thần này. Hội nghị “kêu gọi toàn thể cán bộ, viên chức phát huy truyền thống tốt đẹp, đoàn kết một lòng, vượt qua mọi khó khăn, quyết tâm thi đua... phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học...” [H11.11.01.d]

2. Những điểm mạnh

Tinh thần đoàn kết, thống nhất trong Học viện thường xuyên được coi là một trong những giá trị cốt lõi, nền tảng; được quán triệt và thực hiện trong mọi hoạt động của đơn vị. Sự đoàn kết, thống nhất thể hiện ở sự đồng thuận và tinh thần trách nhiệm cao của lãnh đạo, cán bộ, công chức và viên chức trong việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu của Học viện, sự không ngừng đổi mới và phát triển của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Sự đoàn kết thống nhất được thường xuyên củng cố.

3. Những tồn tại

Mặc dù tinh thần đoàn kết, thống nhất được quán triệt và thực hiện, lãnh đạo và các cán bộ, công chức, viên chức trong Học viện đã có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện các sứ mạng, mục tiêu của Học viện, sự đoàn kết thống nhất thường phát huy mạnh trong việc duy trì truyền thống hơn là trong sáng kiến đổi mới đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ triển khai tăng cường các biện pháp khuyến khích tinh thần đoàn kết tập thể các đơn vị trong học viện trong việc sáng tạo, đổi mới chất lượng hoạt động, giáo dục và đào tạo.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			x

Tiêu chí 11.2: Có phương thức đảm bảo thực hiện sự đoàn kết, thống nhất.

1. Mô tả

Học viện đã thường xuyên và định kỳ thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo sự đoàn kết, thống nhất trong đơn vị.

Hàng năm Học viện tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức nhằm “Phát huy tinh thần làm chủ, trách nhiệm và trí tuệ của mỗi cán bộ, viên chức, hoàn thành tốt các nhiệm vụ, góp phần xây dựng và phát triển Học viện ngày càng vững mạnh” [H11.11.02.01]. Tại Hội nghị, các đơn vị chức năng, khoa, phòng ban trình bày những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ; đóng góp ý kiến vào Dự thảo Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ công tác năm học tiếp theo; nêu kiến nghị đề xuất với các cấp lãnh đạo Học viện [H11.11.02.02].

Học viện cũng có các hình thức, biện pháp để thúc đẩy sự thống nhất, đoàn kết và tinh thần trách nhiệm của các cán bộ, công nhân viên chức. Cụ thể là các biện pháp thi đua, khen thưởng nhằm tạo động lực thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, sự sáng tạo và cam kết thực hiện các mục tiêu, sứ mạng của Học viện. Quy chế thi đua khen thưởng ghi rõ nguyên tắc thi đua “Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển” [H11.11.02.03]. Việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng của cá nhân và đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc bỏ phiếu và tỷ lệ phiếu tín nhiệm. Ví dụ, để đạt được danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc thì tỷ lệ phiếu tín nhiệm phải từ 90% trở lên; đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua khác từ 55% trở lên. Hàng năm, Học viện triển khai các Phong trào “Thi đua dạy tốt, phục vụ tốt” [H11.11.02.04] nhằm khơi dậy tinh thần sáng tạo, nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật lao động, tinh thần trách nhiệm trong công tác chuyên môn của mỗi cán bộ, viên chức và ý thức tự giác, hăng say học tập trong sinh viên. Nội dung phong trào bao gồm “Thi đua giữ vững tinh thần đoàn kết nội bộ; nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật trong việc chấp hành nội quy, quy định của học viện”. Thi đua khen thưởng được coi là một trong những động lực thúc đẩy việc hoàn thành các nhiệm vụ chính

trị, đẩy mạnh cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; đổi mới tác phong làm việc của cán bộ theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, dân chủ, kỷ cương và nề nếp, v.v.” Kết quả thực hiện phòng trào thi đua qua các năm ghi nhận 100% cán bộ giảng dạy hưởng ứng đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá. [H11.11.02.05].

Sự thống nhất trong chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị cũng được tăng cường thực hiện thông qua việc Học viện thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị. Cụ thể, Học viện đã và đang tiến hành xác định vị trí việc làm của các đơn vị và các cán bộ, công chức, viên chức, lãnh đạo đơn vị nhằm tăng cường sự thống nhất trong bộ máy của Học viện [H11.11.02.06].

Đoàn kết, thống nhất đã trở thành nguyên tắc tổ chức của Học viện. Chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 quy định rõ, giá trị cốt lõi của Học viện là sự đoàn kết, thống nhất [H11.11.02.07].

Đoàn kết, thống nhất cũng là động lực thúc đẩy các mặt hoạt động của Học viện. Những thành tựu, kết quả nổi bật của Học viện trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo có được là kết quả của sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Học viện. Trong các báo cáo tổng kết năm học đều ghi nhận “sự đoàn kết, nhất trí, chung sức, chung lòng của tập thể lãnh đạo, của cán bộ, giáo viên, học viên và sinh viên, quyết tâm phấn đấu đổi mới các mặt công tác của Học viện, đã đạt được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa to lớn thúc đẩy sự phát triển của Học viện trong giai đoạn mới” [H11.11.02.08].

2. Những điểm mạnh

Đoàn kết, thống nhất đã được thực hiện, trở thành nguyên tắc hoạt động của Học viện. Học viện cũng đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy sự đoàn kết, thống nhất. Nhờ có đoàn kết, thống nhất, chung sức, chung lòng giữa lãnh đạo, cán bộ, nhân viên, giảng viên và sinh viên mà Học viện đã có những bước phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây.

3. Những tồn tại

Học viện chưa có cơ chế mạnh mẽ để khuyến khích toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, giảng viên và sinh viên có những sáng kiến, tích cực tham gia vào công tác đổi mới chất lượng hoạt động, giáo dục và đào tạo của Học viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2016-2017, Học viện sẽ xây dựng các cơ chế, biện pháp để thúc đẩy sự tham gia tích cực, đồng bộ của toàn bộ đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên trong Học viện, góp phần vào công cuộc đổi mới.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
			X

Tiêu chí 11.3: Định kỳ đánh giá việc thực hiện đoàn kết, thống nhất.

1. Mô tả

Việc thực hiện đoàn kết, thống nhất trong Học viện được định kỳ tổng kết, đánh giá trong các cuộc họp giao ban Cán bộ quản lý và trong các báo cáo tổng kết năm học.

Trong các cuộc họp giao ban Cán bộ quản lý hàng tháng, Ban lãnh đạo Học viện tổng hợp đánh giá các mặt hoạt động của Học viện, những kết quả và tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Học viện, đề ra các phương hướng, biện pháp khắc phục [H11.11.03.01]. Đồng thời, các báo cáo tổng kết năm học cũng đã đánh giá những thành tựu trong các lĩnh vực hoạt động, chỉ rõ các yếu tố dẫn đến những thành tựu đó là “Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định của lãnh đạo cấp trên, của Ban Giám đốc Học viện và thủ trưởng các đơn vị đối với các nhiệm vụ chính trị của Học viện; có sự cộng tác giữa các đơn vị chức năng, các tổ chức Đảng và đoàn thể xã hội, các đơn vị giảng dạy, nghiên cứu trong quá trình triển khai nhiệm vụ được giao. Có sự đoàn kết, đồng thuận và thống nhất cao trong đội ngũ cán bộ viên chức; mỗi người đều ý thức được trách nhiệm của mình trước công việc được phân công, nỗ lực vượt khó vì mục tiêu đổi mới nâng cao chất lượng công việc” [H11.11.03.02].

Các báo cáo tổng kết hàng năm cũng đánh giá sự tồn tại, hạn chế trong sự đoàn kết, thống nhất giữa các đơn vị. Báo cáo năm 2012 đưa ra nhận định rằng sự phối hợp giữa các đơn vị trong Học viện theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao còn chưa được chặt chẽ, dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao [H11.11.03.03]. Báo cáo năm 2014 nhận định “Các khoa đào tạo hiện đang được tổ chức và hoạt động có phần khép kín, thiếu sự phối hợp và chia sẻ trong công tác chuyên môn. Chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị còn có phần chồng chéo” [H11.11.03.04].

Tuy nhiên, việc đánh giá sự đoàn kết, thống nhất mới dừng lại ở mức chung, ở những nhận định chủ quan, chưa có các tiêu chí và phương thức đánh giá cụ thể.

2. Những điểm mạnh

Học viện đã nhận thức được tầm quan trọng của sự đoàn kết, thống nhất trong sự phát triển của mình; đã thường xuyên, định kỳ đánh giá, tổng kết việc thực hiện đoàn kết thống nhất thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng và báo cáo tổng kết cuối năm học. Các báo cáo đánh giá đã chỉ rõ thực hiện đoàn kết, thống nhất là động lực và nguyên nhân để đạt được các thành tựu cũng như sự thiếu đoàn kết thống nhất là nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

3. Những tồn tại

Học viện chưa có các phương thức, tiêu chí, công cụ đánh giá thực hiện đoàn kết, thống nhất nên chưa thúc đẩy mạnh mẽ sự đoàn kết, thống nhất nhằm đạt được các thành tựu một cách tối ưu và khắc phục các tồn tại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2016-2017, Học viện sẽ triển khai xây dựng các công cụ, phương pháp đánh giá thực hiện đoàn kết, thống nhất của các đơn vị, nhằm góp phần nâng cao sự đoàn kết, thống nhất, làm cơ sở nền tảng cho sự phát triển của Học viện.

5. Kết quả tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		X	

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Kết quả tự đánh giá cho thấy, tính theo điểm quy đổi, tổng điểm của các tiêu chí là 78, chất lượng đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được đánh giá đạt loại khá.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tiến hành công tác tự đánh giá nghiêm túc, khách quan, đúng quy định, với sự tham gia của nhiều thành phần trong học viện, đảm bảo kết quả tự đánh giá phản ánh trung thực chất lượng đào tạo của học viện. Thông qua tự đánh giá, Học viện đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và những tồn tại trong từng lĩnh vực công tác, trên cơ sở đó lập kế hoạch cải tiến chất lượng trong thời gian tới, khắc phục những tồn tại và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã đơn vị: HBT
Tên trường: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Khối ngành: Lý luận chính trị và Báo chí truyền thông
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 20/01/2017

Tiêu chí	Mức đạt được (M1, M2, M3, M4)	Chưa đạt (C)	Không đánh giá (KĐG)	Tiêu chí	Mức đạt được (M1, M2, M3, M4)	Chưa đạt (C)	Không đánh giá (KĐG)
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu				Tiêu chuẩn 6: Người học			
1	3			1	4		
2	3			2	3		
3	3			3	3		
4	4			4	3		
5	3			5	3		
6	3			6	3		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý				7	4		
1	3			8	3		
2	3			9	4		
3	3			10	3		
4	3			Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và xã hội hóa kết quả nghiên cứu			
5	3			1	3		
6	3			2	3		
7	3			3	3		
8	3			4	3		
9	3			5	3		
10	3			6	4		
11	3			7	4		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo				8	4		
1	3			Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế			
2	3			1	4		
3	2			2	4		
4	3			3	4		
5	3			4	3		
6	3			5	4		
7	3			Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị giảng dạy, nghiên cứu, học tập và cơ sở vật chất khác			
8	3			1	3		
9	3			2	3		
10	3			3	3		
11	3			4	3		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo				5	3		
1	3			6	3		
2	3			7	4		
3	2			8	3		
4	3			9	4		
5	3			10	3		
6	2						
7	3						
8	2						

Tiêu chí	Mức đạt được (M1, M2, M3, M4)	Chưa đạt (C)	Không đánh giá (KĐG)	Tiêu chí	Mức đạt được (M1, M2, M3, M4)	Chưa đạt (C)	Không đánh giá (KĐG)
9	3			Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính			
10	3			1	3		
11	4			2	3		
12	3			3	3		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức				4	3		
				5	3		
1	3			Tiêu chuẩn 11: Tính thống nhất			
2	3			1	4		
3	3			2	4		
4	3			3	3		
5	3						
6	3						
7	3						
8	3						
9	3						

Tổng hợp kết quả:

- Số tiêu chí đạt M1: 0 chiếm 0%;
- Số tiêu chí đạt M2: 4 chiếm 4.6 %;
- Số tiêu chí đạt M3: 67 chiếm 77 %;
- Số tiêu chí đạt M4: 16 chiếm 18.4%;
- Số tiêu chí chưa đạt: 0 chiếm 0%;
- Số tiêu chí không đánh giá: 0 chiếm 0%.

Hà Nội, ngày..... tháng 01 năm 2017

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

PHẦN V: PHỤ LỤC

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA HỌC VIỆN/ĐƠN VỊ

1. Tên Học viện:

Tiếng Việt: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tiếng Anh: Academy of journalism and communication

2. Tên viết tắt

Tiếng Việt: HBT

Tiếng Anh: AJC

3. Tên trước đây: Phân viện Báo chí và Tuyên truyền

4. Cơ quan chủ quản: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

5. Địa chỉ Học viện: 36 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: **Điện thoại** (+84) 437.546.963 ; **Fax:** (+84)437.548.949

E-mail: website@ajc.edu.vn ; **Website:** http: ajc.edu.vn

7. Năm thành lập Học viện: 1962

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa thứ nhất:

10. Loại hình Học viện đào tạo: Công lập

II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ HỌC VIỆN

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Học viện

Học viện Báo chí và Tuyên truyền - Trường Tuyên giáo Trung ương trước đây được thành lập ngày 16-1-1962 theo Nghị quyết số 36/NQ-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa III (trên cơ sở hợp nhất 3 trường: Trường Tuyên huấn, Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II và Trường Đại học Nhân dân), do Ban Tuyên giáo Trung ương phụ trách, có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo ở Trung ương và địa phương.

Năm 1969, để phù hợp với sự kiện Ban Tuyên giáo Trung ương tách thành 2 ban (Tuyên huấn và Khoa giáo), Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định đổi tên Trường Tuyên giáo Trung ương thành Trường Tuyên huấn Trung ương.

Năm 1983 Trường hợp nhất với Trường Nguyễn Ái Quốc V (thuộc Bộ Giáo dục) đổi tên thành Trường Tuyên huấn Trung ương I, trực thuộc Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Năm 1990, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định sắp xếp lại hệ thống trường Đảng trực thuộc Trung ương: đổi tên Trường Tuyên huấn Trung ương I thành Trường Tuyên giáo; trực thuộc Ban Ban Bí thư Trung ương Đảng; đồng thời Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng công nhận Trường Tuyên giáo trở thành trường đại học và có tên gọi là Trường Đại học Tuyên giáo.

Năm 1993, Bộ Chính trị quyết định sắp xếp lại các trường Đảng trực thuộc Trung ương: chuyển trường Đại học Tuyên giáo thành Phân viện Báo chí và Tuyên truyền trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Phân viện có nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học, cao học những cán bộ làm công tác báo chí, xuất bản, tuyên truyền. Đào tạo bậc đại học một số chuyên ngành lý luận Mác-Lênin và bồi dưỡng nghiệp vụ cho các đối tượng nói trên.

Năm 2005, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quyết định chuyển Phân viện Báo chí và Tuyên truyền thành Học viện Báo chí và Tuyên truyền, trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Năm 2014, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh căn cứ Quyết định của Bộ Chính trị (số 224-QĐ/TW ngày 6-1-2014), Nghị định của Chính phủ (số 48/2014/NĐ-CP) quyết định về chứng năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đơn vị trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa, cán bộ báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học về lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng-văn hóa, lĩnh vực báo chí-truyền thông.

Năm 2016, Học viện chính thức được Bộ giáo dục và đào tạo cho phép triển khai đào tạo chương trình quốc tế ngành Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông với Đại học Middlesex của Vương Quốc Anh. Đồng thời, Học viện đang xây dựng các chương trình đào tạo chất lượng cao: Báo chí, Truyền thông, Kinh tế và Quản lý, Quan hệ quốc tế, nhằm cung cấp cho xã hội nguồn cán bộ có chất lượng cao.

Học viện đang đào tạo 13 ngành đại học với 28 chuyên ngành; đào tạo 10 ngành cao học với 17 chuyên ngành; đào tạo 3 chuyên ngành tiến sĩ.

Kết quả hoạt động và thành tích của Học viện/Đơn vị trong thời gian vừa qua được ghi nhận bằng các phần thưởng cao quý:

a. Thành tích của Học viện

- *Danh hiệu thi đua:*

Năm	Danh hiệu	Ngày, tháng, số quyết định
2010-2011	Cờ Thi đua cấp Bộ	Số 2297/QĐ-HVCTQG HCM, ngày 26/7/2011
2010-2011	Cờ thi đua Chính phủ	Số 1457/QĐ-TTg, ngày 23/8/2011
2012-2013	Diễn hình trong phong trào thi đua yêu nước nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi thi đua ái quốc.	Số 1915/QĐ-HVCTQG HCM, ngày 03/6/2013.

- *Hình thức khen thưởng:*

Năm	Hình thức	Ngày, tháng, số quyết định
1992	Huân chương Độc lập Hạng Nhì	Số 848/QĐ-CTN, ngày 3/7/1992
2001	Huân chương độc lập Hạng Nhất	Số 913/QĐ-CTN, ngày 19/11/2001
2007	Huân chương Hồ Chí Minh	Số 14/QĐ-CTN, ngày 11/1/2007

b. Thành tích của tổ chức Đảng Học viện

- Từ năm 2010-2015: Bằng khen của Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương cho Tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu hàng năm.

- Năm 2016: Bằng khen của Đảng ủy HVCTQGHCN cho Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu năm học 2015-2016.

c. Thành tích của Công đoàn Học viện

- Bằng khen của Công đoàn viên chức 5 năm liên tiếp (2010 đến 2015)

d. Thành tích của Đoàn Thanh niên từ ... đến nay

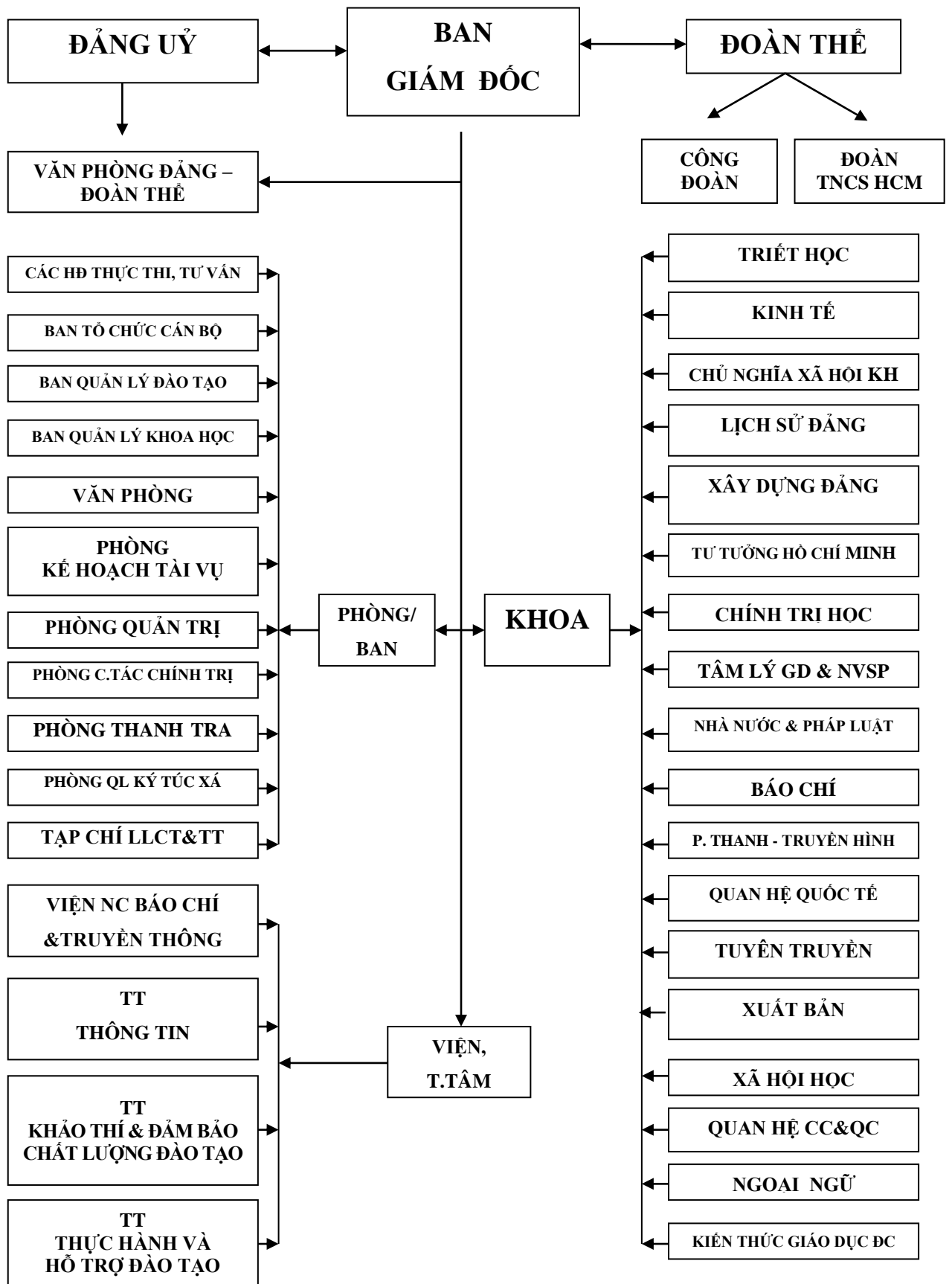
- Bằng khen Trung ương Đoàn về Thành tích xuất sắc trong CTĐ và PTTN trường học năm học 2011-2012 cho tập thể Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Học viện Báo chí và tuyên truyền.

- Được nhận Bằng khen của Trung ương Đoàn, Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố.

- Bằng khen của Đoàn Khối cơ quan TW về thành tích xuất sắc trong CTĐ và PTTN giai đoạn 2012-2014.

- Bằng khen và cờ thi đua các loại của Thành đoàn, đoàn khối các cơ quan Trung ương, Hội sinh viên Thành phố, các cơ sở ban ngành tử trung ương đến địa phương.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của Học viện



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Học viện

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Giám đốc	Trương Ngọc Nam	PGS.TS	0983.008.959	truongngocnam@ajc.edu.vn
2. Phó Giám đốc	Lưu Văn An	PGS.TS	0904.186.034	luuvanan@ajc.edu.vn
	Phạm Huy Kỳ	PGS.TS	0913.301.011	phamhuyky@ajc.edu.vn
	Nguyễn Vũ Tiến	PGS.TS	0912.571.484	nguyenvutien@ajc.edu.vn
3. Văn phòng Đảng - Đoàn thể				
Bí thư đảng ủy	Trương Ngọc Nam	PGS.TS	0983.008.959	truongngocnam@ajc.edu.vn
Phó bí thư Đảng ủy	Lưu Văn An	PGS.TS	0904.186.034	luuvanan@ajc.edu.vn
Chánh VP Đảng ủy	Vũ Quốc Cường		0904.800.574	vuquoccuong@ajc.edu.vn
BT Đoàn thanh niên	Phạm Tuyên	Thạc sĩ	0988.891.979	phamtuyen@ajc.edu.vn
4. Các phòng, ban chức năng				
Văn phòng Học viện	Trần Thanh Giang	TS, Chánh văn phòng	0984.927.397	tranthanhgiang@ajc.edu.vn
Ban Tổ chức cán bộ	Trần Xuân Học	TS, Trưởng ban	0913.382.512	tranxuanhoc@ajc.edu.vn
Ban Quản lý đào tạo	Mai Đức Ngọc	TS, Trưởng ban	0914.990.469	maiducngoc@ajc.edu.vn
Ban Quản lý khoa học	Hoàng Anh	PGS,TS, Trưởng ban	0984.806.704	hoanganh@ajc.edu.vn
Phòng Hợp tác quốc tế	Vũ Thanh Vân	Ths, Trưởng phòng	0906.001.008	vuthanhvan@ajc.edu.vn
P. Kế hoạch - Tài vụ	Nguyễn Thị Hồng Mến	Ths, Trưởng phòng	0984.235.499	nguyenthihongmen@ajc.edu.vn
Phòng Thanh tra	Nguyễn Mạnh Cường	Ths, Phó trưởng phòng phụ trách phòng	0943.973.468	nguyenmanhcuong@ajc.edu.vn
Phòng Quản trị	Phạm Ngọc Lân	Trưởng phòng	0913.002.659	phamngoclan@ajc.edu.vn
Phòng Công tác chính trị	Nguyễn Văn Minh	Ths, Trưởng phòng	0989.304.403	nguyenvanminh@ajc.edu.vn
Phòng Quản lý ký túc xá	Nguyễn Khánh Lộc	Ths, Trưởng phòng	0912.586.093	lekhanhloc@ajc.edu.vn
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc				
TT Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	TS, Giám đốc	0936.689.969	nguyenthingochoa@ajc.edu.vn
Viện Nghiên cứu báo chí	Nguyễn Đức Hạnh	Phó Viện Trưởng	01688.706.868	Nguyenduchanh@ajc.edu.vn
Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo	Đình Xuân Phi	Ths, Giám đốc	0904.191.759	dinhxuanphi@ajc.edu.vn
TT thông tin khoa học	Nguyễn Thanh Thảo	TS, Giám đốc	0915.595.897	Nguyenthanhthao@ajc.edu.vn
6. Các khoa				
Triết học	Trương Ngọc Nam	PGS, TS, phụ trách khoa	0983.008.959	
Kinh tế	Đông Văn Phương	TS, Trưởng khoa	0912.880.051	dongvanphuong@ajc.edu.vn
Chủ nghĩa xã hội KH	Nghiêm sỹ Liêm	TS, Trưởng khoa	0989.539.226	nghiemsyliem@ajc.edu.vn
Lịch sử Đảng	Phùng Thị Hiền	TS, Trưởng khoa	0983.060.364	phungthihien@ajc.edu.vn
Xây dựng Đảng	Trần Thị Anh Đào	PGS,TS, Trưởng khoa	0912.818.736	tranthianhdao@ajc.edu.vn
Chính trị học	Nguyễn Xuân Phong	PGS, TS, Trưởng khoa	0904.030.372	nguyenvanphong@ajc.edu.vn
Tư tưởng Hồ Chí Minh	Doãn Thị Chín	PGS, TS Trưởng khoa	0917.291.694	doanthichin@ajc.edu.vn
Nhà nước và pháp luật	Trần Quang Hiến	TS, Phó trưởng khoa phụ trách	0913.366.434	tranquanghien@ajc.edu.vn
Quan hệ quốc tế	Phạm Minh Sơn	PGS,TS, Trưởng khoa	0912.778.171	phamminhson@ajc.edu.vn
Xã hội học	Lưu Hồng Minh	TS, Trưởng khoa	0913.043.663	luuhongminh@ajc.edu.vn
Báo chí	Nguyễn Văn Dũng	PGS, TS, Trưởng khoa	0983.525.839	nguyenvandung@ajc.edu.vn
Phát thanh truyền hình	Nguyễn Trí Nhiệm	TS, Trưởng khoa	0903.283.354	nguyentrinhiem@ajc.edu.vn
Tuyên truyền	Lương Ngọc Vĩnh	TS, Trưởng khoa	0974.516.526	luongngocvinh@ajc.edu.vn
Xuất bản	Phạm Văn Thấu	TS, Trưởng khoa	0912.263.690	phamvanthau@ajc.edu.vn
Quan hệ công chúng & Quảng cáo	Nguyễn Thị Minh Hiền	ThS; P. Trưởng khoa	0982.048.883	Dochinghia@ajc.edu.vn
Ngoại ngữ	Vũ Thành Công	Q. Trưởng khoa	0912.322.134	vuthanhcong@ajc.edu.vn
Kiến thức đại cương	Hoàng Minh Lương	PGS,TS; Trưởng khoa	0915.463.627	hoangminhluong@ajc.edu.vn
Tâm lý giáo dục và nghiệp vụ sư phạm	Trần Thị Minh Ngọc	TS; Trưởng khoa	0912.152.033	tranthiminhhngoc@ajc.edu.vn

14. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 03 chuyên ngành

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 13 chuyên ngành

Số lượng ngành đào tạo cử nhân: 29 chuyên ngành

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

15. Các loại hình đào tạo của Học viện

STT	Loại hình đào tạo	Có	Không
1	Chính quy	X	
2	Không chính quy	X	
3	Tập trung	X	
4	Không tập trung	X	
5	Từ xa		X
6	Liên kết đào tạo với nước ngoài	X	
7	Liên kết đào tạo trong nước	X	
8	Các loại hình đào tạo khác (Nếu có, ghi rõ từng loại hình).....		

16. Tổng số các Viện/Khoa/Ban đào tạo: 18 khoa**III. CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN CỦA HỌC VIỆN/ĐƠN VỊ****17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của Học viện**

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	155	258	413
I.1	Cán bộ trong biên chế	137	227	364
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	18	31	49
II	Các cán bộ khác: Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			370
	Tổng số			

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các đơn vị công lập) và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được Học viện/Đơn vị mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	7	1			6	
2	Phó Giáo sư	164	30			134	
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	208	71			137	1
5	Thạc sĩ	194	110	15	13	69	1
6	Đại học	42	9	13		20	
	Tổng số	619	221	28		370	

(Khi tính số lượng các tiến sĩ khoa học (TSKH), tiến sĩ (TS) thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 246 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 61.19%

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

19. Quy đổi số lượng giảng viên của Học viện/Đơn vị⁴

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư	3,0	11	1			10		9
2	Phó Giáo sư	2,0	164	30			134		113,6
3	Tiến sĩ khoa học	2,0							
4	Tiến sĩ	1,5	208	71			137	1	147,9
5	Thạc sĩ	1,0	194	110	15		69		138,8
6	Đại học	0,8	42	9	13		20		20,8
	Tổng		619	221	28		370		430,1

Hệ số quy đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, thạc sĩ và đại học, đối với các trường đại học (ĐH), Học viện theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,0; 0,8; đối với các trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp: theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,3; 1,0 (không tính các trình độ thấp hơn ĐH) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ GDĐT. Nếu có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư.

Cách tính:

$$\text{Cột 10} = \text{cột 3} \times (\text{cột 5} + \text{cột 6} + 0,3 \times \text{cột 7} + 0,2 \times \text{cột 8} + 0,2 \times \text{cột 9})$$

⁴Việc quy đổi áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1		1						1
2	Phó Giáo sư	30		21	9		1	6	11	12
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	71		25	46		23	27	18	3
5	Thạc sĩ	125		36	89	19	79	11	16	
6	Đại học	22		7	15	15	4	1	2	
	Tổng	249		90	159	34	107	45	47	16

20.1. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	15,5	51,5
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	14,9	35,5
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40,5	9,5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	23,2	2,4
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	5,9	1,1
	Tổng	15,5	51,5

20.2. Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41 tuổi

- Dưới 30 tuổi: 13,41% (33 người)
- Từ 31 - 40 tuổi: 45,12% (111 người)
- Từ 41- 50 tuổi: 16,26% (40 người)
- Từ 51 - trên 60 tuổi: 25,20% (62 người)

20.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện: 38,61% (95/246)

IV. NGƯỜI HỌC

Người học bao gồm học viên dự thi/xét tuyển đầu vào các hệ đào tạo, bồi dưỡng. Học viên cao học và nghiên cứu sinh, học viên các hệ đào tạo, bồi dưỡng khác:

21. Tổng số thí sinh đăng ký dự thi/xét tuyển vào Học viện, số học viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây

Năm học	Số thí sinh dự thi, xét tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của học viên được tuyển	Số lượng học viên quốc tế nhập học (người)
Nghiên cứu sinh							
2011-2012				12			
2012-2013				19			
2013-2014				13			
2014-2015				33			
2015-2016				26			
Cao học							
2011-2012				377			
2012-2013				454			
2013-2014				669			
2014-2015				445			
2015-2016				508			
Cao cấp lý luận chính trị							
2011-2012							
2012-2013							
2013-2014							
2014-2015							
2015-2016							
Đại học							
2011-2012	5261	1630	1/5.23	1623			37
2012-2013	5023	1584	1/5.06	1485			26
2013-2014	5512	1620	1/5.87	1614			14
2014-2015	5079	1748	1/5.16	1712			11
2015-2016				1478			
Các hệ đào tạo, bồi dưỡng khác							
2011-2012							
2012-2013							
2013-2014							
2014-2015							
2015-2016							

Số lượng học viên hệ tập trung đang học tập tại Học viện: 7523 người.

22. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ tập trung và không tập trung:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm học				
	2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016
1. Nghiên cứu sinh	12	19	13	33	26
2. Học viên cao học	377	454	669	445	508
3. Học viên đại học					
Trong đó:					
Hệ tập trung	1623	1485	1614	1712	1781
Hệ không tập trung	2704	2003	1928	1877	1881
4. Học viên CCLLCT					
Trong đó:					
Hệ tập trung					
Hệ không tập trung					
5. Học viên các lớp bồi dưỡng					
6. Liên kết nước ngoài					
7. Liên kết trong nước					

Tổng số học viên tập trung (chưa quy đổi): 7523

Tổng số học viên quy đổi: 11089

Tỷ lệ học viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 30,34

23. Số học viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:*Đơn vị: người*

	Năm học				
	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
Số lượng		38	32	21	21
Tỷ lệ (%) trên tổng số học viên quy đổi		0,34	0,02	0,01	0,01

24. Học viên có chỗ ở trong kí túc xá/tổng số học viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	Năm học				
	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4.925,5	4.925,5	4.925,5	4.925,5	4.925,5
2. Số lượng học viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)		2.000	2.000	2.000	2.000
3. Số lượng học viên được ở trong ký túc xá		1.405	1.390	1.463	1.390
4. Tỷ số diện tích trên đầu học viên ở trong ký túc xá, m ² /người		3,5	3,54	3,36	3,54

25. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2011	2012	2013	2014	2015
Số lượng (người)	108	123	79	91	
Tỷ lệ (%) trên tổng số học viên quy đổi	1.69% (108/6353)	1.86% (123/6584)	1.51% (79/5214)	1.27% (91/7129)	

26. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016	
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ						
2. Học viên tốt nghiệp cao học	322	303	209	245	273	
3. Học viên tốt nghiệp đại học						
Trong đó:						
Hệ tập trung	1027	1424	1365	1566	1727	
Hệ không tập trung	2729	2852	1646	2862	1277	
4. Học viên viên tốt nghiệp CCLLCT						
Trong đó:						
Hệ tập trung				188	201	
Hệ không tập trung	1752	2729	2852	2893	1277	
5. Học viên ĐT liên kết trong nước						
Hệ chính quy						
Hệ không chính quy						
6. Học viên ĐT liên kết quốc tế						
Hệ chính quy						
Hệ không chính quy						

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

27. Tình trạng tốt nghiệp của học viên :

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016
1. Số lượng học viên tốt nghiệp (người)	1027	1424	1365	1566	1727
2. Tỷ lệ học viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	63,27%	95,89%	84,57%	97%	98%
3. Đánh giá của học viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện/Đơn vị: A. Học viện/Đơn vị không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Học viện/Đơn vị có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ học viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)			44,6%		
3.2 Tỷ lệ học viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)			38,3%		
3.3 Tỷ lệ học viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp			17,1%		
3.4. Tỷ lệ học viên có vị trí việc làm đúng ngành đào tạo (%)					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp					
3.5. Tỷ lệ học viên có vị trí việc làm trái ngành đào tạo (%)					

3.6. Thu nhập bình quân/tháng của học viên có vị trí việc làm					
4. Học viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Học viện/Đơn vị không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Học viện/Đơn vị có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ học viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)			78,3%		
- Sau 6 tháng tốt nghiệp					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ học viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)			21,7%		
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của học viên có việc làm			3-5 triệu		
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về học viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Học viện/Đơn vị không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Học viện/Đơn vị có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ học viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể thích ứng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ học viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ học viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

6. Đánh giá của cơ quan quản lý cử học viên đi học về hiệu quả làm việc sau khi học viên tốt nghiệp: A. Học viện/Đơn vị không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Học viện/Đơn vị có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
6.1 Tỷ lệ học viên có thay đổi tích cực trong làm việc (%)					
6.2 Tỷ lệ học viên không có thay đổi trong làm việc (%)					
6.3 Tỷ lệ học viên có thay đổi tiêu cực trong làm việc (%)					

Ghi chú:

- Học viên tốt nghiệp là học viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những học viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Học viên có vị trí việc làm phù hợp là học viên được làm việc như ngành học.
 - Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
 - Các mục bỏ trống đều được xem là Học viện/Đơn vị không điều tra về việc này.

V. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của học viện được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	2016	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đề tài cấp NN	2,0	2	2	3	1	1	2	20
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	3	3	3	1	3	5	18
3	Đề tài cấp trường	0,5	131	172	150	142	155	140	515
4	Tổng		136	177	156	144	159	147	556

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 556

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,01 (406/402).

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của học viện trong 5 năm gần đây: Không có

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của học viện tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	40	91	633	
Từ 4 đến 6 đề tài			139	
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia	40	91	772	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của học viện được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5	14	8	13	21	30	129
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng							129

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 129.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.32 (129/402)

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của học viện tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2			
Từ 4 đến 6 cuốn sách		126		
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia				

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của học viện được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

ST T	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	-	-	-	-	-	
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	0	2	1	1	0	4
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	145	141	165	115	130	348
4	Tổng							352

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 352

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,87 (352/402).

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của học viện tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	2	6	72
Từ 6 đến 10 bài báo	1	4	13
Từ 11 đến 15 bài báo			2
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	3	10	87

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của học viện báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	45	88	52	116	25	326
2	Hội thảo trong nước	0,5	40	100	38	105	130	206,5
3	Hội thảo cấp trường	0,2 5	158	164	164	165	150	200
4	Tổng		243	352	254	386	305	732,5

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 732,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,82 (732,5/402).

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của học viện có báo cáo khoa học tại các hội

ngiht, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	70	95	215
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	70	95	215

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây: Không có

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của học viện tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường năm 2016	
Từ 1 đến 3 đề tài			150	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài		x	x	
Tổng số sinh viên tham gia		70	550	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2011	2012	2013	2014	2015
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	2	1	2	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VI. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH

39. Tổng diện tích đất sử dụng Học viện: 57.310m²

40. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 1.963 m²
- Nơi học: 6.842,1 m²
- Nơi vui chơi giải trí: 22.641m²

41. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 25.023m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên học viên tập trung: 3.5m²

42. Tổng số đầu sách trong Thư viện của Học viện

Số lượng thống kê đầu sách của Thư viện từ 2011 - 2015 (5 năm)

Năm	Số cuốn
2011	63.334
2012	67.613
2013	71.271
2014	75.000
2015	78.980

43. Tổng số máy tính của Học viện

- Dùng cho hệ thống văn phòng, hỗ trợ đào tạo: 215 máy
- Dùng cho học viên học tập: 355 máy
- Tỷ số số máy tính dùng cho học viên hệ tập trung: 0.05 học viên / 01 máy

44. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của Học viện trong 5 năm gần đây:

- Năm 2011: 49.952.919.861đ
- Năm 2012: 62.158.634.255đ
- Năm 2013: 78.855.192.080đ
- Năm 2014: 88.941.350.731đ
- Năm 2015: 78.861.000.000đ

45. Tổng thu học phí trong 5 năm gần đây

- Năm 2011: 21.113.363.000đ
- Năm 2012: 24.444.893.000đ
- Năm 2013: 28.699.495.500 đ
- Năm 2014: 33.872.803.750 đ
- Năm 2015: 33.413.000.000đ

VII. TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ SỐ QUAN TRỌNG

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 246 bao gồm GV cơ hữu tại Cơ sở trực thuộc (nếu có).
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 51.49%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có là giáo sư trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà Học viện/Đơn vị (%): %.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu phó giáo sư trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà Học viện/Đơn vị (%):%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ khoa học trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà Học viện/Đơn vị (%): 38.21.%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà Học viện/Đơn vị (%): 38.21.%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện/Đơn vị (%): 91.46%.

2. Học viên

- Tổng số học viên (người): 7523
- Tổng số học viên quy đổi (người): 11089
- Tỷ số học viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 30.34
- Tỷ lệ học viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 97%.

3. Đánh giá của học viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo

- Tỷ lệ học viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 44.6%.
- Tỷ lệ học viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 38.3%.

4. Đánh giá của đơn vị sử dụng nguồn nhân lực về học viên sau tốt nghiệp: Đang tiến hành, chưa có số liệu cuối cùng

- Tỷ lệ học viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):.....:
- Tỷ lệ học viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào

tạo thêm (%):.....

- Tỷ lệ học viên có tiến bộ trong công việc, đáp ứng yêu cầu của công việc, (%):.....

- Tỷ lệ học viên không có tiến bộ trong công việc(%):.....

5. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.01%

- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,24

- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,75

- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: .1,78

6. Cơ sở vật chất

- Tỷ số máy tính dùng cho học viên chính quy (tập trung): 0,05 học viên.

- Tỷ số diện tích phòng học trên học viên chính quy (tập trung): 3,5 m²/hv.

- Tỷ số diện tích ký túc xá trên học viên chính quy (tập trung): 0,68 m²/hv.

DANH MỤC MINH CHỨNG

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	1	1.1	H01.01.01.01	Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
2			H01.01.01.02	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2956/QĐ - HVCTQG ngày 27 tháng 6 năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
3		1.2	H01.01.02.01	Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Ngày 27 tháng 6 năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
4			H01.01.02.02	Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 711	Ngày 13 tháng 6 năm 2012	Thủ tướng Chính phủ	
5			H01.01.02.03	Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Ngày 27 tháng 6 năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
6			H01.01.02.04	“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”.	25/6/2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
7			H01.01.02.05	Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
8			H01.01.02.06	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2016-2017	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

9		1.3	H1.01.03.01	Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
10			H1.01.03.02	Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
11			H1.01.03.03	Website của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
12			H1.01.03.04	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2016-2017	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
13			H1.01.03.05	Kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học 2015-2016	2015	Ban Khoa học	
14				Kế hoạch thi đua khen thưởng	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
15			H1.01.03.06	Kế hoạch tổ chức sinh hoạt định hướng đầu năm	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
16		1.4	H1.01.04.01	Bản mô tả chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
17			H1.01.04.02	Bản mô tả chức năng nhiệm vụ của đơn vị được công bố trên website Học viện	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
18			H1.01.04.03	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2016-2017	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
19			H1.01.04.04	Danh sách đăng ký danh hiệu thi đua	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Bổ sung
20			H1.01.04.05	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2016-2017	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
21			H1.01.04.06	Danh sách đăng ký thi	2016	Học viện	Bổ sung

			đưa giờ giảng chất lượng cao		Báo chí và Tuyên truyền	
22	1.5	H1.01.05.01	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2016-2017	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			Báo cáo tổng kết năm học 2014-2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2015-2016	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			Báo cáo tổng kết năm học 2013-2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2014-2015	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
		H1.01.05.02	Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
24		H1.01.05.03	Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo của Bộ Giáo dục đào tạo	Ngày 1 tháng 11 năm 2007	Bộ Giáo dục đào tạo	
25		H1.01.05.04	Báo cáo tự đánh giá theo tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo của Bộ Giáo dục đào tạo	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
26	1.6	H1.01.06.01	Chức năng, nhiệm vụ của trường Đại học Tuyên giáo	1990-1993	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
27		H1.01.06.02	Chức năng, nhiệm vụ của Phân viện Báo chí và Tuyên truyền	3/1993-8/2005	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
28		H1.01.06.03	Chức năng, nhiệm vụ Học viện Báo chí và Tuyên truyền	8/2005-6/2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
29		H1.01.06.04	Chức năng, nhiệm vụ Học viện Báo chí và Tuyên truyền	8/2005-6/2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
30		H1.01.06.05	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhiệm kỳ 2010-2015	2010	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Bổ sung
	Nghị quyết Đại hội Đảng		2015	Học viện	Bổ sung	

			bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhiệm kỳ 2015-2020		Báo chí và Tuyên truyền	
31		H1.01.06.06	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2016-2017	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
32		H1.01.06.07	Nghị quyết Hội nghị đại biểu CBVC	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Bổ sung
33		H1.01.06.08	Biên bản họp giao ban hàng tháng	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
34		H1.01.06.09	“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”.	25/6/2015	Thủ tướng Chính phủ	Bổ sung

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	2	2.1	H02.02.01.01	Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020	Năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
2			H02.02.01.02	Quyết định về chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27 tháng 6 năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
3		2.2	H02.02.02.01	Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020			
4			H02.02.02.02	Quyết định ban hành quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản 853/QĐ-HVCB&TT ngày 25 tháng 02 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
5			H02.02.02.03	Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2901/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08 tháng 10 năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
6			H02.02.02.04	Quy chế về giảng viên thỉnh giảng		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Thiếu
7			H02.02.02.05	- Quy định (tạm thời) về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của phòng Công tác chính trị. - Quyết định về việc ban hành (tạm thời) chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo CLĐT	- Văn bản số 3272/QĐ-HVBCTT ngày 12 tháng 12 năm 2012. - Văn bản số 1867/QĐ-HVCB&TT-TCCB ngày 14 tháng 8 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
8			H02.02.02.06	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2789/QĐ-HVBC&TT ngày 11 tháng 10 năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
9			H02.02.02.07	Quyết định về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Bộ môn trực thuộc khoa của Học viện	Văn bản số 2651/QĐ - HVBCTT ngày 30 tháng 9 năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

			Báo chí và Tuyên truyền			
10			H02.02.02.08	Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2901/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08 tháng 10 năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
11			H02.02.02.09	Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy	Văn bản số 2593/QĐ-HVBCTT ngày 25 tháng 10 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
12		2.3	H02.02.03.01	Quyết định Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý	Văn bản 1435/QĐ-HVCTQG Ngày 02 tháng 5 năm 2013	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
13			H02.02.03.02	Quyết định Ban hành Quy định về việc thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn; nghỉ công tác để hưởng chế độ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức	Văn bản 1436/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02 tháng 5 năm 2013	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
14			H02.02.03.03	Quyết định Ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức	Văn bản 1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02 tháng 5 năm 2013	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
15			H02.02.03.04	Quy chế tuyển dụng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 353/QC-HVBC&TT ngày 19 tháng 05 năm 2006	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
16			H02.02.03.05	Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	Tháng 3 năm 2012 Kèm văn bản số 596/QĐ-HVCT-HCQG ngày 22 tháng 03 năm 2012	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
17			H02.02.03.06	Quyết định về việc ban hành Quy định về Đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	Văn bản số 4780/QĐ-HVBC&TT ngày 16 tháng 12 năm 2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
18			H2.02.03.07	Quyết định Ban hành Quy định về chế độ làm thêm giờ của công chức, viên chức, người lao động Học viện Báo chí và	Văn bản 1351/QĐ-HVBC&TT ngày 27 tháng 4 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền

			Tuyên truyền			
19		H02.02.03.08	Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 2901/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08 tháng 10 năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
20		H02.02.03.09	Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy	Văn bản số 2593/QĐ-HVBCTT ngày 25 tháng 10 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
21		H02.02.03.10	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 3434/QĐ-HVBCTT-SĐH ngày 12 tháng 09 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
22		H02.02.03.11	Quyết định về việc Ban hành Quy định về đào tạo trình độ Tiến sĩ	Văn bản số 473/QĐ-HVBCTT ngày 28 tháng 02 năm 2014		
23		H02.02.03.12	Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Văn bản số 841/QĐ-HVBC&TT ngày 27 tháng 3 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
24		H02.02.03.13	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	Văn bản số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25 tháng 9 năm 2011	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
25		H02.02.03.14	Quyết định về việc Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	Văn bản số 28/QĐ-HVBC&TT ngày 04 tháng 1 năm 2010	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
26		H02.02.03.15	Văn bản quy định về hoạt động của tổ chức Đảng		Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	

27			H02.02.03.16	Quyết định về việc ban hành Quy chế (tạm thời) về hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền khóa IX, nhiệm kỳ 2012 - 2015	Văn bản số 121/QĐ-CD ngày 20 tháng 12 năm 2012	Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
28		2.4	H02.02.04.01	Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
29			H02.02.04.02	Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 711	Ngày 13 tháng 6 năm 2012	Thủ tướng Chính phủ	
30			H02.02.04.03	“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”.	25/6/2015	Thủ tướng Chính phủ	
31			H02.02.04.04	“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”.	25/6/2015	Thủ tướng Chính phủ	
32			H02.02.04.05	“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”.	25/6/2015	Thủ tướng Chính phủ	
33			H02.02.04.06	Chức năng, nhiệm vụ của trường Đại học Tuyên giáo	1990-1993	Học viện Chính trị - Quốc gia Hồ Chí Minh	
34			H02.02.04.07	Chức năng, nhiệm vụ của Phân viện Báo chí và	3/1993-8/2005	Học viện Chính trị -	

			Tuyên truyền		Quốc gia Hồ Chí Minh	
35		H02.02.04.08	Chức năng, nhiệm vụ của trường Đại học Tuyên giáo	1990-1993	Học viện Chính trị - Quốc gia Hồ Chí Minh	
36		H02.02.04.09	Chức năng, nhiệm vụ của Phân viện Báo chí và Tuyên truyền	3/1993-8/2005	Học viện Chính trị - Quốc gia Hồ Chí Minh	
37		H02.02.04.10	Chức năng, nhiệm vụ Học viện Báo chí và Tuyên truyền	8/2005-6/2014	Học viện Chính trị - Quốc gia Hồ Chí Minh	
38		H02.02.04.11	Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
39		H02.02.04.12	Nghị quyết Hội nghị Công nhân viên chức hàng năm	Ban tổ chức cán bộ	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
40		H02.02.04.13	Nghị quyết Hội nghị Công nhân viên chức hàng năm	Ban tổ chức cán bộ	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
41		H02.02.04.14	Biên bản các cuộc họp giao ban hàng tháng	Ban tổ chức cán bộ. Văn phòng Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
42		H02.02.04.15	“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”.	25/6/2015	Thủ tướng Chính phủ	
43		H02.02.04.16	“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”.	25/6/2015	Thủ tướng Chính phủ	
44		H02.02.04.17	“Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học	25/6/2015	Thủ tướng Chính phủ	

			trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông”.			
45	2.5	H2.02.05.01	Kế hoạch tổng kết năm học 2015 - 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2016 - 2017	12/07/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
46		H2.02.05.02	Kế hoạch cán bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước			
47		H2.02.05.03	Kế hoạch về việc triển khai thực hiện tinh giảm biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ	23/09/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
48		H2.02.05.04	Kế hoạch đào tạo các lớp tháng	2016-2017	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
49		H2.02.05.05	Thông báo về việc xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học năm 2017	10/03/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
50		H.2.02.05.06	Kế hoạch tài chính năm 2016	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
51		H2.02.05.07	Kế hoạch đăng kí nhu cầu mua sắm trang thiết bị năm 2016	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
52		H2.02.05.08	Thông báo nội dung họp Ban Giám đốc	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
53		H2.02.05.09	Biên bản giao ban Tháng,	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
54		H2.02.05.10	Báo cáo tổng kết năm học 2015 - 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2016 - 2017	2015-2017	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
55	H2.02.05.11	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm học 2016	1/02/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
56	2.6	H2.02.06.01	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và	25/02/2015	Học viện Báo chí và Tuyên	

			Tuyên truyền		truyền	
57		H2.02.06.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của trang thông tin điện tử Học viện Báo chí và Tuyên truyền	08/07/2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
58		H2.02.06.03	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm học 2016	1/02/2016	Văn phòng Học viện	
59		H2.02.06.04	Thông báo về việc sử dụng email theo tên miền @ajc.edu.vn trong công tác quản lý điều hành	28/03/2014	Văn phòng Học viện	
60		H2.02.06.05	Báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
61		H2.02.06.06	Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử trên internet của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	29/04/2004	Cục Báo chí	
62	2.7	H2.02.07.01	Điều lệ Đảng	Ngày 19 tháng 01 năm 2011	BCH TW Đảng	
63		H2.02.07.02	QĐ giao quyền cấp trên cơ sở		Đảng ủy Khối	
64		H2.02.07.03	Báo cáo tổng kết	2015-2016	Đảng ủy Học viện BC-TT	
65		H2.02.07.04	Nghị quyết hàng tháng của đảng ủy	2015-2016	Đảng ủy Học viện BC-TT	
66		H2.02.07.05	Quy chế làm việc của Đảng ủy	2015-2016	Đảng ủy Học viện BC-TT	
67		H2.02.07.06	Báo cáo tổng kết	2015-2016	Đảng ủy Học viện BC-TT	
68		H2.02.07.07	Nghị quyết hàng tháng của đảng ủy	2015-2016	Đảng ủy Học viện BC-TT	
69		H2.02.07.08	Biên bản họp thường kỳ của đảng ủy	2015-2016	Đảng ủy Học viện BC-TT	
70		H2.02.07.09	Quyết định khen thưởng	2015-2016	Đảng ủy Học viện CTQGHCM	
71		H2.02.07.010	Báo cáo đánh giá chất lượng đảng viên	2015-2016	Đảng ủy Học viện BC-TT	

72		H2.02.07.11	Báo cáo Đại hội nhiệm kỳ 2015-2020	2015	Đảng ủy Học viện BC-TT	
73		H2.02.07.12	Điều lệ công đoàn		Tổng LĐLĐVN	
74		H2.02.07.13	Kế hoạch công tác năm của công đoàn	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
75		H2.02.07.14	Kế hoạch tổng kết công tác công đoàn	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
76		H2.02.07.15	Kế hoạch công tác năm của công đoàn	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
77		H2.02.07.16	Kế hoạch Hội thi giờ giảng chất lượng	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
78		H2.02.07.17	Kế hoạch tổ chức ngày Phụ nữ Việt Nam	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
79		H2.02.07.18	Danh sách Ban thanh tra	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
80		H2.02.07.19	Kế hoạch thể thao công đoàn	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
81		H2.02.07.20	Kế hoạch văn nghệ công đoàn	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
82		H2.02.07.21	Kế hoạch tham quan của công đoàn	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
83		H2.02.07.22	Kế hoạch đại hội công đoàn 2015	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
84		H2.02.07.23	Thông báo ủng hộ lũ lụt	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
85		H2.02.07.24	QĐ khen thưởng công đoàn	2015-2016	Công đoàn HVBC-TT	
86		H2.02.07.25	Kế hoạch công tác năm của Đoàn TN	2015-2016	Đoàn TN HVBC-TT	
87		H2.02.07.26	Kế hoạch tình nguyện	2015-2016	Đoàn TN HVBC-TT	
88		H2.02.07.27	Kế hoạch tuần sinh hoạt đầu khóa	2015-2016	Đoàn TN HVBC-TT	
89		H2.02.07.28	QĐ khen thưởng của Đoàn TN	2015-2016	Học viện BC-TT	
90		H2.02.07.29	Điều lệ Hội Cựu chiến binh	2015-2016	Hội CCB VN	
91		H2.02.07.30	Kế hoạch tổ chức 22/12	2015-2016	Hội CCB HVBC-TT	
92		H2.02.07.31	Danh sách thi đua	2015-2016	Học viện BC-TT	
93	2.8	H02.02.08.01	Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Ngày 25 tháng 2 năm 2015	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	H02.02.08.01
94		H02.02.08.02	Báo cáo tổng kết năm học	2013	Học viện	H02.0

			2012-2013 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2013-2014		Báo chí và Tuyên truyền	2.08.02
95		H02.02.08.02	Báo cáo tổng kết năm học 2013-2014 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2014-2015	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
96		H02.02.08.02	Báo cáo tổng kết năm học 2014-2015 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2015-2016	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
97		H02.02.08.02	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2016-2017	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
98		H02.02.08.03	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
99		H02.02.08.04	Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức năm 2015	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
100	2.9	H02.02.09.01	Quy chế làm việc của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Ngày 25 tháng 2 năm 2015	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
101		H02.02.09.02	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
102		H02.02.09.03	Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức năm 2015	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
103	2.10	H02.02.10.01	Báo cáo về hoạt động trang thông tin điện tử Học viện Báo chí và Tuyên truyền	15/06/2014	Văn phòng Học viện	
104		H02.02.10.02	Báo cáo tình hình thực hiện các quy định của pháp luật và của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	29/02/2012	Văn phòng Học viện	
105		H02.02.10.03	Báo cáo tình hình công tác Quý III/2016 kế hoạch công tác Quý	23/09/2016	Văn phòng Học viện	

			IV/2016			
106		H02.02.10.04	Kết quả làm việc với Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	9/06/2016	Văn phòng Học viện	
107		H02.02.10.05	Thông báo về việc thống kê tài liệu lưu trữ cần chỉnh lý	11/03/2016	Văn phòng Học viện	
108	2.11	H02.02.11.1	Quyết định hành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 876/QĐ-HVCT-HCQG	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	
109		H02.02.11.02	Các quyết định cử cán bộ đi tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn	2015-2016	Ban tổ chức cán bộ	
110		H02.02.11.03	Kế hoạch triển khai các hoạt động khảo sát phản hồi	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo		

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	3	3.1	H03.03.01.01	Quyết định v/v giao nhiệm vụ đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền	22/10/2008	Thủ tướng chính phủ	
2			H03.03.01.02	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo cao học	Văn bản số 667/GD-ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
3			H03.03.01.03	Quyết định mở các ngành đào tạo trình độ Đại học	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
4			H03.03.01.04	Quyết định v/v cho phép Phân viện Báo chí và Tuyên truyền mở các lớp đào tạo để cấp bằng đại học thứ hai	27/06/2005	Bộ GD-ĐT	
5			H03.03.01.05	Kế hoạch giảng dạy	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
6			H03.03.01.06	Chương trình đào tạo theo niên chế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
7			H03.03.01.07	Chương trình đào tạo đại học theo học chế tín chỉ	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
8			H03.03.01.08	Chương trình đào tạo thạc sỹ theo học chế tín chỉ	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
9			H03.03.01.09	Đề cương chi tiết môn học	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
10			H03.03.01.10	Hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết môn học	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

11			H03.03.01.11	Chương trình đào tạo tin chỉ của Học viện Nông nghiệp, Học viện Tài chính, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn		Học viện Nông nghiệp, Học viện Tài chính, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn	
12			H03.03.01.12	Chương trình đào tạo của Đại học La Trobe, Úc Chương trình đào tạo của Đại học Tổng hợp Viên, Áo Chương trình đào tạo của Đại học Middle Sex, Anh Chương trình đào tạo của Đại học Truyền thông Bắc Kinh	2015-2016	Đại học La Trobe, Úc Chương trình đào tạo của Đại học Tổng hợp Viên, Áo Chương trình đào tạo của Đại học Middle Sex, Anh Chương trình đào tạo của Đại học Truyền thông Bắc Kinh	
13			H03.03.01.13	Kỷ yếu Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay”	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
14			H03.03.01.14	Biên bản thẩm định chương trình	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
15		3.2	H03.03.02.01	Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Tờ trình số 3018/TTr-HVBCTT ngày 29/8/2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
16			H01.03.02.02	Hướng dẫn số 3002/HD-HVBCTT-ĐT về việc ban hành hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo theo hệ thống tin chỉ	ngày 27/8/2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

17		H03.03.02.03	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
18		H03.03.02.04	Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Ngày 16/4/2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
19		H03.03.02.05	Biểu báo cáo thống kê năm học (các năm 2012-2013; 2013-2014; 2014-2015)	2012-2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
20		H03.03.02.06	Thông báo tuyển sinh đại học (các năm 2013, 2014, 2015, 2016)	2012-2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
21		H03.03.02.07	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ (các năm 2013, 2014, 2015, 2016)	2012-2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
22		H03.03.02.08	Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ (các năm 2013, 2014, 2015, 2016)	2013-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
23		H03.03.02.09	Chương trình đào tạo đại học chính quy (niên chế)	2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
24		H03.03.02.10	Chương trình đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
25		H03.03.02.11	Chương trình đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Dành cho khóa 34, khóa 35 - sửa chữa, bổ sung)	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
26		H03.03.02.12	Tập chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (cấp bằng đại học thứ nhất, bằng đại học thứ	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

			hai) gồm các ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Chính trị học chuyên ngành Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hóa; Chính trị học chuyên ngành Chính trị phát triển			
27			H03.03.02.13	Hội thảo khoa học quốc gia Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay (tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền)	Ngày 25/12/2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
28			H03.03.02.14	Hội thảo Xây dựng chương trình thực hành nghề nghiệp cho sinh viên Báo chí	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
29			H03.03.02.15	Hội thảo <i>Chương trình thực tập cho sinh viên Báo chí</i> của khoa Phát thanh-Truyền hình	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
30		3.3	H03.03.03.01	Đề án xây dựng và phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo giảng viên lý luận chính trị và cán bộ báo chí-truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Tờ trình số 3018/TTr-HVBCTT ngày 29/8/2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
31			H03.03.03.02	Website của Học viện	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
32			H03.03.03.03	Hướng dẫn Thực hiện Chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên đại học của HVBCTT	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
33			H03.03.03.04	Hướng dẫn Thực hiện Chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho học viên cao học, NCS của	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền

			HVBCTT			
34			H03.03.03.05	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi về môn học và giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
35			H03.03.03.06	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
			H3.03.03.07	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về chương trình đào tạo	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
36	3.4		H03.03.04.01	Hướng dẫn xây dựng chương trình khung	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
37		3.5	H03.03.05.01	Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng	Ngày 17/02/2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo
38			H03.03.05.02	Thông báo số 103/TB-HVBCTT về lộ trình thực hiện chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học	Ngày 10/01/2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
39			H03.03.05.03	Thông báo số 3260 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền Về việc xây dựng chương trình chi tiết các ngành đào tạo đại học chính quy tập trung	Ngày 10/12/2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
40			H03.03.05.04	Hướng dẫn số 1743/HD-HVBCTT-ĐT của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về Biên soạn đề cương chi tiết học phần theo học chế tín chỉ	Ngày 05/6/2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
41			H03.03.05.01	Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT quy định điều	Ngày 17/02/2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo

				kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng			
42		3.6	H03.03.06.01	Quy định bổ túc kiến thức giữa các ngành gần trong tuyển sinh và đào tạo trình độ sau đại học	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
43			H03.03.06.02	Quy định Đào tạo trình độ thạc sĩ	2014	HVBCCTT	
44			H03.03.06.04	Đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo khoa và lãnh đạo học viện	2015-2016	Phòng Công tác chính trị	
45			H03.03.06.05	Kế hoạch chấm thi trắc nghiệm môn Ngoại ngữ bằng máy quét	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
46		3.7	H3.03.07.01	Hướng dẫn xây dựng khung chương trình theo tín chỉ	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
47			H3.03.07.02	Hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết môn học	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
48		3.8	H3.03.08.01	Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
49			H3.03.08.02	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
50		3.9	H3.03.09.01	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi về môn học và giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
51			H3.03.09.02	Kế hoạch lấy ý kiến của sinh viên năm cuối (tốt nghiệp năm 2015) về chương trình đào tạo của học viện	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
52			H3.03.09.03	Phiếu lấy ý kiến sinh viên về môn học và giờ giảng	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

53			H3.03.09.04	Phiếu lấy ý kiến sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
54			H3.03.09.05	Kỷ yếu hội thảo	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
55			H3.03.09.06	Kế hoạch mời chuyên gia nước ngoài sang thường trú và hỗ trợ chương trình đào tạo một số ngành tại Học viện	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
56			H3.03.09.07	Kế hoạch chấm thi trắc nghiệm môn Ngoại ngữ bằng máy quét	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
57		3.10	H3.10.10.01	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi sinh viên về môn học và giờ giảng	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
58			H3.10.10.02	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
59			H3.10.10.03	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về chương trình đào tạo	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
60			H3.10.10.04	Kế hoạch tổ chức hội thảo	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
61			H3.10.10.05	Báo cáo tổng kết năm học 2011-2012 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2012-2013	2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
62			H3.10.10.06	Báo cáo tổng kết năm học 2012-2013 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2013-2014	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

63			H3.10.10.07	Kế hoạch cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích cực	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
64			H3.10.10.08	Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua giờ giảng chất lượng cao	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	4	4.1	H4.04.01.01	Các hình thức và phương pháp đào tạo được giới thiệu trên Website Học viện	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
2			H4.04.01.02	Kế hoạch mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ tuyên giáo, nghiệp vụ công tác Đảng, nghiệp vụ báo chí, xuất bản và truyền thông tại cơ quan, đơn vị, địa phương	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
3			H4.04.01.03	Chương trình liên kết đào tạo Tiếng Việt cho LHS các nước Lào, Hàn Quốc, Nhật Bản	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
4			H4.04.01.04	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007	Bộ Giáo dục đào tạo	
5			H4.04.01.05	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007	Ngày 15 tháng 8 năm 2007	Bộ Giáo dục đào tạo	
6			H4.04.01.06	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức VLVH		Bộ Giáo dục và Đào tạo	
7			H4.04.01.07	Thông tư Quy định đào tạo Liên thông trình độ cao đẳng, đại học	Số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2012	Bộ Giáo dục đào tạo	
11		4.2	H4.04.02.01	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016 và phương hướng nhiệm vụ 2016-2017	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
12			H4.04.02.02	Khung các chương trình đào tạo	2014	Học viện Báo chí và	

						Tuyên truyền	
13			H4.04.02.03	Đề cương chi tiết môn học	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
14			H4.04.02.04	Quyết định cử giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp giảng dạy	2012-2016	Ban Tổ chức Cán bộ	
15			H4.04.02.05	Kế hoạch phát động phong trào thi đua giờ giảng CLC	2014-2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
16			H4.04.02.06	Kết quả đánh giá môn học và giờ giảng	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
17		4.3	H4.04.03.01	Quyết định V/v Ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy	Số 2593/QĐ-HVBCTT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
18			H4.04.03.02	Đề cương chi tiết môn học	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
19			H4.04.03.03	Kế hoạch chấm thi bằng máy quét		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
20			H4.04.03.04	Quy định xây dựng và quản lý Ngân hàng đề thi	Ngày 30 tháng 11 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
21			H4.04.03.05	Báo cáo kết quả đánh giá chương trình đào tạo	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
22		4.4	H4.04.04.01	Quyết định V/v Ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy	Số 2593/QĐ-HVBCTT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

23		H4.04.04.02	Hệ thống số quản lý kết quả học tập của sinh viên		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
24		H4.04.04.03	Quyết định V/v Ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy	Số 2593/QĐ- HVBCCTT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
25		H4.04.04.04	Biên bản hủy văn bằng chứng chỉ lỗi		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
26		H4.04.04.05	Website của Học viện	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
27		H4.04.04.06	Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
28	4.6	H4.04.06.01	Kế hoạch đánh giá giờ giảng và môn học	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
29		H4.04.06.02	Kế hoạch đánh giá chương trình đào tạo	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
30		H4.04.06.03	Phiếu khảo sát giờ giảng và môn học	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
31		H4.04.06.04	Báo cáo đánh giá giờ giảng và môn học	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
32		H4.04.06.05	Kế hoạch thi đua giờ giảng chất lượng cao	2015-2016	Học viện Báo chí và	

						Tuyên truyền	
33		4.8	H4.04.08.01	Kế hoạch khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp	2011-2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
34			H4.04.08.02	Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp	2011-2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
35			H4.04.08.03	Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp tuyển dụng	2011-2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
36			H4.04.08.04	Kết quả khảo sát doanh nghiệp tuyển dụng	2011-2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
37		4.9	H4.04.09.01	Chiến lược phát triển của HVBCCT	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
38			H4.04.09.02	Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
39			H4.04.09.03	Quy chế kiểm tra đánh giá		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
40		4.10	H4.04.10.01	Biên bản họp giao ban hàng tháng	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
41			H4.04.10.02	Phản ánh tình hình sinh viên hàng tháng	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

						truyền	
42			H4.04.10.03	Quy chế khảo sát		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
43			H4.04.10.04	Báo cáo khảo sát sinh viên tốt nghiệp	2011-2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
44			H4.04.10.05	Kế hoạch khảo sát sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
45			H4.04.10.06	Kế hoạch khảo sát sinh viên về môn học và giờ giảng	2014-2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
46		4.12	H4.04.12.01	Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá của Bộ GD-ĐT	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
47			H4.04.12.02	Tài liệu hướng dẫn tự đánh giá theo hệ thống tiêu chuẩn của Bộ GD-ĐT	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
48			H4.04.12.03	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng đào tạo	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
49			H4.04.12.04	Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
50			H4.04.12.05	Báo cáo tự đánh giá	2015	Học viện Báo chí và Tuyên	

						truyền	
--	--	--	--	--	--	--------	--

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	5	5.1	H5.05.01.01	Danh sách cán bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
2			H5.05.01.02	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo tiến sỹ		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
3			H5.05.01.03	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo thạc sỹ	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
4			H5.05.01.04	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
5			H5.05.01.05	Báo cáo Tổng kết năm học 2012-2013 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2013-2014	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
6			H5.05.01.06	Quyết định về việc công nhận các đơn vị và cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2015-2016	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
7			H5.05.01.07	Báo cáo Tổng kết năm học 2013-2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2014-2015	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
8			H5.05.01.08	Báo cáo tổng kết nhiệm vụ khoa học 2015-2016	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
9			H5.05.01.09	Danh sách cán bộ được cử đi bồi dưỡng, đào tạo	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
10			H5.05.01.10	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
11	5.2	H5.05.02.01	Quy chế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Ngày 02 tháng 5 năm 2013	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh		
12		H5.05.02.02	Thông báo về việc quy	Ngày 25	Học viện Báo		

			đổi ra giờ chuẩn đối với hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác	tháng 11 năm 2014	chí và Tuyên truyền	
13		H5.05.02.03	Đơn và các quyết định cử cán bộ, giảng viên đi học tập, bồi dưỡng		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
14		H5.05.02.04	Danh sách cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng do Học viện báo chí và Tuyên truyền tổ chức năm 2014		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
15		H5.05.02.05	Danh sách cán bộ được cử đi nước ngoài	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
16		H5.05.02.06	Văn bản và các quyết định cử cán bộ đi học nước ngoài theo Đề án 165	Ngày 23 tháng 02 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
17		H5.05.02.07	Thống kê cán bộ quản lý, giảng viên được cử đi đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ ở nước ngoài		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
18	5.3	H5.05.03.01	Quy chế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	2013	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	
19		H5.05.03.02	Thông báo về việc quy đổi ra giờ chuẩn đối với hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
20		H5.05.03.03	Đơn và các quyết định cử cán bộ, giảng viên đi học tập, bồi dưỡng	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
21		H5.05.03.04	Thống kê cán bộ quản lý, giảng viên được cử đi đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ ở trong nước	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
22		H5.05.03.05	Văn bản và các quyết định cử cán bộ đi học nước ngoài theo Đề án 165	2012-	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
23		H5.05.03.06	Thống kê cán bộ quản lý, giảng viên được cử đi đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ ở nước ngoài	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
24		H5.05.03.07	Danh sách cán bộ quản lý, giảng viên tham gia	2014	Học viện Báo chí và Tuyên	

			các lớp bồi dưỡng do Học viện báo chí và Tuyên truyền tổ chức năm 2014		truyền	
25			Danh sách và Quyết định cử cán bộ quản lý, giảng viên tham gia hội thảo, tập huấn, trao đổi giảng viên ở nước ngoài năm 2015	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
26		H5.05.04.01	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
27		H5.05.04.02	Nội dung họp Ban Giám đốc thường kỳ	202-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
28		H5.05.04.03	Quy chế làm việc, Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên; Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; Quy chế thi đua, khen thưởng	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
29		H5.05.04.04	Biên bản họp phổ biến nghị quyết Đảng ủy và biên bản họp giao ban	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
30		H5.05.04.05	Kế hoạch tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
31		H5.05.04.06	Kế hoạch tổ chức đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo học viện	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
32		H5.05.04.07	Báo cáo kết quả công tác năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2015 của Ban thanh tra nhân dân	Tháng 1 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
33	5.5	H5.05.05.01	Danh sách Ban Giám đốc và những danh hiệu thi đua Học viện Báo chí và Tuyên truyền đạt được thời gian qua	2012-2016	Thủ tướng chính phủ; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
34		H5.05.05.02	Danh sách Ban Giám đốc và những danh hiệu thi đua Học viện Báo chí và	2012 - 2016	Thủ tướng chính phủ; Học viện Chính trị	

			Tuyên truyền đạt được thời gian qua		Quốc gia Hồ Chí Minh; Học viện Báo chí và Tuyên truyền
35		H5.05.05.03	Kết quả thi đua năm học 2015 - 2016 của cán bộ quản lý Học viện Báo chí và Tuyên truyền và một số biên bản họp hội đồng thi đua, khen thưởng của Học viện	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
36		H5.05.05.04	Xếp loại Đảng viên năm học 2015 - 2016 của cán bộ quản lý Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
37		H5.05.05.05	Kết quả thi đua năm học 2015 - 2016 của các đơn vị Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
38		H5.05.05.06	Báo cáo kết quả công tác năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2016 của Ban Thanh tra nhân dân	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
39	5.6	H5.05.06.01	Danh sách giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
40		H5.05.06.02	Quyết định công nhận giảng viên thỉnh giảng	31 tháng 10 năm 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
41		H5.05.06.03	Danh sách cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức năm 2016	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
42		H5.05.06.04	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng môn học và giờ giảng	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
43		H5.05.06.05	Đơn và các quyết định cử cán bộ, giảng viên đi học tập, bồi dưỡng	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
44			Thống kê cán bộ quản lý, giảng viên được cử đi đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ ở trong nước	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
45			Văn bản và các quyết định cử cán bộ đi học	Văn bản số 486/HVBC	Học viện Báo chí và Tuyên truyền

			nước ngoài theo Đề án 165	&TT - TCCB ngày 23 tháng 02 năm 2012	chí và Tuyên truyền	
46			Thống kê cán bộ quản lý, giảng viên được cử đi đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ ở nước ngoài	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
47			Danh sách cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng do Học viện báo chí và Tuyên truyền tổ chức năm 2016	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
48		H5.05.06.06	Danh sách và Quyết định cử cán bộ quản lý, giảng viên tham gia hội thảo, tập huấn, trao đổi giảng viên ở nước ngoài năm 2015	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
49		H5.05.06.07	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
50	5.7	H5.05.07.01	Danh sách kỹ thuật viên của Học viện	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
51		H5.05.07.02	Thống kê số lượng và trình độ cán bộ, nhân viên làm việc ở các Ban, Phòng, Văn phòng, Trung tâm và văn phòng Khoa	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
52		H5.05.07.03	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của đồng nghiệp và sinh viên	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
53		H5.05.07.03	Kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ, giảng viên, nhân viên Học viện	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
54		H5.05.07.04	Thống kê số lượng cán bộ, nhân viên đi học nâng cao trình độ	Từ 2012 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
55		H5.05.07.05	Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng từ 2012 đến 2016		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
56		H5.05.07.06	Danh sách kỹ thuật viên,		Học viện Báo	

			nhân viên được cử đi đào tạo thạc sĩ từ năm 2012 - 2016		chí và Tuyên truyền		
57		H5.05.07.07	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của đồng nghiệp và sinh viên	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
58	5.8	H05.05.08.01	Phiếu đánh giá chất lượng môn học và giờ giảng	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
59		H05.05.08.02	Kế hoạch khảo sát sinh viên về chất lượng môn học và giảng viên	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
60		H05.05.08.03	Phiếu đánh giá chất lượng giảng viên	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
61		H05.05.08.04	Phiếu đánh giá đồng nghiệp	2012 -2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
62		H05.05.08.05	Kế hoạch quan sát dự giờ	2012-2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
63		H05.05.08.06	Phiếu giảng viên tự đánh giá	2012-2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
64		H05.05.08.07	Quy chế thi đua, khen thưởng	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
65		H05.05.08.08	Quy chế thi đua, khen thưởng	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
66		5.9	H05.05.09.01	Phiếu khảo sát chất lượng giờ giảng	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
67			H05.05.09.02	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng môn học và giảng viên	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
68	H05.05.09.03		Phiếu khảo sát chất lượng giảng viên	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
69	H05.05.09.04		Phiếu đánh giá đồng nghiệp	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		

						truyền	
70			H05.05.09.05	Kế hoạch quan sát dự giờ giảng	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
71			H05.05.09.06	Phiếu giảng viên tự đánh giá	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
72			H05.05.09.07	Quy chế thi đua khen thưởng	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
73			H05.05.09.08	Quy chế thi đua khen thưởng	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
74			H05.05.09.09	Phiếu lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức về nhu cầu đào tạo	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

Stt	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ngày/ tháng/ năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	6	6.1	H06.06.01.01	Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT Thông tư ban hành qui chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học chính qui	12/8/2015	Bộ GD&ĐT	Kèm theo Thông tư 10/2016 của BGDĐT
2			H06.06.01.02	Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG, Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	27/6/2014	Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
3			H06.06.01.03	Báo cáo số 21/BC-ĐU, Báo cáo công tác Đảng năm 2015-2016	21/12/2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
4			H06.06.01.04	Quyết định số 840/QĐ-HVBC&TT, Quy chế về công tác sinh viên hệ đại học chính qui	27/8/2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
5			H06.06.01.05	Số 211/BC-HVBC&TT, Báo cáo công tác quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống sinh viên hiện nay	15/4/2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
6			H06.06.01.06	Quyết định kỷ luật sinh viên vi phạm qui chế 2015-2016	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
7			H06.06.01.07	Quyết định danh sách tập thể lớp, cá nhân được khen thưởng	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
8			H06.06.01.08	Công văn số 395-CV/TTBDCT... về tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS.	18/8/2015	Đảng ủy Khối các cơ quan trung ương	
9			H06.06.01.09	Công văn số 123/CV-BGDĐT-CTHSSV về đảm bảo an toàn trường học và quản lý sinh viên	2/9/2015	Bộ GD&ĐT	
10				Thông báo số 830/CV-CCC về phòng ngừa đảm bảo an ninh trật tự	20/10/2015	CA quận Cầu Giấy	
11				Công văn số 998/BGDĐT-CTHSSV, Tổ chức hưởng ứng cuộc	16/3/2016	Bộ GD&ĐT	

			thi “Tuổi trẻ Học tập và làm theo Tâm gương đạo đức Hồ Chí Minh			
12		H06.06.01.10	Kế hoạch số 1433/KH-HVBC&TT, Kế hoạch về học tập và làm theo Tâm gương đạo đức Hồ Chí Minh	5/5/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
13		H06.06.01.11	Quyết định kỷ luật sinh viên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
14	6.2	H6.06.02.01	Kế hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
15		H6.06.02.02	Kế hoạch thời sự	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
16		H6.06.02.03	Nội dung chương trình đầu khóa	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
17		H6.06.02.04	Bài thu hoạch đầu khóa	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
18		H6.06.02.05	Kế hoạch giảng dạy học tập môn pháp luật đại cương	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
19		H6.06.02.06	Kế hoạch học tập nghị quyết	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
20		H6.06.02.07	Các tài liệu pháp luật	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
21		H6.06.02.08	Danh sách sinh viên vi phạm pháp luật, quy chế	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
22		H6.06.02.09	Danh sách khen thưởng sinh viên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
23		H6.06.02.10	Danh sách thưởng điểm sinh viên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

					chí và Tuyên truyền	
24		H6.06.02.11	Danh sách kết nạp đảng sinh viên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
25		H6.06.02.12	Kế hoạch đối thoại sinh viên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
26		H6.06.02.13	Các quyết định xử lý kỷ luật sinh viên.	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
27	6.3	H06.06.03.01	Kế hoạch tổ chức Chương trình “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu năm	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
28		H06.06.03.02	Các văn bản về Quy định đào tạo đại học chính quy, quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo và nhiệm vụ năm học phổ biến	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
29		H06.06.03.03	Quy chế về công tác học sinh - sinh viên	Văn bản số 42/2007/BGDĐT	Bộ Giáo dục & Đào tạo	
30		H06.06.03.04	Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học	Số 29-NQ/TW của BCHTW 8 khóa XI	Ban chấp hành Trung ương 8 khóa XI	
31		H06.06.03.05	Quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học cho sinh viên		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
32		H06.06.03.06	Hướng dẫn Thực hiện trợ cấp đối với học viên đi học tại các trường chính trị	Văn bản số 38HD/BTCT W ngày 30 tháng 3 năm 2005	Ban Tổ chức Trung ương	
33		H06.06.03.07	Quyết định về việc cấp trợ cấp đi học theo hướng dẫn 38 cho học viên các lớp cao học và nghiên cứu sinh hàng năm	Năm 2014-2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
34	6.4	H06.06.04.01	Quy chế đào tạo, Quy chế Học viện	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
35		H06.06.04.02	Quy chế tài trợ sinh	2015-2016	Học viện Báo	

			viên		chí và Tuyên truyền	
36		H06.06.04.03	Quyết định về việc Ban hành quy chế hoạt động của Ban quản lý hỗ trợ sinh viên	Số:110/QĐ-HVBCTT, Ngày 10 tháng 1 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
37		H06.06.04.04	Quyết định Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học	Văn bản số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013	Thủ tướng chính phủ	
38		H06.06.04.05	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2014 - 2015 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	Văn bản số 1606/QĐ-HVBC&TT ngày 26 tháng 5 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
39		H06.06.04.06	Hướng dẫn Thực hiện trợ cấp đối với học viên đi học tại các trường chính trị - Quyết định về việc cấp trợ cấp đi học theo hướng dẫn 38 cho học viên các lớp cao học và nghiên cứu sinh hàng năm	- Văn bản số 38HD/BTCT W ngày 30 tháng 3 năm 2005 - Năm 2014 - 2015	Ban tổ chức Trung ương - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
40		H06.06.04.07	Quyết định về việc miễn giảm học phí năm 2016-2017 cho sinh viên hệ chính quy tập trung	Số 3385/QĐ-HVBCTT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
41		H06.06.04.08	Quyết định V/v khen thưởng sinh viên đạt thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, đạt thành tích cao trong các cuộc thi, có thành tích học tập tốt, rèn luyện tốt.	Năm 2014 - 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
42		H06.06.04.09	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2014 - 2015 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	Văn bản số 1606/QĐ-HVBC&TT ngày 26 tháng 5 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
43		H06.06.04.10	Quyết định về việc ban hành Quy chế công tác	Văn bản số 3513/QĐ-	Học viện Báo chí và Tuyên	

			sinh viên hệ đại học chính quy	HVBCTT ngày 10 tháng 12 năm 2012	truyền	
44		H06.06.04.11	Kế hoạch về khám sức khỏe cho sinh viên k36 và 36b	Số 2388/QĐ-HVBCTT Ngày 22 tháng 09 năm 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
45		H06.06.04.12	Quyết định về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ đại học chính quy	Văn bản số 3513/QĐ-HVBCTT ngày 10 tháng 12 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
46		H06.06.04.13	Báo cáo công tác đoàn và phong trào thanh niên năm học 2014 - 2015 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2015 - 2017	Ngày 10 tháng 5 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
47		H06.06.04.14	Quyết định v/v thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai; phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2015	Văn bản số 1781/QĐ-HVBC&TT ngày 01 tháng 6 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
48		H06.06.04.15	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cải tạo sân thể thao sinh viên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
49	6.5	H06.06.05.01	Kế hoạch Khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học của giảng viên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
50		H06.06.05.02	Báo cáo kết quả xử lý số liệu đánh giá giờ giảng và môn học của giảng viên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
51		H06.06.05.03	Phiếu khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học năm học 2016-2017	2016-2017	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
52		H06.06.05.04	Phiếu khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học năm học 2016-2017	2016-2017	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
53		H06.06.05.05	Thông báo thành lập Tổ lấy phiếu khảo sát phản hồi của người học về chất lượng môn học và giờ giảng	2016-2017	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

54		H06.06.05.06	Thông báo thành lập Tổ lấy phiếu khảo sát phản hồi của người học về chất lượng môn học và giờ giảng	2016-2017	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
55		H06.06.05.07	Kế hoạch khảo sát phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện	Năm 2014-2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
56		H06.06.05.08	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của đồng nghiệp và sinh viên	Số 4890/KH-HVBCTT ngày 24 tháng 12 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
57		H06.06.05.09	Tổng hợp Công tác chính trị và phản ánh tình hình của sinh viên tháng 1	Ngày 20 tháng 1 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
58	6.6	H06.06.06.01	Hướng dẫn thực hiện chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho học viên cao học và ncs Học viện	Số 4100/HD-HVBCTT-ĐT ngày 03 tháng 11 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
59		H06.06.06.02	Kế hoạch khảo sát tình hình sinh viên tốt nghiệp khối lý luận	Năm 2012-2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
60		H06.06.06.03	Phiếu hỏi về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
61		H06.06.06.04	Hội thảo lấy ý kiến giảng viên và các chuyên gia về điều chỉnh chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
62		H06.06.06.05	Kế hoạch khảo sát sinh viên tốt nghiệp	Số 3860/KH-HVBCTT ngày 17 tháng 01 năm 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
63	6.7	H06.06.07.01	Quyết định số 2956/QĐ-HVBC&TT, Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	27/6/2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
64		H06.06.07.02	Quyết định số 68/2008/QĐ-GDĐT về qui định công tác hướng nghiệp, tư vấn, việc làm trong các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp	19/12/2008	Bộ GD&ĐT	

65			Công văn số 6604/BGDĐT-HSSV, Công văn về chỉ đạo hoạt động dịch vụ, tư vấn, hướng nghiệp sinh viên	18/1/2014	Bộ GD&ĐT	
66		H06.06.07.03	Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT, Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính qui	5/4/2016	Bộ GD&ĐT	
67		H06.06.07.04	Quy chế Công tác sinh viên hệ đại học chính qui	27/8/2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
68		H06.06.07.05	Quyết định số 3272/QĐ-HVBC&TT qui định chức năng, nhiệm vụ của phòng Công tác chính trị	12/12/2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
69		H06.06.07.06	Kế hoạch số 2983/HVBC&TT, Kế hoạch triển khai đăng ký khoa học 2017	5/6/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
70		H06.06.07.07	Công văn số 3836/BGDĐT-CTHSSV về việc hướng dẫn tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp năm học 2016-2017	8/8/2016	Bộ GD&ĐT	
71			Kế hoạch số 2740/KH-HVBC&TT, Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm học 2016-2017 cho sinh viên K36	26/8/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
72		H06.06.07.08	Thông báo về Tư vấn hướng nghiệp và việc làm sinh viên	20/3/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
73		H06.06.07.09	Kế hoạch thông tin khoa học, KH đăng ký, phân bổ chỉ tiêu nghiên cứu khoa học năm 2017	20/4/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
74		H06.06.07.10	Hướng dẫn về qui trình, qui chế làm đề tài nghiên cứu khoa học, luận án, luận văn tốt nghiệp		Bộ GD&ĐT	
75		H06.06.07.11	Các qui định bảo vệ đề tài khoa học sinh		Học viện Báo chí và Tuyên	

			viên, sản phẩm khoa học sinh viên.		truyền	
76		H06.06.07.12	Quyết định số 1785/QĐ-HVBC&TT Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân .	09/6/2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
77	6.8	H06.06.08.01	Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG về chức năng nhiệm vụ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	27/6/2014	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
78		H06.06.08.02	Quyết định số 304/QĐ-HVCTQG về chức năng nhiệm vụ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	6/3/2006	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
79		H06.06.08.03	Nghị quyết Đảng ủy Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 11NQ/ĐU; Số 12 NQ/ĐU, số 13NQ/ĐU, số 14NQ/ĐU, số 16NQ/ĐU, số 16 NQ/ĐU	Tháng 1, 2, 3, 4, 5, 6	Đảng ủy Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
80		H06.06.08.04	Quyết định số 3272/QĐ-HVBC&TT qui định chức năng, nhiệm vụ của phòng Công tác chính trị	12/12/2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
81		H06.06.08.05	Công văn số 3836/BGDĐT-CTHSSV về việc hướng dẫn tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” trong các trường ĐH, CĐ, TC năm học 2016 - 2017	8/8/2016	Bộ GD&ĐT	
82		H06.06.08.06	Công văn số 2623/BGDĐT-CTHSSV về thực hiện quyết định số 1501s/QĐ-TTg ngày 28/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2015-2020”	6/6/2016	Bộ GD&ĐT	
83		H06.06.08.07	Kế hoạch số 58/KH-ĐU tổ chức Hội nghị BCH Trung ương 4(khóa XII)	7/11/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

84		H06.06.08.08	Công văn số 58/KH-ĐU tổ chức Hội nghị BCH Trung ương 4 khóa XII	7/11/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
85		H06.06.08.08	Công văn số 1433/KH-HVBC&TT Tổ chức Tuổi trẻ học tập và làm theo Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	5/5/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
86		H06.06.08.09	Kế hoạch số 3469/KH-HVBC&TT về việc tổ chức Hội nghị Tuyên truyền an toàn giao thông	17/10/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
87		H06.06.08.10	Quyết định số 50/2007/QĐ-BGDĐT ban hành qui định về công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong các trường ĐH, CĐ, TCCN	29/8/2007	Bộ GD&ĐT	
88		H06.06.08.11	Công văn số 3927/BGDĐT về tổ chức viết về “Bộ đội cụ hồ, công an nhân dân”. Công văn số 4125/BGDĐT-CNTT về triển khai cuộc thi quốc gia “sinh viên với an toàn giao thông” năm 2016;	6/12/2015 23/8/2016	Bộ GD&ĐT	
89	6.9	H6.06.09.01	Quyết định các Liên chi, chi đoàn	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
90		H6.06.09.02	Thông báo phân công đảng ủy viên phụ trách	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
91		H6.06.09.03	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
92		H6.06.09.04	Quy định về Công tác phát triển Đảng	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
93		H6.06.09.05	Báo cáo tổng kết công tác Đảng	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

94		H6.06.09.06	Biên bản họp đoàn thanh niên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
95		H6.06.09.07	Kế hoạch tổ chức các lớp học	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
96		H6.06.09.08	Kế hoạch tổ chức các hoạt động	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
97		H6.06.09.09	Các báo cáo	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
98		H6.06.09.10	Dự trù kinh phí công tác Đảng, Đoàn	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
99		H6.06.09.11	QĐ phụ cấp cán bộ đảng, cán bộ đoàn	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
100	6.10	H06.06.10.01	Quy chế học sinh, sinh viên nội trú	Văn bản số 2137/GD-ĐT ngày 28 tháng 6 năm 1997 Văn bản số 41/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 10 năm 2002	Bộ giáo dục đào tạo	
101		H06.06.10.02	Quyết định Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học	Văn bản số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013	Thủ tướng chính phủ	
102		H06.06.10.03	Quyết định về việc miễn, giảm học phí năm học 2014 - 2015	Văn bản số 128/QĐ-HVBC TT ngày 14 tháng 01 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
103		H06.06.10.04	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2014 - 2015 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	Văn bản số 1606/QĐ-HVBC&TT ngày 26 tháng 5 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
104		H06.06.10.05	- Hướng dẫn Thực hiện	- Văn bản số	- Ban tổ chức	

			trợ cấp đối với học viên đi học tại các trường chính trị - Quyết định về việc cấp trợ cấp đi học theo hướng dẫn 38 cho học viên các lớp cao học và nghiên cứu sinh hàng năm	38HD/BTCT W ngày 30 tháng 3 năm 2005 - Năm 2014 - 2015	Trung ương - Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
105		H06.06.10.06	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2014 - 2015 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	Văn bản số 1606/QĐ-HVBC&TT ngày 26 tháng 5 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
106		H06.06.10.07	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2014 - 2015 cho sinh viên hệ đại học chính quy tập trung	Văn bản số 1606/QĐ-HVBC&TT ngày 26 tháng 5 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
107		H06.06.10.08	Quyết định về việc miễn giảm học phí năm học 2016-2017 đối với sinh viên hệ chính quy tập trung	Số 3395/QĐ-HVBCTT ngày 11 tháng 10 năm 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
108		H06.06.10.09	Thông báo về thời gian khám sức khỏe cho sinh viên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
109		H06.06.10.10	Thông báo về thời gian khám sức khỏe cho sinh viên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
110		H06.06.10.11	Quyết định về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ đại học chính quy	Văn bản số 3513/QĐ-HVBCTT ngày 10 tháng 12 năm 2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
111		H06.06.10.12	Bản vẽ quy hoạch, cải tạo sân bãi, nhà ở Ký túc xá	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
112		H06.06.10.13	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cải tạo sân thể thao sinh viên	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
113		H06.06.10.14	Quy định sinh viên nội		Học viện Báo	

			trú		chí và Tuyên truyền	
114		H06.06.10.15	Quyết định v/v thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai; phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2015	Văn bản số 1781/QĐ-HVBC&TT ngày 01 tháng 6 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
115		H06.06.10.16	Nội quy, quy chế hướng dẫn sử dụng thư viện	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
116		H06.06.10.17	Thông báo đăng ký thuê chỗ ở tại 02 khu nhà ở sinh viên Pháp Vân - Mỹ Đình (Đợt III)	Ngày 16 tháng 3 năm 2015	Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở	

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	7	7.1	H07.07.01.01	Quyết định v/v ban hành Chiến lược hoạt động khoa học 2006-2015	Văn bản số 215QĐ/HV BCTT ngày 31 tháng 3 năm 2006	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
2			H07.07.01.02	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
3			H07.07.01.03	Chiến lược khoa học và công nghệ 2016-2020	Năm 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
4			H07.07.01.04	Quyết định v/v ban hành Chiến lược hoạt động khoa học 2006-2015	Văn bản số 215QĐ/HV BCTT ngày 31 tháng 3 năm 2006	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
5			H07.07.01.05	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
6			H07.07.01.06	Chiến lược khoa học và công nghệ 2016-2020	Năm 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
7			H07.07.01.07	Quyết định v/v ban hành Chiến lược hoạt động khoa học 2006-2015	Văn bản số 215QĐ/HV BCTT ngày 31 tháng 3 năm 2006	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
8			H07.07.01.08	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
9			H07.07.01.09	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
10			H07.07.01.10	Chiến lược khoa học và công nghệ 2016-2020	Năm 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
11			H07.07.01.11	Chiến lược khoa học và công nghệ 2016-2020	Năm 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

12		H07.07.01.12	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
13		H07.07.01.13	Quyết định v/v ban hành Chiến lược hoạt động khoa học 2006-2015	Văn bản số 215/QĐ/HV BCTT ngày 31 tháng 3 năm 2006	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
14		H07.07.01.14	Quyết định v/v ban hành Chiến lược hoạt động khoa học 2006-2015	Văn bản số 215/QĐ/HV BCTT ngày 31 tháng 3 năm 2006	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
15		H07.07.01.15	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
16	7.2	H07.07.02.01	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
17		H07.07.02.02	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
18		H07.07.02.03	- Quy chế Quản lý hoạt động khoa học	- Quyết định V/v Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học	- Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
19		H07.07.02.04	- Quy chế Quản lý hoạt động khoa học	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
20		H07.07.02.05	- Quy chế Quản lý hoạt động khoa học	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
21	7.3	H07.07.03.01	Kế hoạch hoạt động khoa học	Ngày 15 tháng 01 năm 2014	Số 324/KH/H VBC-TT	
22		H07.07.03.02	Các Quyết định thành lập hội đồng thẩm định in sách năm 2016, biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý; công văn của Học viện gửi các nhà xuất bản đề nghị xuất bản giáo trình đã được thẩm định.	Năm 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

23		H07.07.03.03	Tờ trình; đơn xin thành lập hội đồng thẩm định chất lượng đề tài in sách của cá nhân các nhà khoa học trong Học viện.	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
24	7.4	H07.07.04.01	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
25		H07.07.04.02	Kế hoạch hoạt động khoa học 5 năm 2012-2016	Ngày 15 tháng 01 năm 2014	Số 324/KH/H VBC-TT	
26		H07.07.04.03	Kế hoạch nghiên cứu đề tài khoa học sinh viên hàng năm	2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
27	7.5	H07.07.05.01	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
28		H07.07.05.02	Kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2011 đến 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
29		H07.07.05.03	Quyết định v/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần 3	Văn bản số 977/QĐ-HVBC&TT ngày 02 tháng 4 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
30		H07.07.05.04	Kế hoạch khoa học năm 2014	Năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
31		H07.07.05.05	- Quy chế Quản lý hoạt động khoa học	Quyết định 881/QĐ-HCVBCTT ngày 25 tháng 9 năm 2011	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
32	7.6	H07.07.06.01	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	Quyết định 881/QĐ-HCVBCTT ngày 25 tháng 9 năm 2011	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
33		H07.07.06.02	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	Quyết định 881/QĐ-	Học viện Báo chí và	

					HCVBCTT ngày 25 tháng 9 năm 2011	Tuyên truyền	
34			H07.07.06.03	Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học năm 2014, phương hướng hoạt động khoa học năm 2015	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
35		7.7	H07.07.07.01	Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Quyết định 881/QĐ- HCVBCTT ngày 25 tháng 9 năm 2011	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
36			H07.07.07.02	Quy chế quản lý công tác xuất bản của Học viện CTQGHCM		Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
37			H07.07.07.03	Quy chế quản lý hoạt động khoa học của Học viện CTQGHCM	Năm 2016	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
38			H07.07.07.04	Báo cáo Tổng kết hoạt động khoa học	Năm 2012 đến 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
39		7.8	H07.07.08.01	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	Quyết định 881/QĐ- HCVBCTT ngày 25 tháng 9 năm 2011	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
40			H07.07.08.02	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	Quyết định V/v Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
41			H07.07.08.03	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	Quyết định 881/QĐ- HCVBCTT ngày 25 tháng 9 năm 2011	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
42			H07.07.08.04	Thông báo kiểm tra tiến độ hoạt động khoa học hàng năm	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên	

						truyền	
43			H07.07.08.05	Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học năm 2014, phương hướng hoạt động khoa học năm 2015	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

STT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Minh chứng	Tên văn bản	Ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	8	8.1	H08.08.01.01	Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Số: 4068/QĐ-HVCTQG ngày 11/09/2014	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
2			H08.08.01.02	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số: 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/06/2014	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
3			H08.08.01.03	Báo cáo kết quả công tác hợp tác quốc tế tháng 09/2016	Năm 2016	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
4			H08.08.01.04	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo Hội thảo “Truyền thông chính sách: Kinh nghiệm Việt Nam và Hàn Quốc” Báo cáo kết quả công tác năm học 2015 - 2016 và đăng ký kế hoạch công tác năm 2016 - 2017 	<ul style="list-style-type: none"> Số: 3838/HVBC&TT-HTQT ngày 16/11/2016 Số: 1868/HVBC&TT-HTQT ngày 08/06/2016 	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
5			H08.08.01.05	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định cho phép Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Việt Nam) và ĐH Middlesex (Vương quốc Anh) thực hiện Chương trình liên kết đào tạo cấp bằng Cử nhân Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông Tờ trình về việc phê duyệt Đề tài nghiên cứu quốc tế “Năng lực truyền thông vì sự phát triển của xã hội” Tờ trình về việc phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đào tạo Báo chí - Truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền Biên bản ghi nhớ với Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc), và Viện Thông tin Văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào (CHDCND Lào) 	<ul style="list-style-type: none"> Số: 1558/QĐ-BGDĐT ngày 12/05/2016 Đang chờ phê duyệt Số: 168-CV/BTGTW ngày 22/03/2016 Biên bản ghi nhớ với Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc), và Viện Thông tin Văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào (CHDCND Lào) 	<ul style="list-style-type: none"> Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban Đối ngoại trung ương Ban Tuyên giáo trung ương Học viện và đối tác 	

6		H08.08.01.06	Đề án Chương trình Cử nhân quốc tế	Đề án liên kết đào tạo quốc tế	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
7		H08.08.01.07	Bảng theo dõi cán bộ đi công tác nước ngoài	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
8		H08.08.01.08	Danh sách cán bộ đi học ở nước ngoài	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
9		H08.08.01.09	Bảng theo dõi cán bộ đi công tác nước ngoài	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
10		H08.08.01.10	<ul style="list-style-type: none"> Tờ trình về việc phê duyệt Đề tài nghiên cứu quốc tế “Năng lực truyền thông vì sự phát triển của xã hội” Tờ trình về việc phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đào tạo Báo chí - Truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền 	<ul style="list-style-type: none"> Đang chờ phê duyệt Sô: 168-CV/BTGTW ngày 22/03/2016 	<ul style="list-style-type: none"> Ban Đối ngoại trung ương Ban Tuyên giáo trung ương 	
11	8.2	H08.08.02.01	Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Số: 4068/QĐ-HVCTQG ngày 11/09/2014	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
12		H08.08.02.02	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số: 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/06/2014	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
13		H08.08.02.03	Chiến lược phát triển của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
14		H08.08.02.04	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch và kinh phí đoàn ra, đoàn vào năm 2016	Số: 1569/QĐ-HVCTQG ngày 31/03/2016	Học viện Chính trị quốc gia	
15		H08.08.02.05	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định cho phép Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Việt Nam) và ĐH Middlesex (Vương 	<ul style="list-style-type: none"> Số: 1558/QĐ-BGDĐT ngày 12/05/2016 Đang chờ 	<ul style="list-style-type: none"> Bộ Giáo dục và Đào tạo 1. Ban Đối ngoại trung ương 	

			<p>quốc Anh) thực hiện Chương trình liên kết đào tạo cấp bằng Cử nhân Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông</p> <ul style="list-style-type: none"> Tờ trình về việc phê duyệt Đề tài nghiên cứu quốc tế “Năng lực truyền thông vì sự phát triển của xã hội” Tờ trình về việc phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đào tạo Báo chí - Truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền Biên bản ghi nhớ với Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc), và Viện Thông tin Văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào (CHDCND Lào) 	<p>phê duyệt</p> <ul style="list-style-type: none"> Số: 168-CV/BTGTW ngày 22/03/2016 Biên bản ghi nhớ với Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc), và Viện Thông tin Văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào (CHDCND Lào) 	<ul style="list-style-type: none"> Ban Tuyên giáo trung ương Học viện và đối tác 	
16		H08.08.02.06	<ul style="list-style-type: none"> Công văn xin đón chuyên gia và tổ chức tập huấn, thực tập Tờ trình về việc Học viện Báo chí và Tuyên truyền đón chuyên gia Đức và tổ chức tập huấn, học tập 	<ul style="list-style-type: none"> Số 451/HVBC&TT-HTQT ngày 25/02/2016 Ngày 01/03/2016 	<ul style="list-style-type: none"> Phòng Hợp tác quốc tế Vụ Hợp tác quốc tế 	
17		H08.08.02.07	Danh sách cán bộ đi học ở nước ngoài	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
18		H08.08.02.08	Bảng Tổng hợp đoàn ra - vào đã thực hiện năm 2016	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
19		H08.08.02.09	Danh mục các đối tác quốc tế ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Học viện	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
20		H08.08.02.10	Bảng Tổng hợp đoàn ra - vào đã thực hiện năm 2016	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên	

				truyền	
21		H08.08.02.11	Thông báo Nội dung họp Ban Giám đốc thường kỳ	Số 4392/TN-HVBC&TT ngày 20.12.2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
22		H08.08.02.12	Báo cáo kết quả công tác năm 2015-2016 và đăng ký kế hoạch công tác năm học 2016-2017	Số 1868/HVBC&T T-HTQT ngày 08.06.2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
23	8.3	H08.08.03.01	Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Số: 4068/QĐ-HVCTQG ngày 11/09/2014	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
24		H08.08.03.02	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số: 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/06/2014	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
25		H08.08.03.03	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý	Số: 3866/QĐ-HVCTQG ngày 28/08/2014	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
26		H08.08.03.04	Vị trí việc làm theo chức năng nhiệm vụ	Năm 2015 - 2016	Phòng Hợp tác quốc tế Học viện Báo chí và Tuyên truyền
27		H08.08.03.05	Thông báo về việc đăng ký kế hoạch và nhu cầu bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2017	Năm 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
28		H08.08.03.06	Báo cáo kết quả công tác năm học 2015 - 2016 và đăng ký kế hoạch công tác năm học 2016 - 2017	Số: 1868/HVBC&T T-HTQT ngày 08/06/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
29		H08.08.03.07	Dự thảo Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
30		H08.08.03.08	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch và kinh phí đoàn ra, đoàn vào năm 2016	Số: 1569/QĐ-HVCTQG ngày 31/03/2016	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
31		H08.08.03.09	• Công văn xin đón chuyên gia và tổ chức tập huấn, thực tập	• Số 451/HVBC&TT -HTQT ngày	• Phòng Hợp tác quốc tế • Vụ Hợp tác

				<ul style="list-style-type: none"> Tờ trình về việc Học viện Báo chí và Tuyên truyền đón chuyên gia Đức và tổ chức tập huấn, học tập 	25/02/2016 · Ngày 01/03/2016	quốc tế	
--	--	--	--	---	------------------------------------	---------	--

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	9	9.1	H09.09.01.01	Sơ đồ hệ thống phòng của Thư viện	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
2			H09.09.01.02	Sổ đăng ký cá biệt các kho sách - Kho Đọc - Kho Mượn - Kho GT, Kinh điển - DM đặt báo	Từ 06/1/2006 đến 21/4/2016 (11 quyển) Từ 02/6/2006 đến 09/3/2016 (23 quyển) Từ 10/6/2006 đến 28/12/2016 (23 quyển) Từ Q1- Q4/2015 + báo, T/c địa phương	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
3			H09.09.01.03	Sổ đăng ký tổng quát	Từ 08/3/2011 đến 30/12/2015 (4 quyển)	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			H09.09.01.04	Sổ nhận LA, LV, KL, ĐTKH	Từ 10/10/2010 đến 30/5/2016 (3 quyển)	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			H09.09.01.05	Nội quy, quy chế, HD sử dụng thư viện	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			H09.09.01.06	Bảng Hướng dẫn tại các phòng phục vụ	15/12/2012, 02/02/2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			H09.09.01.07	Báo cáo tháng, năm	Các tháng và tổng kết năm học (6/2016)	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			H09.09.01.08	Phần mềm thống kê trên Thư viện số	Từ tháng 8/2015 đến tháng 8/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

			H09.09.01.09	Kết quả khảo sát trong ĐTKH, LV	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			H09.09.01.10	Phần mềm quản lý thư viện ISIS	Năm 2006	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			H09.09.01.11	Bảng PL DDC23, mô tả TL theo chuẩn ISBD, AACR2.		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			H09.09.01.12	Sổ mượn chia theo chuyên ngành	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			H09.09.01.13	Trang chủ Thư viện số HVBC&TT	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			H09.09.01.14	Phần mềm QLTV	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
			H09.09.01.15	Kỹ yếu HTKH	Năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
4		9.2	H09.09.02.01	Lịch giảng dạy năm học. Sổ ghi chép việc lên lớp của các phòng học.	2012-2016	Học viện báo chí và Tuyên truyền	
5			H09.09.02.02	Các văn bản nội quy sử dụng phòng học.	Năm 2015-2016	Học viện báo chí và	

						Tuyên truyền	
			H09.09.02.03	Thống kê trang thiết bị dạy học của Học viện.	Năm 2015-2016	Học viện báo chí và Tuyên truyền	
6		9.3	H09.09.03.01	Lịch giảng dạy học kỳ các lớp các khóa	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
7	H09.09.03.02		Sổ ghi chép việc lên lớp của các phòng học.	Năm 2015 - 2016	Học viện báo chí và Tuyên truyền		
8	H09.09.03.03		Bảng vẽ sân khấu quy hoạch sân khấu di động và sân thể thao	6/2014	Công ty cp Kiến trúc và XD Phương Nam		
9		9.4	H09.09.04.01	Bảng thống kê Trang thiết bị trong các phòng ở Ký túc xá	Ngày 1 tháng 10 năm 2016	Phòng quản lý ký túc xá	
10			H09.09.04.02	Nội quy ký túc xá	Ngày 25 tháng 1 năm 2007	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
11			H09.09.04.03	Quy định về việc ra vào ký túc xá	Ngày 25 tháng 1 năm 2007	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
12			H09.09.04.04	Quy định về việc quản lý lưu học sinh nước ngoài ở KTX	Ngày 25 tháng 1 năm 2007	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
13			H09.09.04.05	Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng của KTX	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
23		9.5	H09.09.05.01	Bản vẽ quy hoạch, cải	Năm 2015 -	Học viện	

			tạo sân bãi, nhà ở Ký túc xá	2016	Báo chí và Tuyên truyền	
24		H09.09.05.02	Sổ ghi chép việc lên lớp của các phòng học và sổ quản lý các sân thể thao	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
25		H09.09.05.03	Bản vẽ sân thể thao gồm sân bóng đá và đường chạy năm 2014	Năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
26		H09.09.05.04	Báo cáo công tác công đoàn và phong trào thanh niên năm 2014-2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2015-2016	Ngày 10 tháng 5 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
27	9.6	H09.09.05.01	Bản vẽ quy hoạch, cải tạo sân bãi, nhà ở Ký túc xá	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
28		H09.09.05.02	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cải tạo sân thể thao sinh viên	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
29		H09.09.06.03	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cải tạo sân thể thao sinh viên	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
30		H09.09.06.04	Báo cáo công tác công đoàn và phong trào thanh niên năm 2014-2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2015-2016	Ngày 10 tháng 5 năm 2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
31	9.7	H09.09.07.01	Các ảnh về cảnh quan môi trường	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và	

						Tuyên truyền	
32		H09.09.07.02	Các ảnh về cảnh quan môi trường	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
33		H09.09.07.03	Các ảnh về cảnh quan môi trường	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
34		H09.09.07.04	Các ảnh về cảnh quan môi trường	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
35	9.8	H09.09.08.01	Lịch bố trí phòng học giảng dạy các lớp	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
36		H09.09.08.02	Quy định mượn, sử dụng, bảo quản các thiết bị dạy học tại các phòng học	30/10/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
37		H09.09.08.03	Sổ theo dõi tài sản cố định trung tâm thực hành htđt năm 2016	1/12/2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
38	9.9	H09.09.09.01	Quy chức về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, hoạt động của Tổ bảo vệ Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Ngày 4 tháng 4 năm 2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
39		H09.09.09.02	Kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho Tổ bảo vệ	Năm 2014-2015	Văn phòng Học viện Báo chí và Tuyên		

						truyền	
40		H09.09.09.03	Sơ đồ bố trí lực lượng phương tiện chữa cháy			Mật	
41		H09.09.09.04	Quyết định v/v kiện toàn lực lượng phòng cháy và chữa cháy	Số 308/QĐ-HVBC TT ngày 23 tháng 01 năm 2015		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
42		H09.09.09.05	Kế hoạch triển khai công tác phòng chống thiên tai, phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2015	Số 1783/HVBC&T T ngày 04 tháng 06 năm 2015		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
43		H09.09.09.06	Sổ tài sản cố định năm 2015	2015		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
44		H9.09.09.07	Giấy khen tổ bảo vệ Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Ngày 18 tháng 12 năm 2014			
45	9.10	H09.09.10.01	Bản vẽ quy hoạch tổng thể của Học viện và cho những năm tiếp theo phê duyệt năm 1997 và bổ sung 2014	Năm 2014		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
46		H09.09.10.02	Thống kê tổng diện tích lớp học và tỷ lệ bình quân diện tích trên tổng số người học theo từng chuyên ngành đào tạo	Năm 2015 - 2016		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
47		H09.09.10.03	Bản vẽ sân thể thao gồm sân bóng đá và đường chạy năm 2014	Năm 2014		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
48		H09.09.10.04	Bản vẽ sân khấu di động	6/2014		Học viện Báo chí và Tuyên truyền	

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	10	10.1	H10.10.01.01	Kế hoạch tài chính từng năm	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
2			H10.10.01.02	Báo cáo 3 công khai	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
3			H10.10.01.03	Báo cáo tại Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
4			H10.10.01.04	Thông báo dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ để lấy ý kiến, góp ý của cán bộ, giảng viên	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
5			H10.10.01.05	Biên bản các cuộc họp lãnh đạo quản lý về kế hoạch tài chính từng năm và quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
6			H10.10.01.06	Quyết định v/v ban hành chế độ hành chính sự nghiệp	Số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006	Bộ tài chính	
7			H10.10.01.07	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
8			H10.10.01.08	Kế hoạch tài chính từng năm	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
9		10.2	H10.10.02.01	Dự toán NS NN của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2012-2016	Học viện báo chí và Tuyên truyền	
10			H10.10.02.02	Chiến lược phát triển Học viện BC-TT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
11			H10.10.02.03	Đề án tự chủ tài chính của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		Học viện báo chí và Tuyên truyền	
12			H10.10.02.04	Báo cáo quyết toán	2012-2016	Học viện báo	

						chí và Tuyên truyền	
13		H10.10.02.05	Thông báo công khai dự toán thu-chi NSNN	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
14		H10.10.02.06	Chiến lược phát triển Học viện BC-TT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
15	10.3	H10.10.03.01	Chiến lược phát triển Học viện BC-TT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
16		H10.10.03.02	Quyết định giao dự toán thu, chi NSNN	2012-2016	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh		
17		H10.10.03.03	Quyết định giao dự toán thu, chi NSNN	2012-2016	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh		
18		H10.10.03.04	Báo cáo Hội nghị CBCNV	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
19		H10.10.03.05	Báo cáo Hội nghị CBCNV	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
20		H10.10.03.06	Báo cáo Hội nghị CBCNV	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
21		H10.10.03.07	Báo cáo Hội nghị CBCNV	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
22		H10.10.03.08	Báo cáo Hội nghị CBCNV	2012-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
23		H10.10.03.09	Báo cáo quyết toán	2012-2016	Học viện báo chí và Tuyên truyền		
24		H10.10.03.10	Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện Báo chí và Tuyên	2010	Học viện Báo chí và		

			truyền. Quy chế chi tiêu nội bộ bổ sung, sửa đổi của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.	2012, 2014	Tuyên truyền	
25		H10.10.03.11	Thống kê số lượng giảng viên cơ hữu	Năm 2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
26	10.4	H10.10.04.01	Các loại Quỹ trích lập từ ngân sách hàng năm	Năm 2014 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
27	10.5	H10.10.05.01	Báo cáo công tác tài chính	2015 - 2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
28		H10.10.05.02	Quyết định giao dự toán thu, chi NSNN	2012-2017	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	
29		H10.10.05.03	Báo cáo quyết toán	2012-2016	Học viện báo chí và Tuyên truyền	
30		H10.10.05.04	Báo cáo kiểm toán ngân sách, tiền, tài sản NN năm 2012 của HVBC&TT	06/12/2013	Kiểm toán Nhà nước	

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	11	11.1	H11.11.01.01	Chiến lược phát triển Học viện BC-TT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
2			H11.11.01.03	Báo cáo Tổng kết năm học 2012-2013 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2013-2014	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
3			H11.11.01.c	Báo cáo tổng kết năm học 2015-2016 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2016-2017	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
4			H11.11.01.d	Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức năm 2015	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
5		11.2	H11.11.02.01	Kế hoạch tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
6			H11.11.02.02	Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức	2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
7			H11.11.02.03	Quy chế thi đua khen thưởng HVBC TT	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
8			H11.11.02.04	Kế hoạch Triển khai Phong trào “Thi đua dạy tốt, phục vụ tốt”	2015	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
9			H11.11.01.05	Báo cáo tổng kết năm học 2013-2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2014-2015	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
10			H11.11.01.06	Kế hoạch rà soát chức năng, nhiệm vụ các đơn vị	2015-2016	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
11			H11.11.02.07.	Chiến lược phát triển Học viện BC-TT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
12			H11.11.02.08.	Báo cáo tổng kết năm học 2012-2013 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2013-2014	2013	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
13		11.3	H11.11.03.01	Biên bản họp giao ban hàng tháng	2015	Học viện Báo chí và	

						Tuyên truyền	
14			H11.11.03.02	Báo cáo tổng kết năm học 2011-2012 và phương hướng, nhiệm vụ 2012-2013	2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
15			H11.11.03.03	Báo cáo tổng kết năm học 2011-2012 và phương hướng, nhiệm vụ 2012-2013	2012	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
16			H11.11.03.04	Báo cáo tổng kết năm học 2013-2014 và phương hướng, nhiệm vụ 2014-2015	2014	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	